NĂM THỨ MƯỜI • # 110 • JUNE 1998

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

KỶ NIỆM BUỒN THÁNG TƯ

HUY LỰC BÙI TIÊN KHÔI

TIẾNG ĐÁ **NAM DAO**

GIA ĐÌNH VIỆT NAM DI CƯ **B.S. TRẦN MINH TÙNG**

GRAND DRAGON SEAFOOD BUFFET

AMERICAN - FRENCH - CHINESE - VIETNAMESE

- Trên 50 món ăn và trên 20 món tráng miệng thay đổi mỗi ngày
- Có Tôm Hùm hoặc Tôm Càng mỗi tối
  Do đầu bếp Trung Hoa đã đoạt được 7 Huy Chương vàng trên toàn nước Mỹ phụ trách
- Khung cảnh ấm cúng, tiếp viên lịch sự, parking rộng rãi
- Grand Dragon là nơi lý tưởng để tổ chức những buổi tiệc cưới, sinh nhật, họp bạn, v.v...

ĐẶC BIỆT:

LẨU HẢI SẢN
HẢI SẢN TƯƠI XÀO TẠI CHỖ

BEER & WINE

ALL YOU CAN EAT!!!

6838 & 6840 & 6842 Edinger Ave.
Huntington Beach, CA 92647
(Góc Edinger và Golden West, trong khu Home Depot)

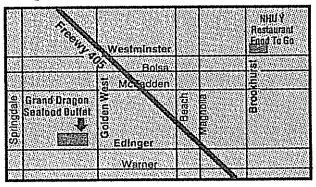

Tel: (714) 842-7262

LUNCH: 11:00AM-3:30PM
DINNER: 5:00PM-9:30PM
Mở cửa 7 ngày trong tuần

Chủ nhân Như Ý kính mời

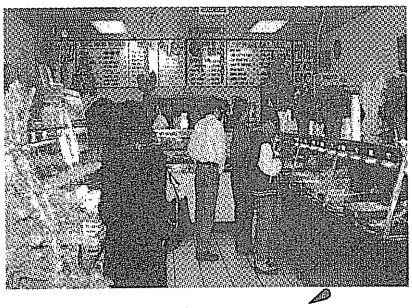

Như Ý

(Góc Brookhurst & Westminster, trong khu chợ Kinh Đô)

Open 7 Days a Week
Mở cửa 7 ngày trong tuần
Cơm phần Chay & Mặn

Nếu có quý vị muốn mở **TO GO, Restaurant** hoặc **Buffet** chủ nhân Như Ý sẽ tận tâm dịch thân hướng dẫn từ A tới Z và chắc chắn sẽ thành công, xin L/L
(714) 636-4883
(714) 636-4885
(714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188

Như Ý FOOD TO GO

13898 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4883

Thứ Hai-Thứ Sáu: 5:00 AM-9:30PM
Thứ Bảy-Chủ Nhật: 6:00AM-9:30PM

- *Trên 40 món mặn và 15 món chay thay đổi mỗi ngày.* • *Bánh mì thịt đủ loại*
- *Các loại chè: Mua 2 tặng 1*
- *Các loại bánh trái, Xôi, Chè*
- *Các món nhậu: Bê Thui, Tiết Canh, Lòng Heo...*
- *Nhận đặt tiệc cho các buổi họp mặt: Chả Giò, Cơm Chiên, Mì Xào, Gỏi Sen Thập Cẩm...*

Như Ý RESTAURANT

BEER & WINE

13892 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-4885

Thứ Hai-Thứ Năm: 10:AM-12:AM, Thứ Sáu: 10:AM-3:AM
Thứ Bảy: 8:30AM-3:AM, Chủ Nhật: 8:30AM-1:AM

- *Trên 200 món ăn Việt, Tây, Tàu*
- *Đặc biệt: Bánh Khọt Vũng Tàu ngon độc đáo*
- *Các món nhậu trứ danh: Cá sấu chiên bơ. Nai nướng vĩ, bò tái chanh, tiết canh, lươn bầm xúc bánh tráng, ốc len xào dừa, ếch chiên bơ, lẩu súng Vũng Tàu, cua tôm rang muối...*
- *Đặc biệt: lẩu lươn sống, lẩu dê, lẩu Hải sản*
- *Nhận đặt tiệc cho sinh nhật, họp mặt...*

NHÀ HÀNG CHUYÊN VỀ ĐÁM CƯỚI

DRAGON KING SEAFOOD RESTAURANT

CHINESE AND VIETNAMESE CUISINE

DO ĐẦU BẾP TRUNG HOA, ĐÃ ĐOẠT NHIỀU HUY CHƯƠNG VÀNG TRÊN TOÀN QUỐC ĐẢM TRÁCH

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÀ HÀNG

- 600 chỗ ngồi
- Sân khấu đẹp
- Sàn khiêu vũ rộng
- Phòng thay đồ cô dâu
- Parking rộng thênh thang
- Tiếp viên lịch sự chu đáo

NHÀ HÀNG SANG TRỌNG, LỘNG LẪY
MỞ CỬA 7 NGÀY
CÓ CHỖ NGAY
Xin gọi để biết chi tiết

Tel: (714) 842-7262
Pager: (714) 355-5188
1830 W. 17th ST.
SANTA ANA, CA 92706

Phát Hành Trong Tháng 5, 1998

Video Ca Vũ Nhạc Đặc Biệt Diễn Tả Một Khía Cạnh Quan Trọng Của Đời Sống Hằng Ngày: **Tiền Bạc**

TIỀN BẠC LÀ PHƯƠNG TIỆN HAY CỨU CÁNH CỦA CUỘC ĐỜI???

PARIS BY NIGHT 44

Chủ đề: TIỀN

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Chúng ta có thể **CHÁN** đàn bà, **CHÁN** đàn ông, nhưng không ai có thể **CHÁN "TIỀN BẠC"**, do đó xem **VIDEO PARIS BY NIGHT 44** sẽ không bao giờ **CHÁN.**

với sự góp mặt đặc biệt:

Ái Vân, Như Quỳnh, Lưu Bích, Hoàng Lan, Thùy Dương, Lynda Trang Đài, Phương Vy, Bảo Ngọc, Trúc Lam, Trúc Linh, Mỹ Huyền, Thiên Kim, Don Hồ, Thế Sơn, Kiều Hưng, Tuấn Ngọc, Elvis Phương, Nguyễn Hưng, Mạnh Đình, Tommy Ngô, Hoài Nam, Ban nhạc M.F.L và vũ đoàn Paris By Night

Giá **$28** 1 Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683
Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673

ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30

ÚC: 323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia.
Tel: (02) 796-7227

MỚI PHÁT HÀNH: Băng đọc truyện đặc sắc nhất của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, giọng đọc Hồng Đào cùng tác giả:

- **Món quà cuối năm (Audio Book 40) - Ngày trở lại (Audio Book 41)**
- **Thời vận (Audio Book 42) - Bên hành lang tòa án (Audio Book 43)**

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....
Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....
Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.
Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... ĐT. / *Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

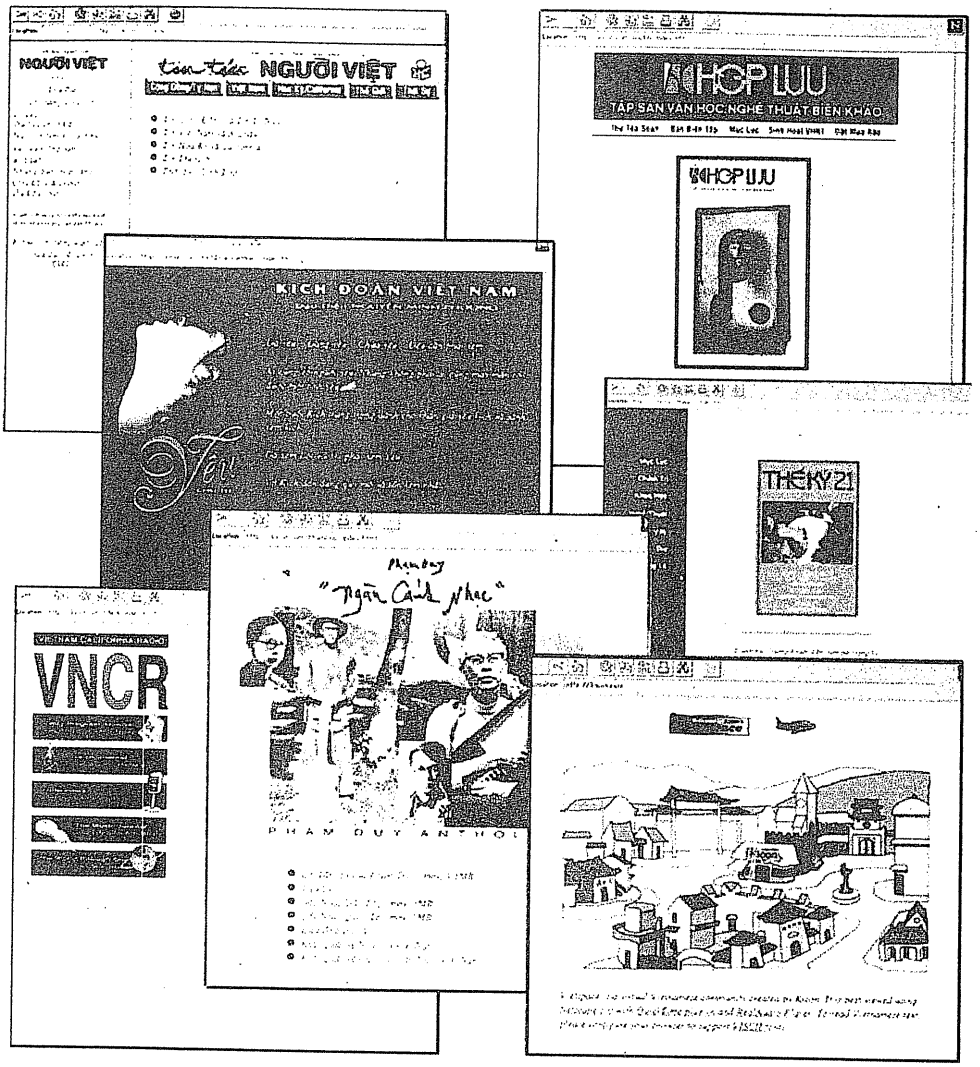

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

* *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
* *Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
* *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*

*** NHA KHOA THẨM MỸ**

*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association
11022 Acacia Parkway, Garden Grove, CA 92840
Tel: (714) 537-8352 * Fax: (714) 638-1944

LỚP VẼ THIẾU NHI KHÓA HÈ 1998

do nữ họa sĩ SUZIE VƯƠNG hướng dẫn

Khai giảng: Ngày thứ Bảy, 18 tháng 7 năm 1998, lúc 9 giờ 30 sáng.
Bế giảng: Ngày 03 tháng 10 năm 1998
Khóa học: Kéo dài 12 tuần lễ vào mỗi sáng Thứ Bẩy, từ 10 giờ đến 12 giờ trưa.
Cấp 1: Dành cho các em mới học vẽ.
Cấp 2: Các em đã theo học lớp hè 1997.
Địa điểm: Tại Phòng Sinh Hoạt của Hội VAALA, địa chỉ như trên đây.
Hạn tuổi: Từ 7 đến 15 tuổi, không phân biệt nam nữ.
Sĩ số thu nhận: Từ 10 đến tối đa là 25 em.
Học phí: 150 Mỹ kim, cộng thêm 10 Mỹ kim tiền mua giấy, bút, màu. Đóng tiền ngay lúc nhập học và không hoàn trả nếu bỏ học vì bất cứ lý do gì. Tiền mặt hay chi phiếu, trả cho VAALA.
Mọi chi tiết xin liên lạc với ông **Vũ Duy Tự, điện thoại (714) 537-8352.**

TRẦN ĐẠI LỘC — ẢNH

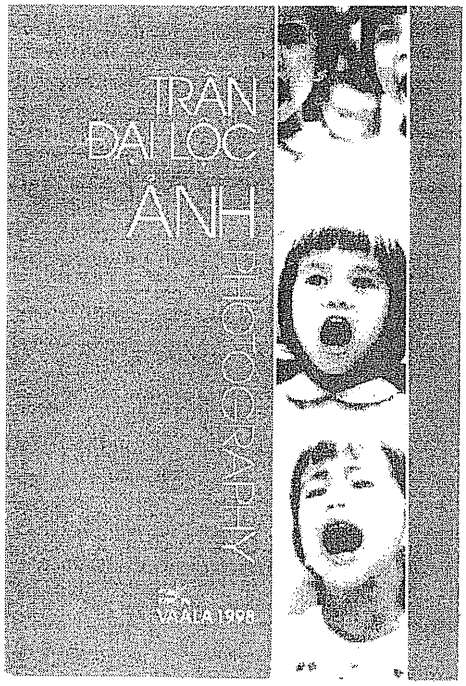

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) in và phát hành.

Trần Đại Lộc vốn là Phó Chủ Tịch của Hội VAALA. Anh mất ngày 30 tháng Chín 1997, thọ 56 tuổi.

Ngoài tài chụp ảnh ---- sau khi tốt nghiệp nhiều khóa nhiếp ảnh nghệ thuật ở Hội Việt Mỹ Saigon ---- anh còn soạn ca khúc, và cầm hoa nghệ thuật. Nhưng anh được biết đến nhiều, và được yêu mến, qua các hoạt động phục vụ xã hội và tuổi trẻ.

Hội VAALA sưu tập một số ảnh nghệ thuật, trong đó có nhiều bức đã đoạt giải ở trong nước trước 1975, cùng một số tài liệu nói về cuộc đời của Trần Đại Lộc, để giới thiệu một tài năng văn học nghệ thuật Việt Nam với bốn phương.

Mời quý độc giả và thân hữu mua với giá 25 mỹ kim một cuốn. Sách khổ 9 x 12 ins, giấy mịn, bìa màu, dày 96 trang.

Xin quý thân hữu điền vào phiếu kèm theo thư này, gửi về cùng ngân phiếu hoặc lệnh phiếu trả cho VAALA, phần memo ghi "Trần Đại Lộc."

PHIẾU ĐẶT MUA ALBUM "TRẦN ĐẠI LỘC - ẢNH"

Yêu cầu gửi cho tôi ..... cuốn với giá US$25.00 một cuốn.

Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:.....

Tôi biết rằng số tiền trên là tiền sách, kể cả công đóng gói và cước phí hạng tư trong nước Mỹ, và tàu thủy ngoài nước Mỹ. Nếu tôi muốn sách được gửi bằng hạng nhất thì tôi sẽ phải thêm US$3.00 trong nước Mỹ, hoặc US$10.00 ngoài nước Mỹ, cho 1 cuốn.

Họ tên: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

- Ở Pháp: 150FF -- gửi về Đinh Xuân Trần Bích Nga, 13 Place de Frenaie, 94470 Boissy St Léger.
- Ở Úc: A$33.00 -- gửi về Bình Anson, 1 Parwich Rise, Carine WA 6020.
- Ở Đức: 39DM -- gửi về Nguyen Phi Hung, Stadtspakasse Dortmund, Bankleitzahl 440 501 99, Konto-Nr. 622016893.
- Ở Canada: C$35.00 -- gửi về Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8.
- Ở Mỹ và các nơi khác: US$25 gửi về Hội, VAALA, 11022 Acacia Pky #A, Garden Gorve CA 92840.

Mừng Sinh Nhật

VNCR

Tròn ba năm góp tiếng nói với
cộng đồng người Việt tại Nam California
VNCR rất mong gặp quý vị tại
Khiêu vũ trường Majestic
trên đường Beach, Huntington Beach, CA

Liên lạc: **PHAN MỸ SƯƠNG**

11022 ACACIA PARKWAY # A, GARDEN GROVE, CA 92840
(714) 534-9430; 535-9431; 534-9432. FAX (714) 534-9433

Tranh bìa: **Thái Tuấn**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Hiếu Đệ**
Ảnh: **Anh Thành,** tài liệu báo chí.

MỤC LỤC

Số 110 . Tháng Sáu 1998

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ - XÃ HỘI

13 Sau một năm, nhìn lại cơn khủng hoảng kinh tế tài chánh tại Á châu - **Quang Võ**
21 Tết Congo - **Nguyễn Thiện**
23 Daimler mua Chrysler - **Ngô Nhân Dụng**
26. Chuyện nước Indonesia - **Cam Văn**
29 Một điểm nóng sốt: gia đình Việt Nam di cư - **BS Trần Minh Tùng**

TƯỞNG NIỆM NGUYÊN SA

34 Kỷ niệm buồn tháng Tư... - **Huy Lực Bùi Tiên Khôi**
38 Tháng Tư, áo lụa - **Nguyễn Tiêu Dao**

TƯ TƯỞNG - NGÔN NGỮ

43 Bi kịch của một tâm hồn vĩ đại *(tiếp theo và hết)* - **Inna Malkhanova**
69 Moam Chomsky: bá chủ lý thuyết về ngữ pháp... - **Đàm Trung Pháp**
72 "Chia sẻ" và "chia xẻ" có đồng nghĩa không? - **Phụng Nghi**

VĂN HỌC - TÀI LIỆU

66 Mộng hái sen - **Nhuệ Hồng**
74 Hồ Chí Minh hoạt động tại Viễn Đông *(tiếp theo)* - **Tưởng Vĩnh Kính; Thượng Huyền** dịch

TIẾNG VỌNG

49 Về tập san Bulletin de la société des études indochinoises - **Trần Anh Tuấn**
59 Tính bản ác và đôi chuyện bên lề Thế Kỷ 21 - **Nguyễn Kết**
93 Nhân tính cho sự chết? - **Tiểu Huyền**

VĂN

79 Tiếng đá - **Nam Dao**
88 Đi thăm bạn, trời mưa - **Hồ Như**
95 Cổng trời Cấn Tỷ - **Kiều Duy Vĩnh**
102 Mồ hôi pha cát - **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
109 Về tắm ao xưa - **Bùi Dương Chi**

THƠ

40. Chiếc bóng - **Nguyên Sa. 47.** Người dưng - **Huỳnh Mạnh Tiên. 64.** Tiễn đưa - **Vô danh. 73.** Huế 1997; Phương xích lô - **Cao Xuân Tứ. 83.** Đêm trong tù - **Nguyễn Chí Thiện. 91.** Sống và Chết - **Dung Nham. 99.** Gọi bò về - **Hồ Thanh Ngạn. 107..** Lối hẹn - **Nguyễn Văn Thọ**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư trong tháng: Trở ngại của tiến bộ - **Vương Hữu Bột**
9 Bạn đọc viết
12 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
12 Hộp thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
53 Sổ tay
112 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành**
115 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

TRỞ NGẠI CỦA TIẾN BỘ

VƯƠNG HỮU BỘT

Trong một cuốn sách mới xuất bản, nhan đề *"Sự thịnh vượng và Nghèo khó của các Quốc gia,"(*)* giáo sư David Landes đã gợi ra câu hỏi "Tại sao vào các thế kỷ 17, 18 Trung Hoa bị tụt hậu so với các nước Tây phương?" Là giáo sư môn Kinh tế học và Sử học tại Harvard, ông Landes nhắc lại rằng tại Trung Hoa người ta đã phát minh ra nghề in, la bàn, thuốc súng, đồng hồ, kỹ thuật làm đồ gốm, khung cửi, máy quay tơ sợi v.v... sớm hơn các nước phương tây. Những phát kiến đó chứng tỏ họ là một dân tộc đầy óc sáng tạo; và đức tính cần kiệm, chịu khó, khả năng kinh doanh của họ ai cũng phải công nhận.

Từ thế kỷ 16 nghề in chữ rời đã thay đổi nếp suy nghĩ và cơ cấu xã hội ở Tây phương, khi la bàn cùng thuốc súng giúp họ chinh phục các lục địa khác, thì tại sao con rồng Trung Hoa vẫn nằm ngủ? Tất nhiên có nhiều lý do, nhưng David Landes nêu lên một điểm đáng chú ý, là *"Không thể có tiến bộ khi sự tiến bộ đi ngược lại với quyền lợi của lớp người đang thống trị."*

Đối với giai cấp cầm quyền ở Trung Hoa thì tình trạng xã hội đứng yên, gọi là "ổn định, bình trị," quan trọng hơn việc gia tăng sản năng kinh tế của người dân. Vua quan Trung Hoa biết rằng nếu dân chúng làm ăn khá giả hơn thì đó là một đe dọa trên ảnh hưởng của những người cầm quyền. Nhất là khi ngoại thương phát triển, người dân sẽ nhìn xa trông rộng hơn, lớp doanh nhân mới giầu có sẽ cạnh tranh ảnh hưởng với vua quan từ trên xuống dưới.

Ngược lại với Trung Hoa, ở các nước Âu châu giai cấp thương nhân đã thành đạt, mậu dịch quốc tế phát triển, các ngân hàng ra đời vì nhu cầu của việc buôn bán, thị trường mới khuyến khích chuyện tìm tòi, phát minh khoa học và kỹ thuật. Các yếu tố đó gia tăng sản năng và hiệu quả kinh tế, tạo nên sự phồn thịnh mà dần dần mọi người đều được hưởng. Một giai cấp mới ra đời, thách đố trật tự cũ của vua chúa phong kiến và giáo hội, họ đòi chia sẻ quyền hành, đưa tới cuộc cách mạng dân chủ. Nhờ những thay đổi đó mà Âu châu, và Mỹ châu, đã vượt xa Trung Hoa và các nước Á đông, cho đến bây giờ.

Một yếu tố quan trọng đưa Âu châu bước vào cuộc cách mạng công nghiệp, theo một người học lịch sử và kinh tế, là Tự do, và Cạnh tranh. So sánh nhà nước độc tài ở Trung Hoa với chế độ phong kiến ở Âu châu thời Trung cổ, rồi chế độ quân chủ chuyên chế sau thời Phục Hưng, chúng ta thấy người dân ở Âu châu tương đối vẫn có nhiều tự do hơn ở Trung Hoa. Chút Tự do tương đối đó có được, là nhờ sự ganh đua không ngừng giữa các lãnh chúa phong kiến, giữa ông vua và giới quý tộc, giữa các chính quyền và giáo hội. Trong cùng thời gian đó, Trung Hoa nằm dưới quyền của người ngoại tộc. Triều đình Mãn Thanh tập trung quyền lực vào một guồng máy đặt ra để kiểm soát và đánh thuế dân bản xứ, cốt sao cho xã hội "ổn định." Suốt ba thế kỷ, Tiến bộ Kinh tế và Chính trị ở Trung Hoa đi ngược lại với quyền lợi của giới cầm quyền.

"Tiến bộ là đi ngược lại quyền lợi giai cấp nắm quyền," tình trạng đó đang diễn ra tại Việt Nam. Có gần hai triệu đảng viên và các người cộng tác với họ, chia nhau các chức vụ và bổng lộc từ trên xuống dưới. Nếu kinh tế tư doanh phát đạt thì hệ thống phân phối ảnh hưởng và lợi lộc đó bị thiệt hại. Nếu nhiều công ty tư đi vào thị trường thì một hãng độc quyền là "Công ty Đảng" sẽ không cạnh tranh nổi. Nhiều ý kiến mới được nói, được nghe thì "Giáo hội Đảng" sẽ mất thiêng. Vì vậy họ gọi quá trình đó là "Diễn biến hòa bình," phải ngăn ngừa và tiêu diệt! Ở Indonesia đang xẩy ra một diễn biến không hòa bình chút nào, đây là một cơ hội để suy nghĩ.

* *The Wealth and Poverty of Nations,* của David Landes, Little & Brown mới xuất bản.

"Nguyên nhân thứ nhất"

Tôi chưa đọc sách của ông Trần Xuân Thuận, nhưng qua những ý kiến ông trình bày (Thế Kỷ 21 số 109, bài "Chúng ta hiện hữu để đem lại cho vũ trụ một ý nghĩa"), tôi có cảm tình vì ông quan niệm có một nguyên lý sáng tạo vượt khỏi lý trí của con người, và loại bỏ thuyết "tình cờ" vô nghĩa lý mà rất nhiều khoa học gia bám víu để che dấu sự thiếu hiểu biết của họ. Tôi thấy ông Thuận có can đảm trí thức hơn là những khoa học gia cho rằng vũ trụ và thế giới này đều hình thành một cách ngẫu nhiên. Tôi nghĩ quan điểm về "nguyên nhân thứ nhất" của ông gần với sự miêu tả của Lão Tử về "Đạo" trong Đạo Đức Kinh.

... Đã ba thập niên trôi qua kể từ khi Watson và Crick tìm ra cơ cấu xoắn ốc của DNA - trong thời gian đó computer science tiến bộ rất nhanh, có thể tạo máy điện toán đặc biệt đối chiếu hàng tỷ combinations một cách dễ dàng. Thế mà sự hiểu biết của con người, về genes vẫn còn rất giới hạn. Mặc dù có sự trợ giúp của các computers hiện đại, các biochemists như phải đối diện với một bức tường đá không tài nào vượt qua được - đó chính là cái nguyên lý sáng tạo, hoặc là "nguyên nhân thứ nhất" như ông Thuận quan niệm, và điều đó vẫn còn hoàn toàn vượt khỏi khả năng hiểu biết của con người.

Phạm Ngọc Khôi *(Montreal, Canada)*

Xác định năm sinh của Nguyễn Du

Đọc giai thoại "Mấy mối tình đầu của Nguyễn Du" do Bảo Vân thuật lại trên Thế Kỷ 21 số 108, thấy có dẫn rằng: Nguyễn Du sinh năm 1763 và mất năm 1820, hưởng thọ 56 tuổi. Như vậy tôi nghĩ không thể chính xác, bởi vì đã sinh năm 1763 thì Nguyễn Du phải mất lúc ông 57 tuổi (1820 - 1763 = 57). Nếu Nguyễn Du sinh năm 1765 như từ trước đến nay sách văn học sử đều ghi thì ông mất ở tuổi 55 (1820), Minh Mạng nguyên niên (1820 - 1765 = 55). Cứ vào tài liệu của đa số sách văn học cổ cũng như kim thì cụ Nguyễn Du sinh năm 1765 và mất vào năm 1820 có lẽ chính xác hơn.

Đây chỉ là sai lệch một con số, nhưng thiết nghĩ nên cùng nhau nói rõ để tránh tình trạng "tam sao thất bổn."

Nguyễn Văn Cường *(Olsvik, Na Uy)*

Phản ứng trước các phản ứng

Houston, 4.5.1998

Re: Yêu cầu cải chính về những lời vu cáo và mạ lỵ của ông Tôn Thất Thiện trên tờ Thế Kỷ 21, số 109, 5/1998, tr.9.

Gần đây, tờ *Thế Kỷ 21* số 109, tháng 5/1998, trang 9 & 11, có đăng thêm ý kiến của hai ông Tôn Thất Thiện (Canada) và Nguyễn Văn Hay (Australia) về bài viết của Tiến sĩ/Giáo sư Trần Chung Ngọc trên *Thế Kỷ 21*, số 108, tháng 4/1998. Tôi cũng không hề biết Tiến sĩ Ngọc đã trích dẫn cuốn *Paris Xuân 96* của tôi, dưới bút hiệu Nguyên Vũ, để bài bác lập luận của ông Tôn Thất Thiện.

Các tài liệu Mỹ, đặc biệt là báo cáo của Sở Trung Ương Tình Báo (CIA) Sài Gòn năm 1960, theo đó ông Thiện từng được xếp hạng là thuộc nhóm *"Young Turks"* của Đảng Cần Lao, *"có những liên hệ với các cơ quan mật vụ của chính phủ VNCH, và có thể sử dụng các cơ quan này để tăng cường uy thế."*

Việc tài liệu CIA Mỹ, được in lại trong tập *Foreign Relation of the United States, 1958-1960 [Liên hệ ngoại giao của Liên bang Mỹ, 1958-1960]*, tập I, trang 726 (sẽ viết tắt *FRUS*) là điều *bất cứ* người học sử chuyên nghiệp nào cũng biết. Đây là tập tài liệu sơ đẳng của những người nghiên cứu, trước khi tham khảo thêm các tài liệu văn khố khác. Khi viết cuốn *Paris Xuân 96*, tôi không muốn trích dẫn nguồn tài liệu, vì tự nhủ ông Tôn Thất Thiện hay bất cứ người viết sử nào của Việt Nam cũng từng tham khảo hồ sơ của Bộ Ngoại Giao Mỹ này.

Tôi đính kèm một phóng ảnh. Muốn biết thêm, xin đón đọc bộ *Việt Nam Niên Biểu, tập II: Các Tổ Chức Tôn Giáo & Chính Trị* của tôi, dưới bút danh Chính Đạo. Hoặc, đọc cuốn *Mậu Thân 68: Thắng Hay Bại?* mới tái bản năm 1998.

Tài liệu của sở CIA ngày 9/12/1960 cũng nói các ông Thiện, Khôi, Dinh v.v... có liên hệ

với các cơ quan bí mật (mật vụ) của chính phủ VNCH và có thể sử dụng chúng để tăng cường thế lực. Lời cải chính duy nhất *có thể có* là ông Tôn Thất Thiện nên kết tội cơ quan CIA Mỹ tại Sài Gòn đã sai lầm, đừng nên vu cáo người công bố hay trích dẫn tài liệu là đã "chụp mũ" ông. Hôm nay, sở dĩ phải lên tiếng vì ông Tôn Thất Thiện đã đụng chạm trực tiếp đến danh dự cá nhân tôi, một người học sử và viết sử, cũng như gây thiệt hại cho việc kinh doanh của nhà xuất bản Văn Hóa.

Trân trọng

Nguyên Vũ Vũ Ngự Chiêu

Trong Thế Kỷ 21 *số 109, tháng Năm 1998, có trích đăng các lá thư của các ông Tôn Thất Thiện và ông Nguyễn Văn Hay, phản ứng về một bài của ông Trần Chung Ngọc trên TK 21 số 108 nói giáo sư Tôn Thất Thiện và hai người khác là cán bộ của đảng Cần Lao.*

Nay chúng tôi lại nhận được lá thư của ông Nguyên Vũ Vũ Ngự Chiêu phản ứng đối với đoạn thư của ông Tôn Thất Thiện. Lá thư này rất dài nên chúng tôi chỉ đăng các đoạn trong đó ông Nguyên Vũ, Tiến sĩ Sử học, xác nhận nguồn tài liệu làm căn bản khiến cho ông, trong cuốn Paris Xuân 1996, đã viết rằng ông Tôn Thất Thiện và hai người khác là đảng viên đảng Cần Lao.

Để quý vị không đọc các số báo cũ khỏi hiểu lầm, chúng tôi xin xác nhận là trong hai đoạn thư đăng trong TK 21 số 109, cả hai ông Tôn Thất Thiện và Nguyễn Văn Hay không đặt câu hỏi về cuốn sách của ông Nguyên Vũ, mà chỉ đặt câu hỏi với ông Trần Chung Ngọc. Riêng ông Tôn Thất Thiện không hề nhắc đến tác phẩm Paris Xuân 1996 và tác giả. Theo lời văn hai lá thư trên thì các ông Tôn Thất Thiện và Nguyễn Văn Hay chưa đọc cuốn sách trên, cho nên cả hai chỉ nêu thắc mắc với ông Trần Chung Ngọc mà thôi. Điều thắc mắc đó là khi ông Trần Chung Ngọc đã đọc và trích dẫn một đoạn trong cuốn sách trên, ông sơ suất không cho biết thêm "tài liệu Mỹ" được nhắc đến trong sách đó là tài liệu nào. Nay điều này được giải đáp, sau lá thư của ông Nguyên Vũ. Ông Nguyên Vũ cho biết "khi viết cuốn Paris Xuân 1996 *tôi không muốn trích dẫn nguồn tài liệu, vì tự nhủ ông Tôn Thất Thiện hay bất cứ người viết sử nào của Việt Nam cũng từng tham khảo hồ sơ của bộ Ngoại Giao Mỹ này." Lời xác định trên cho thấy không phải ông Trần Chung Ngọc đã quên không nêu rõ nguồn tài liệu. Vả lại, cuốn* Paris Xuân 1996 *là một cuốn "Tâm Bút" chứ không phải biên khảo, nên việc không liệt kê nguồn gốc tài liệu là việc có thể hiểu được.*

Chúng tôi cảm ơn Tiến sĩ Vũ Ngự Chiêu đã cung cấp bản chụp để độc giả biết rõ hơn về một nguồn tài liệu đã được ông sử dụng.

Can Lao Factions

8. The Can Lao, although probably exaggerated as a well-organized and coordinated force, nonetheless includes many of the revolutionary and vital political elements of the country. Even were the Can Lao to be proscribed, it would be reasonable to expect many of these figures to continue to be prominent on the political scene, although not as contenders for the top position. It may be loosely divided into the following factions:

a. *"Young Turks:"* This group is an informal collection of younger figures, such as Dang Duc Khoi, Tran Van Dinh or Ton That Thien. To date the mentor of the group has been Ngo Dinh Nhu but there are some indications that the group is assuming a status of its own, perhaps under Nhu's over-all aegis but with certain ideas of independence picked up from their cosmopolitan experiences. This group also has some access to the secret services of the GVN and could be expected to try to manipulate these to strengthen their position in any crisis.

b. *Labor:* The Can Lao labor faction is led by Tran Quoc Buu, who has close associations with Minister of Agriculture Le Van Dong. Buu controls the most significant independent political force

Thôn quê Việt Nam

Tại Việt Nam, những ai về thăm vùng quê thì một số nơi có thể cho người ta cảm tưởng thôn quê bây giờ đời sống đã khá hơn trước nhiều, thậm chí nhìn bề mặt cuộc sống có thể nói là thịnh vượng. Nhiều nơi có điện, dĩ nhiên dùng đèn điện, diện mạo xóm làng bỗng chốc không còn "tù đọng tối tăm," rồi điện đem theo nó máy hát, máy truyền hình, quạt... nâng đời sống lên một bước thấy rõ. Các quán cà phê nhạc đã thay thế quán nước dưới cây đa đầu làng từ lâu, và có cái này lạ, nhiều làng lại có cả tiệm uốn tóc, làm móng tay nữa! Tôi có một người bạn từ Mỹ về làng thuê bắt điện thoại tận nhà cho bà mẹ, để khi trở về Mỹ cứ mỗi tuần anh được nói chuyện với bà mẹ quê của anh một lần!

Nhưng cứ nhìn bề ngoài ấy mà gọi là hiểu thôn quê Việt Nam thì lầm lớn. Sự lan tràn những tiện nghi của thời đại ngày nay về thôn quê là chuyện tự nhiên, giống như khi ta dội xô nước vào một chỗ thì nước phải chảy lan ra một số nơi chung quanh. Làng nào cũng có một số "chức sắc" có quyền, có tiền, một số người buôn bán tương đối có đồng ra đồng

vào, một số được viện trợ từ bên ngoài đời sống dễ thở, họ có thể đi ngồi quán cà phê, đi uốn tóc hay dùng điện thoại, còn đại đa số vẫn chìm đắm trong cái nghèo không có ngõ thoát. Ngoài chuyện khai thác ruộng đất để sống, hầu như không có một chương trình nào lợi ích cho dân sinh. Mà ruộng đất là của nhà nước, dân mỗi ngày mỗi đông chia phần chẳng được bao nhiêu, thuế má nặng, làm trối chết chưa đủ ăn, không thể nào đầu tư việc học hành cho con cái được. Con nông dân dù học giỏi đến mấy cũng phải bỏ học sớm lo cày cuốc, đây là một thiệt hại đau lòng cho tài nguyên của đất nước.

Vì biết rõ tình trạng như thế sau nhiều lần về Việt Nam, tôi không ngạc nhiên khi đọc bài "Những chị Quyến ở nông thôn Việt Nam" ở mục Sổ Tay, TK 21 số 109 vừa rồi. Rất nhiều trường hợp còn bi đát hơn nữa kia, có thể khiến người ta phẫn chí tìm cái chết, vì đã nghèo mà còn bị áp bức mọi mặt, không thoát chỗ nào được ngoài con đường vào thế giới bên kia. Tôi may mắn có được một số tài liệu từ trong nước, xin gửi biếu quý báo tấm hình của chị Quyến mà mục Sổ Tay của quý báo đã đề cập trong số báo trước.

Nguyễn Văn Kỳ *(Santa Ana, CA)*

Xin cám ơn ông Nguyễn Văn Kỳ đã gửi biếu tấm hình của chị Nguyễn Thị Quyến, đang ngồi trong căn lều xơ xác của chị ở xã Quế Minh, Quảng Nam, mà chúng tôi xin đăng lại dưới đây:

Cộng sản đọc truyện chưởng

Năm 1975 sau khi chiếm miền Nam, Cộng sản đã ra lệnh đốt sách rộng lớn. Bao nhiêu tác phẩm quý giá, kết quả tim óc của bao thế hệ đã bị hỏa thiêu. Thế nhưng sách miền Nam trong chỗ riêng tư, kín đáo đã là niềm say mê cho không biết bao nhiêu người từ miền Bắc vào, họ đọc ngốn ngấu những tác phẩm mang màu sắc thật của cuộc sống và con người, những thứ bị cấm ngặt ở miền Bắc suốt mấy mươi năm. Một nữ giáo viên dạy văn ở Hà Nội con một bác sĩ danh tiếng, sau khi vào Nam được đọc hết tác phẩm của Khái Hưng đã khóc mà nói với một đồng nghiệp miền Nam rằng: "Văn nghiệp của Khái Hưng như thế mà tôi, lớn lên ở miền Bắc, học sư phạm ngành Văn, chưa hề được đọc đầy đủ một tác phẩm nào. Toàn những đoạn trích với hậu ý miệt thị, bóp méo."

Trong những sách bị đốt năm 1975 dĩ nhiên có truyện chưởng — và dĩ nhiên có truyện chưởng Kim Dung — mà cộng sản kết án là những thứ "xấu xa, độc hại." Thế mà nay tôi lại vừa đọc báo thấy Hà Nội cho phép nhà xuất bản Văn Học được quyền dịch, in và xuất bản truyện chưởng Kim Dung! Cũng con mắt, cái mũi gọi là *xã hội chủ nghĩa* ấy, những cái trước kia là xấu thì nay trở nên đẹp, trước kia thối nay trở nên thơm. Họ đã thay đổi quan niệm về nghệ thuật rồi chăng?

Theo tôi thật ra giới lãnh đạo Hà Nội *không có* quan điểm riêng của họ về văn chương nghệ thuật thế giới, trước đây họ nhất nhất theo Liên Xô, ông anh khen cái nào, chê cái nào thì họ cũng làm y chang như thế. Tôi dám cá với tất cả mọi người một cuốn như "Thần Khúc" của Dantes nếu Marx không ngợi khen, Liên Xô không theo đó mà dịch thuật, phổ biến thì bố bảo Hà Nội cũng không dám ra lệnh cho dịch sang Việt ngữ một tác phẩm "sặc mùi duy tâm" như thế. Văn nghệ Hà Nội là văn nghệ sao chép với một tinh thần cung cúc theo đàn anh chứ không tự dành cho mình một chút quyền chủ động theo ý của mình.

Bây giờ cho dịch sách Kim Dung chẳng qua cũng là theo đuôi Trung Cộng mà thôi. Trung Cộng đã công nhận Kim Dung, sinh viên Bắc Kinh say sưa đọc và nghiên cứu Kim Dung, thì Hà Nội lại làm theo, chứ chính cái mũi của họ thì chắc chẳng dám nhận ra rằng thối hay thơm. Nhưng chắc chắn có một cái thơm, đó là lợi nhuận sẽ do việc xuất bản sách Kim Dung mang lại. Lâu nay trong nước đọc Kim Dung vẫn là đọc chui đấy! Bây giờ bán truyện chưởng công khai, tha hồ hốt bạc.

Phan Thế Nhiên *(San Francisco, CA)*

Sửa lại cho đúng

Sau khi bài "Con Gái Bình Định" được đăng trên Thế Kỷ 21 số 109, chúng tôi nhận được thư của tác giả yêu cầu đính chính và bổ túc một vài điểm như sau:

- Trang 104, cột một, hàng thứ sáu từ dưới lên: *Ông Nguyễn Bá Huân (1848-1899),* xin sửa lại là *Nhà văn Nguyễn Bá Huân (1853-1915).*

- Trang và cột như trên, hàng thứ ba từ dưới lên, từ chữ *các tác phẩm như...* đến hết trang, xin đọc lại như sau: *các tác phẩm như: Tây Sơn tiềm long lục (anh em Tây Sơn lúc chưa dấy nghĩa), Tây Sơn cân quắc anh hùng truyện (Bùi thị Xuân và các nữ tướng), Tây Sơn văn thần liệt truyện, Bình Định hào kiệt truyện (các chiến sĩ Cần Vương)...*

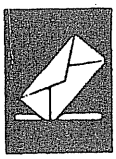

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Huy Phương, Huỳnh Mạnh Tiên, Trần Yên Hòa, Thanh Bình Nguyên, Nguyễn Kết, Đàm Trung Pháp, Phương Nguyện, Sương Mai, Lại Văn Sơn, Đỗ Thị Kênh G, Ngô Linh Phương, Cao Xuân Tứ, Nguyễn Ước, Nguyễn Hưng, Nguyễn Tấn Hưng, Trăng Bắc Phương, Nguyễn Hữu Thống, Huy Lực Bùi Tiên Khôi, Phạm Văn Lương, Thái Tú Hòa, Nguyễn Hoài Vân, Hồng Hà, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Hồng Khắc Kim Mai, Trần Huy Sao, Huỳnh Hùng, Inna Malkhanova.

Đỗ Thị Kênh G *(Burbank, CA)*: Hoàn toàn không có gì là "không vui" cả. Trái lại tình cảm vẫn nồng ấm như từ hồi nào đến giờ. Có lẽ có sự trục trặc trong việc điều hành, đâm ra gây "suy nghĩ nọ kia." Xin lỗi về các khuyết điểm vừa rồi. Sự quý mến vẫn là song phương, chứ không phải một chiều. Rất thân thiết.

Đào Đức Chương *(San Jose, CA)*: Nhận được thư và bài bổ chính của anh thì báo đã in rồi, đành phải "sửa lại cho đúng" sau vậy. Nghe anh L.M.Đ. nói nhiều về anh, mong duyên văn nghệ hãy còn dài dài. Trừ một vài trường hợp đặc biệt, TK 21 ít khi làm số báo đặc biệt về một nhân vật hay sự kiện gì. Chúc anh viết nhiều, có dịp đi Quận Cam xin mời ghé Tòa soạn chơi.

Nguyễn Lê Hồng Hưng *(Dronten, Hòa Lan)*: Đĩa của anh chuyển được, phần VNI dùng rất tốt. Xin anh cứ dùng chương trình như thế là mọi việc ổn, nhưng đừng quên gửi kèm bài đã in ra giấy, để đề phòng "những khi bất trắc." Biển cả có vẻ là một đề tài vô tận, vì những bí ẩn của nó có lẽ loài người không bao giờ biết hết được. Mà càng bí ẩn thì càng quyến rũ, càng làm tốn bút mực của con người, chúng tôi đoán anh là người có nhiều kinh nghiệm về điều đó. Thân.

Hộp thư trị sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Mai Phương Huỳnh (Santa Rosa CA), Nguyễn Cường (FRANCE), Võ Đỗ (Alexandria VA), Nguyễn Văn Khoa (Phoenix AZ), William Đỗ (Hayward CA), Đỗ Nguyên Thái (Tulsa OK), Trần Sĩ Tuấn (Northridge CA), Nguyễn Hữu Tuệ (San Mateo CA), Chiêu Phụng Cao (Mount Pleasant IA), Việt Anh Mai (Aloha OR), Hoàng Lam Giang (Seattle WA), Đặng Chiến Quốc (Honolulu HI), Phan Hồng Diệu (Chicago IL), Trần Thị Tuyết Lê (Santee CA), Đẹp Magazine (Houston TX), Lê Minh Châu (Rosemead CA), Vĩnh Hà (CANADA), Trịnh Hảo Tâm (Fontana CA), Vanessa Nguyễn (Rosemead CA), Trần Tấn Việt (San Jose CA), Quách Chiêu Thanh (AUSTRALIA), Đoàn Thị Liên (Seal Beach CA), Cầm Hoàng (Jacksonville FL), Divine Word Theologate (Chicago IL), Nguyễn Văn Hy (Chicago IL), Lý Phương Xuân (Orchard MI), Christian Piselli (SPAIN), Mai Thái (Tampa FL), Nguyễn Đình Khanh (Wichita KS), Linda Bui (Honolulu HI), Nguyễn Lập Đông (New Orleans, LA), Đinh Tiến Đạo (Plato TX).

Độc giả đổi địa chỉ:

Quách Chiêu Thanh (AUSTRALIA), Ngô Đình Cơ (Tustin CA), Lê Văn Lân (Mercerville, NJ). ●

SAU MỘT NĂM, NHÌN LẠI CƠN KHỦNG HOẢNG KINH TẾ TÀI CHÁNH TẠI Á CHÂU

QUANG VÕ

Trong năm 1997, các nước Đông Nam Á bị cơn khủng hoảng kinh tế/tiền tệ bắt nguồn tại Thái Lan vào tháng 5, rồi lan tràn ra ĐNA. Cơn khủng hoảng đã bớt. Tháilan và Nam Hàn đã lấy lại ổn định trừ trường hợp Indonesia còn tiếp tục thương thuyết với IMF. Các nước Á châu còn vẫn phải tranh đấu với các hậu quả của cơn khủng hoảng trong nhiều năm. Việt Nam năm ngoái rêu rao (quá sớm) là tránh được vạ nhưng năm 1998 kêu ca là cơn khủng hoảng đã ảnh hưởng nhiều đến VN.

Trong thời gian từ tháng 12, 1996 đến tháng 1, 1998, các thị trường chứng khoán của năm nước Á châu thiệt hại nhiều. Nếu tính ra bằng US$, Indonesia mất 73%, Thái Lan thiệt hại 76%, Manila 62%, Singapore 43% và Hong Kong 20%, mất trên US$ 370 tỷ. Cơn khủng hoảng cũng làm cho thị trường chứng khoán tại Seoul mất 73% giá trị của nó không kể là hối suất bị mất trên 60%.

Các nước Á châu có tiếng là nghiêm chỉnh, quản lý vĩ mô chặt chẽ và các con số thống kê [cán cân chi phó, ngân sách thặng dư, cán cân thương mại không quá thâm thủng] của các nước này không quá tệ nhưng sao vẫn bị khủng hoảng? Người ta đặt hai câu hỏi: Những lý do và nguyên nhân nào làm cho cơn khủng hoảng trầm trọng như vậy? Tại sao nó lan tràn qua các quốc gia láng giềng quá nhanh?

Từ khi có cơn khủng hoảng kinh tế tài chính tại Á châu thì các chuyên gia kinh tế gia và các tổ chức quốc tế cũng cố gắng tìm hiểu những nguyên nhân và những biện pháp để tránh nó. Họ đã gặp nhau tại Manila (Manila framework), các bộ trưởng tài chính ASEAN đã họp tại Kuala Lumpur, các chuyên gia đã gặp nhau tại Tokyo và Manila.

Trong quá trình tìm hiểu và đánh giá các cố gắng quốc tế để giải quyết các cơn khủng hoảng kinh tế và tài chính năm 1997, chúng tôi cố gắng tìm trả lời cho một số câu hỏi: Những nguyên nhân, lý do cuộc khủng hoảng? Tại sao nó lan tràn quá mau? các cố gắng để sửa sai của IMF và những bài học. Bài này sẽ rút một số bài học vĩ mô và vi mô cho cuộc khủng hoảng và sau cùng sẽ cho thấy ảnh hưởng đến VN. Nó cũng cho thấy kinh tế VN vẫn còn "cô lập," các đại diện VN vẫn vắng mặt vì không được mời hay vì cố tình đứng bên ngoài? Chúng tôi cũng mong, như một độc giả đã viết, là lời lẽ trong bài không quá "bác học - chuyên môn" để đa số độc giả có thể theo dõi một biến cố có ảnh hưởng trên kinh tế thế giới và rất nhiều đến VN.

1. Những nguyên nhân cơn khủng hoảng tài chính 1997

1.1 Bối cảnh khủng hoảng

Trong những năm qua Thái Lan được coi là một "con hổ kinh tế" đang vươn lên. Trong mấy năm gần đây cán cân thương mại (hàng xuất khẩu may mặc, điện tử, hải sản, hàng nông nghiệp, phụ tùng xe, v.v...) giảm mạnh vì bị các nước có nhân công rẻ như Trung Quốc (đã phá giá tiền nhân dân tệ từ 1994), VN và Myanmar cạnh tranh ráo riết. Ngân sách xiêu chi trên 7% GDP trong nhiều năm.

Theo các khuyến cáo của IMF và các định

chế tài chính quốc tế, Thái đã mở cửa thị trường chứng khoán, tiền tệ và khu vực ngân hàng một cách mau chóng. Họ đã mở thị trường vay ngắn hạn ngân hàng còn gọi là [Bangkok International Banking Facilities - BIBF] từ 1993 / và năm 1995, thị trường này đã nhận hơn US$ 12.5 tỷ va cho vay ngắn hạn trên US$ 6 tỷ. Chính sách của ngân hàng trung ương là giữ hối suất theo đồng dollar ở mức 25 bath/1 US$. Vì lý do đó, Ngân hàng TU Thái phải giữ lãi suất ở mức cao để hớp dẫn tiết kiệm và giữ hối suất ở mức nhất định. Nhưng vì lãi suất nội địa cao cho nên các ngân hàng và công ty tài chính Thái (mới được thả lỏng) đi vay ngoại quốc với lãi suất rẻ rồi cho các hãng Thái vay với lãi suất nội địa cao lấy lời. Họ làm một lỗi lầm là không ngăn rủi ro cho số nợ này (hedging) vì tin là hối suất sẽ tiếp tục đứng ở mức cố định hay thay đổi chút đỉnh. Lỗi làm ăn thiếu thận trọng này là hậu quả của hiện tượng "moral hazard." Số nợ vay ngắn hạn được dùng để tài trợ các cao ốc và các dự án xây dựng hạ tầng như xa lộ, v.v... Các món nợ ngoại quốc được ước lượng là US$ 96 tỷ trong đó nợ khu vực công là US$ 18 tỷ [nợ ngắn hạn US$ 5 tỷ; trả chậm US$ 7 tỷ; thị trường chứng khoán khu vực tư US$ 11 tỷ; nợ hợp doanh US$ 48 tỷ, v.v.] Nói tóm các món nợ của Thái là nợ của khu vực tư và chủ yếu là nợ ngắn hạn.

Khi có nguy cơ, ngân hàng trung ương Thái đã dùng dự trữ trên US$ 20 tỷ để bảo vệ đồng bath. Tại thị trường chứng khoán các nhà đầu tư (Mutual Funds - công ty đầu tư), phải rút tiền ra khỏi chứng khoán Thái gây thêm sức ép trên trên hối suất. Vì dùng nợ ngắn hạn để tài trợ dài hạn, các công ty tài chính thiếu tiền mặt để trả nợ khi nợ tới hạn. Một số công ty nội địa phải mua ngoại tệ để phòng (hedge) khi trả nợ. Việc này gây thêm sức ép cho hối suất Thái. Các ngân hàng ngoại quốc không gia hạn nợ hay tiếp tục cho vay (roll over) cho nên các ngân hàng và công ty tài chính Thái lại càng gặp khó khăn. Khi gặp khó khăn hối suất, thị trường chứng khoán bị ảnh hưởng trực tiếp. Các chứng khoán bị mất giá trị cho nên các nhà đầu tư càng bán ra, đổi lấy ngoại tệ gây thêm sức ép cho hối suất Thái. Ngân hàng T.Ư. Thái không kiểm soát được tình trạng tiền tệ và tài chính cho nên Thái Lan phải cầu cứu IMF.

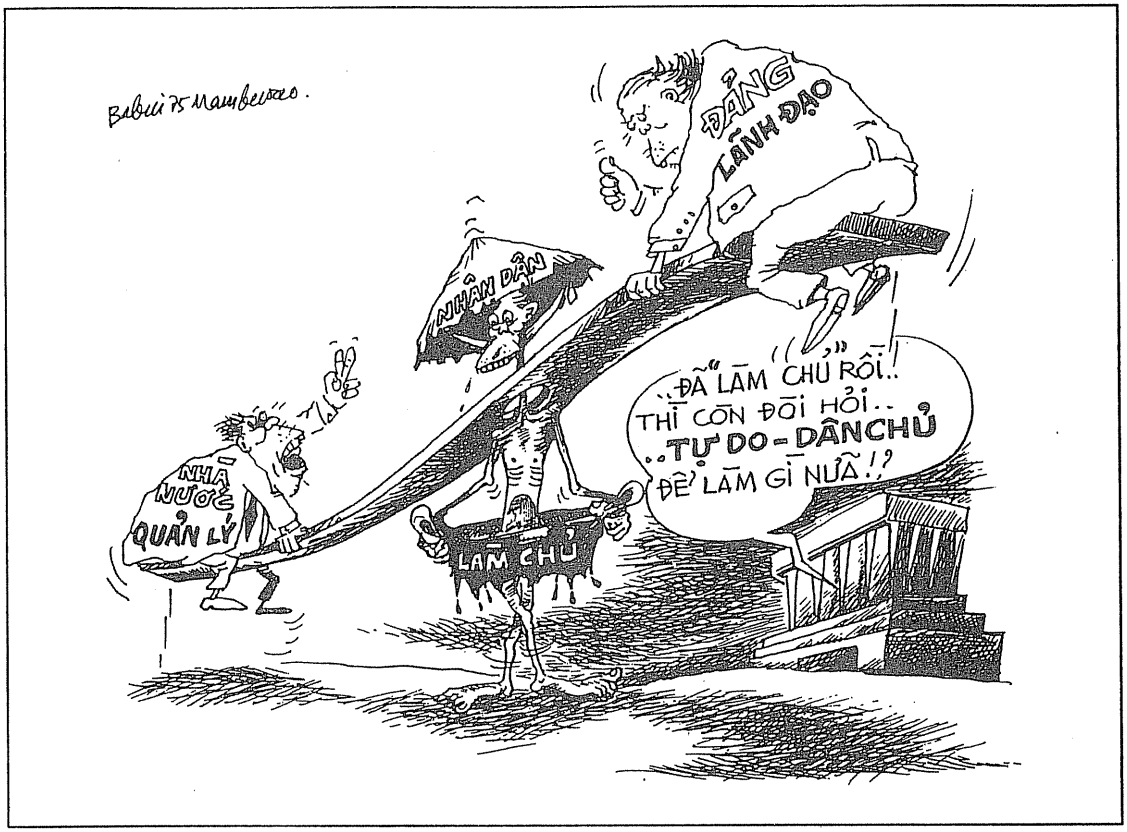

Khủng hoảng sau đó đã lan tràn sang Mã

Lai và thị trường chứng khoán mất giá và tiền Ringgit mất trên 30%. Các nhà đầu tư cũng nghĩ là Mã Lai và các nước ASEAN cũng có kinh tế tương tự như Thái Lan cho nên cơn khủng hoảng lan tràn rất mau từ tiền tệ qua thị trường chứng khoán. Philippines cũng bị hăm dọa lây và NHTƯ cũng phá giá đồng Peso (từ 25 P lên 35 P/1 US$). Indonesia phải cầu cứu IMF [nhiều đợt] vì hệ thống ngân hàng kém "trong suốt," thiếu kiểm soát, thiếu tiền mặt. Indonesia vay US$ 43 tỷ, đóng cửa 16 ngân hàng và uống liều thuốc IMF.

Nam Hàn cũng bị lây. Các "Chaebol" vay nhiều để khuyếch trương, chiếm thị trường quốc tế nhưng làm ăn thiếu hiệu năng, số tiền thu không đủ để trả nợ. Trong nhiều thập niên qua, chính sách tiền tệ và lãi suất của chính phủ đã ưu đãi các Chaebol. Việc này đã ảnh hưởng đến hệ thống ngân hàng vì thiếu tiền mặt và có khả năng "phá sản." Nam Hàn cũng phải vay US$ 57 tỷ và chấp nhận điều kiện của IMF.

Cơn khủng hoảng đã lan tràn mau lẹ là vì nay thế giới ở kỷ nguyên điện tử. Các giao dịch trên thị trường chứng khoán Bangkok đều được các thị trường khá như tại Hong Kong, Kuala Lumpur, Singapore biết ngay. Những tin tức kinh tế cũng đi rất mau và vì vậy cuộc khủng hoảng đã bị các người đầu cơ sử dụng và gây thiệt hại đến cho cả thị trường New York, Hong Kong và Âu châu trong một thời gian ngắn. Như vậy trong thời kỳ điện tử, các tin tức di chuyển rất mau chóng và có thể gây thiệt hại cho nhiều nước, nếu hệ thống tài chánh của họ không vững.

1.2 Liều thuốc và những câu hỏi về cách chẩn bệnh của thầy thuốc IMF

Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) liền đến chữa bệnh. IMF là cơ quan quốc tế có nhiệm vụ chính là giúp các nước mất thăng bằng cán cân chi phó trong ngắn hạn lấy lại cân bằng trong khu vực tiền tệ và tài chính. Ngân hàng thế giới (World Bank) là cơ quan quốc tế lo về phát triển và thay đổi cơ cấu vì việc này đòi hỏi thời gian lâu dài hơn.

Để được vay US$ 23 tỷ, IMF đòi hỏi Thái Lan phải 1) đóng cửa một số công ty tài chính làm ăn lỗ lãi; 2) tăng lãi suất; 3) tăng thuế và 4) giảm chi ngân sách. Liều thuốc cho Indonesia và Nam Hàn cũng tương tự. Trong các năm trước, IMF cũng chữa cho Châu Mỹ latinh và đã phần nào giúp các nước này vượt qua khủng hoảng. Họ tưởng là cơn khủng hoảng Á châu cũng giống châu Mỹ latinh và dùng cùng một thứ thuốc để chữa Mỹ latinh, Phi châu và nay Á châu. Châu Mỹ La tinh thâm thủng ngân sách, cán cân chi phó thâm thủng và nợ ngoại quốc của chính phủ quá cao.

Ở đây, IMF đánh giá cơn bệnh không chính xác và dĩ nhiên liều thuốc có phần quá đáng. (2) Trước hết bệnh tình khác với châu Mỹ latinh về hai lý do chính sau đây: 1) Khủng hoảng ở Á châu là bệnh của khu vực tư chứ không phải của khu vực công - Họ vay tiền bên ngoài mà không ngăn ngừa rủi ro về hối suất (hedging); 2) Kinh tế cơ bản của các nước này không có gì cho thấy là họ sẽ không có khả năng trả nợ. Vì cơn sốt tiền tệ cho nên các công ty tạm thời không trả nợ nổi. Các thống kê về vĩ mô (basic fundamentals) tương đối tốt: ngân sách không thiếu hụt mà còn dư, cán cân thương mại tương đối tốt và số nợ của chính phủ rất thấp, nhiều khi còn dư (khu vực công Thái Lan có thặng dư).

Đòi hỏi số một đóng các công ty tài chính là đúng. Khi khu vực tư làm ăn lỗ thì phải bị phá sản theo luật thương mại. Khu vực tư làm ăn thì phải chịu rủi ro và khi lỗ thì phải phá sản, mất vốn và mất của.

Đòi hỏi thứ hai là tăng lãi suất có phần không đúng vì nó chỉ gây thêm khó khăn cho các công ty. Các công ty sẽ khó vay vốn đầu tư hay vốn luân chuyển gây thêm khó khăn trong kinh tế và nhiều công ty có thể bị phá sản, sa thải thêm công nhân làm tăng nạn thất nghiệp trong kinh tế, gây thêm tình trạng khủng hoảng kinh tế cho nước chấp nhận liều thuốc IMF.

Đòi hỏi thứ ba và tư: tăng thuế và giảm chi ngân sách là có phần không đúng vì nó sẽ ảnh hưởng giảm đầu tư và tiêu thụ. Đây là trường hợp các nhà đầu tư "hốt hoảng" và tạm thời không đủ tiền trả nợ trong giai đoạn ngắn. Tăng thuế tiêu thụ sẽ làm cho dân chúng tiêu ít làm cho kinh tế co lại dẫn đến tình trạng giảm phát (ngược lại với lạm phát). Giảm ngân sách sẽ ảnh hưởng đến chi tiêu của chính phủ, đến đầu tư trong khu vực công và thiệt hại các thành phần nghèo vì ngân sách y tế, xã hội và giáo dục sẽ bị giảm.

Điều quan trọng hơn nữa là IMF cho chính phủ vay. Việc này có nghĩa là các món nợ khu vực tư từ đây trở thành nợ công và toàn dân sẽ phải gánh nợ thay cho một số công ty tài chính tư như trường hợp si-căn-đan Savings and

Loans tại Hoa kỳ trước đây. Trong vụ này, chính phủ đã phải lấy thuế bù đắp lại cho việc làm ăn lỗ lã của một hệ thống ngân hàng tiết kiệm. Đây cũng là cớ mà đảng Cộng Hoà từ chối không muốn phê duyệt phần đóng góp của Mỹ cho IMF vì họ nói là không muốn lấy thuế của dân Mỹ đóng góp cho một số nhà tư bản Á đông làm ăn lỗ lã.

Một điều khá quan trọng mà GS Felstein (3), cựu cố vấn kinh tế của TT Reagan và hiện là GS tại Harvard, kiêm chủ tịch Viện nghiên cứu kinh tế NBER, ghi nhận là IMF làm không đúng nhiệm vụ và đã qua mặt ngành lập pháp của các nước nhận nợ. Quả vậy, một số thay đổi cơ cấu (mặc dầu trúng hay không) đều phải do ngành lập pháp của các nước này quyết định. IMF đã vượt qua nhiệm vụ của mình (điều chỉnh tiền tệ và cán cân chi phó trong ngắn hạn) trong những khi đòi các quốc gia Á châu thay đổi cơ cấu (công tác dài hạn này là của World Bank).

1.3 Một số vấn đề còn lại

Trước hết phải nói trong cuộc khủng hoảng này thì các nhân hàng Á châu đi vay cũng như các nhân hng Nhật, Âu, Mỹ cho vay đều có phần trách nhiệm. Nước đi vay bất cẩn nhưng những ngân hàng cho họ vay có trách nhiệm vì thiếu phân tích, đánh giá sai người đi vay. Liều thuốc IMF có phần thiên vị về khả năng trả nợ của các nước thiếu nợ, giúp cho các ngân hàng Nhật, Âu châu và Mỹ cho Á châu vay rất nhiều..

Ngoài ra khi các quốc gia Á châu gặp khó khăn thì họ làm gì? Cố gắng xuất khẩu để tìm ngoại tệ nhờ giá hàng của họ nay rẻ hơn trước (vì hối suất thấp). Vậy Thái Lan, Indonesia, Nam Hàn, v.v. cố gắng xuất khẩu để có ngoại tệ hầu trả nợ. Họ có liên hệ thương mại quan trọng với Nhật (kinh tế thứ hai trên thế giới và 40% đầu tư của Nhật là ở Á châu). Kinh tế Nhật trì trệ, không chạy thì các trao đổi thương mại chậm lại, vì Nhật không nhập khẩu nhiều. Theo báo cáo của NHTƯ Nhật trong tháng 4 vừa qua (4) thì dân chúng bi quan cho nên tiêu thụ giảm (-4.5% so với cùng thời gian năm trước), số xe bán giảm 15% và tỷ lệ thất nghiệp lên 3.9%, một tỷ lệ cao nhất từ 1953. Theo bản tường trình của IMF tháng Tư vừa qua thì kinh tế Nhật có thể tụt xuống âm nếu không có các chương trình thúc đẩy kinh tế như giảm thuế lợi tức và các chương trình chi tiêu của khu vực công. Hơn nữa, Nhật còn để hối suất hạ xuống ở mức 130-135 Y/1US$ để tăng xuất khẩu qua Mỹ, cạnh tranh với các nước đang bị khủng hoảng. Như vậy là các quốc gia Á châu mất một "đầu tầu," một thị trường tiêu thụ lớn cho hàng hoá của họ để lấy ngoại tệ. Hoa Kỳ và Âu châu thì không thể nào tiêu thụ tất cả hàng hoá của các nước Á châu, nếu không có Nhật tiêu thụ bớt.

Đó là nguy cơ của các kinh tế Á châu như Thái Lan, Indonesia, Nam Hàn, v.v. do đó tăng trưởng của các kinh tế này sẽ chậm lại. Dân bị tăng thuế cho nên sẽ ít tiêu thụ và vì không xuất khẩu được cho nên kinh tế họ sẽ chậm lại, ngân sách giảm, thiếu ngoại tệ trả nợ, vv. có thể gây nạn giảm phát cho Á châu. Nếu Á châu "bị bệnh" thì sẽ ảnh hưởng đến các kinh tế khác như Hoa Kỳ, Nhật và Âu châu gây một phản ứng giây chuyền.

II) Các bài học cơn khủng hoảng kinh tế

Các nước ĐNA trong thời kỳ ởtăng trưởng mau chóngõ đã bỏ lỡ nhiều cơ hội thay đổi cơ cấu trong lãnh vực vi mô.

2.1. Thiếu sót trong việc theo dõi và kiểm soát khu vực tài chính

Khi mở khu vực tài chính (thị trường chứng khoán, tiền tệ và khu vực ngân hàng) Thái đã mở một cách mau chóng và bất cẩn. Trong mọi cơ cấu tài chính, NHTƯ phải có cách theo dõi, kiểm soát và tiên đoán các khó khăn vì quản lý là tiên đoán, lo liệu trước. Khi số vay của các công ty tài chính quá nặng về nhà đất thì NHTU phải có biện pháp giảm. Khi nợ ngắn hạn quá cao, nhất là nợ ngoại quốc (so với tỷ lệ vốn theo quy định Basle - BIS (Bank International Settlement Ngân Hàng thanh toán quốc tế tại Basle, Thụy Sĩ) thì NHTƯ Thái phải can thiệp để tránh cơn khủng hoảng. Việc này đã không được thực hiện.

Tại Nam Hàn thì luật kế toán không bắt các công ty lớn khai báo các vụ "bảo lãnh cho các chi nhánh" khi đi vay ngân hàng, do đó tổng số nợ không rõ ràng và các bản tường trình tài chính hàng năm (balance sheet) không nói lên được các quan hệ giữa các Tổng công ty (TCT) và các công ty phụ thuộc/chi nhánh, cho nên các ngân hàng cho vay không biết hết được các món nợ của TCT, tổng số nợ quá cao 3 đến 5 lần số vốn, vv. Nhiều ngân hàng còn do các TCT/Chaebol làm chủ gây ra một tình trạng "thiếu trong suốt tài chính." Tại Indonesia thì ngân hàng thiếu vốn (theo quy định Basle) và có dính đến gia đình TT Suharto.

Khi có cơn nguy, tại Thái Lan cũng như Nam Hàn, luật phá sản không cho phép NHTƯ quyết định mau chóng, không tổ chức ngay được các hội đồng giám sát phá sản, v.v., cản trợ việc giải quyết các vụ phá sản.

2.2 Mô hình lỗi thời

Các nước Á đông phát triển theo "mô hình" Nhật Bản nay bị đặt nhiều câu hỏi. Mô hình phát triển theo kiểu Nhật theo các chính sách kinh tế chính phủ đề xướng và chỉ huy, nhằm nâng đỡ các công ty xuất khẩu với nhiều đặc ân [giảm thuế, lãi suất nhẹ, v.v.] và thị trường nội địa được bao che, giảm tiêu thụ qua hàng rào thuế quan, vv. Mô hình này lỗi thời. Nó thiếu cạnh tranh cho nên các công ty thiếu năng động, thủ tục hành chính rườm rà và làm cho hiệu quả thấp. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, nó đã giúp Nhật huy động tiết kiệm dân chúng với giá rẻ, huy động các công ty Nhật xuất khẩu và tái thiết dưới sự bảo trợ của Hoa kỳ. Những ví dụ: Ví dụ 1: Xin một đường điện thoại người Nhật phải làm đơn cho công ty điện thoại NTT (độc quyền), đưa nhiều giấy tờ chứng minh địa chỉ, mất nhiều thời gian và phải đóng 70,000 Yen nghĩa là khoảng 650 US$ cho một đường giây (bên Hoa Kỳ có thể có một đường giây với giá bằng 1/20). Ví dụ 2: bên Nhật ít người có trương mục hoạt kỳ (checking account) và nếu muốn mở một trương mục phải bị nhiều phiền hà [giấy chứng minh chỗ ở, giấy chứng minh của cơ quan mình làm việc, lệ phí cao, vv] và đóng nhiều lệ phí khi dùng các dịch vụ tài chính (bên HK người ta có thể mở một trương mục trong 20 phút). Giá vé đi Kyoto từ một nơi cách 300 km của xe lửa hoả tốc (bullet train) là gần US$ 300. Với giá này thì có thể đi máy bay Tokyo - Seoul hay Los Angeles - Houston. Nói tóm lại vì mô hình kềnh càng này hiệu quả của kinh tế Nhật còn thấp. Từ sáu năm qua kinh tế Nhật gần như không tăng trưởng. Nay chính phủ Nhật phải thi hành chương trình "Big Bang," nhằm mở khu vực tài chính và các khu vực khác cho cạnh tranh, cho nhiều ngân hàng ngoại quốc vào và nhất là cho các Mututal Funds (MF) ngoại quốc vào để thay đổi cơ cấu và lối làm ăn của Nhật. Nay nhờ "Big Bang," người tiêu thụ Nhật có quyền chọn lựa giữa các ngân hàng Nhật với số lời trung bình 2%/năm so với 10-12%/năm của các MF Mỹ.]

Trong một thế giới thay đổi mau chóng, các biện pháp kinh tế phải theo đổi mau chóng cho hợp thời và do đó việc theo một mô hình kiểu Nhật có thể gặp nhiều rủi ro. Chính Nhật cũng phải ôlột xác,ọ đổi các chính sách kinh tế.

2.3 Những bài học

Các cơ quan quốc tế như World Bank, ADB (5), ADB Institute (6), các bộ trưởng tài chính và NHTƯ Á châu (7) đã phải gặp nhau liên tiếp để rút một số kinh nghiệm hầu tránh vấp lại khi có khủng hoảng mới. Họ gặp nhau tại Manila, Tokyo, Kuala Lumpur, Bangkok, vv. (vắng mặt VN) để tìm các nguyên nhân và cố tìm các giải pháp kinh tế, tài chính, khuôn khổ luật pháp - tổ chức để tránh các cơn khủng hoảng. Một số bài học có thể được rút tỉa ra:

- Khuôn khổ, thủ tục tài chính, kế toán và kiểm toán phải theo lối quốc tế, được sửa đổi trước khi thả lỏng (liberalization) khu vực tài chính. Vì muốn mở thị trường chứng khoán, tiền tệ và tài chính quá mau, Thái Lan và các nước ASEAN đã không thực hiện một số biện pháp tiền tệ, tài chính và ngân hàng để phòng ngừa [luật lệ phá sản chưa thay đổi, thiếu nhân sự kiểm soát và theo dõi các công ty tài chính, kế toán chưa được tiêu chuẩn quốc tế, vv.]. Hơn nữa việc kiểm soát các công ty tài chính/ ngân hàng do NHTƯ lỏng lẻo [tỷ lệ cho vay trong một lãnh vực, lấy nợ ngắn hạn cho vay dài hạn, v.v] gây nhiều sơ hở trong hệ thống ngân hàng;

- Chính sách công nghiệp theo kiểu Nhật / Nam Hàn nay phải cải tiến (chính Nhật nay cũng phải cải cách khu vực tài chính). Các chính sách chỉ huy của chính phủ - trợ cấp qua

* Khi một con chồn sa vào bẫy, nó hay nguyền rủa cái bẫy hơn là chính nó.

Blake

* Nhiều lúc chúng ta tưởng là chúng ta không ưa nịnh hót, sự thực chúng ta chỉ không ưa cái cách nịnh hót quá lộ liễu không đúng chỗ.

La Rochefoucauld

* Nếu đấng tạo hóa tạo ra chúng ta mà không cần hỏi ý kiến chúng ta, thì đấng tạo hóa đó cũng không thể nào cứu rỗi chúng ta mà không có sự đồng ý của chúng ta.

St. Augustine

lãi suất rẻ, dễ dãi cho cho các Tổng công ty/Chaebol không còn hiệu nghiệm trong một thế giới liên hệ chặt chẽ và thay đổi quá mau chóng. Mô hình phát triển kinh tế Nam Hàn qua các Tổng công ty/Chaebol (chép của Nhật) không còn hiệu nghiệm vì thiếu năng động, ít chú trọng đến hiệu năng, cứng đơ vì quen được bảo vệ, và trên hết vay quá nhiều để khuyếch trương chiếm các thị trường. Năm 1997, các ngân hàng thương mại Nam Hàn lỗ trên US$ 4.1 tỷ vì các món nợ của họ. Nam Hàn đã phải thương thuyết với các ngân hàng Âu châu, Nhật và Hoa kỳ chủ nợ để hoãn các món nợ ngắn hạn;

- Trong khung cảnh cơ chế thị trường, cơ cấu trong suốt chừng nào sẽ giúp đánh giá hiệu quả kinh tế/tài chính chừng đó. Các cơ chế phải mau chóng sửa sai vì "sức ép" của thị trường và sẽ tránh "phá sản." Vì sức ép thị trường các doanh nghiệp phải làm ăn có hiệu quả và do đó phải có tính toán và về lâu về dài, xã hội sẽ trả giá nhẹ nhất. Cơ cấu trong suốt chừng nào thì các doanh nghiệp phải cố gắng và hiệu năng sẽ cao chừng đó và gây tin tưởng trên quốc tế. Ví dụ chính phủ Nam Hàn do Kim Đại Trung cởi mở hơn, do đó việc tìm giải pháp được nhiều nước đồng tình (các ngân hàng chủ nợ chấp nhận gia hạn nợ ngay). Các nước có cơ chế mở như Singapore, Philippines, Thái Lan cũng trả giá nhẹ hơn. Ngược lại, Indonesia cũng có chế độ độc tài quân phiệt-gia đình trị cho nên khó chịu sửa sai và phải trả giá cao hơn;

- Liều thuốc IMF không chính xác và có phần làm cho kinh tế các nước bị trầm trọng hơn. Không thể lấy thuốc châu Mỹ La tinh để áp dụng cho Á châu. Bệnh tình khác vì một số lý do: 1) Bệnh Á châu là của khu vực tư chứ không phải của khu vực công; 2) Họ không vay để tiêu xài phí phạm; 3) Kinh tế của các nước Á châu tạm thời thiếu nợ chứ không suy tàn; 4) Các thống kê vĩ mô (basic fundamentals) tương đối tốt: ngân sách không thiếu hụt mà còn dư, cán cân thương mại không đến nỗi trầm trọng và nợ khu vực công rất thấp và nhiều khi còn dư. Các đòi hỏi tăng lãi suất, tăng thuế và giảm chi ngân sách là có nhiều phần không đúng vì nó sẽ ảnh hưởng đến việc hồi phục của các kinh tế;

- Đây là một trường hợp khi các nhà đầu tư (thị trường chứng khoán và tiền tệ) "hốt hoảng." Làm sao giảm cơn hốt hoảng? Làm sao không cho lan tràn mau chóng qua các

nước khác? Làm sao giảm bớt ảnh hưởng của ôđầu cợ mà vẫn duy trì sự linh động vốn đầu tư quốc tế trong thời đại điện toán? Đây là một việc khó vì trong kỷ nguyên internet, tin tức di chuyển rất mau chóng. Nhờ cơn khủng hoảng này, nhiều nước sẽ cố tìm ra những biện pháp để giảm ảnh hưởng xấu của việc di chuyển vốn đầu tư qua các dịch vụ tài chính điện tử.

2.4. Việt Nam thì sao?

Trong năm 1998, bối cảnh kinh tế VN có vẻ bi quan hơn. Ít có báo ca ngợi công ơn của đảng trong việc "đổi mới." Đầu tư trong năm 1997 (foreign direct investment hay FDI) đã giảm và tiếp tục giảm trong năm 1998. Một cuộc họp khuyến khích doanh nhân ngoại quốc đầu tư vào TP/Hồ Chí Minh đã bị huỷ bỏ hồi tháng Tư vừa qua vì thiếu người tham dự. Tổng số các dự án đầu tư giảm khoảng 50% còn các dự án khác bị hoãn hay chậm lại. Thai Lan, Indonesia, Nam Hàn, Nhật và Mã Lai gặp khó khăn cho nên đầu tư FDI tạI VN khựng lại (các ngân hàng Indonesia, Thái và Nam Hàn rút ra khỏi VN và đòi nợ nhiều ngân hàng VN, hãng Daiwoo Securities rút ra khỏi VN).

Mối lo khác là thủ tục đầu tư của VN qúa nhiều phiền hà. TT Phan Văn Khải đã bỏ nguyên một ngày cố gắng thuyết phục - giữ lại các nhà đầu tư nhưng tiếc là hơi trễ [các nhà đầu tư rút ra vì nói là chính sách đầu tư của VN không liên tục - Chrysler rút ra khỏi việc xây dựng nhà máy vì kêu là có quá nhiều công ty trong một thị trường hẹp và việc này đã kéo dài nhiều năm]. Phát triển ở VN còn "nhờ cậy" nhiều vào tiết kiệm đầu tư ngoại quốc nhưng guồng máy chính quyền VN còn cứng đơ, còn "tưởng mình là ưu việt" trong khi các nền kinh tế Á châu đang gặp khó khăn cố gắng cạnh tranh lấy ngoại tệ. Hệ thống ngân hàng VN yếu ớt, chưa điện tử hoá các dịch vụ (VN đang cho đấu thầu việc trang bị hệ thống điện tử thanh toán do WB tài trợ).

Hối suất đồng VN của Ngân hàng nhà nước còn quá cao. Tuy VN đã gián tiếp phá giá hai lần trong 1997, chính sách của NHNN giữ hối suất đồng VN ở mức cao sẽ không giúp kinh tế VN trong 1998 nhất là khi bị cạnh tranh ráo riết. Việc đầu tiên là kỹ nghệ du lịch. Năm 1997, VN nhận 1.7 triệu du khách nhưng trong ba tháng đầu 1998 VN chỉ nhận 400,000 du khách. Các khách sạn chỉ đầy 50% gây nhiều mối lo cho khu vực này.

VN gán cho El Nino làm VN bị hạn hán trong nhiều vùng. Những sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu: cà phê, cao su sẽ bị ảnh hưởng. Tăng trưởng công nghiệp có phần chậm lại và điều đáng chú ý nhất là tăng trưởng công nghiệp của TP HCM chậm lại. Sản phẩm công nghiệp nhẹ như ngành dệt, may mặc xuất khẩu và nghành giầy dép xuất khẩu bị Thái và Indonesia cạnh tranh ráo riết vì giá thành của họ rẻ hơn VN (hối suất họ xuống). Các cơ sở xuất khẩu giầy như Nike đã bắt đầu giảm bớt công nhân. Nhiều công ty ngoại quốc đã rút ra khỏi khu kỹ nghệ Biên Hoà.

Trong bối cảnh trên, VN nay trong tình trạng kinh tế bị khựng lại (VN buôn bán nhiều với Á châu mà Á châu bị khủng hoảng thì VN lẽ dĩ nhiên sẽ bị ảnh hưởng). Nay VN đổ cho là kinh tế VN bị khủng hoảng do kinh tế Á châu lây ảnh hưởng (cuối năm 1997, VN chối là không bị ảnh hưởng) làm cho gặp nhiều khó khăn. Mặc dù chỉ bị ảnh hưởng gián tiếp, VN cũng bị điêu đứng vì những khó khăn kinh tế trong vùng.

Nói tóm lại, năm 1998 có nhiều dấu hiệu khó khăn kinh tế. Nó cho thấy VN đứng trước nhiều thử thách mới chưa có trong sách học kinh tế. Nếu không muốn tụt hậu, VN chỉ còn giải pháp duy nhất là không những đổi mới mà phải làm cải cách nhanh hơn, sâu hơn và toàn diện hơn.

Tóm tắt

Trong nhiều năm các nước ĐNA đã tăng trưởng nhanh chóng. Vì say men thành công, họ đã thiếu xót trong việc theo dõi khu vực tài chính, và mô hình phát triển lỗi thời. Kết quả là khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất từ 20 năm nay.

Khi mở khu vực tài chính, Thái và các nước ASEAN đã bất cẩn, NHTƯ và Bộ Tài chính đã không tiên đoán và phòng ngừa trước. Họ không bắt các ngân hàng theo các tỷ lệ an toàn của quy định Basle (ví dụ tỷ lệ vay và vốn). Tại Nam Hàn thì luật kế toán còn nhiều sơ hở để số nợ ngắn hạn quá cao từ ba đến năm lần số vốn, vv. Khi có nguy cơ tại Thái Lan cũng như Nam Hàn thì các NHTƯ cố gắng kiềm chế nhưng rốt cuộc cũng phải chịu thua và tìm ra là các luật phá sản công ty không cho phép các NHTƯ quyết định mau chóng.

Các NHTƯ để hối suất gắn theo đồng dollar trong khi trao đổi thương mại của họ là

với Á châu, với đồng Yen Nhật. Khi dollar lên giá, các NHTU không điều chỉnh hối suất để giữ ở mức thiết thực gây cho nhiều ngân hàng đi vay bên ngoài mà không có biện pháp ngăn ngừa (hedging). Nó cho thấy các món nợ ngắn hạn của khu vực tư có thể gây nhiều khó khăn cho cả nước từ khu vực tiền tệ lây sang khu vực tài chính và thị trường chứng khoán. Rốt cuộc, vì khu vực tư bất cẩn, vì NHTƯ và Bộ Tài chính thờ ơ trong việc theo dõi, kiểm soát cho nên hậu quả là cả nước phải chịu gánh nợ.

Các nước ĐNA phát triển theo "mô hình" phát triển theo kinh tế do chính phủ chỉ huy, nhằm xuất khẩu trong khi các công ty được bảo vệ - được nhiều đặc ân [thuế, lãi suất nhẹ, vv.] và thị trường nội địa được bao che, giảm tiêu thụ qua hàng rào thuế quan, vv. Cơn khủng hoảng đã cho thấy là mô hình này không còn hiệu nghiệm nữa.

IMF có thể gây cho các kinh tế bị nạn khó gỡ hơn vì thuốc chữa chưa đúng bệnh. Không thể lấy thuốc châu Mỹ La tinh để áp dụng cho Á châu vì bệnh tình khác hẳn. Nó cho thấy mặc dù các con số thống kê vĩ mô có thể tốt nhưng vẫn bị khủng hoảng. Ngoài ra các kinh tế đều liên đới. Một nước bị sẽ ảnh hưởng nặng nề đến các nước khác. Đây là lý do Nhật bị các nước chỉ trích mạnh mẽ về chính sách kinh tế của họ, đã làm cho các nước Á đông bị thiệt hại.

Các bài học trên đều có ích cho Việt Nam. Bài học quan trọng nhất là trong nhiều năm qua các nước như Nam Hàn, Nhật đã dùng các chính sách công nghiệp của chính phủ khuyến khích kinh tế nhưng vì không dựa trên yếu tố căn bản: Năng suất/hiệu quả, do đó đã bị phá sản. Không một chính phủ nào có thể tiếp tục gánh các mục lỗ lã của các doanh nghiệp trong nhiều năm. Bài học thứ hai là VN bị ảnh hưởng vì nằm trong một nền kinh tế ngày càng "toàn cầu hoá." Không thể đứng bên ngoài nhìn hay "cứ việc từ từ mà thay đổi theo ý mình." Dù muốn hay không VN sẽ bị lôi kéo vào các vấn đề kinh tế của khu vực. Do đó tích cực lột xác, gỡ gút tắc trong chính sách kinh tế thì mới có điều kiện sống còn. Bài học thứ ba là về chính sách kinh tế/tài chính. Tránh vay ngắn hạn bên ngoài, dùng đầu tư cho dài hạn, có chính sách hối suất mềm dẻo và nâng cao khả năng tài chính, nghiệp vụ và nhân sự của khu vực ngân hàng. Các nước có khu vực ngân hàng tốt như Hong Kong và Singapore đều tránh được khủng hoảng.

VN còn đứng trước thử thách khác là thuyết phục các nhà đầu tư đừng rút ra khỏi để khỏi bị khó khăn trầm trọng hơn. VN đã bỏ lỡ nhiều cơ hội trong những năm trước vì cứ tưởng là các nhà đầu tư sẽ cố gắng chờ đợi cho mình thay đổi. Dù sao đi nữa VN cũng còn là nơi của nhiều gia đình nghèo như gia đình chị Võ Thị Quyến tại xã Quế Minh tỉnh Quảng Nam với thu nhập VND 12,000/tháng hay dưới US$ 1 một tháng. Một năm chị Quyến có thể thu nhập US$ 17. Dù sao nó cho thấy là VN là một nước còn rất nghèo. Mong là VN đủ khôn và đủ lý trí để học bài học Á châu, thay đổi kịp thời kinh tế để các gia đình như chị Quyến không còn nữa. Nếu họ không làm thì có lẽ các lời khuyến cáo của tướng Trần Độ sẽ trở thành sự thực chăng?●

Tokyo tháng 4/1998

Chú thích

1. M. Montes, *The Currency crisis in SEA,* Institute for SEA studies, Singapore, 1998.

2. J. Sachs, *Foreign Affairs*, cuối 1997.

3. M. Feldstein, *Foreign Affairs* tháng 4, 1998.

4. *Japan Times,* April 2, 1998

5. ADB/WB: *Senior Policy Seminar on Managing Global Financial Integration in Asia,* Manila, 10-12 March 1998;

6. ADB Institute : *APEC Workshop on current Asian FinancialDevelopments,* Tokyo, March 19, 1998

7. ADB/WB/IMF, *A new Framework for Enhanced Asian Regional Cooperation to Promote Financial Stability,* Manila, 18-19 Nov. 1997

* Anh có thể thay đổi đức tin mà không cần phải thay đổi thần linh, và ngược lại, anh cũng có thể thay đổi thần linh mà không cần thay đổi đức tin.

Lec

* Niềm tin tôn giáo trong chúng ta thường chỉ đủ để chúng ta ghét nhau, không đủ để chúng ta yêu kính lẫn nhau.

Swift

* Tình yêu không phải là sự an ủi. Nó chính là ánh sáng.

Simone Weil

TẾT CONGO

NGUYỄN THIỆN

Karl Marx đã mở đầu tập "Tuyên Ngôn của đảng Cộng sản" (thánh kinh của tất cả những người CS trên thế giới) bằng câu "Lịch sử các xã hội cho đến hôm nay chỉ là lịch sử của đấu tranh giai cấp" để rồi kết thúc bằng lời kêu gọi "Vô Sản các nước đoàn kết lại."

Vì Karl Marx chỉ thấy có giai cấp mà không thấy có dân tộc nên giai cấp đã là trọng tâm, là cứu cánh nỗ lực của những người CS: quyền lợi giai cấp, mâu thuẫn giai cấp, căm thù giai cấp, giải phóng giai cấp, hữu ái giai cấp v.v... Cho nên đối với đồng bào, đồng chủng thuộc các giai cấp mà CS cho là phản động thì họ sẵn sàng "giết, giết nữa bàn tay không phút nghỉ" như Tố Hữu xúi để tỏ ra ta đây đã thuộc bài học "Căm Thù" rồi ôm hôn thắm thiết đồng chí Cốc Ma Ru anh hùng móc cống thành phố Rabat cho "thắm tình Quốc Tế mênh mông." Quả thật là: "Anh em thì giết không tha, Để rồi mở cửa rước ma về thờ." Ấy thế mà đôi khi gặp thế bĩ, họ vẫn trơ trẽn kêu gọi "Nhiễu điều phủ lấy giá gương" dù biết rõ là nhiễu điều đã bị gương đâm cho rách nát lâu rồi!

Karl Marx cho rằng trong đấu tranh giai cấp chỉ có hai giai cấp đối kháng chính là Tư Bản và Vô sản sẽ phải một mất, một còn. Các giai cấp khác như tiểu tư sản, tiểu thương, tiểu chủ, bần cố nông v.v... được Mác coi là giai cấp trung gian. Các giai cấp trung gian này sẽ ngã theo một trong hai giai cấp đối kháng chính tùy theo hoàn cảnh kinh tế của họ: nếu họ còn có một chút tài sản để bảo vệ thì họ sẽ ngã theo phe tư bản; nếu họ chẳng còn một chút tài sản nào để bảo vệ cả thì họ sẽ ngả theo phe vô sản. Vì nhận định như thế nên Mác đã viết trong tuyên ngôn là "Người CS chúng ta có thể tóm gọn chương trình hành động của mình trong độc một câu: Thủ Tiêu Quyền Tư Hữu" (để kéo các giai cấp trung gian về phe mình hầu cô lập phe tư bản).

Việc thủ tiêu quyền tư hữu đã đẩy CS vào thế bí vì tư hữu vốn là động lực thúc đẩy mọi cố gắng của con người; còn làm mà không được giữ — làm cho xã hội, cho bá tánh — thì người ta sẽ không làm nữa hoặc chỉ làm lấy lệ coi như để qua mắt quỷ thần thôi. Chỉ có cốc ngu mới mò để cò sơi còn cốc khôn thì khi đã không được sơi cóc sẽ đứng rỉa lông, không mò nữa.

CS cũng biết được nhược điểm này nhưng chúng vẫn hy vọng là sẽ có thể khắc phục được bằng nỗ lực nặn ra lớp người mới mà chúng gọi là "lớp người mới Xã Hội Chủ Nghĩa" (tức lớp cốc ngu dù không được sơi mà vẫn cố mò). Hy vọng có được lớp người này quả là một hy vọng viễn vông không tưởng vì bản chất của con người vốn chấp ngã, vị kỷ theo kiểu "chacun pour soir." Lớp người xả kỷ, vị tha biết đặt quyền lợi của tập thể lên trên quyền lợi của chính mình chắc phải đợi đến Tết Congo mới có (một vài cá nhân lẻ tẻ thì có, còn cả một lớp thì còn lâu). Trong lúc chờ đến Tết Congo thì xã hội là một thứ cha chung không ai khóc, của cải xã hội bị phung phí mặc tình, kinh tế nhà nước cứ theo đà tuột dốc; mặc cho CS bày đặt ra đủ mọi phong trào thi đua theo gương anh hùng Andrei Stakhanov, anh hùng Lôi Phong, anh hùng Nguyễn Văn Bé, thi đua một người làm việc bằng hai, thi đua "làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm, làm thêm giờ nghỉ" v.v... (theo kiểu xúi trẻ ăn c... gà). Tuy nhiên mặc cho đảng muốn "Phỉnh" thế nào thì phỉnh, người dân vẫn ù lì Lách, Luồn, Lẫn, Lủi để khỏi bị đảng máng ách lên vai. Trong lá thư đầu năm 1998 gửi đảng, quốc hội và các bạn quan tâm,

ông Trần Độ báo động là "Đảng với dân là hai." Thực ra thì đảng với dân đã ở thế đối lập từ lâu lắm rồi, cụ thể là khi đảng hô hào "Một người làm việc bằng hai" là lập tức trong dân gian đã xuất hiện vô số câu vè như "Một người làm việc bằng hai. Để cho cán bộ nó nhai nó nằm" hoặc "Để cho cán bộ mua đài mua xe"; chỉ có ông Trần Độ vì lúc đó nằm trong kén nên nay mới biết đấy thôi. Do đó mà "Xã Hội Chủ Nghĩa" trở thành "Dã Họng Chủ Nghĩa" vì trong đó người dân ngày càng đói dã họng ra.

Chính chủ trương đấu tranh giai cấp cùng tiêu diệt quyền tư hữu đã trở thành hai khúc củi thọc ngang hai bánh xe CS trong thời kỳ "mở cửa/ đổi mới/ kinh tế thị trường" này, vì khi CS kêu gọi "Hòa Hợp, Hòa Giải" ắt sẽ có người đặt ra câu hỏi là "các anh chủ trương tiêu diệt kẻ thù trên căn bản toàn giai cấp (en tant que classe) nghĩa là lúc nào các anh cũng thủ sẵn con dao để chờ cơ hội lụi cả lũ chúng tôi thì chúng tôi ngu sao mà hòa hợp với các anh. Muốn hòa hợp phải quẳng chủ trương đấu tranh giai cấp cùng vô sản chuyên chính vào sọt rác trước đã." Cộng Sản lại kêu gọi mọi người hãy nỗ lực làm giàu, hãy bỏ vốn ra kinh doanh để làm cho dân giàu nước mạnh thì người ta sẽ hỏi là "các anh chủ trương tiêu diệt tư hữu thì bỏ vốn ra để cho các anh muốn cướp lúc nào thì cướp sao — Cốc mò cò sơi — chúng tôi đâu có ngu đến thế. Muốn chúng tôi bỏ vốn ra kinh doanh thì các anh phải tôn trọng quyền tư hữu trước đã."

Hỏi như thế là đẩy CS đến chân tường vì bỏ giai cấp đấu tranh, bỏ vô sản chuyên chính lại công nhận quyền tư hữu tài sản là chúng đã chôn Karl Marx thêm lần nữa! Quả là nước cờ bí, là thế lưỡng nan!

Đã thế Karl Marx lại còn đẩy giấc mơ của mình đi xa hơn nữa khi ông ta viết — cũng chính trong bản tuyên ngôn đã dẫn — là "khi các đối kháng giai cấp trong các quốc gia không còn nữa thì các tranh chấp giữa quốc gia với nhau cũng mất luôn." Thế là đạt đến "Thế giới đại đồng," là loài người sẽ không còn biết đến nạn đao binh nữa và cuộc chiến vừa qua là cuộc chiến cuối cùng. Mô Phật, lành thay, lành thay!

Ấy thế mà cũng có người tin, cụ thể là nhà thơ Eugène Pottier đã quá xúc động mà đẻ ra được bài thơ "Internationale" tuyệt tác, trong đó có những câu rất độc đáo như "Le monde va changer de base" rồi kết bằng câu "C'est la lutte finale, groupons nous et demain. L'interntionale sera le genre humain" để rồi bị đời mại mỉa là dốt văn phạm. Không dốt sao được khi ông ta đã dùng thì tương lai gần (futur proche) để nói rằng "Le monde va changer de base" mà đến nay, hơn 126 năm đã qua rồi mà vẫn chưa thấy nó "xẳng giê" như ông đã ước mơ (Pottier đã làm bài thơ này vào tháng 6-1871 nhân biến cố gọi là Ba Lê Công Xã). Còn cái gọi là lutte finale thì chắc cũng lại phải đợi đến Tết Congo mới có sau khi thực tế đã cho thấy là chính các nước CS anh em cũng choảng nhau loạn cào cào (chỉ kể sơ sơ là Nga đỏ đánh Hung đỏ, Nga đỏ đánh Tiệp đỏ, Nga/Tầu cùng loại đỏ đánh nhau, Tàu đỏ đánh Việt đỏ, Việt đỏ đánh Miên đỏ — thôi còn gì là tình hữu ái giai cấp nữa đây!) Vậy thì có nên sửa dùm cho Pottier câu thơ cuối thành "L'internationale sera à la Saint Glin Glin" không?

Trong buổi lễ bế mạc đại hội đảng Xã Hội Pháp tại thành phố Brest cuối năm 1997 thiên hạ đã cố ý quên "Quốc Tế Ca" để thay bằng "La Marseille" khiến anh phóng viên truyền hình đã hóm hỉnh bình luận: "Thời đại mới, Âm nhạc mới." Phải chăng người ta đã bắt đầu âm thầm, lặng lẽ đưa cả chủ nghĩa Mác lẫn Quốc Tế Ca vào bóng đêm của quá khứ?

Nếu quả đúng như vậy thì cũng là chuyện bình thường thôi vì cái gì đã lỗi thời thấy đều phải bỏ: ngay đến mẫu tự Morse đã giúp ích cho nhân loại biết bao nhiêu mà đến nay — với Telex, Fax, Internet v.v... người ta cũng còn ngậm ngùi từ giã nó huống hồ chủ nghĩa Mác mà công/tội còn đang là một đề tài tranh cãi.

Người Á Châu quả đã thực tế hơn nhiều khi cho rằng muốn tẩy sạch binh đao để loài người không bao giờ còn phải chịu thảm họa chiến tranh nữa thì phải kéo cho được con sông ở trên trời (thiên hà) xuống lấy nước của nó mà rửa mới xong (Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà - thơ Đặng Dung), nói thế có nghĩa là mơ hết sạch chiến tranh thật chỉ là không tưởng.

Nay ta hãy thử hỏi:

Bao giờ có lớp người mới Xã Hội Chủ Nghĩa? - Tết Congo

Bao giờ có trận chiến cuối cùng? - Tết Congo

Bao giờ có Thế Giới Đại Đồng? - Tết Congo

Cái gì Mác nói cũng phải đợi đến Tết Congo mới có, thì thử hỏi có còn nên tiếp tục để Mác trên bàn thờ nữa hay thôi?●

DAIMLER MUA CHRYSLER

NGÔ NHÂN DỤNG

Quý vị là chủ cổ phần một công ty, giá trên dưới 40 đô la một cổ phần, nay có người muốn mua, với giá gần 60 đô la, liệu quý vị có từ chối hay không? Đó là lý do tại sao Hội đồng Quản trị Công ty Chrysler bằng lòng "bán" công ty cho Daimler-Benz, nhà sản xuất xe Mercedes.

Khi mua bán như vậy, Daimler có thể thanh toán bằng tiền mặt — nhưng ai muốn khai tiền lời đầu tư để đóng thuế cho chính phủ làm chi? Một cách khác là cổ đông của Chrysler trao hết các cổ phiếu của họ cho Daimler, đổi lại sẽ được trả bằng những cổ phiếu mới của Daimler. Nhưng làm như thế thì rõ ràng có người mua người bán, làm mất thể diện của Chrysler. Hai công ty muốn cả thế giới coi đây là một cuộc kết hợp ngang hàng chứ không phải một công ty Đức mua một công ty Mỹ. Họ muốn người Mỹ vẫn coi xe cộ mà Chrysler sản xuất là "xe Mỹ." Công ty mới đặt trụ sở ở hai nơi, và có hai đồng chủ tịch ít nhất trong ba năm tới. Tuy vậy, sau khi việc kết hợp xảy ra, nhiều người Mỹ gốc Do Thái đã nói họ sẽ không mua xe Chrysler nữa, vì nó là "xe Đức."

Khi hai bên ngã giá, một công ty mới sẽ thành lập ở Francfurt, mang tên Daimler-Chrysler. Mỗi cổ phần của Daimler sẽ đổi lấy một cổ phần của công ty mới; mỗi cổ phần của Chrysler sẽ đổi được 0.547 cổ phần của công ty mới. Tính trên giá trị của Daimler, trị giá hơn nửa cổ phần này là 59.38 đô. Tính ra Daimler-Benz đã trả cho các cổ đông của Chrysler các cổ phần tương đương hơn 38 tỷ đô la. Theo bảng kết toán năm 1997, giá trị các cổ phần của Chrysler là 11,36 tỷ rưỡi, của Daimler là 19 tỷ rưỡi. Nhưng trước khi kết hợp giá trị các cổ phần của Chrysler là 28 tỷ. Sau khi kết hợp, các cổ đông cũ của Chrysler sẽ làm chủ khoảng 43% cổ phần của công ty mới, còn lại là của các "chủ nhân" của Daimler.

Thị trường toàn cầu

Vụ kết hợp Daimler-Chrysler là kết quả của nền kinh tế toàn cầu hóa. Các công ty lớn phải cạnh tranh với nhau trên toàn cầu, và họ phải thích ứng. Tháng trước, ông chủ tịch công ty Sony đã nhận xét rằng các chính khách Nhật thiếu cái nhìn toàn cầu của doanh nhân, vì thế họ không biết quản lý nền kinh tế. Hiện tượng các công ty nước này mua công ty ở nước khác là thường tình. Trước Daimler-Benz, nhiều công ty Đức đã mua các xí nghiệp Mỹ, như hãng dược phẩm Hoechst, công ty đồ điện và điện tử Siemens. Và gần đây nhất, công ty xuất bản Đức Berstelmann đã mua nhà xuất bản Random House của Mỹ với giá 1 tỷ 2 Mỹ kim. Phần lớn các công ty chế máy móc ở Mỹ có chủ nhân ngại quốc. Năm trước hãng General Electric của Mỹ trả 650 triệu mua một công ty điện Hungary.

Karl Marx nói giai cấp vô sản thế giới không có tổ quốc. Ngày nay, tư bản thế giới thì không có tổ quốc thật. Như ông Thomas Middelhoff, chủ tịch công ty xuất bản Bertstelmann nói: "Không có công ty Mỹ hay công ty Đức. Chỉ có những công ty thành công và những công ty thất bại." Khi 100 ngàn công nhân Mỹ làm việc cho hãng Toyota sản xuất xe ngay trên đất Mỹ, thì họ nghĩ công ty Toyota có quốc tịch nào? Ông Kim Đại Trung, Tổng thống Đại Hàn nói: "Tiền của nước nào đem đến đầu tư tại nước ta cũng thành tiền của ta hết!" Đây cũng là triết lý của ông Lý Quang Diệu ở Singapore.

Riêng trong lãnh vực xe hơi, các vụ kết hợp diễn ra từ lâu, Năm 1980, Ford đã kết hợp với Mazda ở Nhật. GM đang làm chủ 50% cổ phần của hãng Saab, Thụy Điển. Ford cũng

làm chủ các công ty xe hơi của Anh sản xuất hiệu xe Jaguar. Hai năm trước đây, Volvo của Thụy Điển và Renault của Pháp đã bàn chuyện kết hôn nhưng không thành. Trong khi đó, Ford mua máy của Mazda, Mitsubishi cung cấp máy V-6 cho Chrysler, Chrysler và BMW đang chung vốn làm nhà máy ở Brasil. Hai hãng xe Đức Volkswagen và Bayerische Motoren Werke (BMW) tranh nhau hiến giá mua công ty Vicker sản xuất xe hơi Rolls Royce của Anh. BMW trả 340 triệu bảng Anh, Vicker đã chịu rồi, VW tăng giá lên 430 triệu (tương đương 713 triệu đô la Mỹ), Vicker càng chịu hơn nữa. BMW đang sản xuất bộ máy của Rolls Royce. Mới kết thúc thỏa hiệp với Chrysler xong, Daimler đã ngỏ ý không loại bỏ việc nhòm ngó một công ty xe Nhật. Những hãng nhỏ như Mitsubishi, Subaru, đều là các mục tiêu, nhưng Daimler đang tính mua cơ sở sản xuất xe tải của Nissan để vào thị trường Nhật.

Trong thế giới bây giờ các hàng rào quan thuế dần dần dẹp bớt. Nhờ thông tin, người tiêu thụ khắp nơi dần dần cũng giống nhau. Kỹ thuật truyền thông tân tiến cũng giúp sự liên lạc giữa lục địa này với lục địa khác nhanh hơn và phối hợp dễ dàng hơn xưa, giúp quản lý dễ hơn.

Synergia

Nhưng hiển nhiên là khi hai công ty kết hợp với nhau, họ mong cái gọi là Synergia sẽ xảy ra. Synergia được hiểu là 1 cộng 1 không thành 2, mà thành hơn 2 một tý. Chrysler và Daimler là một trường hợp lý tưởng, vì hai bên bổ túc cho nhau.

Nhãn hiệu xe Mercedes của Daimler đã nổi tiếng trên thế giới với hình ảnh một loại xe sang trọng, cho người nhiều tiền. Còn Chrysler nhắm vào giới bình dân hơn. Chrysler chưa có mặt trong thị trường Âu châu, sau khi kết hợp sẽ mạnh hơn. Còn Daimler thì muốn tận dụng thị trường Mỹ và Nam Mỹ. Trên thế giới hiện chỉ có ba công ty xe hơi có tính toàn cầu là General Motor, Ford và Toyota. Nay có công ty thứ tư.

Daimler-Chrysler tạo một biến cố cách mạng trên thị trường xe hơi thế giới. Trước đây, chỉ có một vụ tương tự, là khi các xe Nhật xâm lăng thị trường Mỹ. Khi đó, chính phủ Mỹ có thể lập hàng rào quan thuế ngăn cấm xe Nhật - "theo ý dân," vì các hãng xe Mỹ đòi hỏi, các công đoàn thợ xe hơi cũng đòi hỏi. Nhưng may mắn là chính phủ Mỹ cố giữ quy tắc tự do mậu dịch, chỉ ép các công ty Nhật tự hạn chế. Chính nhờ sự có mặt của các xe Nhật, Đức, Thụy Điển, mà người tiêu thụ ở Mỹ khôn ra, các công ty xe hơi Mỹ phải cải thiện, kính trọng người tiêu thụ hơn. Nhờ đã tự cải thiện, họ mới đủ sức cạnh tranh với xe Nhật trên khắp thế giới.

Bây giờ, sau khi Daimler và Chrysler kết hợp, mười năm tới các hãng xe nhỏ sẽ phải kết hợp, biên giới quốc gia không còn quan trọng nữa.

Khi các công ty kết hợp, họ sẽ gặp những khó khăn về văn hóa cũng như luật pháp. Phải mất mươi năm người ta mới hiểu được ảnh hưởng của các vụ kết hợp này như thế nào. Liệu có thể vì nhu cầu kinh tế toàn cầu hóa mà thế giới sẽ gần gũi nhau hơn chăng? Luật pháp các nước, nhất là luật thương mại sẽ thay đổi cho đồng bộ với nhau. Phương pháp quản lý cũng thay đổi để phù hợp với phong tục khắp nơi. Còn văn hóa, tập tục sẽ thay đổi như thế nào? Đây là chuyện của thế kỷ 21.

Ba tỷ Mỹ kim một năm

Sau khi kết hợp, so với hai công ty cũ, công ty mới Daimler-Chrysler sẽ có lợi ít nhất ba tỷ Mỹ kim hay hơn mỗi năm, trong vòng ba đến năm năm. Những món tiền gọi là "lợi" này gồm nhiều thứ. Trước hết là tiền tiết kiệm được sau khi kết hợp, vì hai phân bộ ở Đức và ở Mỹ sẽ mua nhiều món chung từ các nhà cung cấp, gồm cả các bộ phận đến nguyên liệu, và chi phí tiếp liệu nói chung sẽ giảm. Nhiều xe của hai bên có thể dùng chung một thứ dàn máy, máy, hay bộ phận sang số. Đó là những phần mà khách hàng khi mua xe không cần biết đến, nhãn hiệu xe nào cũng dùng được. Số hàng hai công ty đang mua từ bên ngoài mỗi năm trả tổng cộng 60 tỷ Mỹ kim. Người ta ước lượng số tiết kiệm khi mua chung sẽ là 0.5 phần trăm đến 2% của tổng số đó.

Thứ hai là mối lợi nhờ bán được thêm xe. Chrysler chuyên bán xe ở Mỹ, số xe bán ở Âu châu rất ít mà nếu muốn đặt ra một hệ thống đại lý xe thì sẽ rất tốn kém. Nay Công ty mới có thể dùng số nhân viên bán xe của Daimler để tổ chức hệ thống phân phối ở khắp thế giới. Ngược lại, hệ thống phân phối của Chrysler ở Mỹ có thể giúp cho Daimler. Số xe hy vọng bán thêm ước lượng là 75 ngàn xe mỗi năm, tiền lời thêm có thể lên hàng tỷ Mỹ kim một năm.

Hai mối lợi trên đây, mỗi năm có thể làm tiền lời của công mới tăng thêm vài tỷ đô la so với hai công ty cũ. Một mối lợi khác là số tiền tiết kiệm khi hai công ty có thể dùng chung các cơ sở nghiên cứu, vẽ kiểu, v.v.

Tổng cộng vừa tiết kiệm, vừa lời thêm, vụ kết hợp này sẽ mang về món lợi từ ba đến năm tỷ đô la một năm. Sau khi đóng thuế, tiền lời ròng sẽ là 1,8 đến 3 tỷ Mỹ kim, trong ba hoặc năm năm tới. Đó là cái giá mà cổ công của Daimler sẽ trả để làm chủ các cổ phần của Chrysler.

Một tin mừng cho 300 ngàn công nhân của Daimler và 121 ngàn của Chrysler là việc kết hợp này sẽ không đưa đến các vụ sa thải hàng loạt, vì hai công ty vẫn cần duy trì các cơ sở sản xuất và tiếp thị riêng. Công đoàn thợ Xe hơi ở Mỹ (UAW) sẽ có tiếng nói chính thức trong Hội đồng Quản trị của công ty đăng ký tại Francfurt, theo luật ở Đức.●

CÁO PHÓ

Hai gia đình Trần và Nguyễn
đau đớn báo tin buồn:

DƯỢC SĨ TRẦN BÁ THỌ

(Lean Jacques Rousseau, promotion 1962)

đột ngột từ trần ngày 12.04.1998

hưởng dương 55 tuổi.

Tang lễ đã được cử hành
ngày 17.04.1998 tại Lisieux (France)

Liên Dung, Laurent và Flora

CHUYỆN NƯỚC INDONESIA

CAM VĂN

Đàn áp biểu tình tại Indonesia

Rung cây dừa

Việt Nam và Indonesia cùng ở vùng Đông Nam Á, và về mặt chủng tộc cả hai cùng chia sẻ một phần dòng máu chung của những giống dân ở các đảo phía Nam trong Thái Bình Dương.

Trong một truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc, nhà văn duyên dáng của chúng ta đã nói về một phong tục của nhiều sắc dân các đảo ở Đông Nam Á, là tục "rung cây dừa." Tại những hòn đảo này, khi người ta đến tuổi quá già yếu, họ sẽ tự nguyện leo lên ngọn cây dừa, con cháu ôm gốc cây mà rung, nếu cụ già không bám chặt bị té xuống thì chịu chết, để khỏi trở thành gánh nặng cho con cháu. Tất nhiên con cháu thương các cụ sẽ rung nhè nhẹ thôi.

Vì loài người đã văn minh hơn, phong tục này ngày nay không được áp dụng cho các cụ già nữa, nhưng đối với các chế độ thủ cựu, những đảng cầm quyền mấy chục năm đã già

lão, chỉ biết ăn hại, phá nát, thì rất nên đem rung cây dừa cho rơi xuống chết luôn.

Tháng trước, ông Muhamad Sadhi, một cựu bộ trưởng tuyên bố với báo chí rằng, "Người ta đang rung cây dừa, hy vọng tổng thống Suharto sẽ rớt xuống." Nhưng lời tuyên bố của ông Sadhi không mạnh bạo bằng tờ tạp chí *R&D* xuất bản ở thủ đô Jakarta.

Tháng Ba năm nay quốc hội Indonesia bầu ông Suharto, 76 tuổi, thêm nhiệm kỳ thứ sáu. Trước đó, tờ báo R&D ấn hành một số với chủ đề "Nếu tôi làm tổng thống." Nhân vật chính được phỏng vấn là ông Amien Rais, chủ tịch một liên minh Hồi giáo, và câu hỏi là "Nếu ông làm tổng thống sẽ làm gì bây giờ?" Đặt câu hỏi đó đã là "phạm thượng" lắm rồi, báo R&D còn dám in hình ông Rais đội chiếc mũ đen, cao giống kiểu mũ của tổng thống Suharto, và đứng trước lá quốc kỳ, giống hệt các chân dung của Tổng thống Suharto anh minh vẫn treo tại các công sở. Ông Amien Rais từng theo học Đại học Chicago về khoa học chính trị, nhưng ông không có tham vọng tranh cử, và lâu nay vẫn ủng hộ Suharto, nhưng bài báo này là một quả bom nổ trong chính trường Indonesia. Điều này chứng tỏ chế độ quân phiệt ở Indonesia còn tôn trọng tự do ngôn luận hơn nhiều xứ khác.

Ngày tàn của chế độ

Anh Pius Lustrilanang, 30 tuổi, người Indonesia bị bắt cóc vào đầu tháng Ba năm nay, bị giam giữ một tháng, trong thời gian đó anh bị biệt giam, bị tra điện, bị nhúng nước, bị những người bịt mặt hỏi cung. Anh được thả ra với điều kiện không được nói với ai về chuyện mình bị bắt cóc. Họ dọa anh, nếu nói hở một lời thì họ sẽ tìm bắt lại, dù phải tìm anh hàng chục năm họ cũng tìm ra.

Ba tuần sau khi được tự do, ngày 27 tháng Tư anh Pius xuất hiện trước một Ủy ban Quốc gia về Nhân Quyền, với máy truyền hình của các nhà báo quốc tế, và anh Pius nói hết về cảnh anh với các người khác cùng bị giam và tra tấn. Ngay chiều hôm đó, anh được tòa đại sứ Hòa Lan cấp chiếu khán và bay đi tị nạn.

Nhưng không ai biết những kẻ bắt cóc anh Pius là ai. Cảnh sát Indonesia chối. Quân đội nói không biết. Đứng đầu Ủy hội Nhân quyền Quốc gia nghe anh Pius cáo giác là một Trung tướng hồi hưu, ông cũng tin rằng không có ai "ở cấp cao" ra lệnh bắt cóc những người đối lập. Vậy ai đã bắt cóc Pius Lustrilanang và 11 người chống chính phủ đã mất tích trong mấy tháng qua? Bộ trưởng Tư pháp Indonesia đặt câu hỏi đó, công khai trước báo chí. Ông còn yêu cầu "nhà hữu trách" hãy điều tra về các vụ bắt cóc — để nói ông ta không có trách nhiệm nào cả.

Những vụ bắt cóc chưa biết ai là thủ phạm, nhưng những người bị bắt cóc đều thuộc những nhóm đối lập chính phủ, điều này cho thấy ngoài cái chính phủ công khai, nước Indonesia còn một thứ chính phủ bí mật khác. Cũng giống như ở Việt Nam, ông Lê khả Phiêu nói rất chú ý, biết tôn trọng người khác ý kiến với ông, nhưng công an chìm vẫn hành hung giáo sư Nguyễn Ngọc Lan, và công an nổi sách nhiễu nhà văn Bùi Minh Quốc.

Tại Indonesia, gia đình ông Suharto và các nhà tư bản bạn ông cũng giống như một Bộ chính trị, và trong nhóm người đó cũng có nhiều bè phái, với các thế lực riêng. Chế độ của Suharto trong 32 năm qua dựa trên quân đội và các nhà tư bản tay chân. Thời còn là đại tá, những năm 1950 ông Suharto đã kết bạn với hai nhà kinh doanh, ông Hasan và Hoa kiều Liem Sioe Liong. Ngày nay họ là những chủ nhân ông giàu nhất xứ, sau các con của ông Suharto. Tổng tư lệnh Quân đội hiện nay vốn là một tùy viên cũ của Suharto. Tư lệnh quân khu thủ đô vốn là một cận vệ sách súng theo ông. Và con rể ông đang nắm Lực lượng trừ bị chiến lược.

Phần lớn dân Indonesia theo Hồi giáo, và ông Suharto cũng lập ra những tổ chức Hồi giáo, trao cho người thân tín cầm đầu, trong đó có Habilie, Phó tổng thống mới được bổ nhiệm.

Nhưng hơn 200 triệu dân Indonesia (nước đông dân thứ năm trên thế giới, sau Trung Quốc, Ấn Độ, Nga và Mỹ) đã chịu đựng ách độc tài Suharto quá lâu. Cơn khủng hoảng tài chánh tạo cơ hội cho nỗi bất mãn của nhân dân bùng lên. Mà cơn khủng hoảng này cũng là kết quả của chế độ kinh tế nửa thị trường, nửa chỉ huy, đầy tham nhũng và bất công tạo nên.

Khi sinh viên Indonesia bắt đầu các cuộc mít tinh đòi Tổng thống Suharto không ứng cử thêm nhiệm kỳ thứ bẩy, chính phủ Suharto không thèm để ý. Trong mấy tháng đầu, sinh viên còn biểu tình trong khuôn viên các đại học, sau họ đã tràn ra đường, và dân chúng xuống đường theo chống giá sinh hoạt tăng quá cao.

Chính quyền Indonesia sẽ đổ tội cho các biện pháp của cơ quan IMF khiến gây ra hỗn loạn. Nhưng một thanh niên Indonesia đã nói thẳng đến sự giầu có của gia đình Suharto, so với cảnh khổ của dân. Tháng Bẩy năm 1997, tạp chí Forbes đã tổng kết tài sản ông Suharto là 16 tỷ Mỹ kim, gia đình Liem Sioe Liong có 4 tỷ Mỹ kim. Các con và bạn bè của ông Suharto làm chủ bao nhiêu công ty độc độc quyền về thuốc lá, gia vị, xe hơi, xây đường để thâu tiền mãi lộ (toll), chuyên chở, xuất nhập cảng. Hệ thống đó không khác gì các xí nghiệp quốc doanh độc quyền ở Việt Nam.

Bài học Jakarta

Khi dân chúng thủ đô Jakarta của Indonesia đi biểu tình, họ không phải chỉ đe dọa chế độ Suharto mà còn làm cho Đông Nam Á rung chuyển. Các nước Mỹ, Nhật đang tự hỏi liệu họ có thể tiếp tục đổ tiền vào giúp cứu vãn cơ sở tài chánh của gia đình Suharto hay không, khi mà người dân và sinh viên đang bị giết ở ngoài đường. Nếu ông Suharto bị đổ, hay ông chỉ bị mất bớt quyền để cho Quân đội đóng vai trò chính, thì ngôi vị "Anh Hai" của ông trong khối ASEAN cũng mất, và khối ASEAN cũng bị yếu đi. Indoneisa là nước đông dân nhất trong vùng, ông Suharto là lãnh tụ tại vị lâu năm nhất, nay ông suy yếu thì ASEAN không còn là một tiếng nói mạnh nữa. Trong khi đó Trung Quốc chỉ muốn khối ESAEN yếu đi, không thành một tiếng nói chung, để cho Bắc Kinh nói chuyện riêng với từng nước một.

Nhật Bản là nước cung cấp nhiều tiền cho Indonesia nhất trong cuộc khủng hoảng hiện nay: 5 tỷ Mỹ kim góp vào 43 tỷ mà Quỹ Tiền tệ Quốc tế hứa giúp, lại thêm 215 tỷ Yen giúp riêng (hơn tỷ rưỡi đô la.) Nay ông Satoshi Morimoto, thuộc cơ quan nghiên cứu Nomura ở Tokyo nói rằng những biến loạn ở Jakarta khiến chính phủ Suharto không còn sức để tiến hành các cuộc cải tổ như đã hứa với các nước cấp viện trợ nữa. Nghĩa là họ không thể đưa thêm tiền.

Quốc hội Mỹ đang đặt câu hỏi về 18 tỷ mà Mỹ phải đóng cho IMF, và những vụ đàn áp dân chúng, giết chết sinh viên sẽ làm cho Quốc hội dễ dàng gạt bỏ luận cứ của Tổng thống Clinton rằng cần có tiền để IMF đóng vai trò "bảo vệ sự ổn định" của vùng Á đông. Bảo vệ sự ổn định nào, khi mà chính phủ Jakarta đang làm cho xã hội bất ổn thêm? Một dân biểu thuộc đảng Dân chủ của ông Clinton, đại biểu Barney Frank của tiểu bang Massachusett nói: "Khi chính phủ Indonesia bắt đầu giết dân của họ, thì IMF sẽ bị trọng thương." Một lý luận mạnh nhất trong giới Lập pháp Mỹ là tiền đem cứu Indonesia chỉ cứu các ngân hàng và doanh nghiệp do gia đình bạn bè của ông Suharto làm chủ mà thôi.

Ông Suharto đã không chuẩn bị cho cơ sự hôm nay. Sau 32 năm cai trị, ông không dung dưỡng một thế lực đối trọng nào cả. Khi người dân cần lên tiếng họ không có ai đại diện chính thức, thí dụ một phe đối lập trong Quốc hội. Ông cầm quyền sáu nhiệm kỳ tổng thống, mỗi nhiệm kỳ ông lại thay đổi người đóng vai Phó tổng thống, cũng vì ông không muốn ai nổi lên hành một nhân vật có thể thay thế mình. Khi những người có khả năng bị trù ếm không cho ngoi lên đóng vai trò chính trị quan trọng thì Suharto kiểm soát xứ Indonesia một cách dễ dàng hơn. Nhưng khi có biến thì những người bất mãn, từ dân chúng đến sinh viên, giới đại học, nhà báo, các lãnh tụ tôn giáo, không ai có thể đóng vai trò đại diện họ, đứng ra thương lượng với kẻ đang cầm quyền.

Một sai lầm khác là ông Suharto cứ nghĩ rằng nền kinh tế xứ ông cứ tiếp tục tăng trưởng, ông để mặc cho con cháu và bộ hạ chiếm các độc quyền làm ăn, khai thác tài nguyên của quốc gia. Khi cơn khủng hoảng tới, nó mang cả hai tính chất kinh tế lẫn chính trị.

Dân Indoneisa còn may mắn hơn dân Việt Nam vì giới trí thức và giai cấp trung lưu ở thành thị còn có cơ hội tham dự vào đời sống quốc gia qua các tổ chức phi chính phủ (NGO). Họ có một Ủy hội Nhân quyền Quốc gia. Ở thủ đô Jakarta cũng có một tổ chức Cố vấn Pháp Luật miễn phí, năm ngoái đã bênh vực bà Megawati, một lãnh tụ của đảng đối lập, khi bà bị đưa ra tòa về tội chống chính phủ. Indonesia cũng có một tổ chức Forum Demokrasi, Diễn đàn Dân chủ, cái tên giống như tờ báo mà giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã in ở Việt Nam trước khi bị bắt. Ở xứ Indonesia, ngoài các tổ chức Hồi giáo do đảng cầm quyền kiểm soát, vẫn có những tổ chức Hồi giáo, Thiên chúa giáo khác độc lập với chính phủ.

Giữa tháng Năm, ông Suharto đã nói ông sẵn sàng từ chức. Ông nên tạo ra một diễn đàn để có người đối thoại với mình. Có như thế thì nước Indonesia mới được hưởng một thứ Diễn biến hòa bình thay vì bạo loạn! Đây là điều phải rút ra từ bài học ở Jakarta.●

MỘT ĐIỂM NÓNG SỐT: GIA ĐÌNH VIỆT NAM DI CƯ

BÁC SĨ TRẦN MINH TÙNG

Người Việt di cư "nghỉ mát"

Không biết có ai để ý hay không, nhưng *người Việt Nam di cư ít khi, gần như không hề nghỉ mát,* hay nói nôm na, không chịu lấy "vacations" theo nghĩa của nó. Chánh phủ cho nghỉ thì cũng ở nhà chung với mọi người, nhưng chỉ loay quay trong nhà, không thấy ăn mừng như Mỹ, chẳng cần biết lễ Độc lập hay là Tạ ơn hay là Truy niệm gì hết. Giữa năm, nếu sở cho nghỉ hai tuần, thì vẫn cứ lấy nhưng không làm gì đặc biệt. Nếu có đi đâu thì thăm bà con, bạn bè, hoặc chỗ nào đông Việt Nam; còn không phải đi nghỉ mát và không ham muốn đi tìm danh lam thắng cảnh, giải trí "khơi khơi" như người bình thường. Tất nhiên phải nói: các điều bên trên chỉ đúng cho năm bảy năm đầu khi ta mới ra ngoại quốc. Về sau lần lần hội nhập với xã hội mới, chúng ta trở thành giống người bản xứ một phần, khi ấy mới thật bắt đầu giải trí, du lịch và đi không cần mục tiêu thực dụng như lúc đầu.

Và cũng cần thêm: sự việc nói trên không đúng cho các người trẻ sanh sống, lớn lên ở đây. Nếu có hoàn cảnh, thì họ cũng muốn đi Bahamas, Cancun... để chơi, nghỉ mát. Nhưng bực phụ huynh, tức là người Việt di cư đứng tuổi, không hề nghỉ mát mà chỉ thỏa chí khi kiếm bà con, khi gặp đồng bào hay "trở về nguồn." Họ đi Texas, California không phải để

thăm phong cảnh mà để gặp bạn hay là bà con, họ đến New York vì tượng Nữ thần Tự do rất ít mà vì mong viếng Chinatown nhiều hơn... Họ không tha thiết các viện bảo tàng Paris bằng đi một vòng ở quận 13: họ chỉ màng đến gia đình và cái gì nhắc đến gốc Việt của họ hơn là cái đẹp, cái hay của những người khác.

Có thể "cái khó nó bó cái khôn." Tiền tài eo hẹp khi mới làm lại cuộc đời nên phải dè xẻn và phải đặt rõ ưu tiên cho những ngày nghỉ. Nhưng nói cách sao cũng thấy rõ ràng: luôn luôn trước tiên phải là nhu cầu tình cảm, sau đó mới đến thẩm mỹ hay là hiếu kỳ. Đi đến Cali là trước để đi đám cưới thằng Bảy, và sau, nếp kịp, mới Disneyland; đến Texas thì là để thăm dì Ba, còn giờ, thì đi một vòng cho biết dinh thự kiến trúc. Chuyện ta đi chơi là một chuyện nhỏ nhưng chung với nhiều việc khác, có thể là một bằng chứng: gia đình là tối quan trọng, có khi đến mức chủ yếu đối với Người Việt di cư, chi phối hầu hết các sự chọn lựa của họ.

Thật ra, nói rằng gia đình quan yếu như xô cánh cửa đã mở, nói chuyện dĩ nhiên, ai cũng biết. Chính vì quen nghĩ như thế cho nên chúng ta nhìn vào gia đình với một cặp mắt bàng quan, ít khi suy tư, thắc mắc, nên không thấy rõ mình bị chi phối cỡ nào, làm sao, cái hay cái dở của nó, hậu quả ở đâu. Âu cũng là lúc ta nên xét lại và xem gia đình Việt Nam với tầm ảnh hưởng của nó ở trong bối cảnh hải ngoại. Người ta cũng đã nói nhiều — ta thán là chữ đúng hơn — về sự suy đồi của hệ thống ấy: đây cũng là dịp nên thử xét coi những gì đang hiện xảy ra và có đáng ngại hay không.

Nghiên cứu thế ấy thường phải căn cứ vào những dữ kiện định số (quantitative) và dùng những cuộc thăm dò, điều tra, thống kê khách quan. Bài nầy ngược lại chỉ có luận kết chủ quan, nhưng mong tạm vạch một số xu hướng nhận thấy khi nhìn cộng đồng, đồng bào và các gia đình quanh mình. Luận kết có thể không đúng 100% nhưng chỉ ước mong là sẽ mở đầu cho một cuộc thảo luận sâu rộng và đưa lần lần đến chỗ thử nghiệm khoa học sẽ có chứng cớ khách quan về những hiện tượng bàn đến.

Gia đình di cư

Tình cảm gia đình đã thấy ảnh hưởng ngay từ bước đầu đoạn đường di cư: quyết định có đi hay không. Lấy riêng cá nhân, những người lớn tuổi thường không muốn đi: vì không muốn rời quê cha đất tổ, vì không ham thích cái mới lạ đất người, vì không có gì phải sợ khi đổi chủ quyền quê nhà. Nhưng họ vẫn đi: lo sợ cho con, mong ở gần cháu, vì con hay cháu muốn họ cùng đi. Nếu họ là chủ gia đình, thì có lắm khi họ đi là hẳn tại con hay cháu, muốn chúng có được tương lai sáng sủa hơn là ở với Việt Cộng, trong khi chính họ không thiết gì mấy đến mình hay là mảnh đời còn lại. Ngược lại có người không đi vì bởi còn vướng mẹ cha già yếu không ai phụng dưỡng. Đa số những người trở về Việt Nam năm 1975 với tàu "Việt Nam Thương Tín" quyết định quay lại hang hùm bởi vì đã nghĩ mình quá vội vã ra đi và thấy lỗi đạo, thiếu sót với vợ con, không lo cho cha mẹ - và họ cam chịu tù đày luôn cả mấy năm, đúng thật vì nghĩa gia đình.

Di cư, đôi khi tương đối dễ dàng, nhưng cho đa số thì là hồi hộp, nguy hiểm, khó khăn. Nhưng đầu đi biển hay là đường bộ, thuyền nhân hay là đoàn tụ, ngã nào cũng là chật vật, gian khó. Thế mà người Việt thường muốn phải đi "đầy đủ," nghĩa là kèm với gia đình, không những vợ con mà còn cha mẹ, anh em, bà con. Thế nên mới có người già đông đảo trong đám tỵ nạn, làm cho ngoại quốc kinh ngạc, thán phục.

Những năm về sau, ở tại nước ngoài, người Việt di cư phần nào học đòi việc kế hoạch hóa sinh sản, giảm sanh vì chịu bó buộc nếp sống văn minh vật chất. Nhưng họ vẫn còn đẻ sai, gia đình vẫn đông hơn người bản xứ: Mỹ, Pháp, Úc...

Một cách thực tế, một số tiếp tục ở chung vì những liên hệ gia đình. Mới đến thì phải tiện tặn cho nên cố nhét bảy, tám người trong một phòng nhỏ. Về sau thì nhà có mặt luôn ba, bốn thế hệ là thường. Ông bà chung với cha mẹ, con cháu và các con trẻ vẫn còn quây quần đến khi "bầy trẻ" có vợ có chồng, khác với người Mỹ, chỉ mới 15, 17 là đã bay nhảy sống riêng. Ở chung thì có cái lợi về mặt kinh tế: phân bớt công việc, chia bớt tổn phí. Do đó nên các gia đình Việt Nam ở Mỹ rất mau mua nhà. Vừa mới di cư được hai, ba năm là họ đã tậu được nhà, trong lúc dân Mỹ có khi cả đời đi ở nhà mướn. Cả nhà dành dụm, ít tiêu ít xài đã đành, nhưng còn gần hết mọi người hùn chung vào vốn, mới được số tiền đáng kể, nếu riêng cá nhân thì phải nhiều năm hơn nữa mới thành.

Gia đình không những góp vốn mua nhà mà

lại gắn bó, giúp đỡ cho từng cá nhân. Không ai có số rõ ràng, nhưng các gia đình Việt Nam thông thường lo lắng cho con em: cha mẹ dễ dàng cho tiền đi học hoặc là giúp vốn làm ăn, cũng khác hơn Mỹ, thường chỉ "cho mượn" mặc dầu là trong gia đình. Do đó, gia đình thật sự là một đơn vị chặt chẽ và các thành phần liên đới mật thiết luôn suốt cả đời. Tất nhiên cuộc sống các xứ Âu Tây đã làm lỏng lẻo một số tương quan truyền thống. Con trẻ ra riêng nhiều hơn, liên quan không còn mật thiết như xưa, nhưng nếu nói chung, gia đình Việt Nam di cư vẫn khác, và mối liên cảm không giống với các gia đình của xã hội chủ.

Không biết có ai chú ý hay không, về một sự kiện là các đám cưới Việt Nam vẫn luôn linh đình, rậm đám hơn các nhóm dân tộc khác. Lý do không hẳn tại muốn chưng sơ (vì ai chẳng muốn?) mà vì đối với người Việt, đám cưới là lễ xã hội, là dịp gia đình cho nên muốn được nhiều người chứng kiến. Cô dâu chú rể có thể không quen, không biết tất cả quan khách nhưng vẫn nghe lời cha mẹ mời đông, mời hết, vì biết cha mẹ muốn thế.

Cách kín đáo hơn, gia đình vẫn luôn bảo bọc các người cao niên. Ông bà không ở nhà già, ở viện dưỡng lão, mà ở với con, với cháu. Nhiều người lớn tuổi nhân đó giúp được một tay để mà trông cháu, coi nhà, phụ giúp cửa hàng; nhưng dầu ở không, họ vẫn tiếp tục sanh sống ở nhà, trừ phi ra chính họ đã quyết ở riêng và không phiền đến con cháu.

Gia đình hãy còn ràng buộc, dù ở cách xa cả ngàn cây số, tận phía bên kia của bờ đại dương. Người Việt tuy ở xa xôi nhưng vẫn không quên người thân còn kẹt bên nhà. Có thể là người ruột thịt đã đành, nhưng luôn cả bà con xa hay là bạn bè cũng đáng được giúp. Những người cao niên ít xài và dành đồng tiền cấp dưỡng để gởi về nhà, còn người trung niên cũng lấy đồng tiền mồ hôi nước mắt gởi về Việt Nam để giúp những người cùng khốn hơn mình. Cái khổ là người bên nhà không biết giá trị đồng tiền họ được nhận lãnh nên có lắm khi tưởng dễ, viết thư xin càn "vài ngàn đô-la." Để rồi nhiều người di cư đã phải thú nhận: "Thấy thư Việt Nam nửa mừng nửa lo, sợ mình không biết cách nào trả lời ổn thỏa nếu họ xin tiền." Chính việc gởi tiền — hay không gởi tiền về cho gia đình — đã là nền móng của nhiều xung đột, tranh chấp xảy ra giữa các vợ chồng, có khi đến gãy đổ, chia ly.

Cũng chiều hướng ấy, tình cảm gia đình là động cơ chánh thúc đẩy Việt kiều đi về thăm xứ. Vì còn mẹ cha hay muốn viếng lại mồ mả ông bà nên thiên hạ về Việt Nam, nhiều hơn là họ náo nức để đi du lịch, làm ăn hay là chơi bời. Ai đi cũng ngại, và lo nguy hiểm, công luận, nhưng vẫn phải đi vì thấy bổn phận phải về, và vì gia đình mà về.

Hay, Dở

Nhìn vào thực tế như vừa mô tả, chúng ta thấy ngay cái lợi tinh thần gia đình sống trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Việc chỉ cần nói vắn tắt vì là quá rõ, và đã nhiều người ngợi khen.

Cái lợi cụ thể đầu tiên do ở sự hợp quần: vật thể (cường lực bó đũa), kinh tế (nhiều bột thì gột nên hồ), tâm lý (khuyến khích và nhờ kinh nghiệm lẫn nhau).

Nhưng lợi lớn nhất là nếu có được gia đình, cá nhân thấy bớt lẻ loi, xao xuyến vào đúng giai đoạn khởi đầu khi ta mới đến xứ lạ, tâm trí hãy còn bất định, chia xẻ giữa hai văn minh. Chính nhờ gia đình mà có cảm giác thống thuộc (sense of belonging), từ đó nhận thức biết mình là một chi thể của đơn vị lớn và có chỗ đứng vững vàng ở trong xã hội. Và cũng vì đó mà, tuy chẳng mong đợi một chút tư lợi nào hết, người Việt tỵ nạn vẫn chịu tốn tiền điện thoại viễn liên, kêu hết bà con, họ hàng, nói chuyện hàng giờ, mặc dầu biết mình mới đến làm gì dư tiền, nhưng vẫn phải kêu, để bớt thấy bị cô độc, quạnh hiu.

Ngược lại, không phải tất cả chỉ toàn màu hồng. Bề trái vấn đề là các mất mát khi có tiếng gọi gia đình. Phong trào cải cách phong kiến, đả phá gia đình của nhóm Tự Lực Văn Đoàn khoảng năm 1930 cũng có phần nào hợp

* Một ông tướng tồi chỉ huy một mình tốt hơn hai ông tướng giỏi cùng chỉ huy một lúc.

Napoléon

* Phát minh là một phối hợp giữa trí óc và vật liệu. Bạn càng dùng trí óc nhiều thì càng bớt cần vật liệu.

F. Kettering

* Nhà phát minh lớn nhất là sự tình cờ.

Mark Twain

lý khi họ phản ứng chống lại gia đình đã đi quá đà. Vì thật, có những trường hợp gia đình kềm kẹp, bắt buộc hy sinh cá nhân, tìm lợi tập thể mà không đếm xỉa nhu cầu, nguyện vọng của riêng từng người.

Thật ra hiện giờ không còn mấy ai nghiệt ngã như trước, nhưng có đôi khi, dù không phạt vạ và chỉ cảm nhận tinh thần, nhưng tâm vẫn thấy xốn xang, bất ổn nếu ta đi ngược đòi hỏi, tập tục. Khi ấy sanh ra một số xung đột, trì kéo giữa các quyền lợi riêng tư so với cái nhìn của gia đình, không chắc luôn sẽ giải quyết êm xuôi. Tâm trí do đó mà bị dằy vò, đau khổ, dù là nghe lời cha mẹ, hay không nghe lời cha mẹ. Chính tác giả bài này đã gặp trường hợp những người thanh niên bứt rứt vì phải ra trường với nghề mà mình chẳng ưa sau khi nghe lời cha mẹ, hay là bị cắn rứt vì đã trái lời người lớn mặc dù đã đi đúng đường mình ưa. Tôi cũng đã kể trường hợp vợ chồng cắn đắng vì cớ gia đình: vợ muốn gởi tiền mà chồng thì không, chồng muốn có mẹ, nhưng vợ không vui... Tất cả là cái giá phải trả vì có ảnh hưởng gia đình chen vào đời sống cá nhân, yếu tố ngoại lai đôi khi kình chống với các nhu cầu, nguyện vọng riêng tư. Kết quả ra sao thì tùy mỗi người, nhưng quả gia đình đã tăng khổn lực (stress) khiến thêm rắc rối cho một tình thế đã sẵn khó khăn.

Gia đình, không chỉ làm giảm tư lợi, mà còn sẽ khiến bớt mất lựa chọn và cắt tự do, khiến cho cá nhân ràng buộc nhiều ngả. Truyền thống gia đình có nghĩa đi theo tập thể, quên bớt cá nhân, và nhận chịu lép vế, hy sinh. Như thế tức là đi ngược trào lưu mạnh nhứt ở tại các xứ tiền tiến, Âu Mỹ, luôn luôn đề cao biệt tính, đặc quyền cá nhân, thường hay đặt trên đoàn thể cộng đồng. Từ đó mới thấy cái khó của các gia đình hải ngoại khi phải dạy con tùng phục, coi nặng gia đình, trong khi học đường, xã hội khuyến khích tự do, dạy tánh độc lập, tán dương cá nhân.

Chuyện khác nhỏ hơn nhưng cũng đáng nói là khi ở với gia đình thì tức chung chạ và bớt riêng tư (privacy). So với cái kín đáo các nước tiền tiến họ đã quen thấy phần nào, thì đây là một bước tiến thụt lùi cho nên không trách tại sao con trẻ thích dọn ra riêng ngay khi có vợ có chồng.

Suy đồi?

Nhiều người bi quan cho rằng tình nghĩa gia đình thoái hóa và bớt đi nhiều ở trong cộng đồng hải ngoại. Bằng chứng, theo một vài người, ở chỗ trẻ con không còn ngoan ngoãn như xưa, không thấy Thưa Dạ, vòng tay chào hỏi, thường hay cãi lý, nói lớn cái gì chúng thích hay là không thích thay vì lẳng lặng tuân lời. Chúng nó khó biểu đến đỗi thiên hạ truyền tụng nửa thật, nửa đùa: "Con cái đặt đâu, cha mẹ ngồi đó," ngụ ý cha mẹ không phải toàn quyền như xưa mà là tùy thuộc con cái.

Sự việc trên đây không ai chối cãi. Nhưng có thể nhìn cách khác tích cực hơn, như khi thấy ly còn phân nửa thì cho rằng ly *còn đầy* nửa ly thay vì thấy rằng đã *vơi mất* phân nửa. Ta có thể còn an ủi, nghĩ mình còn khá, chưa đến tuyệt vọng như người ta tưởng. Vì nói chí tình, người trẻ tỵ nạn vẫn còn tinh thần tập thể, vẫn mến bà con, vẫn còn khác hơn ngoại quốc là tiếp tục đặt gia đình vào chỗ hạng nhất. Gia đình Việt Nam di cư vẫn đáng cho thiên hạ trầm trồ vì tình gia đình vẫn nặng, ý thức gia đình vẫn cao. Con cái vẫn còn quấn quít cha mẹ, trẻ con vẫn chịu phục tùng, nghe lời người lớn. Và nhứt là mối thân tình vẫn còn khắn khít giữa các thế hệ (thiếu chăng là phía cha mẹ ít khi nói tỏ rõ yêu thương như trẻ đã Âu Mỹ hóa mong chờ). Tuy không mấy lúc phán dạy, ra lịnh, nhưng mà cha mẹ vẫn còn dẫn dắt đứa con, ảnh hưởng đời sống của nó. Và đại gia đình vẫn còn: chú, bác, cậu, dì, bà con vẫn là những người gần nó hơn hết.

Những điều than phiền bên trên thật ra không đáng để lo vì đấy chỉ là dấu tích, có nghĩa rằng mình đang ở ngoại quốc và trong môi trường của xã hội Mỹ, hay Pháp, hay Gia Nã Đại, phóng khoáng, tự do, cho phép và muốn trẻ con biểu lộ độc lập. Ta ở ngoài nước cho nên trẻ con thay đổi là phải. Chúng nó tự nhiên phải khác, hành vi phải "hợp thời trang" giống với các bạn; đòi chúng phải giống như xưa ở trong thế giới truyền thống thì là không tưởng và không hợp lẽ. Hoài cổ và nhớ quê hương làm ta mong muốn con cháu phải giống như ta lúc trước chỉ là không tưởng và dễ thất vọng. Ngay tại quê nhà, bánh xe lịch sử cũng không sao ngừng và các chỗ đứng của phụ nữ và trẻ con cũng đổi, nói gì bên Mỹ hay Âu!

Tôi không dám nói: mình không mất mát gì cả khi đi xa nước, xa nhà, nằm ngay giữa lòng văn minh tiến bộ chực làm dòng sóng lôi cuốn nhân loại. Tất nhiên văn hóa, giá trị truyền thống phải thay, vì phải thích ứng cho nên không thể nguyên vẹn. Nhưng còn giữ được

phần lớn những nét cũ chánh là chuyện đáng mừng, thành tích đáng khen và phải tiếp tục.

Nuôi dưỡng gia đình

Nếu nghĩ tương lai thì nên coi gương cộng đồng thiểu số ở tại các nước tiền tiến Âu Mỹ. Nhìn đó thì thấy: văn minh truyền thống còn mạnh khi nào cộng đồng giữ vững căn tính (identity) trong văn minh mới. Hấp thụ, đồng hóa với văn minh chủ một cách quá nhanh sẽ làm mau nhòe những gì đặc sắc ở trong cá tính của nhóm di cư. Các nhóm Á châu sang bên Mỹ quốc chẳng hạn như người Mỹ gốc Tàu, hay Nhựt, Đại Hàn, còn giữ khá chặt tinh thần gia đình dầu sống nhiều đời di cư vì vẫn không có chuyện đồng hóa hoàn toàn (assimilation). Lý do có thể tại họ có nét vật thể đặc biệt khiến không thể lẫn vào trong các đám đông những người da trắng. Người Việt cũng được cái may (?) là mang những nét đặc thù (gương mặt, mình mẩy) khiến dễ phân biệt cho nên dầu sanh ở đây và trí giống người da trắng và khó trộn chung với họ. Cuối cùng giáo dục vẫn còn Việt Nam và muốn hay không thì họ vẫn "trở về nguồn." Tinh thần gia đình của họ vẫn còn, cũng giống tinh thần người Nhật, người Tàu, người Phi dầu đã di cư mấy đời.

Có điều cường độ sẽ đổi, thái độ lệ thuộc không còn hoàn toàn như trước, tuy rằng ý niệm liên đới vẫn còn và dây liên lạc vẫn chặt giữa người nội tộc. Chuyển hóa như thế là chuyện thông thường phải chịu theo đà tiến bước lịch sử và không đã chắc là dở. Cần thiết là những cái gì chúng ta làm được ngõ hầu vun quén tinh thần hệ tộc không để cho bị lung lạc quá đáng.

Phần lớn cha mẹ không còn trách cứ, phạt vạ con cái, và đó là một điều hay: gắt gao với các con trẻ là điều bất công với chúng và chuyện vô bổ để nhằm mục tiêu dạy dỗ. Răn dạy không còn có thể xử dụng roi vọt, bài giảng khô khan mà là thực hành. Trẻ em cần biết tại sao làm vầy làm khác và cần hiểu lý nên ta phải nói những chuyện ta làm, giảng giải cắt nghĩa. Nhưng cần hơn nữa thì chúng phải thấy những điều chúng ta hiện làm: cái gương cha mẹ kính nể người lớn, thuận hòa, thương yêu, nhường nhịn, là cách răn dạy hay nhứt, bài học sống động, nhiều khi không cần lời nói nhưng sẽ ăn sâu vào trí trẻ em.

Có điều cũng cần nên nhắc là thường cha mẹ ít nói, không chịu bày tỏ cảm nghĩ của mình. Người trẻ hải ngoại đã quen thói tục "cái gì cũng lộ ra ngoài" (*let it all hang out*) như Âu Tây cho nên mong đợi cha mẹ cũng làm như vậy. Nếu không nói ra thì ta cũng nên bộc lộ tâm tình thương mến bằng những cử chỉ thái độ. Thành ra không nên giữ kẽ, kín đáo quá độ, đến nỗi con cái không biết thâm tình làm sao. Cứ hồn nhiên hơn, biểu lộ cái thương của mình: đứa trẻ sẽ thấy vững tâm, biết mình được thương và được chú trọng, sẽ đỡ lo âu, xao xuyến.

Kết luận

Bài báo gần biến thành bài thuyết giảng là điều không một ai muốn. Tuy nhiên đây là vấn đề thực tế và liên hệ đến mọi người, vì ai cũng có gia đình. Nên nhớ: dân Việt hải ngoại còn dựa một giá trị rường cột, gia đình, và chúng ta sống xoay quanh gia đình. Tình tình chuyển đổi nhưng chưa suy đồi đến độ ta tưởng. Tương lai không mấy bi quan nhưng còn tuỳ ta có muốn tích cực nuôi dưỡng hay không. Có biết tức mới thấy quý: ta nên chú ý hơn thêm, cố săn sóc, để sao gia đình Việt nam mãi mãi tồn tại và thêm lớn mạnh.●

SÁCH MỚI

Sài Gòn Trong Mắt Tôi

BIÊN KHẢO CỦA PHỤNG NGHI

NXB Văn Nghệ - giá 12 MK, ngoài Hoa Kỳ 14 MK

* Dù bạn là người Sài Gòn hay không phải người Sài Gòn, cũng cần đọc sách này, để biết: Nguồn gốc tên gọi Sài Gòn . Dân cư Sài Gòn trong 300 năm nay . Đặc tánh và ngôn ngữ người Sài Gòn . Lịch sử các dinh thự, lăng miếu, công viên, chợ búa, trường học, doanh trại... và vô số sự kiện và hình ảnh Sài Gòn trước và sau 1975.

* Sách biên khảo mà đọc vui, hấp dẫn, vì tác giả sinh ra và lớn lên tại Sài Gòn, là một kho tài liệu sống về thành phố này.

* Một cuốn sách cần có trong mỗi tủ sách gia đình.

Phát hành:

1. NXB Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA.
Điện thoại: (714) 527-5761
2. Nguyễn Trường Giang, 11631 Stuart Dr #2, Garden Grove, CA 92843, USA.
Điện thoại: (714) 539-4741

KỶ NIỆM BUỒN THÁNG TƯ...

HUY LỰC BÙI TIÊN KHÔI

Trong buổi nói chuyện tại đại học St. Louis University tôi thuyết trình đề tài "Người Việt Nam tại Hoa Kỳ, 23 năm nhìn lại." Trong bài nói chuyện tôi có nhắc đến Nguyên Sa, đến nhà thơ Octavio Paz vì có nhiều sinh viên gốc Mễ Tây Cơ tham dự. Thế mà hai người này đã lìa đời trong một thời gian thật tình cờ: Nguyên Sa mất ngày thứ Bảy 18.4.1998 và Octavio Paz chết vào Chủ Nhật 19-4-1998. Các kỷ niệm bùng lên xúc động trong tôi...

Nguyên Sa

Tôi gặp Nguyên Sa Trần Bích Lan lần đầu vào khoảng cuối năm 1957, khi ông viết cho tạp chí Sáng Tạo, còn tôi làm thơ trên tạp chí Bách Khoa. Ông có lối nói chuyện thân mật lôi cuốn mà vẫn giữ khoảng cách với những người mới gặp. Lúc đó tôi hài hước làm một bài thơ vui về tạp chí Sáng Tạo: Tôi tả cảnh ông Mai Thảo đứng trước bàn thờ có hình ông Mai Thảo đang vái lia lịa, ông Thanh Tâm Tuyền đứng trước bàn thờ có hình Thanh Tâm Tuyền cũng đang vái lia lịa, xong rồi hai ông quay lại vái lẫn nhau, tôi bèn làm thơ vui. Nguyên Sa gặp tôi bảo ngay: còn Bách Khoa là một tập họp hỗn tạp lố nhố đủ hạng người, có những ông khăn đóng áo dài, áo the thâm, có những ông bộ đồ lớn quần tây cà vạt nghiêm chỉnh, có chị mặc áo dài trắng tinh khiết, có anh sinh viên áo bỏ ngoài quần và có cả những người mặc bộ bà ba đen. Tôi hỏi ai là người mặc bộ áo bà ba đen vậy, Nguyên Sa bảo: "toa" về xem kỹ nhận biết ra ngay.

Khoảng hai năm sau, năm 1959, ông xuất bản tập thơ đầu tay *Thơ Nguyên Sa* chúng tôi gặp lại nhau, thân mật hơn lần đầu, Nguyên Sa hỏi tôi: đã biết ai là người mặc áo bà ba đen trong nhóm Bách Khoa chưa, tôi vẫn lắc đầu.

Năm 1970, có một phái đoàn hùng hậu của Việt Nam tham dự hội nghị các Nhà Văn Á Châu họp tại Đài Loan và sau đó bay luôn qua Hán Thành Đại Hàn tham dự Hội Nghị Văn Bút Quốc Tế. Ông Phạm Việt Tuyền, Tổng thơ ký Trung Tâm Văn Bút Việt Nam làm Trưởng phái đoàn, còn tôi nói tiếng Anh thông thạo làm Phát ngôn viên phái đoàn. Trong phái đoàn có Võ Phiến, Nguyễn Thị Hoàng, Đỗ Quý Toàn, Lương Minh Đức, Nguyên Sa, Trần Dạ Từ v.v... Trong khoảng thời gian hai hội nghị hơn hai tuần và chuyến

thăm viếng cuộc triển lãm quốc tế EXPO tại Osaka Nhật Bản, chúng tôi cùng làm việc, hội họp du ngoạn du hí với nhau, tôi hiểu rõ tính hài hước trào lộng qua bộ mặt nghiêm trang, lời nói văn hoa ý nhị của Nguyên Sa. Nguyên Sa và Trần Dạ Từ thường ở chung một phòng và cùng đi với nhau như cặp bài trùng.

Một đêm tại Hán Thành thủ đô Đại Hàn, phòng ngủ của tôi trong khách sạn được một văn hữu mượn để thảo luận văn nghệ với người đẹp bản xứ, tôi phải sang gõ cửa phòng Trần Dạ Từ để ngủ nhờ. Trần Dạ Từ chỉ chiếc giường trống bên cạnh của Nguyên Sa đang đi vắng, bảo tôi tạm nghỉ. Họp hành liên miên, tiệc tùng khoản đãi, thưởng thức trình diễn văn hóa dân tộc, thăm viếng di tích lịch sử địa phương, tôi quá mệt mỏi nằm xuống là ngủ vùi một giấc đến bốn giờ sáng mới thức dậy. Khi mở mắt tôi thấy bóng đen Nguyên Sa mập tròn trên khung cửa kính, không biết thi sĩ về lúc nào, thấy tôi ngủ quá say không nỡ đánh thức bạn dậy, đành đứng nhìn Hán Thành lóng lánh trong đêm để tìm ý thơ cho một bài thơ với địa danh mới, như Paris có gì lạ không em?

Tôi đứng dậy rối rít xin lỗi Nguyên Sa đã làm mất giấc ngủ của bạn, Nguyên Sa chỉ cười, tôi vô cùng cảm động và ghi mãi cử chỉ đáng yêu này mỗi khi nhớ đến Nguyên Sa.

Trong hội nghị Văn Bút Quốc Tế tại Hán Thành, tất cả các phái đoàn được Tổng Thống Đại Hàn Phác Chung Hy khoản đãi, nhưng đặc biệt đáng ghi nhớ nhất là dạ tiệc của Thủ Tướng Đại Hàn.

Chúng tôi được yêu cầu đến đại sảnh đúng giờ. Trước khi vào phòng tiệc, một chiếc bàn chạm xà cừ, trên để một mâm thau vàng rực rỡ lóng lánh với hàng trăm phù hiệu nhỏ xíu xinh xắn hình đủ loại hoa, đủ loại thú, sặc sỡ chạm trổ khéo léo tinh vi. Sau khi viết tên mình cùng quốc gia đại diện trên quyển sổ vàng "Đại Hàn quốc khách," mỗi tham dự viên được mời chọn một phù hiệu để cô hướng dẫn đẹp như mộng gắn lên trên cổ lật bộ áo lớn mỗi người. Tôi chọn phù hiệu hoa hồng, cái đẹp thông thường của cuộc sống, nhà văn Võ Phiến chọn phù hiệu con chuột, cái ý nghĩa tinh nghịch láu lỉnh của cuộc đời. Không ngờ mỗi phù hiệu là tượng trưng cho hình ảnh của mỗi cô geisha để hầu rượu, chiêu đãi, khiêu vũ, ca hát nhảy múa với mỗi thực khách trong dạ tiệc này. Sau vài câu chào mừng xã giao thường lệ, buổi tiệc tưng bừng náo nhiệt lên một cách bất ngờ, khi Thủ tướng Đại Hàn đưa cao hai tay lên vỗ mạnh vào nhau ra hiệu, hàng trăm cô geisha uyển chuyển tiến tới chỗ ngồi hàng trăm quan khách. Cô geisha mang phù hiệu hoa hồng khuôn mặt diễm lệ tươi đẹp tiến đến cúi đầu chào, rồi khép nép ngồi bên cạnh tôi, vị quan khách mang phù hiệu hoa hồng. Cô geisha mặt choắt mang phù hiệu con chuột đến ngồi hầu Võ Phiến, vị quan khách mang phù hiệu con chuột đang tê điếng gượng làm vui nhìn bạn mình đùa giỡn uống rượu với người đẹp, hối hận về việc chọn lựa phù hiệu tinh nghịch của mình. Nguyễn Thị Hoàng cũng được một chàng geisha tận tình chiêu đãi. Sau buổi tiệc, Nguyên Sa bảo Võ Phiến: "Huy Lực xuất ngoại nhiều lần biết rõ trò chơi này mà còn dấu kín để được con geisha đẹp nhất đêm nay." Quả thật oan cho tôi, vì đây là lần đầu tiên và duy nhất tham dự tiệc geisha trong đời.

Trên chuyến máy bay về lại Sài Gòn Nguyên Sa lại hỏi tôi: "Toi" đã biết văn hữu nào là người mặc bộ bà ba đen trong nhóm Bách Khoa chưa? Tôi vẫn lắc đầu.

Sau năm 1975, vượt thoát ra khỏi nước, định cư ở Houston Hoa Kỳ, tôi đã biết rõ người mặc bộ bà ba đen trong nhóm Bách Khoa là ai nhưng đã quá trễ. Năm 1979 Võ Phiến đến ở chơi với tôi tại Houston. Chúng tôi, Võ Phiến, Mặc Đỗ, Trần Ngọc Bích ở Pháp qua trò chuyện vui chơi suốt ngày, nhắc nhở đến những kỷ niệm cũ với Doãn Quốc Sỹ, Vũ Hoàng Chương, Mai Thảo, Nguyên Sa. Mặc Đỗ tuyên bố gác kiếm tuyệt tích giang hồ. Tôi đã tổ chức được buổi lễ tưởng niệm Vũ Hoàng Chương có trình diễn ngâm 10 bài thơ đắc ý nhất của ông tại đại học Houston, hơn 500 người đến dự. Tôi đã nhờ Thượng nghị sỹ Phil Gramm tận tình can thiệp cho Doãn Quốc Sỹ. Với Mai Thảo tôi đã đôi lần tái ngộ ở Houston. Nhưng tôi vô cùng ân hận chưa gặp lại Nguyên Sa một lần nào, sau năm 1975.

Khi Nguyên Sa đến Houston ra mắt tập truyện "Giấc mơ" tôi đang tham dự một đại hội giáo dục ở Nữu Ước. Khi qua Los Angeles thăm anh Võ Phiến, thời gian quá ngắn ngủi, chỉ tự hẹn lần sau, nhưng chẳng bao giờ nữa có cơ hội gặp lại Nguyên Sa để trả lời câu hỏi của anh, mà tôi vẫn luôn luôn lắc đầu.

Trước năm 1975, tôi diễn thuyết tại Hội Văn hóa Việt Mỹ về hai chữ 'Phù du' trong văn chương Việt Nam, hôm ấy có Nguyên Sa lên góp ý. Bây giờ anh vĩnh viễn ra đi tôi muốn

lấy bốn câu thơ của bài Phù Du tôi sáng tác năm 1995 để tiễn đưa anh về nơi an nghỉ cuối cùng:

Phù Du

Ta gởi đời sau dấu chấm than
trời đêm một vệt ánh sao ngang
trăm năm một thoáng là bao nhỉ
cuộc sống lăn nhanh lệ nửa hàng!

Sau Nguyên Sa mất một ngày, nhà thơ lớn của ngôn ngữ Tây Ban Nha, Octavio Paz người Mễ Tây Cơ giã từ cuộc sống, không bao giờ trở lại, cũng cùng một căn bệnh ung thư.

Octavio Paz

Năm 1984, tôi được thành phố Houston bầu vào làm Houston's Poet Laureate — Nhà thơ Công Huân Danh Dự của thành phố Houston — nhà văn John Updike và nhà thơ Octavio Paz đến tham dự chúc mừng trong buổi lễ được tổ chức thật long trọng tại thành phố lớn thứ tư của Hoa Kỳ. John Updike, nhà văn hàng đầu Hoa Kỳ đã được giải thưởng văn chương Pulitzer Prize lên diễn đàn giới thiệu tôi: "Ông là nhà thơ vĩ đại nhất viết về đề tài tỵ nạn gây ảnh hưởng sâu xa trong lịch sử văn học loài người." Còn nhà thơ Octavio Paz phát biểu: "Tôi kính phục ông trong một nỗ lực phi thường để làm Mỹ châu hiểu biết người Việt Nam và văn hóa Việt Nam hơn."

Octavio Paz lớn hơn tôi 23 tuổi, khi ôm tôi chào mừng sau lời phát biểu, ông thì thầm vào tai tôi: "Ông còn tuổi trẻ, còn quá nhiều thì giờ để sáng tác." Sau đó ông tặng tôi bài thơ "Youth" gồm mấy câu sau đây bằng tiếng Tây Ban Nha và bằng tiếng Anh

Juventud

El salto de la ola
Más blanca
Cada hora
Más verde
Cada día
Más joven
La muerte

Youth

The leap of the wave
Whiter
Each hour
Greener
Each day
Younger
Death

Tạm dịch ra Việt ngữ:

Tuổi Trẻ

Những bước nhảy chồm lên của đợt sóng
Trắng hơn
Mỗi giờ
Xanh hơn
Mỗi ngày
Trẻ hơn
Và sự chết

Octavio Paz xuất bản tập thơ đầu tay khi ông đang theo học một đại học ở Mễ Tây Cơ năm 19 tuổi. Tính đến nay ông đã xuất bản hơn 70 quyển sách về thơ, phê bình và khảo luận văn chương. Trong năm 1937 ông tình nguyện đến quốc gia Tây Ban Nha và sau đó làm việc trong chương trình tỵ nạn tại Mễ Tây Cơ để giúp những người Tây Ban Nha tỵ nạn sang Mễ tránh sự khủng bố của chính phủ độc tài quân phiệt phát xít do tướng Franco lãnh đạo. Octavio Paz tâm sự với tôi trong năm 1984: "Tôi đã làm việc với người tỵ nạn Tây Ban Nha, nên tôi hiểu rõ và khâm phục những cố gắng phi thường của người tỵ nạn Việt Nam, khởi sự cuộc đời mới với hai bàn tay trắng tại Hoa Kỳ." Năm 1944, ông gia nhập ngoại giao đoàn và đến năm 1962 ông được cử làm đại sứ Mễ Tây Cơ tại Ấn Độ. Trong những năm ở ngoại quốc ông đã có một cái nhìn rộng rãi và một kiến thức sâu sắc trong tác phẩm phê bình được dịch ra Anh ngữ với nhan đề: *The Labyrinth of Solitude: Life and Thought in Mexico* (Tạm dịch: Tính chất cực kỳ phức tạp của sự cô độc: Đời sống và tư tưởng ở Mễ Tây Cơ). Trong quyển sách này ông đưa ra một sự so sánh chính xác thực tế giữa xã hội Mễ Tây Cơ và các quốc gia khác ông đã sống qua, với một cái nhìn thật nghiêm khắc, không khoan nhượng. Ông viết: "Theo tôi, người Mễ là loại người tự khép kín cô độc, tự xa cách

tránh né để tự bảo vệ. Người Mễ chúng ta, khuôn mặt chỉ là cái mặt nạ, ngay cả nụ cười cũng chỉ là mặt nạ." Ông tiến xa thêm: "Người Mễ luôn luôn tách rời ra khỏi thế giới mà họ đang sống, người Mễ xa lánh những dân tộc khác và họ cô đơn lạc lõng ngay trong chính bản thân họ." Nhìn chung cả quốc gia Mễ Tây Cơ, ông nhận định: "Trong một ý nghĩa nào đó, lịch sử của quốc gia Mễ Tây Cơ cũng như người Mễ Tây Cơ đã có một sự chiến đấu trường kỳ gay go giữa hình thức (form) và công thức (formula) và sự kiện này đè nặng lên chúng ta và nó đã nổ tung lên như một cuộc tự trả thù của mỗi cá nhân." Quyển sách ra đời cách nay hơn 40 năm, như một quả bom thả xuống xã hội Mễ Tây Cơ bảo thủ, trì trệ, tự mãn, đạo đức giả. Nhiều người, trong đó có những nhà văn, nhà trí thức, nhà báo giàu có lên tiếng chỉ trích ông, đả kích những nhận định của ông. Octavio Paz chỉ im lặng tiếp tục sáng tác, vì ông được đa số người Mễ Tây Cơ nhận đúng chân giá trị của những điều ông viết để sửa chữa tiến lên. Năm 1982, ông được giải thưởng Miguel Cervantes Prize, giải thưởng cao quý nhất của quốc gia Tây Ban Nha. Fidel Castro, Chủ tịch nước Cộng Sản Cuba thấy ảnh hưởng của ông quá rộng lớn tại Châu Mỹ La tinh liền ve vãn, nhưng ông đã cực lực chỉ trích chính sách cai trị độc tài ngu dân của Castro chỉ đưa nước Cuba đến nghèo đói. Ông cũng nặng nề lên án chính quyền thiện cộng tại Nicaragua là không hợp lý và tàn bạo.

Năm 1990, cuộc đời của ông lên đến tột đỉnh danh vọng khi được trao tặng Giải thưởng Nobel văn chương, với những lời nồng nhiệt ca ngợi về toàn bộ tác phẩm đồ sộ của ông với một tầm nhìn rộng rãi sâu sắc. Được tin ông được giải thưởng Nobel văn chương, tôi vội gởi cho ông một bài thơ ngắn, chúc mừng.

Nhận được bài thơ của tôi, Octavio Paz liền viết ngay cho tôi một bức thư cảm ơn và ông tiết lộ việc làm ưu tiên kế tiếp của ông là thành lập một cơ sở văn chương mang tên ông tại thành phố Mexico.

Đó là bức thư cuối cùng của ông tôi nhận được. Năm 1993 tôi đến thuyết trình tại đại học Rice, tình cờ gặp con gái của Octavio Paz, nữ văn sĩ Elena Paz. Cô đến thăm viếng đại học này cho một dự án văn hóa. Tôi mừng rỡ rối rít hỏi thăm Octavio Paz, cô cho biết cha cô không được khỏe nhưng ông vẫn ngồi vào bàn viết suốt ngày trong căn nhà toàn là sách vây quanh. Ông là người yêu của chữ nghĩa và sách báo.

Tháng 12 năm 1996 căn nhà của ông đột nhiên phát cháy, toàn bộ sách quý và hiếm của ông trở thành một đống tro tàn. Tôi nhận được tin này qua nhật báo, liên tưởng ngay đến tủ sách quý, một trong những tủ sách tư tưởng lớn nhất Sài Gòn của người bạn tôi Hoàng Tổng, cũng tan theo lửa khói, sau năm 1975. Sau trận hỏa hoạn tôi có viết thư thăm ông, nhưng thư bị hoàn trả lại, có lẽ ông đã dọn đến một địa chỉ khác.

Trong đám tang của Octavio Paz, Tổng thống Mễ Tây Cơ Ernesto Zedillo phát biểu: "Chúng ta vĩnh biệt nhà thơ, nhà tư tưởng vĩ đại nhất của quốc gia chúng ta, những tư tưởng, tác phẩm văn chương và cuộc đời của ông đã làm phong phú xứ sở chúng ta. Chúng ta không bao giờ quên ông."

Và tôi sẽ không bao giờ quên khuôn mặt hay cười đầy nhân ái hiền từ của một nhà thơ lớn. Và ông sẽ sống mãi, vì "tử nhi bất vong, thọ giả," chết nhưng không bị đời lãng quên là sống mãi vậy.●

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi dựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

THÁNG TƯ, ÁO LỤA

NGUYỄN TIÊU DAO

Chuông điện thoại làm tôi giật bắn mình choàng tỉnh. Giấc mơ thoát vào bóng đêm. Mới hơn năm giờ sáng, bên ngoài trời hãy còn tối. Tôi với tay cúp máy, tắt nút chuông, cằn nhằn một mình, rồi lại cuộn tròn cố níu lấy giấc ngủ... Trong mơ, thấy ai cười khúc khích, giọng thật trẻ thơ, tà áo lụa dịu dàng...

Vừa đặt chân đến sở, đã thấy cô đồng nghiệp chạy vào:

"Có ai gọi anh từ sáng sớm, mấy lần rồi đó!"

Tôi bỗng chột dạ. Mấy hôm nay, người anh rể tôi không được khỏe, hay là có chuyện gì chăng? Tôi bấm vội số nhà anh, không ai trả lời. Vừa dở được chồng hồ sơ đầu tiên, thì chuông đã reo. Giọng hốt hoảng trong máy làm tôi thở phào nhẹ nhõm, Thắng bao giờ cũng vậy:

"Mày chết bao giờ mà gọi không được vậy hả?"

Tôi phì cười:

"Ai chết, chứ tao sống nhăn..."

Thắng cắt lời, giọng nghiêm trang lẫn thất vọng:

"Mày biết rồi à? Ai bảo mày thế?"

"Không! Mà... ai vậy?"

"Thầy Cô! Thầy Cô chết rồi!"

*

Thắng học cùng với tôi từ những năm đầu trung học. Cái dáng lộc ngộc đềnh dàng của Thắng, cộng với vẻ hốt hoảng thường xuyên làm tôi vừa thương vừa buồn cười. Hè năm 72, chiến tranh đã trở nên khốc liệt, lệnh đôn quân lôi thanh niên nhập ngũ từ 17 tuổi. Khi ấy chúng tôi mới vừa xong lớp chín. Những thằng bạn không may học trễ đã phải vào Quang Trung nhập ngũ. Tất niên năm lớp 10, lũ con trai thành phố chúng tôi lần đầu tiên mới biết thế nào là nỗi sợ hãi của chiến tranh. Năm người bạn đi lính vào đầu hè, thì một người đã chết, một mất tích, một trở về cụt cả hai chân. Những đứa trẻ con mười lăm mười sáu như lớp chúng tôi ngày ấy kinh hoàng nhìn nhau, ngơ ngác đi theo quan tài bạn. Chiến tranh là gì, ai có biết không?

Thắng học trễ một năm, có nghĩa là hắn không có quyền trễ thêm năm nào nữa. Học chăm chỉ nhưng không giỏi nên Thắng cũng hơi lo, và thường nhờ tôi giải toán. Đến vật lý thì hắn mù tịt, nhất định không chịu hiểu tại sao viên đạn bắn đi với nòng súng chếch lên 45 độ lại bay xa nhất? Hè năm 74, bị kỳ thi tú tài ám ảnh, Thắng lôi kéo tôi đi học lớp hè cùng trường cho bằng được, cốt chỉ để bắt tôi giải toán dùm khi có bài mang về nhà làm. Lúc ấy tôi đã giãy nảy không chịu, mặc cho Thắng nài nỉ dỗ dành! Cuối cùng, bực quá, Thắng tố luôn:

"Mày cứ đeo cái trường Phục Hưng với đám con nhà giàu, chứ học hành chó gì! Tao đ..."

Thắng kịp ngậm miệng trước khi tôi nổi nóng. Nét mặt ngô ngố của Thắng lại làm tôi phì cười. Thật ra, tôi "đeo" các lớp luyện thi ở Phục Hưng chỉ vì mê hai ông thầy Nguyễn Xuân Nghiên và Nguyễn Văn Kỷ Cương. Học trò ban toán ở Sài Gòn thời đó, ai mà không phục những công thức vật lý "bùa hộ mệnh" của thầy Nghiên, và những bài toán chùm vòng tròn mà thầy Cương xoay như chong chóng. Có đứa phục đến nỗi cả quyết rằng thầy Cương vẽ vòng tròn trên bảng còn tròn hơn cả dùng compas mà vẽ! Chỉ phải cái, trường thầy Cương và thầy Nghiên thu học phí

đắt gấp hai lần các tư thục khác. Ba ngàn cho lớp toán, năm ngàn có thêm lớp lý hóa. Thắng kêu: "Nhà nghèo như tao làm gì có tiền." Dạo ấy, ngoài việc "mê" hai ông thầy, tôi còn có thêm một nỗi đam mê khác nữa: tôi mê thơ và tôi mê Bích! Mà Bích thì cũng mê toán lý hóa thầy Cương thầy Nghiên nốt, nên cứ nhất định tháng tháng đem nộp tiền học cho hai ông giáo sư đắt giá nhất Sài Gòn thuở đó.

Thắng thì chỉ đủ tiền học lớp hè trường Văn Học. Hai trường cùng nằm trên đường Phan Thanh Giản, cách nhau có vài trăm thước qua ngã tư Lê Văn Duyệt. Mỗi khi tan học hay những ngày cúp cua, chúng tôi lại tụm năm tụm ba ở quán cà phê góc con đường nhỏ trước cổng Văn Học. Tôi chở Bích đi học bằng chiếc Honda già gần 10 tuổi màu đỏ cà khổ, nổ lụp bụp. Có lần khói đen từ ống bô văng ra làm bẩn tà áo dài lụa trắng, Bích đã giận tôi cả tuần về tội xe dơ! Thắng thì ngược lại, lúc nào cũng bảnh chọe trên yên cái Honda dame lau chùi cẩn thận. Cái thằng! Tiền học thì kêu không có, mà bao nhiêu cho cái xe cũng chi! Thật ra, Thắng không nghèo đến nỗi không có tiền đóng học phí đắt, nhưng hình như Thắng không thấy hợp với cái không khí "con nhà giàu" mà hắn vẫn dùng để gọi "trường ông Cương." Cho nên Thắng vẫn học ở Văn Học với đa số bạn bè, mà vẫn chưa thuyết phục được Bích và tôi.

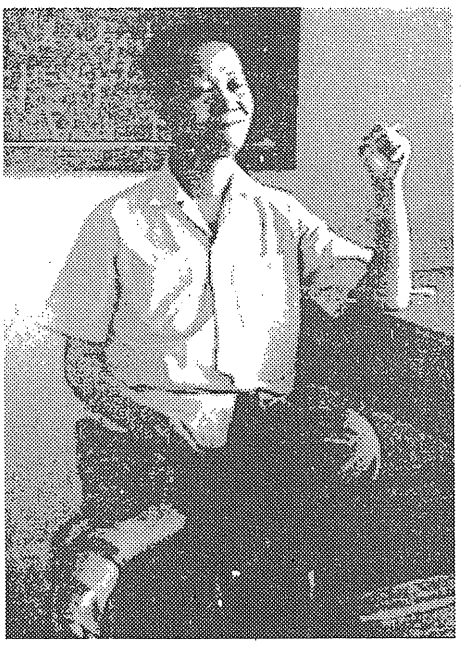

Thầy Trần Bích Lan tại Chu Văn An 1960

Tháng hè năm ấy trôi qua êm đềm như mọi tháng hè của thời học trò, dù thật cận kề cuộc chiến tranh kia. Với tôi, chắc chắn đó là mùa hè dịu ngọt nhất trong đời. Cả với Bích nữa (tôi tin rằng như thế, có phải thế không?)

Một hôm, bất chợt Thắng bảo cả bọn:

"Bà hiệu trưởng trường Văn Học dạy triết hay lắm thì phải ?"

Cả bọn ngỡ ngàng, hỏi lại:

"Bà nào?"

Thắng làm mặt quan trọng, gắt gỏng trả lời:

"Cô Bích Lan chứ còn bà nào!"

Cả bọn trợn mắt, ôm bụng cười lăn lộn. Thắng cù lần đến nỗi không biết Trần Bích Lan là "ông," nói gì đến Nguyên Sa! Từ đó, mỗi lần Thắng ngập ngừng nhắc đến tên "ông chủ trường" là bị bạn bè chọc ghẹo:

"Thầy Lan nào? Cô chứ !"

Thắng vừa ngượng vừa bực mình, lúng túng nói cho xong:

"Ừ, thì ông thầy... cô!"

Cả lũ lại được dịp cười bò! Thầy Lan được chúng tôi gọi trộm với nhau là... "Thầy Cô" từ đó.

Thật ra, thầy Lan không dạy nhiều lớp ở Văn Học, nhất là các lớp hè ban toán như chúng tôi thì hầu như không gặp thầy bao giờ. Thỉnh thoảng mới thấy thầy lái xe đến, hình như một cái Peugeot 403 đen thì phải? Có lần, bọn học trò thi hỏng tú tài, bực tức trút giận lên xe thầy, vỡ tan kính. Bọn tôi học trường công và thuộc loại học trò con nhà lành, chỉ có hè mới phải đi học thêm ở các tư thục, nên rất ghét những trò trả thù thầy như thế, sợ nữa là khác. Tuy không phải tất cả học trò trường tư Sài Gòn ngày đó đều hư hỏng, nhưng chỉ cần một nhóm nhỏ xách động là đủ gây chuyện. Các ông chủ trường tư thường bị họ coi là "xì thẩu." "Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi" là câu hằn học của đám học trò bản tính, không may rớt tú tài phải nhập ngũ, đem gán cho chủ trường tư. Tuy nhiên, nếu ai có sống những ngày ấy vào tuổi mười bảy mười tám ở Sài Gòn thì mới hiểu và cảm thông được họ. Từ những đứa học trò hồn nhiên ngốc nghếch, một sớm một chiều phải đối diện với sự sống và cái chết, mà nào họ có tội tình gì? Nhưng các ông chủ trường như thầy Trần Bích Lan cũng chẳng làm gì nên tội, cả cái kính xe của thầy cũng không! Chẳng qua..., mà chiến tranh là gì, ai có biết không?

Một hôm, Thắng rủ cho bằng được Bích và tôi vào Văn Học. Tôi bực mình sẵng giọng:

"Toán của mày thì mày ráng mà làm đi, cứ bắt tao đi nghe giảng dùm là cái quái gì?"

Thắng kiên nhẫn lôi kéo, rồi chẳng nói chẳng rằng đẩy tuốt xe tôi vào sân trường chật cứng xe máy xe đạp, khóa lại, bỏ chìa vào túi. Chúng tôi đành phải vào theo. Tôi ngạc nhiên thấy Thắng đi qua lớp của hắn mà không vào, lại lôi tuốt chúng tôi lên lầu hai. Vừa nhảy hai bậc một trên cầu thang xi măng nước vôi vàng kệch vỡ ra từng mảng, Thắng vừa thì thào, giọng thật hồi hộp:

"Vào đây nghe ông thầy Cô giảng triết!"

Tôi sững sờ!

Bạn tôi bị ai hớp hồn hay sao mà lại rủ đi nghe triết? Cù lần đến như Thắng! Đến không biết cả ông hiệu trưởng trường Văn Học chính là thi sĩ Nguyên Sa (và là "*ông*" hiệu trưởng, cho dù được mang một cái tên thật gợi cảm — có lẽ các bậc sinh thành ra ông đã đoán biết nghiệp ông sẽ thành thi sĩ...) Thế mà hôm đó Thắng đòi vào nghe giảng triết!

Chúng tôi vào trễ, lớp đã đông lố nhố. Phòng học không lớn, nhưng khá dài, chỗ sáng chỗ tối, quạt trần lùa hơi nóng hầm hập từ trước ra sau, đưa mùi mồ hôi từ sau ra trước. Bích và tôi thu mình trong góc tận cuối lớp với một cảm giác tội lỗi của kẻ đi học cọp. May mà không phải là tuần lễ đầu tháng, lúc giám thị hay đi xét biên lai học phí, đuổi học trò nợ tiền học ra ngay giữa giờ học, khi giáo sư còn đang giảng bài. Thắng trái lại, ngồi chồm ra mép bàn, nghểnh cao đầu, vươn dài cổ trố mắt nhìn thẳng, đã dềnh dàng lại càng lều nguều thêm. Tôi cố nín cười, nhìn theo hướng Thắng. Ánh sáng từ phía trước rọi ngược, chói vào kính cận thị khiến tôi không thể phân biệt rõ mọi vật mọi người. Trước mặt chúng tôi là một người tầm thước, chừng ngoài 40 tuổi. Thầy Trần Bích Lan đó. Nhà thơ Nguyên Sa của "Áo lụa Hà đông," của "Nga buồn như con chó ốm" đang ở đó. Thầy có vẻ đấy người hơn là hình ảnh thi sĩ mà thơ Nguyên Sa mang lại. Bất giác một thoáng thất vọng nhẹ nhàng len lén đâu đây. Nhưng rồi giọng nói điềm đạm vang lên, rõ ràng mà không nghiêm khắc, lôi cuốn mà không yếu mềm, đã mau chóng mang tôi về với "muà xuân hoa lá vương đầy ngõ" giữa cái nóng trưa hè hầm hập. Hôm ấy thầy giảng tâm lý và phân tâm học. Những Freud và mặc cảm Oedipe, những ham muốn và luân lý..., ngày đó tôi chẳng hiểu bao nhiêu. Nhưng quả thật,

NGUYÊN SA

CHIẾC BÓNG

Chiếc bóng của trái núi là sa mạc,
Chiếc bóng của tình yêu là sự tưởng nhớ,
Hư vô là chiếc bóng của hữu thể và ngược lại
Cũng như sấm ký là chiếc bóng tới trước của vị lai

Màu son là chiếc bóng tới trước của phôi phai,
Bóng của trái tim nấp sau giọt nước mắt,
Bóng của tiếng khóc khuất lấp trong trái tim,
Bóng của thời gian chia hai cho hạnh phúc buồn và giấc mộng.

Bình minh và ly cà phê chia nhau ban đêm,
Có khi nó cầm trong tay một cánh bướm,
Một miếng mộng tinh,
Hay một miếng Freud,
Chấm vào ly cà phê,
Có bóng của chính mình,
Và uống.

Chiếc bóng của thơ mỗi ngày di động,
Anh đang đứng trong đêm,
Chiếc bóng ở bên mặt hay bên trái,
Em nhìn dùm anh,
Nó in hình trên mặt trăng cùng với chiếc bóng của trái đất,
Nó ở tinh cầu khác,
Hay ở nơi chiếc bóng của một ảo tinh cầu?

cái cung cách ôn tồn vừa như ép buộc vừa như khuyến dụ của thầy Trần Bích Lan chiều hôm ấy đã thu hút tôi, tựa như dìu tôi đi trong một bài thơ lớn. Chúng tôi ngồi nghe thầy trong hai giờ liền, im lặng. Cả lớp không một tiếng ồn ào. Thắng ngồi như pho tượng đất, nửa người đổ ra phía trước lệch lạc. Chẳng biết hắn có hiểu gì hơn hay không, nhưng ít ra tôi cũng biết chắc được một điều, là chiều hôm đó, ông "thầy Cô " đã thật sự biến hình thành nhà thơ Nguyên Sa trong lòng Thắng.

Hai cái quạt trần vẫn kiên nhẫn nhả sức nóng của buổi trưa Sài Gòn lên gần năm chục đứa học trò, và nhà nghệ sĩ vẫn say sưa rót những tà lụa trắng mát rượi lên tâm hồn chúng. Trong những khoảnh khắc nối liền, tôi gần như quên mất Bích, quên mất mọi người. Lúc quay sang, tôi thấy Bích cũng đang chăm chú lắng nghe, nghiêm trang như chưa bao giờ. Mắt Bích lóng lánh đen, má ửng hồng màu nắng trưa. Vài giọt mồ hôi lăn nhẹ xuống thái dương, dán mái tóc ngắn vào sát cổ, rồi thấm ướt từ từ lên vai áo lụa. Từ đâu đó lan ra một mùi thơm con gái nhẹ nhàng. Tôi bỗng nghĩ đến mùi "hương cốm" của lòng mình, với "mùa thu tóc ngắn," và "nắng Sài Gòn" cùng "áo lụa Hà Đông..." Tự nhiên, trong giọng thơ Nguyên Sa lãng đãng, sao Bích đẹp lạ lùng! Hay chỉ vì Bích giống những bài thơ ấy quá?...

Bây giờ, có đến hai mươi mấy năm trôi qua. Không biết ở nơi nào đó trong cuộc đời vội vã, Bích có còn đôi lúc nhớ đến tôi không? Tết năm 75, cái tết cuối cùng ở trường trung học thật khó quên. Năm ấy tôi đã hát "Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông..."

...Thế rồi tháng tư đổ sập đến thật bạo tàn. Gia đình tôi ly tán, bố mẹ tôi già yếu ốm đau trong nỗi lo sợ buồn rầu. Thắng may mắn đi thoát. Còn cả nhà Bích đều kẹt lại. Ba của Bích là nhà giáo biệt phái, cũng không tránh được tù đầy do những kẻ không biết đổ lòng căm tức hèn mọn lên đầu ai áp đặt. Mẹ Bích không biết làm gì để nuôi đàn con năm, sáu đứa mà Bích là chị cả... Năm sau, ba Bích được về, mang theo bệnh lao từ trại tù cộng sản. Bích vốn học giỏi, nên cố thi lại và đậu vào khoa hóa học trường Bách Khoa Phú Thọ . Khi đó, tôi vừa thoát trại tù vượt biên Phan Rang về, trong người không còn manh giấy, không dám bén mảng cả về nhà mình. Tôi nghe tin Bích đi học lại, cũng mừng cho nàng. Còn tôi, tôi đã quyết định ngày mai cho chính mình rồi, một ngày mai quá rủi ro không thể nào có Bích. Nên tôi lại vượt biên. Và lại bị bắt ở Rạch Giá... Ra tù, tôi nghe bạn bè nói Bích đi buôn thuốc tây vào kỳ nghỉ Tết, bị bắt và bị đuổi học. Một cơn bão thầm lặng dấy lên trong tôi, xoáy vào buồng tim lá phổi, nghe đau buốt ngậm ngùi. Tôi không dám đến gặp Bích vì biết nàng tự ái vô cùng, nên chắc cũng chẳng muốn gặp tôi làm gì. Vả lại, cái thằng thanh niên tôi hai mươi tuổi, vào tù ra khám như một kẻ tội đồ bị chối bỏ, không chốn nương thân ngay trên chính quê hương mình, cái thằng tôi vô thân còn giúp gì cho Bích được?...

Đã gần một phần tư thế kỷ lặng lẽ dừng lại, chỉ riêng con người là vẫn mài miệt bước đi. Sáng nay, nghe Thắng báo tin thầy Lan qua đời, tôi không ngạc nhiên vì biết thầy bệnh đã lâu. Tôi chỉ nhớ, nhớ đến vô cùng buổi chiều hôm chúng tôi lén vào lớp nghe thầy giảng triết. Nào luận lý, nào tâm lý, nào đạo đức trong đời, đến nay tôi đều sống qua hết cả. Nhưng chắc chắn không bao giờ tôi thấu hiểu được tình người qua triết học bằng một cảm nhận sâu lắng êm đềm như trong buổi chiều năm xưa, giữa nắng Sài Gòn thiêu đốt, một thi nhân đã truyền đạt cho tôi cái cảm giác thế nào là lá sen, là hương cốm, là áo lụa, là chân dung người yêu với nét vẽ vội vàng...

"Em ở đâu hỡi mùa thu tóc ngắn,
Giữ hộ anh màu áo lụa Hà Đông
Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng..." *

Tháng tư 1998.

---

* Trích "Áo lụa Hà Đông", thơ Nguyên Sa.

* Một người khôn ngoan nhìn những gì ông ta cần nhìn, không phải nhìn những gì ông ta có thể nhìn.

Montaigne

* Rất nhiều người sẽ trở thành hèn nhát, nếu họ đủ can đảm để làm điều đó.

Thomas Fuller

* Một người khôn ngoan không đi tìm dịp may, anh ta tạo ra dịp may.

Bacon

Những sách mới của Thế Uyên:

truyện dài

KHÔNG MỘT VÒNG HOA CHO NGƯỜI CHIẾN BẠI

"... Độc giả nào chỉ thích đọc loại văn tải đạo, sách tuổi hồng tuổi xanh, đề cao anh hùng liệt nữa, sách chống cái này theo cái kia về chính trị, thì không nên đọc truyện dài này. Bởi vì những gì viết ra sau đây chỉ là "truyện đời thường" của bốn anh em một gia đình ven Hồ Tây, Hà Nội, phiêu lưu trong cuộc đời của họ trong nửa thế kỷ vừa qua, từ miền Bắc xuống miền Nam Việt Nam, từ miền Nam đến tận Hoa Kỳ, với tất cả thăng trầm yêu đương tình dục của họ. Người viết muốn tả cái gì cũng tới đáy, tới phần sâu thẳm nhất, tới biên cương của mọi sự..."
(trích Ghi chú cho lần in thứ nhất)

XUÂN THU XUẤT BẢN, P.O. Box 97, Los Alamitos, CA 90720
bìa Nguyên Khai - giá $14.00

---

hai biên khảo trong một cuốn sách:

I. NHỮNG NGƯỜI MỸ CHUNG QUANH CHÚNG TA

Giai cấp thượng lưu - Giai cấp trung lưu - Giai cấp lao động - Cộng đồng Mỹ đen - Cộng đồng Hispanic/Mễ... đã hình thành, sinh sống như thế nào, yêu đương làm tình lấy vợ nuôi con ra sao. Những giấc mơ công xã bất thành trên đất Mỹ và những cách thế yêu đương độc đáo của họ. *Một biên khảo hữu ích cho những ai muốn hiểu dân tộc Mỹ từ bên trong nhìn ra.*

II. SỰ BIẾN ĐỔI CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM QUA THỜI GIAN VÀ KHÔNG GIAN

Trình bày và phân tích cơ cấu của gia đình Việt Nam và sự biến đổi của nó từ thời lập quốc, thời kỳ độc lập từ thế kỷ 10 đến 19, thời kỳ Pháp thuộc, thời kỳ Nam Bắc phân chia (gia đình trong chế độ VNCH, gia đình trong chế độ Cộng sản và hiện nay tại nội địa), gia dình Việt Nam tại hải ngoại... *Đọc biên khảo này xong, người đọc, nhất là lớp lớn tuổi, ở hải ngoại cũng như trong nội địa sẽ bình tĩnh hơn, thích ứng nhanh và vui hơn vào sự biến đổi đã và đang xảy ra cho gia đình và nếp sống của mình.*

(**Xuân Thu** ấn hành trong hè thu 1998)

BI KỊCH CỦA MỘT TÂM HỒN VĨ ĐẠI

INNA MALKHANOVA

(Tiếp theo và hết)

Khi nhìn lại xa hơn những người ở các nước khác, tức là những người đồng thời với tôi và những người quá khứ, tôi cũng đã thấy một điều như vậy. Ở đâu có đời sống thì ở đấy có tín ngưỡng. Kể từ khi có nhân loại, thì chỉ một mình tín ngưỡng tạo khả năng sống cho nhân loại mà thôi, và những nét chủ yếu của tín ngưỡng khắp mọi nơi và mọi thời đều như thế cả.

Dù bất cứ tín ngưỡng nào đưa ra những câu trả lời như thế nào đi nữa cho bất cứ người nào, thì mỗi một câu trả lời của tín ngưỡng đều gắn ý nghĩa của cái vô cùng cho sự tồn tại hữu tận của con người - ý nghĩa này mới không bị tiêu diệt bởi sự đau khổ, khốn cùng và cái chết. Như vậy, chỉ một mình tín ngưỡng mới đem lại ý nghĩa và khả năng sống. Và tôi đã hiểu rằng tín ngưỡng trong ý nghĩa cơ bản không chỉ là "vật chất hóa những vô hình", v.v... không phải là thiên khải (đó chỉ là một trong những đặc trưng của tín ngưỡng), không phải chỉ là thái độ của con người đối với Thượng đế (cần phải xác định tín ngưỡng rồi mới xác định Thượng đế, chứ không phải thông qua Thượng đế mà xác định tín ngưỡng), không phải chỉ là sự chấp nhận những điều mà con người được nghe, như người ta thường hiểu về tín ngưỡng, - tín ngưỡng là sự hiểu biết về ý nghĩa cuộc đời của con người, nhờ đó con người không tự tiêu diệt mình, mà sống. Tín ngưỡng là sức sống. Nếu con người đang sống, thì anh ta đang tin cái gì đấy. Nếu anh ta không tin rằng phải sống vì mục đích nào đó, thì anh ta sẽ không sống nữa. Nếu con người không thấy và không hiểu tính chất ảo tưởng của cái hữu tận thì anh ta đang tin ở cái hữu tận ấy; nếu anh ta hiểu tính chất hư ảo của cái hữu tận thì anh ta phải tin ở cái vô cùng. Không có tín ngưỡng thì không thể nào sống được.

Và tôi nhớ lại toàn bộ diễn trình trong nội tâm của mình mà tôi đâm ra khiếp sợ. Bây giờ tôi mới rõ rằng để con người có thể sống được, thì anh ta cần phải hoặc là không thấy sự vô cùng, hoặc là tìm được câu trả lời về ý nghĩa cuộc đời trong đó cái hữu tận có dấu bằng với cái vô cùng. Tôi đã từng có sự giải thích như vậy, nhưng tôi không cần dùng nó chừng nào tôi tin ở cái hữu tận và tôi bắt đầu kiểm nghiệm sự giải thích ấy bằng lý trí. Và trước ánh sáng của lý trí, toàn bộ câu trả lời cũ đã bị vỡ tan. Nhưng thời gian đã đến và tôi không còn tin ở sự hữu tận nữa. Và lúc ấy, dựa trên nền tảng duy lý và bằng những hiểu biết của tôi, tôi bắt đầu xây dựng lối giải thích có thể đem lại cho tôi ý nghĩa cuộc đời. Nhưng rồi tôi không xây dựng được gì hết. Giống như những trí tuệ ưu tú nhất của nhân loại, tôi đã rút được kết luận rằng 0 = 0, và rất đỗi ngạc nhiên khi được trả lời như vậy, và dĩ nhiên, không thể có câu trả lời nào khác được.

Tôi đã làm gì, khi tìm câu trả lời trong những tri thức thực nghiệm? - Tôi muốn biết tôi sống để làm gì, nên đã nghiên cứu tất cả những thứ nằm ngoài bản thân tôi. Tất nhiên, tôi có thể biết được rất nhiều, nhưng đều không thuộc những thứ mà tôi cần đến.

Tôi đã làm gì, khi tìm câu trả lời trong những tri thức triết học? Tôi đã nghiên cứu tư tưởng của những chúng sinh cùng ở trong một tình trạng như tôi, cũng như tôi, những chúng

sinh này đã không có câu trả lời cho câu hỏi: tôi sống để làm gì? Rõ ràng tôi không thể nào biết được gì khác ngoài những điều mà bản thân tôi đã biết rồi, tức là không thể nào biết được cái gì hết. Tôi là cái gì? - một bộ phận của cái vô cùng. Thế mà câu trả lời ngắn ngủi này đã chứa đựng toàn bộ vấn đề. Chẳng lẽ nhân loại mới đặt ra câu hỏi này từ ngày hôm qua ư? Chẳng lẽ trước tôi chưa hề có ai đặt ra cho mình câu hỏi này - một câu hỏi hết sức đơn giản mà mỗi người hiểu biết chút ít đều muốn đặt ra?

Câu hỏi này người ta đã đặt ra từ khi có con người. Và từ khi có con người, rõ ràng là để giải quyết vấn đề này mà đặt dấu bằng giữa cái hữu tận với cái hữu tận và giữa cái vô cùng với cái vô cùng thì đều là chưa đủ, và từ khi có con người, người ta đã tìm được và thể hiện được mối tương quan giữa cái hữu tận với cái vô cùng.

Tất cả những khái niệm này trong đó người ta đặt dấu bằng giữa cái hữu tận và cái vô cùng và tìm được ý nghĩa của cuộc đời, tức là khái niệm Thượng đế, tự do, điều thiện, chúng ta đều nghiên cứu về mặt lô gích. Thế mà những khái niệm này không đứng vững được trước sự phê phán của lý trí.

Điều này đáng buồn cười thì ít mà thực ra là đáng kinh khủng nhiều hơn: giống như trẻ con, chúng ta, với thái độ tự hào, tự cao tự đại, tháo mở chiếc đồng hồ ra lấy dây cót làm đồ chơi, rồi sau đó lại tỏ vẻ kinh ngạc là chiếc đồng hồ không còn chạy được nữa.

Điều cần thiết và đáng quý là giải quyết mâu thuẫn giữa cái hữu tận với cái vô cùng và tìm được câu trả lời cho câu hỏi về cuộc đời, và câu trả lời này phải cho phép tiếp tục cuộc đời. Mà cách giải quyết duy nhất này chúng ta tìm được khắp mọi nơi và khắp mọi thời và ở tất cả các dân tộc - cách giải quyết từ xưa đến nay, từ xửa từ xưa trong lịch sử của nhân loại; cách giải quyết khó khăn đến nỗi tự chúng ta không thể tìm được cách giải quyết này - chính là cách giải quyết này chúng ta đang phá hoại một cách nhẹ dạ để rồi sau đó lại đặt câu hỏi ấy ra một lần nữa, câu hỏi mà mỗi người tự đặt cho mình, và chúng ta không có câu trả lời.

Khái niệm về Thượng đế vô cùng, về tính chất thánh thiện của linh hồn, về tương quan giữa hành động của con người với Thượng đế, khái niệm đạo đức về điều thiện và điều ác là những khái niệm do nhân loại đã tìm ra trong quá khứ xa xôi của lịch sử - chính là những khái niệm mà không có chúng thì sẽ không có đời sống, không có bản thân tôi nữa. Thế mà tôi, sau khi bác bỏ toàn bộ công việc này của toàn thể nhân loại, lại muốn tự tay mình làm tất cả theo cách mới, theo cách của mình.

Hồi đó, tôi không nghĩ như vậy, nhưng mầm sống của những ý nghĩ ấy đã nảy ra trong tôi rồi. Tôi đã hiểu rằng 1/ bất chấp trí anh minh của chúng tôi, tình trạng của tôi và của Schopenhauer và Salamon, thật là ngu xuẩn: chúng tôi hiểu rằng cuộc đời là tai họa thế mà vẫn cứ sống. Tình trạng này rõ ràng là ngu xuẩn, vì nếu cuộc đời ngu xuẩn - mà tôi thì rất yêu tất cả những điều hợp lý trí, - thì cần phải tiêu diệt cuộc đời, rồi không còn ai để phủ nhận nó nữa. 2/ Tôi đã hiểu rằng tất cả những lập luận của chúng tôi đang loay hoay trong vòng luẩn quẩn giống như một bánh xe quay tít mà không dính vào bánh răng cưa. Dù chúng tôi lập luận rất giỏi và rất lâu đến thế nào đi nữa, chúng tôi vẫn không thể nào tìm được câu trả lời cho câu hỏi và kết quả luôn luôn vẫn là 0 = 0, và do đó con đường của chúng tôi chắc chắn là sai lầm. 3/ Tôi đã bắt đầu hiểu rằng chính là những câu trả lời của tín ngưỡng chứa đựng trí anh minh hết sức sâu sắc của nhân loại, và tôi không có quyền phủ nhận chúng khi dựa trên lý trí, và điều phủ nhận là chỉ có những câu trả lời này mới giải đáp được câu hỏi về cuộc đời.

Chú thích

10- Lev Tolstoi kể câu chuyện ngụ ngôn Đông phương trong phần trên của tác phẩm này. Chuyện như sau: Một người đi đường gặp phải một con ác thú hung dữ đuổi theo. Anh ta nhanh chân chạy, thấy cái giếng cạn nước bèn nhảy xuống đó. Nhưng dưới đáy giếng có con rồng há mõm chực nuốt sống anh (ngụ ý cái chết). Người khốn khổ kia không dám bò ra ngoài giếng vì sợ con ác thú, càng không dám nhảy xuống đáy giếng vì sợ con rồng xé xác, anh bèn vớ những nhánh của bụi cây (ngụ ý đời sống) mọc từ khe nứt trên thành giếng và cố sức bám lấy cây. Đôi tay anh yếu dần, anh cảm thấy chẳng bao lâu nữa sẽ rơi vào mõm con rồng. Khi còn sức bám được nhánh cây, anh thấy có hai con chuột, một con đen, một con trắng (ngụ ý đêm và ngày, thời gian) cứ gặm dần thân cây. Anh thấy chẳng mấy chốc nữa bụi cây bị đứt và anh sẽ không thể nào thoát chết. Anh đưa mắt nhìn quanh mình thì thấy có vài giọt mật ong rơi trên lá cây

(ngụ ý lạc thú), anh thè lưỡi liếm mật.

11- Trong nguyên bản là *đi săn*, chúng tôi dịch là *đi chơi*, vì thái tử Siddhartha (Tất-đạt-đa) suốt đời không hề đi săn, điều đó trái với tâm từ bi của thái tử.

12- Duy lý (rationnel) - dựa trên lý trí, bằng lý trí, hợp lý trí.

13- Descartes (1596 - 1650), triết gia, nhà toán học, nhà vật lý học, nhà sinh lý học Pháp. Trong học thuyết về nhận thức, ông được coi là người sáng lập chủ nghĩa duy lý.

*

Đọc xong đoạn trích này, chắc ai cũng đều thấy rõ: đây quả thật là một bi kịch lớn của một tâm hồn vĩ đại. Bi kịch là ở chỗ con người đầy nhân tính này lâm vào cuộc khủng hoảng tâm linh nghiêm trọng giữa lúc mọi việc của ông đều tiến triển tốt đẹp. Bi kịch là ở chỗ ông gặp phải bế tắc về mặt nhận thức, không thấy được ý nghĩa cuộc đời của con người, giữa lúc chính ông đang làm việc hết lòng cho cuộc sống của con người. Bi kịch là ở chỗ ông biết cuộc đời là đau khổ nhưng ông không tìm được con đường giải thoát khỏi sự khổ đau, suýt nữa thì ông chọn nhầm đường.

Qua tác phẩm này, chúng ta thấy rằng cuối cùng Tolstoi đã nhận rõ là tín ngưỡng có khả năng đem lại cho con người tri thức nào đó về cuộc đời, đem lại cho con người khả năng sống trong cuộc đời đầy khổ đau. Đối với tín ngưỡng truyền thống của ông là Chính thống giáo thì ông rất trân trọng, dù rằng, như ông đã viết ở phần cuối tác phẩm, có nhiều điều ông không tin hoặc phê phán. Về những điều này thì chúng tôi không bàn đến ở đây.

Nhưng chúng tôi nghĩ rằng hồi đó, giá mà Tolstoi có cơ hội được giáo lý của đức Phật thì chắc là ông không bị lâm vào cuộc khủng hoảng tâm linh trầm trọng đến như vậy, vì giáo lý đạo Phật thực sự có khả năng giải đáp được nhiều câu hỏi về thế giới quan cũng như nhân sinh quan của con người. Độc giả có thể bảo: vì chúng tôi là những Phật tử nên mới nghĩ như vậy. Chúng tôi không phủ nhận. Nhưng khách quan mà xét, ngay bản thân Tolstoi cũng đã cảm thấy chỗ trống đó trong kiến thức tâm linh của ông và sau đó ông đã cố tìm hiểu sâu về đạo Phật. Vì thế, nhiều năm sau cuộc khủng hoảng đó, khi ông bắt tay viết Bộc bạch tâm tư hồi năm 1879, lần đầu tiên ông đề cập đến đức Phật trong tác phẩm này, dù ông vẫn chưa thấu triệt nhiều điều trong giáo lý của Ngài. Sau đó, ông càng trau giồi thêm kiến thức về đạo Phật, và đến cuối đời, ông được coi là một trong những người am hiểu nhất về đạo Phật ở nước Nga hồi đó. Chẳng những am hiểu đạo Phật, mà ông còn cố áp dụng nhiều điều trong giáo lý của đức Phật vào đạo lý và cách sống của ông. Và như thế mới thật là đáng quý!

Qua tác phẩm của Tolstoi, chúng tôi thấy cần nêu lên và bàn đến một vài vấn đề sau đây mà theo chúng tôi có ý nghĩa lớn về mặt tâm linh:

Trước hết, xin nói đến quan điểm về nhận thức của nhà văn. Khi ông bị khủng hoảng, chính là lúc nhận thức của ông hoàn toàn chỉ dựa trên lý trí, cho nên nó rất phiến diện. Do đó, ông lập luận rằng một khi hiểu được cuộc đời là đau khổ, là vô nghĩa thì ông đi đến kết luận phải chấm dứt cuộc đời, nghĩa là tự tử. Nhưng rồi ông suy nghĩ, ông thấy rằng cách giải quyết đó có cái gì không ổn, dường như bên cạnh tri thức duy lý còn một thứ tri thức nào đó nữa do tín ngưỡng đem lại cho nhiều người - giúp cho họ có niềm tin, có ý niệm nào đó về vũ trụ và nhân sinh, về ý nghĩa cuộc đời, tạo cho họ khả năng sống. Chính sự phân vân đó làm ông không tự tử. Nhưng ngay cả khi viết tác phẩm này, quan điểm về nhận thức của ông cũng vẫn chưa hoàn toàn thanh thoát. Lối suy luận của ông về cách đặt mối tương quan giữa cái hữu tận và cái vô tận v.v... thì thực ra, cũng là một lối tư duy tư biện, không thể giúp con người tìm được giải đáp chính xác.

Trong đạo Phật, vấn đề nhận thức, vấn đề trí tuệ đặt ra khác hẳn. Đạo Phật cho rằng những tri thức do lý trí con người đem lại dù phong phú đến đâu cũng vẫn là "những hiểu biết của những người mù sờ voi", nghĩa là phiến diện, cục bộ, không thể phản ánh được bản thể sự vật. Ngay nhà triết học Pháp Bergson cũng nói rằng không thể hiểu nổi đời sống, nếu chỉ dùng lý trí mà thôi. Hơn nữa, theo chúng tôi nghĩ, nếu chỉ dựa vào lý trí con người, hoặc chỉ tin vào kiến thức sách vở thì ta có thể sa vào một thứ mê tín, chẳng khác gì sự mê tín của những người si mê, không hiểu biết. Nói thế không phải là đạo Phật không coi trọng tri thức, không coi trọng khoa học, nhưng đạo Phật cho rằng trí tuệ con người được tạo nên nhờ sự tuân theo nghiêm ngặt những điều giới luật, tức là trau giồi đức hạnh, diệt trừ phiền não, nuôi dưỡng tâm từ bi, và nhờ sự kiên trì thiền định, quán tưởng, suy tư, tóm lại nhờ sự tu tập, tu luyện lâu dài của con người, nhờ tâm thanh tịnh của con người.

Chắc nhiều độc giả đã biết giai thoại về một

học giả muốn đến tham vấn một vị thiền sư già để học hỏi thêm. Thiền sư đưa khay trà ra đãi khách. Ấm trà đã đầy nước cốt, nhưng thiền sư vẫn cứ thản nhiên rót thêm nước sôi vào ấm. Thấy nước tràn cả ra ngoài, học giả thốt lên: Bạch sư cụ, ấm trà đã đầy nước rồi ạ! Thiền sư bình tĩnh hỏi: Đúng rồi, phải đổ bớt nước trong ấm ra rồi mới rót nước sôi vào được! Điều này ngụ ý cần phải vứt bỏ những tri thức cũ, có sẵn trong đầu óc mình mới hòng tiếp thụ được tri thức do tuệ giác đem lại.

Chính trí tuệ siêu việt của đức Phật, 2500 năm trước, đã vạch rõ bản chất của vi trần vô cùng nhỏ bé, cũng như của vũ trụ bao la vô cùng vô tận, và nhiều điều đức Phật đã nói ngày nay vẫn còn làm kinh ngạc biết bao nhà khoa học, biết bao trí tuệ lớn của loài người. Mà nhiều điều Ngài nói so với những điều Ngài biết thì chỉ như nắm lá trong tay so với số lá cây trong rừng.

Chúng tôi xin nhắc lại chỉ vài điều thôi để thấy trí tuệ rút ra từ tu luyện tâm linh có ý nghĩa lớn như thế nào đối với nhận thức. Từ thế kỷ 17, sau khi Descarte, Képler, Leibnitz, Galilée, Newton, v.v... đã đưa ra những phát kiến vô cùng quan trọng mở rộng tri thức của loài người, giới khoa học hồi đó đã tỏ ra khá lạc quan cho rằng chẳng bao lâu nữa họ sẽ tìm được bí ẩn cuối cùng của vũ trụ, tức là tìm ra và nắm bắt được cái hạt cơ bản cuối cùng. Hàng thế kỷ đã trôi qua các nhà khoa học vẫn chưa tìm ra được cái hạt cuối cùng đó, và càng ngày họ thấy nó càng vi diệu biến ảo, không thể nào nắm bắt được. Thậm chí nhà bác học nổi tiếng Wheeler đã nói: "Vật chất là gì? Vật chất là không có thật. Nó chỉ là ánh sáng mắc bẫy." Trong khi đó thì đức Phật đã nói trong Kinh Lăng Già (Lankàvatàra Sùtra): "Cho đến vi trần, phân tích tìm cầu trọn không thể được..." *Sau đây là một đoạn trong sách* Chân Thiền (Le Vrai Zen) *của Thiền sư Nhật Bản Taisen Deshimaru. Ông viết: "... Về vấn đề này, tập san* Sự Sống (Life) *ở Mỹ có xuất bản tác phẩm* Vật Chất *của G.S.Lapp, trong đó tác giả viết: "Nhờ chuyển đổi bên trong hạt nhân, các nhà bác học đã nhận biết được 34 phân tử căn bản, trong đó có nhiều phân tử tỏ ra không bền vững ngay khi phát sinh, và biến thành những phân tử khác. Hơn nữa, kiến thức chúng ta ngày càng tiến bộ thì bức màn huyền bí càng dày thêm. Thật vậy các nhà vật lý học giờ đây không còn dám khẳng định proton (dương điện tử), neutron (trung hòa tử) và électron (âm điện tử) là những vật thể* choán một không gian nào đó. *Theo một số lý thuyết, các phân tử này chỉ là những sóng, những điểm không khối lượng, hoặc như một nhà vật lý học diễn tả:* "Đấy là những ma số toán học ám ảnh không gian." *Rồi Thiền sư kết luận: Cách đây 2500, đức Phật đã từng có quan niệm đó rồi* - Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc... *Người đời thường tưởng các hình thể vật chất được cấu tạo từ những thành phần bền vững và thường hằng. Vì lẽ đó, người ta tin vào tình trạng tồn tại của mình và của vật chất, và họ đã ăn ở, xử sự theo niềm tin ấy. Từ đó nảy ra tình trạng băn khoăn, bối rối. Lo sợ và nghi ngờ cũng bắt nguồn từ cách suy nghĩ này. Cách suy nghĩ đó khiến người ta lầm từ gốc."*

Còn về cái vũ trụ lớn thì tuệ giác siêu việt của đức Phật cũng đã từng nêu rõ là nó vô thủy vô chung, vô cùng vô tận. Cái quan niệm về tam thiên đại thiên thế giới *được nói đến nhiều lần trong kinh sách đạo Phật, tức là quan niệm cho rằng thế giới ta đang sống không phải là duy nhất, không phải là trung tâm vũ trụ, mà là một phần trong muôn ngàn thế giới khác. Ngày nay, với những phát kiến mới của khoa học, quan niệm đó đã được xác nhận rõ ràng. Thậm chí, đến các tình trạng khác nhau của các thế giới được nói rõ trong* Kinh Hoa Nghiêm (Lalikavistara Sùtra), phẩm Thế Giới Thành Tựu, *cũng được khoa học chứng minh.*

Sở dĩ chúng tôi nhắc đến những điều trên để thấy rõ quan điểm về nhận thức, cũng như cơ sở từ đó phát sinh trí tuệ có vị trí lớn lao như thế nào cho việc rút ra những kết luận đúng đắn, nhất là về mặt tâm linh. Như vậy, việc trau dồi trí tuệ để có được nhận thức đúng đắn phải được đặt trên căn bản trì giới, nuôi dưỡng lòng từ bi, hỷ xả, thiền quán, tu tập, chứ không phải chỉ bằng sự tích lũy tri thức.

Điểm thứ hai, chúng tôi muốn nói đến là quan niệm về con đường giải thoát khỏi khổ đau. Trước tiên, chúng tôi xác nhận cái tầm nhìn khoáng đạt của Tolstoi trong cách đặt vấn đề: trong lúc đại đa số tín đồ Chính thống giáo chỉ chú tâm đến việc giải thoát khỏi tội lỗi, thì chính ông đã nhận thấy vấn đề rộng hơn, là giải thoát khỏi khổ đau, giải thoát khỏi cuộc đời. Nhưng khi bị khủng hoảng tâm linh, Tolstoi đã không được biết về con đường giải thoát khỏi khổ đau, khỏi vòng sinh tử luân hồi mà đức Phật đã nêu ra, nên lúc đầu ông tưởng rằng "giải thoát mình khỏi cuộc đời" dường như chỉ có nghĩa giản đơn là tự giết mình.

Con đường giải thoát khỏi khổ đau, khỏi sinh tử luân hồi, đức Phật đã chỉ rõ trong Bốn chân

HUỲNH MẠNH TIÊN

NGƯỜI DƯNG

Xưa vào khu chợ người Kinh
Nghe lòng cứ rưng rưng
Bó ngò gai khô
Phong bánh phở cũng khô
Sơ giao, cố tri tay bắt mặt mừng

Giờ chen vào khu chợ xưa
Bó ngò gai tươi, phong bánh phở mượt tươi
Lòng nay dửng dưng
Cố tri, sơ giao... bực lấn mừng

Thơ văn người Kinh
Người mình coi chừng:
Kẻo hóa người Dưng

Avril 1998 (Mùa Phục Sinh)

lý màu nhiệm (Tứ Diệu Đế) *và* Mười hai nhân duyên (Thập nhị nhân duyên). *Khi đức Phật bắt đầu chuyển bánh xe Pháp, thì trước hết Ngài thuyết giảng cho năm người đệ tử đầu tiên của Ngài về* Bốn chân lý màu nhiệm, *trong đó Ngài nói rõ đời là khổ, phân tích nguồn gốc của khổ là lòng tham sống, dục vọng, sân hận và si mê, mà xét cho cùng là ý niệm sai lầm về* ngã, *rồi nhấn mạnh là phải diện những nguồn gốc đó và cuối cùng nêu rõ tám con đường chân chính để diệt khổ, cụ thể là: 1/ có cái nhìn đúng để hiểu mình và sự vật; 2/ có tư duy đúng để gạt bỏ tham lam, dục vọng, thù hận, ganh ghét, mê muội, cố chấp, nhờ đó tạo được tâm ý từ bi, hỷ xả, tình thương yêu; 3/ có lời nói đúng đắn, chân thật; 4/ có hành động chính đáng tạo nên thiện nghiệp; 5/ có đời sống trong sạch, thanh cao; 6/ có những cố gắng diệt trừ nghiệp xấu xuất phát từ thân, miệng và ý; 7/ có suy niệm đúng đắn để tận diệt những quan niệm sai lầm về cuộc sống, như cho cuộc đời đầy đau khổ này là hạnh phúc, cho mọi vật vô thường trên thế gian này là thường còn; 8/ có chính định để hiểu được thực tướng của vạn hữu, tức là thấy được* "Hết thảy các pháp đều là vô ngã." *Như vậy rõ ràng là khi đức Phật dạy cuộc đời là biển khổ thì Ngài không hề khuyên con người kết liễu cuộc đời một cách tiêu cực bằng cách tự tử vì con đường đó không đem lại sự giải thoát cho con người, trái lại Ngài đã chỉ hướng đi tích cực để giải thoát khỏi khổ đau.*

Để sự giải thoát khỏi khổ đau được rốt ráo, triệt để, đức Phật nhấn mạnh đến sự giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, nói một cách khác để không còn tái sinh nữa. Và Ngài đã thuyết giảng Mười hai Nhân duyên. *Chúng tôi nghĩ rằng đây là phần uyên thâm nhất của giáo lý đức Phật diễn tả được sự luân chuyển không ngừng của vòng sinh tử luân hồi trong chuỗi dài các nhân duyên. Nhân duyên đầu tiên là* Vô minh, *tức là sự u tối, không hiểu được Giáo Pháp, không biết được* Bốn chân lý màu nhiệm, *nó đã làm điều kiện cho nhân duyên thứ hai là* Hành, *tức là những hành động tạo nên đủ loại nghiệp. Hai nhân duyên trên thuộc về đời đã qua. Do nghiệp lực của những hành động mà móc nối cho nhân duyên thứ ba là* Thức, cụ thể là tâm thức khởi lên trong giây phút thụ thai. Như vậy, Vô minh *làm điều kiện cho nghiệp lực mà con người đã tạo tác trong kiếp trước, còn* Thức *sẽ tạo nên con người. Xét về nhân quả thì* Hành *là nhân, còn* Thức *là quả. nó là điều kiện bắt đầu cho*

cuộc đời một con người. Cũng vì có tâm thức đầu tiên ấy mà nhân duyên thứ tư là Danh Sắc xuất hiện, đó là tượng hình trong bào thai với đầy đủ mọi phần tử của Thân và mọi yếu tố của Tâm. Rồi từ Danh Sắc này qua nhân duyên thứ năm phát sinh là Lục Nhập, tức là những giác quan, như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, được phát triển dần lên. Lục Nhập làm điều kiện cho nhân duyên thứ sáu là Xúc, tức là sự tiếp xúc của những giác quan (Căn) với những đối tượng của chúng (Trần), như mắt với màu sắc, tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với cảm giác, ý với tư tưởng. Xúc đòi hỏi sự có mặt của ba yếu tố: Căn (giác quan), Trần (đối tượng của giác quan) và Thức (sự nghe được, thấy được, ngửi được, nếm được, cảm giác và suy nghĩ). Khi Căn với Trần tiếp xúc nhau thì phát sinh ra nhân duyên thứ bảy là Thọ, tức là cảm giác, như buồn, vui, mừng, giận... Có Thọ nên mới nảy sinh ra nhân duyên thứ tám là Ái, tức là lòng yêu thương, ham muốn, dục vọng. Ái là điều kiện phát sinh ra nhân duyên thứ chín là Thủ, tức là giữ, chiếm giữ, lấy làm của mình. Vì Thủ mà con người lại tạo nghiệp, gây quả, tiếp tục những hành động trước đây đã từng tạo nên Thức có năng lực tái sinh. Thủ lại làm điều kiện cho nhân duyên thứ mười là Hữu, tức là tồn tại, sống, lại tiếp tục tạo thêm nghiệp, tạo năng lực cho hạt giống luân hồi, là Thức tái sinh cho kiếp sau. Từ nhân duyên thứ ba (Thức) đến nhân duyên thứ mười (Hữu) là thuộc về đời hiện tại. Như vậy, do nghiệp lực mà lại có nhân duyên thứ mười một là Sinh. Có Sinh thì có nhân duyên thứ mười hai là Tử, từ Sinh đến Tử thì thường có Bệnh và Lão. Hai nhân duyên sau cùng, Sinh và Tử, là thuộc đời sắp tới.

Chính cái vòng luẩn quẩn tiếp nối của các nhân duyên làm cho con người trôi lăn mãi trong vòng sinh tử luân hồi, không thoát ra khỏi sự khổ đau được. Vấn đề đặt ra là phải phá tan được cái dây xích này. Nhiều người cho rằng diệt được Vô Minh, nhân duyên đầu tiên, thì có thể lần lượt phá tan các mắt xích khác để cuối cùng không còn sinh tử luân hồi, tức là tận diệt được khổ đau. Một số người khác lại cho rằng Thọ là tâm hành cơ bản, nếu phá tan mắt xích này thì con người đang sống có thể cắt đứt được sợi dây xích nhân duyên, cắt đứt vòng sinh tử luân hồi. Điều quan trọng là con người phải có được chánh niệm, tỉnh thức và trí tuệ để giữ cho cảm thọ không khởi sinh ái dục nữa. Như thế sẽ không có Thủ, không có Hữu, không có Sinh, tức là ra khỏi vòng sinh tử luân hồi.

Đạo Phật là đạo giải thoát chính vì nó chọn hướng đi tích cực cho con người thoát khỏi khổ đau, thoát khỏi sinh tử luân hồi bằng cách như vậy. Giá mà Tolstoi biết rõ điều đó khi viết tác phẩm Bộc bạch tâm tư thì cách giải quyết vấn đề của ông sẽ khác hẳn.

Điểm thứ ba chúng tôi muốn nói đến là đạo Phật hiểu thế nào về vai trò của con người. Trong Kinh Hoa Nghiêm (Avatusaka Sùtra), đức Phật có dạy rằng Con người là hơn cả (Nhân thị tối thắng). Ngài nói vậy vì tin ở con người có thể thực hiện được những điều tốt đẹp ở đời. Dù rằng con người mang trong thân mình bao nhiêu mầm xấu xa độc hại, dục vọng, tham lam, ích kỷ, sân hận, thú tính, độc ác có thể gây ra nhiều tội ác, làm điêu đứng chúng sinh, làm hủy hoại thiên nhiên, nhưng so với các loài khác, con người có những điều kiện đặc biệt để có thể trở thành ưu việt, nếu có ý hướng thượng, hướng thiện. Trong Kinh Ưu-bà-tắc có nói: "Trong tất cả các loài, con người đủ điều kiện hơn, như về trí khôn ngoan chẳng hạn. Nhất là hoàn cảnh con người không quá khổ như địa ngục, không quá vui như thiên đường, không quá ngu si như các loài thú vật." Như vậy là con người có nhiều điều kiện và khả năng để phá bỏ mê lầm mà vươn lên. Dựa vào lòng tin đó, đức Phật mới nói trong Kinh Phạm Võng (Mahàvagga Sùtra) rằng: Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành. Câu đó không những nói lên lòng tin của đức Phật vào Phật tính trong tâm của mỗi người, mà còn nói lên giá trị của con người, vai trò của con người mà đạo Phật rất đề cao. Theo chúng tôi nghĩ đó chính là tính tích cực, tính nhân bản cao của đạo Phật. Đức Phật nêu rõ cái hướng phấn đấu cho con người để không còn sinh tử luân hồi trong các kiếp sau, còn trong kiếp này, con người phải cố vươn lên theo con đường hướng thượng, hướng thiện để thành Phật, chứ không phải là con đường hủy diệt thân xác của mình, vì Một khi mất thân người rồi thì muôn kiếp khó trở lại (Nhất thất nhân thân, vạn kiếp nan phục).

Trên đây chỉ là vài điều suy nghĩ của chúng tôi sau khi đọc xong tác phẩm này của Tolstoi. Chúng tôi xin mạnh dạn nêu lên để cùng chia sẻ với bạn đọc. Chắc chắn rằng độc giả còn có nhiều ý kiến khác, điều đó là lẽ dĩ nhiên, phản ánh tính chất muôn màu muôn vẻ của nhận thức con người, và điều đó thì thật đáng hoan nghênh vì nó giúp cho chúng ta tiến gần đến chân lý hơn.

Moskva 14-11-1997

VỀ TẬP SAN BULLETIN DE LA SOCIÉTÉ DES ETUDES INDOCHINOISES (1883 - 1975)

TRẦN ANH TUẤN

Ông Nguyễn Phúc Bửu Tập trong một bài viết về tập san *Bulletin des Amis du Vieux Huế (BAVN)* có nhận xét rằng tờ *Revue de la Société d'Études Indochinoises,* trong Nam, tên rất kêu nhưng kết quả không đạt được bao nhiêu (1). Kết luận này quả thật rất mới lạ đối với chúng tôi. Vì thế, chúng tôi xin trình bầy những gì chúng tôi biết về nội dung của *Bulletin de la Société des Études Indochinoises (BSEI),* một tạp chí sống liên tục trong 92 năm (1883 - 1975) mà một độc giả (?) của nó đã chê là hữu danh vô thực!

Sự Ra Đời Của Hội Nghiên Cứu Đông Dương

Trước hết, xin nói về những người khai sinh ra *BSEI.* Sau khi chiếm được ba tỉnh phía Đông Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường) theo Hòa Ước 1862, đô đốc Roze, trong vai trò Thống Đốc Nam Kỳ (các sách Việt ngữ thường gọi là súy phủ hay soái phủ Sài Gòn) đã quyết định thành lập ngay một ủy ban thường trực nghiên cứu những vấn đề liên quan đến sự phát triển kinh tế hầu đẩy mạnh sự khai thác thuộc địa Nam Kỳ trên một căn bản khoa học. Do đó, dù chưa hoàn toàn chiếm được Nam Kỳ và phong trào kháng Pháp vẫn còn mạnh mẽ ngay tại các tỉnh mới chiếm, Thống đốc Nam Kỳ Roze vẫn ký quyết định thành lập một ủy ban mệnh danh là *Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine* (Ủy Ban Canh Nông và Kỹ Nghệ Nam Kỳ) ngày 16-6-1865.

Chủ tịch và thành viên của Ủy Ban đều là các sĩ quan hay công chức do Thống Đốc Nam Kỳ bổ nhiệm. Ủy Ban họp phiên đầu tiên ngày 24-6-1865. Trong buổi ra mắt, chủ tịch Ủy Ban lúc bấy giờ là de Janquieres đọc diễn văn khai mạc thông báo nhiệm vụ chính của Ủy Ban là nghiên cứu những điều kiện cho sự phát triển thuộc địa. Từ đó hoạt động của Ủy Ban phổ hiện qua những cuộc nghiên cứu nhằm giới thiệu những canh tác mới du nhập vào Nam Kỳ như các loại cây quinquina, cà phê..., song song với sự thúc đẩy những canh tác cổ truyền bản xứ nhất là lúa, khuyến khích chăn nuôi đại gia súc, phát triển kỹ nghệ thực phẩm, gỗ, tầm tang. Những thành quả nghiên cứu này được đăng tải trên hai cơ quan ngôn luận của Ủy Ban, là các tạp chí *Bulletin du Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine* trong suốt thời kỳ 1865 - 1881 và tạp chí *Excursions et Reconnaissances* trong các năm 1879 - 1890.

Chẳng bao lâu, sinh hoạt của Ủy Ban trở nên khó khăn vì mức tài trợ của chính quyền giảm dần. Thêm nữa, về phương diện quản trị, có nhiều bất đồng giữa các thành viên của Ủy Ban với Nha Giám Đốc Nội Vụ, Phủ Thống Đốc, là cơ quan trực tiếp tài trợ và vì thế Nha này chỉ muốn kiểm soát Ủy Ban một cách chặt chẽ. Do đó, trong buổi họp ngày 23-2-1883, Ủy Ban Canh Nông và Kỹ Nghệ Nam Kỳ tuyên bố tự giải tán để trở thành một hội tư, với danh xưng mới là *Société des Études Indochinoises* (Hội Nghiên Cứu Đông Dương).

Thật ra, sự thay đổi này, ngoài những lý do tài chính và quản trị nêu trên, còn bắt nguồn từ một lý do sâu xa hơn.

Cho đến năm 1883, toàn thể sáu tỉnh Nam Kỳ đã thống thuộc Phủ Thống Đốc được 10 năm. Sự cai trị Pháp tại Nam Kỳ đã đi vào nền nếp dưới quyền các Thống Đốc dân sự thay thế các đô đốc (2), nay lại thêm tỉnh Bình Thuận sáp nhập vào Nam Kỳ, rồi triều đình

Huế công nhận quyền bảo hộ của nước Pháp tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ (3). Trong hoàn cảnh mà thế lực của Pháp mạnh mẽ như thế, xã hội Nam Kỳ đã đổi thay, đời sống được tổ chức theo mẫu mực của chính quốc. Ủy Ban Canh Nông và Kỹ Nghệ Nam Kỳ gồm một thiểu số do các đô đốc lựa chọn để thực hiện công cuộc nghiên cứu giới hạn về kinh tế cần phải mở rộng phạm vi hoạt động, và tăng cường nhân sự mới. Nói cách khác, có một sự khủng hoảng phát triển trong nội bộ Ủy Ban này.

Cho nên trong qui chế của Hội Nghiên Cứu Đông Dương phổ biến năm 1883, mục đích của Hội bao gồm nhiều ngành hoạt động khác nhau trong khung cảnh địa lý được nới rộng: *Hội Nghiên Cứu Đông Dương, tiếp nối công trình của Ủy Ban Canh Nông và Kỹ Nghệ Nam Kỳ, có mục đích hoạt động để phát triển những kiến thức hữu ích về canh nông, kỹ nghệ, thương mại, nghệ thuật, khoa học và tổng quát về tất cả những gì liên quan đến sự nghiên cứu quá khứ, hiện tại và tương lai của miền Viễn Đông.*

Nội Dung Của Bulletin De La Société Des Études Indochinoises

Kể từ năm 1901 khi tổ chức L'École Francaise d'Extrême-Orient (Viện Viễn Đông Bác Cổ) xuất hiện ở Hà Nội, Hội Nghiên Cứu Đông Dương là hội bác học duy nhất ở miền Nam Đông Dương. Nhưng Đệ Nhất Thế Chiến 1914 - 1918 đã ảnh hưởng sâu xa đến sinh hoạt của Hội vì một số lớn hội viên đã phải động viên. Hội trải qua một thời kỳ rất khó khăn mãi đến năm 1926 mới lấy lại nhịp điệu cũ: một nhóm người mới lên nắm quyền quản trị đã hướng hoạt động của Hội vào những cuộc nghiên cứu mới mẻ và sâu rộng. Người có động chính trong nhóm này là Jean Bouchot, quản thủ văn khố, cũng chính là người tổ chức Viện Bảo Tàng Blanchard de la Brosse sau trở thành Viện Bảo Tàng Quốc Gia từ năm 1956.

Ngay năm 1927, Ong Th. Holbe, một cựu dược sĩ quân nổi tiếng trong giới sưu tầm đồ cổ Đông Dương, mất tại Sài Gòn. Sợ rằng bộ sưu tập quí giá của Holbe bị tẩu tán, đại hội đồng của Hội ngày 17-6-1927 quyết định mua bộ sưu tập này. Để có tiền mua, khoảng 45,000đ, Hội kêu gọi một cuộc lạc quyên ngày 17-7-1927. Trong không đầy hai tháng, Hội thu được 40,000đ. Ngay sau khi mua được, Hội đã hiến tặng toàn bộ sưu tập Holbe cùng với những cổ vật mà Hội có sẵn cho nhà cầm quyền để thành lập Viện Bảo Tàng Nam Kỳ. Viện Bảo Tàng khánh thành ngày 1-11-1929, lấy tên vị Thống Đốc bấy giờ là Blanchard de la Brosse, gồm những khu mỹ thuật Việt Nam, Căm Bốt, Lào, Trung Hoa, và Phù Nam. Vì nghĩa cử ấy, nhà cầm quyền Nam Kỳ đã dành cho Hội một phòng tại Viện Bảo Tàng làm thư viện và nơi hội họp.

Thư viện của Hội tính đến năm 1975 gồm trên 6200 tác phẩm và hơn 300 tập san chuyên về Viễn Đông. Lượng sách của thư viện Hội như vậy phải kể là rất nhỏ so với các thư viện của Hoa Kỳ ngày nay. Tuy nhiên, đây là một thư viện khoa học, và 6000 sách là 6000 tác phẩm giá trị với nhiều bộ rất quí. Xin liệt kê một số sách rất quí và hiếm của thư viện Hội: *Từ điển Việt Bồ La (1651)* của giáo sĩ Alexandre de Rhodes, *Cours d'Administration Annamite* (1864) của Luro, *Le Voyage à la Cochinchine* (1807) của John Barrow do Malte-Brun dịch, *Les Lettres Edifiantes et Curieuses Écrites de Mission Etrangères, Volume I - XIV* (1819), *A Voyage to Cochinchina* (1824) của John White, vân vân. Riêng tài liệu về Petrus Trương Vĩnh Ký thì thư viện Hội có một hồ sơ dầy đến hai, ba tấc, đựng trong hai tập, bìa cứng, bao gồm những thư từ riêng, những văn thư trao đổi giữa Trương Vĩnh Ký và nhà cầm quyền Nam Kỳ, và một số sách do Trương Vĩnh Ký viết. *Những tài liệu đầu tay này chưa hề được ai khai thác.* So sánh hồ sơ Trương Vĩnh Ký còn giữ được tại thư viện Hội với số tài liệu về Trương Vĩnh Ký lưu giữ tại Văn Khố Quốc Gia gồm vỏn vẹn khoảng năm bức thư của Trương Vĩnh Ký viết gửi nhà cầm quyền Nam Kỳ, chúng ta mới thấy sự quí giá của thư viện Hội Nghiên Cứu Đông Dương biết là dường nào! Giá trị của thư viện này — ngoài thư viện Viễn Đông Bác Cổ ở Hà Nội — là giá trị của một trung tâm tài liệu quí giá mà chúng ta có được ở Việt Nam về những vấn đề liên quan đến Viễn Đông, nhất là Việt Nam (4).

Sự phát triển của Hội Nghiên Cứu Đông Dương, theo một lịch trình kéo dài gần 100 năm, hiện rõ trong sự tiến triển của *Tạp Chí* , nơi tổng hợp những công trình nghiên cứu của các thế hệ hội viên.

Khởi đầu từ năm 1883, *BSEI* chuyên chở cùng nội dung như *Bulletin de Comité Agricole et Industriel de la Cochinchine*, với những bài nghiên cứu ứng dụng vào canh nông và kỹ nghệ. Từ năm 1910, những bài nghiên cứu ứng

dụng bắt đầu nhường chỗ cho những bài nghiên cứu về khảo cổ, nhân chủng, nghệ thuật... (5)

Tuy nhiên, phải chờ đến năm 1926, *BSEI* mới có một sự thay đổi lớn, song song với sự hồi sinh của Hội. Về hình thức, từ nay *BSEI* ấn hành khổ lớn (10x28) thay vì khổ 16x23.5. Về nội dung, những vấn đề lịch sử, dưới ảnh hưởng của Jean Bouchot bấy giờ là Tổng Thư Ký Hội, chiếm phần lớn các bài đăng với khung cảnh chính là Nam Kỳ.

Thật hiếm có những bài nghiên cứu mà thời gian đi quá thế kỷ XVIII như một bài của cụ Bùi Quang Tung nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, hay một bài của George Coedes nêu lên sự quan trọng của thời điểm thế kỷ XIII trong lịch sử vùng Đông Nam Á với sự suy tàn của văn minh Ấn Độ trong vùng này.

Tuy nhiên lịch sử Việt Nam thời Pháp thuộc, nghĩa là từ hậu bán thế kỷ XIX, đã được làm sống lại với tất cả những khía cạnh của nó. Trước hết, *BSEI* phổ biến những sử liệu đầu tay chưa hề được công bố của người trong cuộc. Đó là tờ trình của Charner ngày 27-2-1861 về cuộc đánh chiếm đồn Kỳ Hòa. Đó là 87 lá thư của một sĩ quan Pháp gửi gia đình về diễn tiến sự can thiệp quân sự Pháp vào Việt Nam trong thời gian 1858 - 1866 với cả lược đồ trận đánh Đà Nẵng năm 1858. Đó là những thư của giám mục Lefèbre gửi giám mục Pernot ở Pháp phản ánh những biến cố quân sự và chính trị ở Nam Kỳ trong khoảng thời gian 1862 - 1865. Đó là 22 lá thư của Robert Vasselle viết từ tháng 8 - 1883 đến tháng 7-1884 kể chi tiết cuộc tấn công Bắc Kỳ lần thứ hai của Henri Rivière năm 1882. Đó là các thông tư ấn định đồng phục cho Thanh Tra Bản Xứ Vụ ở Nam Kỳ năm 1875. Đó là những tài liệu về sự thiết lập hệ thống truyền tin và bưu điện ở Nam Kỳ từ năm 1861 đến năm 1880. Đó là những thư từ viết bằng tiếng la-tinh của Pétrus Ký trao đổi với bác sĩ Chavannes ở Pháp trong các năm 1887-1888. Đó là các biên bản về tổ chức thành phố của Hội Đồng Đô Thành Sài Gòn trong 50 năm (1867-1916).

Dưới ngòi bút của những biên giả có phương pháp, *BSEI* còn cung hiến một sự hiểu biết khoa học về những sự kiện hay nhân vật dưới thời Pháp thuộc. Đó là bài nghiên cứu của trung úy Baulmont về những cuộc hành quân của Rigault de Genouilly tấn công Đà Nẵng và Nam Kỳ trong các năm 1858 - 1859. Đó là bài của G.D. trình bầy sự chiếm cứ và cai trị Nam Kỳ. Đó là bài nghiên cứu của Jean Marquet và Jean Norel, căn cứ vào tài liệu từ Văn Khố Đông Dương (Hà Nội) và Văn Khố Bộ Hải Quân (Pháp), ghi lại diễn tiến sự can thiệp Pháp vào Bắc Kỳ. Đó là những bài nghiên cứu về Giám Mục Bá Đa Lộc, về linh mục Leopold Cadière, về đô đốc Bonard, về công sứ Charles Lemire, về Giám đốc đầu tiên của hệ thống Văn Khố và Thư Viện Đông Dương Paul Boudet...

Khuôn khổ của những bài viết trong một tạp chí định kỳ, nhất là sự liên hệ với biến cố mà những xung động tình cảm chưa đủ thời gian lắng đọng đã giải thích đối tượng hạn hẹp của những bài nghiên cứu. Tuy nhiên *BSEI,* chính qua tính cách hạn hẹp đó, đã hiến nhiều tài liệu tham khảo quí giá cho các sử gia sau này, những tài liệu *về phía người Pháp.*

BSEI cũng có loạt bài về tiểu sử những triều thần nhà Nguyễn, nhất là những võ quan. Những bài viết này, thường căn cứ trên những tác phẩm của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, tuy không hiến nhiều chi tiết mới mẻ nhưng phương pháp làm việc của các biên giả với tinh thần phân tích và phê phán tài liệu cũng rất đáng học hỏi. Đó là tiểu sử của Châu Văn Tiếp, Võ Trường Toản, Võ Di Nguy, Nguyễn Văn Thành...

Ngoài ra, còn nhiều bài nghiên cứu mà chúng ta có thể quy tụ trong tổng mục *Văn Minh Việt Nam* với những chi tiết lý thú và chính xác về làng xã, phong tục tập quán, y phục, ẩm thực, kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật, âm nhạc, tôn giáo...

Ban Biên Tập Của BSEI

Biên giả của *BSEI* trong giai đoạn đầu đáng kể nhất là George Durrwell với những bài viết về văn minh Việt Nam. Kể từ năm 1926, số biên giải ngày càng phong phú với Jean Bouchot, André Baudrit, Louis Malleret, Maurice Verdeille, Pierre Daudin, George Taboulet, Jean Marquet, Jean Norel, Henri Berland... Sau này có thêm sự cộng tác của Roger Teulières, Pierre-Bernard Lafont, Giáo sư Philippe Langlet... Những tác giả nêu trên đều là chuyên gia các ngành. Thí dụ như Jean Bouchot và Andre Baudrit được xưng tụng là những sử gia về Sài Gòn, Maurice Verdeille và Pierre Daudet là những chuyên gia Hán học, George Taboulet chuyên gia về Nam Kỳ thời kỳ các đô đốc. Một số lớn thành viên nổi tiếng

của Viễn Đông Bác Cổ cũng góp phần trong *BSEI* như Paul Pelliot, Louis Bezancier, Pierre Huard, Maurice Durand...

Đối với giới học giả Việt Nam, *BSEI* nhận được sự cộng tác ngay từ đầu với Huỳnh Tịnh Của giới thiệu tư pháp triều Nguyễn, Trương Vĩnh Tống dịch *Chuyến Đi Bắc Kỳ Năm Ất Hợi 1876* của Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Khắc Huề bàn về giáo dục Pháp Việt, Lê Văn Phát viết về đời sống người Việt và về nho học, Lương Khắc Ninh trình bầy nghệ thuật sân khấu Việt Nam, Trần Văn Giáp dịch *Nghệ Văn Chí và Văn Tịch Chí*, Thọ Xuân Lê Văn Phúc ghi lại tiểu sử Nguyễn Văn Thành (mà tác giả viết là Thiềng) và Phan Thanh Giản, Vương Hồng Sển giới thiệu đồ gốm men lam xứ Huế, Nguyễn Văn Vĩnh viết rất kỹ về tổ tôm... Kể từ thập niên 50 chúng ta có thêm Nguyễn Đình Lai và Giáo sư Trần Văn Khê nghiên cứu âm nhạc cổ truyền Việt Nam, cụ Bùi Quang Tung khảo về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và lịch sử triều Nguyễn, Giáo sư Nguyễn Thế Anh phân tích kinh tế Việt Nam dưới triều Nguyễn và bang giao Việt - Anh, ông Trần Văn Tốt nghiên cứu nghệ thuật Việt Nam, cụ Nguyễn Hùng Cường giới thiệu văn khố và thư viện VNCH, và nhiều vị khác.

Diễn tiến của việc chọn bài cho phép xác định giá trị khoa học của các bài được đăng trong *BSEI*. Không những bài được viết bởi những nhà nghiên cứu hữu danh mà tên tuổi nhắc nhở đến một tác phẩm nào đó, mỗi bài còn được toàn thể thành viên của Ủy Ban Quản Trị Hội lần lượt đọc, rồi phân tích và phê phán rất khắt khe trong những buổi họp hàng tháng của Hội Đồng Quản Trị trước khi được biểu quyết cho in hay không.

Chính vì thế, *Bulletin de la Société des Études Indochinoises* đã trở nên một kho tàng tham khảo cho những chuyên gia về lịch sử và văn minh bán đảo Đông Dương. Theo George Coedes, Giám Đốc Viện Viễn Đông Bác Cổ, trong thư viết ngày 13-3-1933 nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Hội Nghiên Cứu Đông Dương, đã nhận xét rằng *BSEI ngay từ khi ra đời đã trở thành một trong những tạp chí bác học không chỉ trong phạm vi Đông Dương mà còn ở toàn vùng Viễn Đông nữa. (6)*

* Bài này chúng tôi viết để giới thiệu với độc giả của *Thế Kỷ 21* một tạp chí quí giá tồn tại ở Việt Nam gần một thế kỷ. Giới thiệu *BSEI* là giới thiệu công trình của hằng ha sa số những nhà nghiên cứu sử học, địa lý, văn hóa, khảo cổ học, nhân chủng học, phong tục học, dân tộc học, xã hội học, ngữ học Việt Nam... trong 92 năm. Song song với *BSEI* trong Nam, chúng ta may mắn có thêm một tạp chí nghiên cứu khác ngoài Huế. Đó là *Bulletin des Amis du Vieux Hué (BAVH)* mà ông Nguyễn Phúc Bửu Tập đã giới thiệu chu đáo và sâu sắc trên *Thế Kỷ 21* số 108.

Chúng tôi không hề có ý so sánh hai tạp chí bác học ở VN thời Pháp thuộc, một xuất bản tại Sài Gòn và một tại Huế. Các tạp chí này — ấy là chưa kể tạp chí *Bulletin de l'École Francaise d'Extrême- Orient* xuất bản tại Hà Nội — , nơi tập trung trí tuệ của những học giả Pháp và giới trí thức tân học VN, là thành quả tích cực nhất của sự hợp tác văn hóa Đông Tây, là nơi thể hiện giá trị nhân bản của văn minh Pháp, là nơi nuôi dưỡng và trau dồi kiến thức của nhiều thế hệ sinh viên các trường đại học VN. Ai lại nỡ đem đầu óc địa phương ra suy bì hơn kém.

Tên của tạp chí *Bulletin de le Société des Études Indochinoises* đã bị ông Nguyễn Phúc Bửu Tập viết sai hai lần: tạp chí có tên là *Bulletin* chứ không phải là *Revue* và *Société des Études Indochinoises* chứ không phải *Société d'Études Indochinoise* như ông Nguyễn Phúc Bửu Tập đã viết.

Alameda tháng 4 năm 1998

Chú Thích:

1. Nguyễn Phúc Bửu Tập, Lược Khảo Về Tập San Bulletin des Amis du Vieux Hué (Tập San Đô Thành Hiếu Cổ Xã), *Thế Kỷ 21* số 108 (Tháng 4-1998), trang 56.
2. Viên Thống Đốc dân sự đầu tiên là Le Myre de Vilers, được bổ nhiệm ngày 14/5/1879.
3. Hiệp ước 1883 công nhận quyền bảo hộ của nước Pháp (điều 1) và tỉnh Bình Thuận sát nhập vào Nam Kỳ (điều 2).
4. Sau ngày 30/4/1975, chúng tôi không rõ số phận của thư viện Hội như thế nào.
5. Có thể gọi *BSEI* trong thời kỳ này là *BSEI* bộ cũ (1883 - 1923) mà nhà Kraus Reprint chi nhánh của Công ty Kraus - Thomson Organisation Limited ở Lichtenstein in lại năm 1970 theo lối chụp ảnh.
6. *Bulletin de la Société des Études Indochinoises*, bộ mới quyển VIII, số 1 - 2 (tháng 1-6/1933), trang 145.

* Lịch sự là sự khôn ngoan của đầu óc. Tế nhị là sự khôn ngoan của trái tim.

CHUYỆN KINH TẾ THẦN TIÊN

Trong chuyện thần tiên, chúng ta thường nghe kể có một nàng công chúa hôn con cóc, thế là con cóc biến thành chàng hoàng tử đẹp trai, nhân đức (có cả đức nể vợ,) hai người thành hôn, và từ đó họ sống hạnh phúc bên nhau mãi mãi.

Trong đời sống kinh tế, "Tổng sản lượng tăng trưởng" là tên nàng công chúa ai cũng muốn yêu, còn nạn "lạm phát" là con cóc ai cũng muốn tránh. Ở thế giới trần tục thì khi sản lượng của một nước tăng lên, người ta chỉ lo con cóc lạm phát xuất hiện. Vì công nhân sẽ đòi tăng lương, các xí nghiệp tăng giá hàng. Trên cõi trần này không có chuyện cô công chúa xinh đẹp nào cúi hôn con cóc. Mỗi khi sản lượng tăng cao "quá mức bình thường," Ngân hàng Trung ương, ở Mỹ là Fed, có trách nhiệm phải tìm cách ngăn chặn lạm phát, thí dụ bằng cách tăng lãi suất. Mà hành động đó sẽ khiến người ta bớt đầu tư, bớt tiêu thụ, khiến cho mức tăng trưởng chậm lại, nghĩa là nàng công chúa cũng biến mất.

Trong tháng qua, ở Mỹ người ta đã chứng kiến một chuyện thần tiên. Có cô công chúa thật đẹp (Tổng Sản Lượng Quốc Nội ở Mỹ tăng 4.2% trong Quý đầu năm 1998 trong khi mọi người ước tính 3% đã là hơi cao quá,) và con cóc không xuất hiện (Lạm phát ở mức 0.9% một năm, thấp nhất trong 34 năm qua.)

Hai tin tức đó khiến thị trường chứng khoán ngỡ ngàng. Đầu tuần lễ, chỉ số Dow Jones xuống 147 điểm, chỉ vì nhiều người tin rằng trong phiên họp Tháng Năm, Quỹ Dự trữ Liên bang (Fed) sẽ tăng lãi suất. Người ta tin như vậy vì kinh tế Mỹ đang tăng trưởng nhanh quá, và kéo dài lâu quá rồi, thế nào áp lực lạm phát cũng tăng lên. Một tuần báo có uy tín, tờ *The Economist,* trong số ra ngày tháng trước còn viết một bài bình luận về "Cái bong bóng kinh tế Mỹ" coi chừng sắp xì hơi, trong bài đó họ trách ông Thống đốc Fed đáng lẽ nên tăng lãi suất từ năm ngoái, không nên để cho lạm phát đến chân thì mới nhảy.

Bất ngờ: Kinh tế tăng hơn là người ta tưởng, mà bóng dáng con cóc lạm phát vẫn không thấy xuất hiện — hay nó đã biến thành chàng hoàng tử rồi. Trong ngày Thứ Năm tuần lễ đó, khi các tin mừng kinh tế xuất hiện, thị trường chứng khoán New York lên ngay, bù lại những mất mát mấy ngày trước, rồi tiếp tục lên nữa.

Tại sao lại có cảnh thần tiên này? Vì sách vở kinh tế mà người ta học trước đây năm, bẩy năm, bây giờ không đúng với sự thật nữa. Từ lâu, có lý thuyết dạy rằng khi kinh tế tăng trưởng một thời gian hai, ba năm, hay bốn, năm năm, thì lạm phát sẽ lên. Lý do vì số thất nghiệp xuống, người đi làm sẽ đòi tăng lương, họ sẽ tiêu tiền, xí nghiệp sẽ tăng giá hàng để bù lại. Giờ đây kinh tế Mỹ lên đều đều gần tám năm rồi — như thể cô công chúa "Tăng trưởng" cũng có duyên với ông Clinton vậy — mà lạm phát chưa trở thành một mối lo. Lý thuyết cũ không còn đúng, mà nguyên nhân, theo nhiều nhà nghiên cứu, vì bản chất nền kinh tế Mỹ đã thay đổi, ông Thống đốc Greenspan rất thận trọng mà gần đây cũng công nhận có thứ New Economy này.

Thay đổi chính là "Năng suất." Khi kinh tế tăng trưởng mà lý do không phải chỉ vì nhiều người làm việc hơn, nhiều vốn bỏ ra làm ăn hơn, mà còn vì yếu tố mới, là năng suất của mọi người đều tăng thêm, khi đó mối liên hệ giữa sản lượng và lạm phát cũng thay đổi theo.

Người ta cứ sợ khi kinh tế lên sẽ sinh lạm phát vì các người đi làm được tăng lương họ sẽ tiêu tiền, các xí nghiệp đua nhau đầu tư thêm, họ cũng tiêu tiền. Khi nhiều người tiêu tiền quá thì có mối lo lạm phát. Trong ba tháng đầu năm 1989, người Mỹ chi tiêu nhiều thật. Số tiêu thụ tăng 5.7%, gấp đôi tỷ lệ tăng trong Quý chót của năm 97. Số tiền đầu tư vào thiết bị của các xí nghiệp cũng tăng 28.8% một số lớn dùng mua máy điện toán. Và nhà cửa xây cất tăng thêm 17.6%, cao nhất trong hai năm qua. Nhưng trong khi đó chi phí lao động trong Quý thứ nhất chỉ tăng 0.7%, thấp hơn cả mức tăng 1% trong ba tháng cuối năm 97. Dù lương bổng tăng ít, nhưng người đi làm vẫn lợi, vì giá cả tăng ít hơn. Lạm phát ở Mỹ không tăng một phần cũng nhờ hàng nhập cảng đang rẻ hơn, đó là dầu lửa và các hàng

nhập cảng từ những nước Á đông. Xe hơi Mỹ không thể tăng giá khi phải cạnh tranh với xe hơi Nhật.

Lạm phát tăng ít thôi vì năng suất lao động lên. Cùng trả một đồng lương mà công nhân sản xuất nhiều hơn trước, các nhà sản xuất hàng hóa không thấy cần phải tăng giá mà vẫn không lo thua thiệt. Một lý do khiến năng suất lao động ở Mỹ tăng là nhờ kỹ thuật tin học. Máy computer đã giúp chúng ta bớt áp lực lạm phát! Các công ty Mỹ đang gặp khó khăn vì số xuất cảng giảm mất 3.4%, nặng nhất từ 5 năm qua; trong khi đó số nhập cảng tăng 11.6%. Nếu không bị ảnh hưởng của khiếm hụt mậu dịch cao hơn thì kinh tế Mỹ còn tăng trưởng thêm 1.8% nữa.

Nhưng thị trường chứng khoán không phản ứng theo các tin tức, nghĩa là quá khứ, mà chủ yếu họ nhìn về tương lai. Có nhiều dấu hiệu cho thấy kinh tế trong Quý thứ nhì năm 1998 sẽ từ từ nguội bớt. Một dấu hiệu là trong sáu tháng qua số hàng tồn kho tăng, nghĩa là trong sáu tháng tới số sản xuất có thể giảm để bán bớt hàng cũ. Thứ hai là ảnh hưởng của cơn khủng hoảng ở Á đông sẽ thấm từ từ đến kinh tế Mỹ, trong mấy tháng tới mới thấy rõ. Nhiều người dự đoán trong Quý thứ nhì Tổng Sản Lượng Quốc Nội Mỹ sẽ chỉ tăng thêm 2% thôi, tỷ lệ vừa phải đó không làm người ta lo lạm phát. Trong khi chờ đợi, được sống trong chuyện thần tiên thêm ngày nào cứ vui ngày đó.

CHO ĐẢNG VIÊN LÀM KINH TẾ

Tháng trước, ông Lê Khả Phiêu nói với báo Tuổi Trẻ ở Sài Gòn rằng nên để cho đảng viên làm kinh tế, ông nói ngược lại với điều lệ của đảng. Phóng viên đang hỏi ý kiến ông về các trang trại rộng hàng trăm hecta, ông Phiêu trả lời nó có nhiều tác dụng tốt, ông đang yêu cầu các địa phương nghiên cứu; rồi bỗng dưng ông quay qua chuyện khác: "Cũng như vấn đề đảng viên làm kinh tế, tôi cũng đề nghị cứ để làm." Từ lâu nay *Thế Kỷ 21* vẫn ủng hộ việc thay đổi điều lệ của Đảng Cộng Sản, hãy cho phép đảng viên làm ăn như người thường, đó là quyền hiến định của họ. Không điều lệ đảng nào có thể vi phạm hiến pháp một nước.

Ông Lê Khả Phiêu nói rằng có những việc "chưa phù hợp với điều lệ, với chủ trương," nhưng nếu có hiệu quả thì phản ứng thích đáng của Đảng "không phải là ngăn cản cách làm có hiệu quả đó, mà **phải xem những chủ trương, chính sách đó đã thực sự phù hợp chưa.**" Vì điều lệ chỉ phản ảnh chủ trương, chính sách, người đọc hiểu rằng nếu điều lệ không phù hợp thì cứ làm đại đi, rồi sửa điều lệ sau.

Việc cho hay không cho đảng viên làm ăn là điều đang sôi nổi trong đảng Cộng Sản Việt Nam. Đại hội Tám nhắc lại quy tắc "không" một cách mạnh mẽ. Sau đó, từ ông Đỗ Mười đến ông Trương Tấn Sang nhắc nhở nhiều lần "Cấm đảng viên kinh doanh." Trong khi đó, nhiều đảng viên có khả năng làm ăn đang mong mỏi thay đổi điều lệ để họ ra kinh doanh lấy, không muốn bị giam trong cái khuôn khổ xí nghiệp quốc doanh nữa. Ông Lê Khả Phiêu đã đánh tiếng ủng hộ các người này, nhưng chắc chắn ông sẽ bị các tay khác đả kích là ông muốn "tư sản hóa" các chiến sĩ vô sản, nhiều chiến sĩ đang mỗi đêm nhẩy đầm theo định hướng xã hội chủ nghĩa và sáng chiều lái xe Mercedes cũng theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong thực tế, hiện nay các cơ sở kinh doanh lớn đều nằm trong tay các đảng viên. Nếu cứ để họ nắm các cơ sở quốc doanh thì họ sẽ mua xe và nhẩy đầm bằng tiền của nhân dân. Cho họ kinh doanh lấy họ sẽ bỏ tiền túi ra để hưởng thụ, có thể nhờ thế mà tiết kiệm hơn chăng! Tính ra ở Việt Nam số đảng viên và các người cộng tác có gần 2 triệu. Lợi tức trung bình mỗi người đó phải từ 500 đến 1000 đô la Mỹ một tháng. Lấy con số nhỏ, 500 đô la, thì một năm mỗi đảng viên lợi tức bình quân 6 ngàn. Hai triệu người nhân với 6000, tổng số lợi tức 12 tỷ Mỹ kim một năm. Nếu chúng ta biết Tổng sản lượng Quốc nội Việt Nam khoảng 22 đến 24 tỷ Mỹ kim, thì thấy hai triệu người này chiếm hơn một nửa lợi tức của cả nước. Còn lại nửa kia chia cho hơn 60 triệu

HÃY TÌM ĐỌC

ÁNH MẮT

của TRƯƠNG ANH THỤY

liên lạc CÀNH NAM
2607 Military Rd. - Arlington, VA 22207
Tel. (703) 525-4538

đồng bào không có cha mẹ, anh em ở trong đảng! Vì thế mới có cảnh ở các xã như Quế Minh, Quảng Nam, lợi tức trung bình của người dân là 12 Mỹ kim một năm — theo lời chủ tịch xã mà TK 21 kể chuyện tháng trước.

Nay nếu cho các đảng viên cộng sản làm ăn riêng thì hậu quả ra sao? Hậu quả đầu tiên là nhiều người sẽ "bung ra làm ăn" lấy, không phải bám vào các xí nghiệp quốc doanh nữa. Và khi họ làm ăn thành công thì chính họ sẽ phải đối đầu với cả bộ máy quan lại gồm những xí nghiệp quốc doanh, ngân hàng quốc doanh, và guồng máy nhà nước đồng lõa với hai thứ đó. Chính họ sẽ thấy cả bộ máy kinh tế nhà nước chỉ ngăn cản kinh tế, phần lớn là ăn hại, cần phải thay đổi. Chính các đảng viên cộng sản sẽ thấy cần phải dẹp bỏ bộ máy đó thì tư nhân mới có cơ hội kinh doanh và kinh tế cả nước mới phát triển được. Những đảng viên được "tư sản hóa" sẽ tranh đấu cho quyền lợi của họ, cũng là quyền lợi chung của quốc dân, đó là quyền tự do kinh tế.

Nếu nước ta có tự do kinh tế và sống trong luật lệ rõ ràng, minh bạch, ai cũng phải tuân thủ luật pháp một cách bình đẳng, thì khung cảnh đó thế nào cũng giúp kinh tế phát triển, mọi người đều được hưởng, trong đó không phân biệt ai là đảng viên, ai là người ngoài đảng.

Liệu lời nói của ông Lê Khả Phiêu có trọng lượng nào để thay đổi điều lệ của đảng Cộng Sản không, điều đó cũng chưa chắc. Ông sẽ phải làm theo lối cũ của đảng, là làm trước rồi sửa sau, và ông có thành công hay không thì còn tùy thuộc "các cụ."

ÔNG NGUYỄN TẤN DŨNG KHÔNG NÊN DÙNG VIAGRA

Ông Nguyễn Tấn Dũng, Phó thủ tướng thường trực đặc trách kinh tế, nhận thêm chức vụ mới: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (tức Ngân hàng Trung ương). Năm ngoái, đi Bắc Kinh về, ông Dũng đã hô hào cải tổ kinh tế quốc doanh. Tháng trước, ông Phan Văn Khải cũng xác định lại: đảng C.S.V.N. chủ trương đổi mới, nhưng không đổi theo lối tư bản, chỉ noi gương Trung Quốc thôi.

Trung Quốc đang cải tổ các xí nghiệp quốc doanh, trong đó có việc tách các xí nghiệp ra khỏi những cơ quan chủ quản, chia ra nhiều cổ phần để bán hoặc chuyển nhượng cho nhiều cơ quan hay cá nhân, cho họ chia sẻ trách nhiệm và quyền quyết định, ta gọi là "Cổ phần hóa." Liệu ông Nguyễn Tấn Dũng có thể cổ phần hóa như lời hứa hẹn hay không? Và cổ phần hóa có phải là phương thuốc bồi bổ sinh lực cho kinh tế Việt Nam hay không?

Theo chương trình thì trong hai năm 1998-99 riêng vùng Sài Gòn nhà nước Việt Nam sẽ cổ phần hóa 150 xí nghiệp quốc doanh. Một đại biểu tỉnh Đồng Nai đặt câu hỏi ở Quốc hội: "Năm năm trước chúng ta cổ phần hóa được 14 doanh nghiệp, năm nay làm 150, có thể không?"

Đây là một câu hỏi đáng nêu lên, và khó trả lời. Đảng Cộng Sản năm nay ngoài 70 tuổi, đang ở tình trạng lão suy giống như cựu nghị sĩ Bob Dole ở Mỹ. Vào tuổi đó, làm cái gì cũng chậm chạp, loay hoay. Đang cổ phần hóa với nhịp độ gần ba xí nghiệp một năm, nay chỉ còn một năm rưỡi định làm luôn 150 cái, tính ra mỗi tuần hai lần, muốn "nâng cao nghiệp vụ" như thế, ông Nguyễn Tấn Dũng cần có... thuốc trợ lực — giống như ông Bob Dole nói đã uống Viagra vậy.

Từ lâu nay đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn theo đuổi các Chính sách Kinh tế Viagra. Đó là thứ thuốc chỉ công hiệu có một vài giờ, xong rồi đâu lại vào đó. Nếu Đảng nhất định bắt 150 công ty cổ phần hóa thì bên dưới sẽ răm rắp theo, xong rồi, đâu lại vào đó. Cho nên gọi là Chính sách Kinh tế Viagra. Nhưng nền kinh tế nước ta đang bệnh nặng, trị từ căn nguyên mới có hiệu quả lâu dài, thuốc trợ lực chỉ che dấu căn bệnh chính.

Muốn hồi phục kinh tế nước ta, ông Nguyễn Tấn Dũng cần tìm hiểu căn bệnh. Cái căn bệnh trầm trọng nhất khiến việc cải tổ kinh tế bị khựng lại, là ý muốn bám lấy quyền lực và quyền lợi riêng của đảng viên từ trên xuống dưới. Ý muốn đó được ngụy trang dưới cái tên "Theo định hướng xã hội chủ nghĩa" mà Tướng Trần Độ đã khuyên nên xóa đi.

Khi các xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ, họ không những chỉ làm hại ngân quỹ nhà nước, mà thực ra đang phí phạm tài nguyên của toàn dân. So sánh các xí nghiệp quốc doanh với những doanh nghiệp tư, chúng ta biết căn bệnh chính của quốc doanh là bệnh tiêu tiền chùa. Tại Quốc hội, có đại biểu nói trong các xí nghiệp quốc doanh hiện nay 18% nhân viên không có việc gì làm. Ở lãnh vực tư không ai để tình trạng đó xảy ra. Triết lý quan trọng nhất của kinh tế thị trường, như Adam Smith đã nêu lên, là khi mỗi người thi đua kiếm lợi cho mình, trong một thị trường tự do

và có luật pháp, thì phúc lợi chung cũng được nâng cao. Khi mọi xí nghiệp làm ăn có hiệu quả thì nền kinh tế quốc dân sẽ có hiệu quả.

Muốn các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, phải mở cửa cho tư doanh phát triển. Phải cho tư nhân được cạnh tranh bình đẳng với quốc doanh, nghĩa là người dân thường, dù là đảng viên hay không đảng viên, được cạnh tranh với các xí nghiệp của đảng - Đảng thường núp dưới danh nghĩa nhà nước, cơ quan, đoàn thể, v.v.. Người ta ví việc cạnh tranh bình đẳng đó như chơi banh trên "sân banh bằng phẳng."

Nhưng khi bị cạnh tranh ngang hàng như vậy thì các xí nghiệp của đảng khó sống. Muốn cho các xí nghiệp đó tăng hiệu năng thì phải *"tư nhân hóa,"* chứ không phải chỉ *"cổ phần hóa."* Tư nhân hóa nghĩa là đặt ban quản đốc các xí nghiệp vào tình thế phải chịu trách nhiệm về các quyết định của họ, lời ăn, lỗ chịu. Họ sẽ phải cải thiện việc quản lý vì quyền lợi bản thân họ.

Chương trình cổ phần hóa sẽ chia quyền quyết định ở các xí nghiệp cho nhiều người, nhưng ai sẽ chia nhau quyền hành mới này? Họ sẽ tham dự với tính cách cá nhân vì họ bỏ tiền túi ra để làm chủ một số cổ phần, được chia lời và chịu lỗ khi quyết định, hay họ vẫn do các bộ phận của Đảng đề cử? Họ có chịu bỏ tiền nhà ra để mua quyền quyết định hay chăng? Nếu xí nghiệp thua lỗ chính họ có mất tiền đầu tư hay không?

Khi ban quản đốc mới vẫn chưa cảm thấy bản thân chịu trách nhiệm về các quyết định của mình, khi các yếu tố chính trị vẫn chi phối những quyết định kinh doanh, nếu thua lỗ vẫn được bao che bằng những khoản tín dụng của ngân hàng, thì xí nghiệp khó làm ăn có hiệu quả. Muốn các xí nghiệp làm ăn có hiệu quả thì phải có những người tính toán lợi ích và rủi ro mà chính mình gánh chịu, rồi quyết định. Nếu Ban quản đốc chịu cảnh năm cha, ba mẹ thì có thể bị tê liệt.

Giống như thuốc Viagra, việc cổ phần hóa lúc đầu sẽ làm cho các vị quản đốc hưng phấn lên, vì ai có thêm quyền hành mới cũng cảm thấy hăng hái. Nhưng liều thuốc đó chỉ công hiệu rất ngắn hạn. Về lâu về dài thì phương thuốc này sẽ vô hiệu, và có thể gây hại. Hãy coi gương các nền kinh tế Đại Hàn và Nhật. Khi chính trị vẫn còn lấn vào các quyết định kinh doanh thì hiệu quả kinh tế sau cùng sẽ sút kém.

Cho nên, muốn chữa căn bệnh của nền kinh tế nước ta, cần mạnh bạo tư nhân hóa. Không nên bắt chước Bob Dole.

INDONESIA VÀ PHI LUẬT TÂN KHÁC NHAU

Hai nước ở Đông Nam Á đang thay đổi: tại Indonesia có mầm mống biến động, có thể trở thành bạo loạn; tại Phi Luật Tân dân chúng đi bầu, ứng cử viên đối lập nhiều hy vọng sẽ thắng.

Tại Indonesia, Tổng thống Suharto đã nắm quyền 32 năm, đầu năm 1998 ông được một "Quốc hội" bầu thêm nhiệm kỳ năm năm nữa, mặc dù sinh viên biểu tình đòi ông thôi. Và nay cả dân chúng cũng biểu tình đòi ông từ chức. Tại Phi Luật Tân, Tổng thống Fidel Ramos mới mãn một nhiệm kỳ năm năm, hiến pháp không cho ông ra ứng cử lần nữa. Năm ngoái đã có người đề nghị tu chính hiến pháp để ông Ramos "hy sinh thêm." Nhưng dư luận phản đối, giáo hội Công giáo Phi cũng phản đối, ông Ramos từ khước đề nghị đó. Và trong cuộc bầu cử tháng rồi ứng cử viên do ông Ramos đỡ đầu bị thua xa so với Joseph Estrada.

Những biến động ở Indonesia chắc không lật đổ được ông Suharto, ít nhất cho đến khi quân đội nhúng tay vào. Hồi 32 năm trước ông Suharto đã dựa vào quân đội. Nhưng bây giờ trong guồng máy quyền hành ở Indonesia ngoài quân đội còn có giới doanh nhân mà phần lớn là con cháu, bạn bè của Suharto. Ngoài ra còn giới lãnh đạo tôn giáo thân chính quyền mà ông Suharto vẫn bảo trợ, trong đó có vị Phó tổng thống mà ông mới chọn năm nay.

Khi mới lên nắm quyền, ông Suharto đã giảm bớt quyền của các tướng lãnh bằng cách tập trung các vụ đấu thầu của quân đội vào tay Bộ tham mưu của Phủ tổng thống. Từ đó, ông tạo ra một thế lực mới trong guồng máy chính trị, đó là các nhà chuyên môn, phần lớn huấn luyện từ các nước Âu Mỹ. Họ liên kết với giới tư bản qua gia đình Suharto.

Quốc hội Indonesia phản ảnh sự chia sẻ quyền lợi giữa các thế lực trên. Liên Đảng Golkar cầm quyền tập hợp 325 ghế, Quân đội được dành cho 75 ghế, và hai đảng "đối lập" được cho 100 ghế nữa. Trong liên hiệp Golkar có đại diện các doanh nhân, các lãnh tụ tôn giáo thân chính phủ, và giới chuyên gia. Trong tháng qua, các nhà lãnh tụ Thiên chúa giáo đã lên tiếng yêu cầu Quốc hội thay đổi chính phủ

một cách hòa bình. Phần lớn người theo Thiên chúa giáo ở Indonesia là những Hoa kiều mà cửa hàng mới bị đập phá gần đây. Rồi một lãnh tụ Hồi giáo đối lập cũng đòi thay đổi chính phủ. Nhiều cựu bộ trưởng, nhiều nhà trí thức đã kêu gọi ông Suharto thay đổi.

Khi Tướng Wiranto, một tùy viên cũ của ông Suharto, nói phải "thay đổi nguyên trạng" thì điều đó có thể hiểu hai cách. Một cách triệt để, quân đội sẽ đảo chính cướp chính quyền, mà điều này khó xảy ra. Con rể ông Suharto đang chỉ huy các lực lượng trừ bị chiến lược cho nên Quân đội khó đảo chính. Các tướng lãnh chỉ có thể ép chính phủ Suharto thay đổi từ từ. Họ có thể yêu cầu thay đổi luật lệ, mở rộng tự do báo chí, tự do lập đảng, lập hội, và tự do bầu cử để có một Quốc hội phản ảnh ý dân hơn. Sự thay đổi chính trị này sẽ mở đường cho việc thay thế ông Suharto trước năm 2003, là năm ông sẽ mãn nhiệm kỳ. Nhưng liệu ông Suharto sẽ chấp nhận diễn biến hòa bình này, hay ông bất chấp ý dân? Nếu ông ra lệnh cho quân đội bắn vào dân chúng thì họ có tuân lời không, hay sẽ quay súng bắn vào người ra lệnh?

Trong khi ở Indonesia bạo loạn sẽ đưa tới việc thay đổi chính quyền thì ở Phi Luật Tân người dân có thể đi bỏ phiếu để thay thế một tổng thống. Năm 1986 dân Phi lật đổ chính phủ Marcos độc tài, với sự hỗ trợ của ông Ramos, Tư lệnh quân đội, và sự can thiệp của Mỹ, rồi dân chúng bầu bà Aquino làm tổng thống. Từ đó họ đã đặt nền móng cho các thủ tục dân chủ, là phương pháp tốt nhất để thay đổi người cầm quyền một cách ôn hòa. Cả bà Aquino lẫn Tướng Ramos đều tôn trọng các thủ tục dân chủ trong hiến pháp, nhờ thế chế độ dân chủ ở Phi bắt đầu có nền nếp.

Nền dân chủ ở Phi Luật Tân chưa đến mức trưởng thành, cho nên nhiều vụ bạo động làm tám người chết. Cảnh bạo động có thể làm người ta ngã lòng, nghi ngờ thể chế dân chủ. Nhưng so với các cuộc bầu cử thời ông Marcos trị vì thì cảnh bạo động đã giảm đi nhiều. So với số người bị giết khi biểu tình chống chính phủ Suharto thì con số chết ở Phi Luật Tân còn nhỏ. Tình trạng bạo động trong các cuộc bầu cử thường xảy ra tại các nước nghèo và chậm tiến, vì dân trí còn thấp. Dân trí có thể đo lường một cách giản dị khi ta quan sát sự phát triển của xã hội công dân.

Phi Luật Tân tiến xa hơn Indonesia nhờ có các định chế dân chủ. Người dân Indonesia không có các định chế để qua đó có cách bầy tỏ ý kiến và thay đổi chính quyền nếu cần. Nhưng các định chế dân chủ cũng chưa đủ, nếu xã hội công dân chưa phát triển.

Khi người dân trong một nước được phép và tạo được thói quen tụ họp thành nhiều hội tư, sinh hoạt tự nguyện và tự lập, để giải quyết các nhu cầu chung với nhau một cách bình đẳng, thì họ xây dựng ra xã hội công dân, một thế lực làm đối trọng với quyền của nhà nước.

Xã hội công dân là nền tảng của chế độ dân chủ. Sự phát triển một xã hội công dân nâng cao trình độ dân trí, vì người dân có dịp tập tham dự, và chịu trách nhiệm về đời sống của mình. Khi một nước cũng có tổ chức bầu cử tự do, mà người dân chưa có sinh hoạt dân chủ từ hạ tầng qua các tổ chức tự nguyện và độc lập, thì chế độ dân chủ chưa trưởng thành. Khi đó ngay các đảng phái cũng không có tính chất dân chủ.

Đảng phái chính trị chưa đóng đúng vai trò dân chủ khi mối liên hệ trong đảng phái không dựa trên các chủ trương, chính sách được mọi người theo dõi và thảo luận, mà dựa trên lòng "trung thành" hay vì "mối nợ" đối với những "lãnh tụ," chẳng hạn một tài tử xi nê hay một ông tướng, một lãnh tụ tôn giáo, các "ông trùm" địa phương, v.v.. Đó là thứ liên hệ hàng dọc, thứ quan hệ "thầy-tớ," không phải liên hệ hàng ngang giữa những người bình đẳng.

Muốn cho xã hội công dân phát triển thì phải có những bảo đảm tự do lập hội, tự do kinh doanh, và tự do phát biểu. Phi Luật Tân có cơ hội để nâng cao dân trí, nhờ có các quyền tự do đó, ít nhất từ năm 1986 đến nay. Trong 32 năm cai trị, ông Suharto đã không thiết lập các định chế để các ý kiến khác được phát biểu, cũng không cho phép xã hội công dân phát triển, vì vậy nếu Indonesia muốn thay đổi người cầm quyền, dân chúng chỉ có một phương cách là biểu tình và là bạo động.

TẠI SAO KINH TẾ TRÌ TRỆ?

Năm chục năm qua, các sinh viên kinh tế học đã quen với danh từ "Game Theory" (Lý thuyết Trò chơi). Đây là một phương pháp nghiên cứu đời sống kinh tế bắt đầu từ các quyết định kinh tế của mỗi người, khi họ tính toán một cách thuần lý, và nhắm tối đa hóa doanh lợi. Von Neuman và Nash là hai nhà toán học mở đầu ngành nghiên cứu với Lý thuyết Trò chơi — họ đều đã lãnh giải Nobel.

Game Theory đã được áp dụng trong các ngành từ chính trị học đến sinh học, di truyền học.

Trong Lý thuyết Trò chơi, người ta đặt các luật lệ cuộc chơi, rồi tự hỏi các người tham dự sẽ chọn quyết định nào, để có lợi nhất cho mình, giả thiết rằng đối thủ của mình cũng quyết định cách nào có lợi nhất cho hắn. Tập hợp các quyết định tối ưu đó được gọi là Thế Quân bình Nash - Nash Equilibrium.

Có một Trò chơi giúp chúng ta hiểu tại sao các xí nghiệp quốc doanh không sinh lợi, và nói chung, tại sao các nước ngả về kinh tế quốc doanh sẽ bị trì trệ. Trò chơi này được kể lại trong cuốn "Nguồn gốc của Đức Hạnh" - The Origns of Virtue, của Matt Ridley, nhà Viking xuất bản năm 1996.

Có hai người, tên Konrad (K) và Niko (N) phải chia nhau lợi nhuận. Theo quy luật của cuộc chơi thì K là người được quyết định trước, anh ta được chọn cách chia tiền. Có hai cách, là Bình đẳng hay Bất công. Còn N phải quyết định sau, anh ta sẽ được phép chọn số tiền để đem chia, là Cao hay Thấp.

Nếu K chọn Bình đẳng thì hai người sẽ chia đôi số tiền, nhưng nếu anh chọn Bất công thì anh ta sẽ được chia 90% số tiền, còn 10% để cho N. Sau khi K chọn rồi, đến lượt N chọn số tiền Cao hay Thấp.

Nếu N chọn Cao, số tiền hai người được chia nhau sẽ là, thí dụ 10 ngàn, gấp 10 lần số tiền nếu chọn Thấp, chỉ có một ngàn.

Với quy luật cuộc chơi như vậy, mỗi người K và N sẽ quyết định ra sao? Tất nhiên K là người được quyết định trước, anh ta sẽ chọn cách chia Bất công, để được hưởng 9 phần mười lợi nhuận. Còn N sẽ tính sao? Dù anh ta quyết định cách nào, anh cũng chỉ được hưởng 10% lợi nhuận. Như vậy thì đằng nào anh cũng nên chọn Lợi nhuận Cao, nếu không chính anh sẽ bị thiệt! Đây là một giải đáp Quân bình Nash cho cuộc chơi vì hai bên sẽ không muốn thay đổi.

Nhưng đó là theo lý luận của các nhà toán học. Trong đời sống xã hội chúng ta có những cảnh giống như trò chơi trên đây, nhưng tâm lý con người khác với bài toán thuần lý.

Tại những xứ độc tài, xã hội chủ nghĩa hay tư bản quả đầu, có hai giai cấp. Một là nhóm thống trị, họ nắm quyền, thụ hưởng hầu hết lợi nhuận của nền kinh tế quốc gia, còn người dân thường thì hưởng rất ít. Nhưng chính người dân thường, với tư cách lao động, lại có thể chọn làm việc hăng hái, hay uể oải, ảnh hưởng đến lợi tức quốc dân. Để cho giản dị, chúng ta tưởng tượng một cuộc chơi.

Thí dụ chúng ta có hai người tên là Quan và Dân. Hai người chia nhau lợi nhuận của một xí nghiệp chẳng hạn, trong đó Quan là thủ trưởng, Dân là công nhân. Quan có quyền quyết định chia lợi nhuận theo cách của ông ta, và thế nào Quan cũng chọn cách Bất công, để hưởng 90%, còn 10% để cho Dân hưởng.

Nhưng lợi nhuận Cao hay Thấp không khác nhau nhiều đến 10 lần như trong trò chơi toán học trên. Nếu Dân cố làm hết sức để lợi nhuận cao hơn, từ mức 100 đồng năm ngoái sẽ tăng lên 110 đồng, tỷ lệ tăng trưởng là 10%. Ngược lại, nếu Dân không cố gắng, làm tà tà, thì tỷ lệ tăng trưởng chỉ có 5%, lợi nhuận lên 105 đồng.

Đối với thằng Dân, nếu làm tà tà được chia 10% của 105 đồng tức là được 10 đồng rưỡi, còn nếu làm cật lực thì cũng khá hơn, được 11 đồng, khác nhau 50 xu. Nhưng khi thằng Dân quyết định, nó không chỉ nhìn vào 50 xu khá hơn, mà nhìn vào lợi nhuận của ông Quan. Nếu thằng Dân làm cật lực, ông Quan sẽ hưởng 90% của 110, tức 99 đồng. Nếu Dân làm uể oải, ông Quan sẽ được 90 đồng 45 xu mà thôi — 90% của 105 đồng. Theo tâm lý con nhà nghèo chúng tôi thì Dân sẽ chọn cách làm uể oải, tà tà. Vì nó thấy mình có cực thân cũng chẳng hưởng được bao nhiêu (50 xu) mà ông chủ thì được hưởng thêm nhiều quá (hơn 8 đồng!) Thằng Dân so sánh 50 xu của mình với 8 đồng 55 xu của Quan mà thấy tủi thân!

Cũng có thể nhìn từ phía khác: thằng Dân thấy nếu mình làm việc tà tà mình cũng chỉ bị mất có 50 xu mà thôi, còn ông Quan sẽ bị mất 8 đồng 55 xu lận! Nếu thằng Dân muốn trả thù Quan thì nó sẽ làm việc tà tà - cho bõ ghét! Đó là một hình thức "lãng công thường trực, toàn diện và đồng bộ."

Câu chuyện ngụ ngôn trên có thể giải thích tại sao các chế độ gọi là xã hội chủ nghĩa hiện thực lại thất bại về kinh tế. Tại các nước Tư bản Quả đầu thì hơi khác. Vì các chế độ đó không cực quyền toàn trị cho nên thằng Dân ở đó không chịu lép một bề mãi. Nó sẽ đòi thay đổi cách phân chia, và mỗi khi cách phân chia công bằng hơn một chút, mức phát triển kinh tế cũng cao hơn. Người ta đã thấy tại nhiều quốc gia mức độ công bằng lợi tức tỷ lệ thuận với sự phát triển kinh tế, điều đó không ngạc nhiên.●

TÍNH BẢN ÁC VÀ ĐỐI CHUYỆN BÊN LỀ THẾ KỶ 21

NGUYỄN KẾT

Tôi vẫn ngần ngại chuyện góp ý khi đọc các bài viết mà tôi chủ quan nghĩ mình có ít nhiều điều để nói, kể cả một đôi khi cảm thấy chính mình bị gián tiếp chỉ trích. Kết quả là cứ nghĩ quanh quẩn rồi bỏ dở nửa chừng, hoặc có khi viết rồi xếp xó, vì những câu hỏi phút chót. Có hay không nên đưa ý kiến về một điều tuy to như núi nhưng có thể chỉ nhẹ như lông "bên ngoài tháp ngà"? Ai mà không có lúc nhầm lẫn hay thiếu hiểu biết về một điểm gì đó? Nếu ý kiến tôi sai hoặc chỉ đúng ở những điểm không đáng kể thì không có gì đáng nói, nhưng trường hợp ngược lại? Chẳng phải có người đã vì thế mà ngưng viết? Vân vân.

Thế nên dù sao đi nữa thì nơi tôi vẫn có tí ti lòng tốt thật sự. Và tôi sẽ vui nếu nó *một phần* là kết quả của sự tập nhiễm một giáo thuyết cho rằng cả thiện lẫn ác trong căn bản đều là những... "hiện tượng tập nhiễm" chứ không phải là thứ chất thể trơ lì, cố định, do đó tên đồ tể có thể sửa mình hôm nay để nên thánh ngày mai, và do đó tôi có thể làm lớn lên một tí cái thiện nhỏ như vi tử trong tôi để trưởng thành và góp phần tạo ra một cuộc đời đáng sống hơn. Nhưng thật chán nếu nó, cái thiện tí ti nơi tôi, trong bản chất không phải là thiện, mà là cái ác tô son đánh phấn, chỉ là hiện tượng có do động cơ vị kỉ, vị lợi, chẳng hạn cái cân nhắc vị tha kia, dù tôi không ý thức được, không biết tới, thật ra chỉ là sự lo xa việc thiên hạ phản pháo.

Cũng thật chán nếu tình thương mà người mẹ dành cho con cái không phải là vô bờ bến, mà có một hay nhiều động cơ vô thức xam xám như để về sau được chúng nuôi ăn. Và đúng là buồn chết người nếu tất cả những điều tốt lành cho tha nhân, như của các tổ chức từ thiện xã hội, chỉ có toàn những động cơ và mục đích hắc ám như để che mắt thế gian, mua chuộc lòng người, chài tín đồ để hưởng lợi v.v... cũng như nếu mọi người, vì được biết chân lý cao thượng "nhân chi sơ tính bản ác," nên cứ lấm lét nhìn nhau thầm hỏi về ý đồ và hành xử đen tối của nhau.

Do đó mà sự cân nhắc quen thuộc đã không có trong khi tôi lướt qua bài viết cho rằng cái ác, xấu nơi tôi đã được khoa học hiện nay xác nhận như vĩnh viễn dính chặt vào "số mệnh" tôi. Tôi chỉ thấy một mực toan tính vạch ra sự thiếu căn bản của ý niệm tính bản ác cùng những điều liên hệ trong bài viết đó, bài "Vũ trụ và Con người" của tác giả Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh *(TK21* số tân niên 1988).

Dưới đây, thay vì theo cung cách thông thường, tôi muốn "được ý quên lời," nhận diện lí luận thấy nơi bài viết đó để phê bình, vì mặc dù lí luận này nhìn chung có thể hơi lạ nhưng từng điểm một của nó có thể nói là tin tưởng khá phổ biến ở tây phương. Lí luận này là, thuyết tiến hóa của sinh học hiện đại xác nhận rằng bản tính con người là ác, xấu, giúp "củng cố" tín niệm tội nguyên tổ, cái làm ra bản tính ác — theo lí luận của vị thánh Kitô giáo St. Augustine — , và khi Sáng Thế kí ["của Cựu Ước" (!)] và vũ trụ học hiện đại "cùng nói đến sự khai thiên lập địa" và có những điểm giống nhau quan trọng, mặc dù "mỗi bên nói một khác," thì kết luận là huyền thoại Sáng thế nhìn chung được khẳng định với sinh học và vũ trụ học hiện đại.

1. Trước tiên là một nhận xét. Tác giả tạo ấn tượng rằng đây là chuyện của riêng Kitô giáo, kể cả khi ông đến Sáng Thế kí như một

phần "của Cựu Ước." "Cựu Ước" nguyên là *Kinh Thánh* của Do Thái giáo, là Lời mà Thần mặc khải cho Do Thái (...người). Tên "Cựu Ước" hay "Giao ước cũ giữa Thần và người" đã được đặt ra, như người Kitô thừa biết, với sự phát triển của Kitô giáo như một tông giáo độc lập. Nhưng dễ hiểu là người Do Thái xem cái tên này như có hàm ý báng bổ thần thánh, rằng Kinh Thánh, Lời mà Thần mặc khải cho họ, và theo đó tín ngưỡng của họ, thì ít giá trị, không có trọn vẹn ý nghĩa trừ phi được hiểu trong ánh sáng Tân Ước, "Giao ước *mới*..." Tác giả biết chuyện này thì lẽ ra nên chính xác hơn, khi mà đa số đối tượng của ông không có lí do gì để cứ phải vô tình xúc phạm đến Do Thái giáo.

Chuyện từ ngữ nhỏ nhặt này chỉ để nói rằng, không chỉ Kitô giáo mới có vinh dự có những chân lí thiên khải gọi là được khoa học xác nhận. Và thật ra thì không chỉ Do Thái giáo, mà cũng thế với nhiều tông giáo khác, chẳng hạn những tín ngưỡng cổ sơ hiện không còn tồn tại lẫn tông giáo của các thổ dân (/"người tự nhiên"; sống ở rừng sâu, hoang mạc v.v... và phôi thai về kinh tế). Nhiều tín ngưỡng như thế cũng có huyền thoại về sự khai thiên lập địa do một Ý định Thần thiêng cũng như về sự xem hiện tại như *thoái hóa,* bất toàn, kém cỏi hơn thuở Hoàng kim quá khứ. (Đây là một trong các khởi điểm cần thiết cho triết gia Nguyễn Hữu Liêm hơn là sự phê bình tông giáo, và cả triết học và khoa học, dựa vào "nhược điểm tự thân" của nguyên lí nhân quả, rằng sự giải thích hiện tại theo nó chỉ đưa đến sự chết cứng với huyễn mộng quá khứ).

Sự giống nhau ở đây hầu như hiển nhiên là không nằm ở bề mặt, một phần vì đa số các tín ngưỡng này vẫn còn tư duy qua biểu tượng và do đó không đi đến một giải thích giống như của một vị thánh Kitô giáo St. Augustine, đó là cho rằng vì bản tính của con người là ác hại, xấu xa mà nó đánh mất Địa đàng. Riêng Do Thái giáo, dù sớm có truyền thống suy lí nhưng thần học của nó chưa bao giờ thấy tội nguyên tổ ở chuyện Adam - Eva; sự thoái hóa, bất toàn, không đáng mong muốn trong hiện tại được giải thích theo cách có phần giống Khổng giáo, rằng đó là do con người không ở yên trong khuôn khổ thiên định.

Nhưng nói như thế không có nghĩa là có thể đồng nhất các huyền thoại này, rằng chúng chỉ là một nhưng do hoàn cảnh mà trở thành khác biệt. Kinh nghiệm là sự thất bại của một tập san Công giáo có tiếng ở Pháp trước đây trong nỗ lực tìm kiếm nội dung cho một ý niệm theo đó các huyền thoại giống Kitô giáo về Sáng thế, niềm tin, giá trị đạo đức v.v... nơi các tín ngưỡng khác chính là "Mặc khải ngoài Giáo hội," "phép lạ" chuẩn bị cho sự kitô hóa. Ý niệm này vẫn còn thấy nói đến, chẳng hạn trong *Bước qua Ngưỡng cửa Hy vọng.* Điều này giải thích sự kiện một số tác giả vẫn còn tiếp tục việc giải thích và đồng nhất các huyền thoại v.v... theo lăng kính Kitô giáo, mặc dù họ có lẽ thừa biết học giới đánh giá ra sao về công trình của tập san kể trên. (Trên *TK21* trước đây cũng có một bài viết làm tôi liên tưởng đến chuyện này).

Và khi không thể xem các huyền thoại "được khoa học xác nhận" này là một, phải chăng chúng ta cần đi đến việc chọn lựa, xem tông giáo nào có các huyền thoại "đúng" nhất, về biến cố nguyên thủy và sự thoái hóa của con người? Rồi *do đã lấy khoa học làm đuốc soi,* chúng ta cũng phải có thái độ nhất quán, nhìn sang *khoa học* sử tông giáo để nhận diện dạng huyền thoại chưa bị thêm thắt, sửa đổi của người sau, dạng cổ xưa nhất. Và *biết đâu* sự việc này làm chúng ta vô tình biết đến một số chuyện bên lề có ảnh hưởng lớn đến sự chọn lựa của mình.

Biết đâu chúng ta sẽ nhận thức rằng phải *tạm* để Kitô giáo qua một bên trên đường tìm kiếm và đến với Do Thái giáo, không chỉ vì huyền thoại "Biến cố Nguyên thủy" và "sự Thoái hóa" ở đây mới là gốc, mà còn vì sử tông giáo không xác nhận những điều Kitô giáo xem như sự thật lịch sử cho thấy tính cách độc nhất vô nhị của nó. Một ví dụ là ý niệm "đấng Cứu chuộc" không chỉ có nơi "phong trào Giêsu" (kitô giáo sơ thời) mà còn trong nhiều bàng phái Do Thái giáo thời đó, và *hoàn toàn khách quan* thì nghiên cứu sử học không thể nói gì về sử tính của Kitô, khi mà sự phân tích các chứng liệu, văn bản Kitô giáo thuộc hai thế kỉ đầu tiên đã chỉ cho thấy rằng, cái nhìn xác thực nhất là tín đồ và tư tưởng gia kitô trong thời gian này tin rằng Giêsu đã sinh ra và làm công việc cứu chuộc ở một "cõi" khác, không phải cõi đời này! (1)

Rồi khi không sẵn có niềm tin Do Thái giáo, chúng ta chắc chắn là không dừng lại ở đây. Do Thái giáo không hơn hai tông giáo "ở đời" khác, Veda giáo ở Ấn Độ và Khổng giáo ở Trung Hoa, trong việc thực hiện lí tưởng về một cõi đời đúng trật tự thiên định, mặc dù

Khổng giáo kém cỏi hơn ở điểm không được Thần mặc khải về Ngài và về Công trình Sáng tạo của Ngài. Nhưng cũng chính ở điểm này mà chúng ta biết đâu sẽ đến với một số tín ngưỡng thổ dân: Do Thái giáo có các Mặc khải này, nhưng chúng lại có lắm điểm không hợp ý nghĩ của chúng ta về một đấng Toàn thiện và có Tình thương vô hạn. Các tín ngưỡng thổ dân đã nói có những điểm như thế và nhiều điều khác nữa về Thần và Công trình Sáng tạo trong thần học của mình, những điều mà dù không chạm mặt với kiến thức khoa học thời đại nhưng vẫn đi trước thần học hiện đại rất lâu và hoàn toàn phù hợp với hiểu biết của khoa học sinh thái!

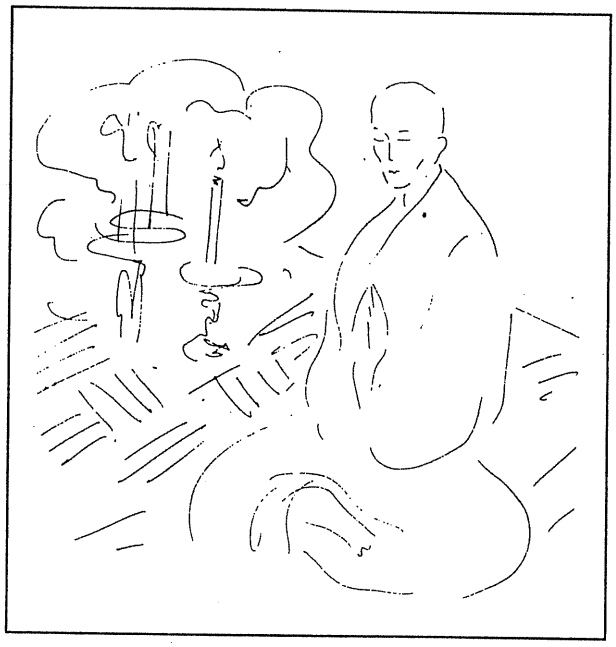

Nhưng vì không sinh ra trong tín ngưỡng thổ dân và lại có tư duy khoa học, chúng ta chắc cũng không ở lâu với các tín ngưỡng này. Các cộng đồng thổ dân có thể vẫn còn trong trạng thái cách biệt với "thế giới văn minh" và hầu như vẫn chưa có sự phân biệt thiêng-tục, theo đó đời sống và đời sống tín ngưỡng không phải là hai khía cạnh khác nhau. Hai điều này giúp ước lượng ảnh hưởng của tông giáo trên các cộng đồng đó. Và huyền thoại về thời hoàng kim quá khứ hay về sự thoái hóa của con người hiện tại không thể không có liên hệ ít nhiều với sự kiện các cộng đồng người này vẫn giữ lề lối sinh hoạt chẳng những không thích hợp với, mà còn có nguy cơ bị diệt vong trong, thời buổi mà văn minh tây phương thống trị.

Thế thì phải chăng chúng ta đi đến nhận thức của một số thần học gia, nhà tư tưởng, chuyên gia trong các lãnh vực sử tông giáo và tâm lí tông giáo: lọc lựa nơi mỗi tông giáo một ít để tín ngưỡng sẵn có của mình (hoặc tín ngưỡng mình không còn tin tưởng nhưng vẫn thấy cần góp phần tô điểm, cải thiện vì quần chúng "ngoài tháp ngà") có đủ những giá trị, điều đáng mong muốn và phù hợp với hiểu biết khoa học?

2. Nhưng có đúng là khoa học hiện đại xác nhận các huyền thoại "Thoái hóa" và "Biến cố Nguyên thủy"? Bắt đầu với huyền thoại "Thoái hóa," trước tiên cần lưu ý rằng, ý niệm tội nguyên tổ mà tác giả cho biết là được St. Augustine nối kết với ý niệm "tính bản ác" không được thần học kitô giáo xem như có thể giải thích được bằng khái niệm di truyền sinh học. Trừ phi có một thay đổi quan điểm nào đó do việc Giáo hoàng Gioan Phaolô II cho phép chấp thuận thuyết tiến hóa, sự lưu truyền tội ác từ Adam đến chúng ta vẫn được khẳng định là thuộc về những điều "siêu việt lí trí hiểu biết sự vật khách quan," không lí luận rốt ráo được chứ chưa nói là có vết tích vật lí, thích hợp cho sự thẩm xét hay hiểu biết theo khoa học.

Ô.Nguyễn Viết Khánh cũng đồng ý như thế khi nói, "các tay chuyên nhặt những hạt đậu nhọn theo phương pháp khoa học" đã không đúng khi cho lập luận của St. Augustine là sai (bđd., tr. 58, cột 1): "Việc ông Adam... chọn menu (ăn hay không ăn trái táo) không cách nào ảnh hưởng đến những gene di truyền mà ông để lại cho chúng ta." Thế nhưng tác giả ngay sau đó viết liền một câu ngược lại và cứ thế mà giảng giải. Thế thì việc làm của các tay "chuyên nhặt đậu nhọn" là chính đáng và về nguyên tắc không sai! Hay là tác giả đã xét "tội phạm bắt nguồn *từ những thúc đẩy của sự sống theo sinh học* đã *truyền* qua các thế hệ con người kể từ khi khởi thủy cho đến nay" mà không thấy rằng điều này phải có dấu tích nơi các di tử (gene) vì những cái mà Adam đã để lại đó không phải là đơn vị căn bản của sự di truyền?

Vấn đề là, sự biện minh cho ý niệm tội nguyên tổ bằng sinh học như tác giả muốn làm nếu có sức thuyết phục cao độ hơn nữa, vững

chắc và phong phú với thật nhiều chi tiết hơn nữa, thì nó vẫn không đúng do nhiều lí do.

Một là việc xem sự tiến hóa như chỉ có chọn lọc tự nhiên như nhân tố căn bản. Ngày nay ngay các chuyên gia còn *mong đợi* như thế cũng đã không còn quan niệm đơn giản về chọn lọc tự nhiên như trước đây nữa. Chọn lọc tự nhiên bây giờ không chỉ đấu tranh sinh tồn, mạnh được yếu thua, mà còn có, giữa nhiều điều khác, sự cộng tác, cộng sinh, và điều này được thấy ở trên bình diện của các đơn vị di truyền căn bản. Lí do thứ hai là xem nhẹ khía cạnh "thiện" trong tự nhiên. Có lẽ hiện nay nhiều người vẫn nghĩ như thế do ảnh hưởng của một số tác giả theo chủ thuyết tân darwin. Tôi xin lập lại điều đã nói trong một lần khác, rằng sách khoa học phổ thông (2) ngày nay có thể gây ra lắm chuyện không khoa học nếu người đọc không phân biệt được, đâu là các kết quả/giải thích được đồng thuận và đâu là chỗ tác giả không chỉ thông tin mà còn muốn người đọc theo kiến giải chủ quan của mình.

Thuyết tân darwin (:thuyết tiến hóa kết hợp với di truyền học) ngày nay đúng là có vẻ được củng cố với những bước tiến lớn trong hiểu biết thực nghiệm, nhưng mặt khác nó cũng có không ít nhược điểm nghiêm trọng, không sửa đổi được thì khó mà giữ được giá trị một giả thuyết /lí thuyết khoa học. Việc phê bình một chủ thuyết khoa học không đơn giản và ở đây tôi tạm đưa ra một vài dữ kiện chỉ để hiểu, vì sao thuyết này bị nhiều người lên án như một thần học trá hình, ít nhất là theo nghĩa các nhà tân darwin vẫn tin vào cái "ác" như căn bản của sự sống mặc dù ý niệm này tạo chướng ngại cho sự giải thích nhiều sự kiện về "cái thiện" trong tự nhiên.

Tiền đề về cái "ác" như bản tính, như đã nói, đưa đến việc xem mọi điều "thiện" như có động cơ ích kỉ, vị lợi. Giải thích này đúng cho nhiều trường hợp, nhưng lại rất gượng ép hoặc nhiều khi hoàn toàn vô dụng cho không ít dữ kiện khác, chẳng hạn những trường hợp cá voi cứu thủy thủ đắm tàu, chó sói cứu trẻ con v.v... Các sự kiện này được khảo sát, đánh giá kĩ lưỡng chứ không phải là kinh nghiệm qua-giải-thích-chủ-quan của người không được đào luyện chuyên môn (đưa ra cho Francisco Varela, một trong thiểu số hiếm hoi các khoa học gia xứng danh bác học (3)). Và trong các trường hợp như thế không thể không nói đến động cơ vị kỉ hay sự vị tha có điều kiện. ("lòng bác ái có đi có lại" của ô. NVK). Chó sói cũng chẳng tập nhiễm giáo lí Vô ngã, Từ bi v.v... để chúng ta có cớ suy đoán rằng, các hành xử không do động cơ vị lợi ở đây *phải* phát sinh như kết quả của sự "thích nghi với môi trường" (do đó không căn bản như cái "ác")!

Chỉ với các sự kiện này thôi, nhà khoa học đã không thể xem cái "ác" như nguyên lí hay qui luật phổ quát "ngoài" tự nhiên, và do đó không thể hoài nghi sự hiện hữu của cái thiện chân thật trong lòng người, mặc dù cái thiện rõ ràng là ít hơn cái ác, cả trong lòng người lẫn ngoài tự nhiên. Những lối nói như "mặc dù có những cái thiện đúng là thiện nhưng cái ác vẫn căn bản hơn," v.v... tất nhiên hoàn toàn vô nghĩa trong khoa học khi mà trong ngôn ngữ thông thường chúng đã... vô nghĩa. (Nhân tiện cũng nói, "tính bản thiện" là quan niệm (siêu hình) do Mạnh Tử đưa ra, không phải của Khổng Tử, và nó cũng không đúng xét theo tiêu chuẩn khoa học, dù nó rõ ràng thiện hơn quan niệm tính bản ác).

Thế thì tại sao các nhà tân darwin vẫn muốn tin rằng cái ác phải là qui luật căn bản? Đây chỉ là một khía cạnh của sự kiện mà khoa học gia đây đó bắt đầu nói đến, đó là thần học Kitô giáo không chỉ có ảnh hưởng trên phát triển của triết học tây phương (đến độ chống Kitô giáo như Nietzsche, Marx mà cũng không thoát khỏi!), mà còn trên cách khoa học gia giải thích thực tại. Do ảnh hưởng của tinh thần tuyệt đối (*absolutism*) và ý niệm tội lỗi trong tông giáo, nhiều nhà sinh học từ Darwin đến nay dễ đi đến việc tuyệt đối hóa cái ác một khi đã thấy "cái thiện" có quá ít trong thế giới sinh học.

Chính sự kiện họ cho rằng có quá ít cái "thiện" có lẽ — đây là nhận xét của riêng tôi — cũng phần nào cho thấy ảnh hưởng của thần học (mặc dù có lắm thần học gia không chịu tin rằng cái ác có nhiều hơn cái thiện, vì điều này theo họ làm tổn hại đến Tình thương của Thần): tư duy tuyệt đối có thể dễ làm người ta xem mọi sự tranh dành, xâu xé v.v... trong tự nhiên như thuộc phạm trù cái ác, theo đó (trong một thời gian lâu dài) không thấy mục đích không ác, hoặc hơn nữa, vị tha hiển nhiên đàng sau một số không ít các hành xử thoạt nhìn ác độc. (Xin khẳng định, một lần nữa, rằng một vài dữ kiện như thế có tác dụng phản chứng một quan điểm sai lầm nhưng "tuyệt đối" không đủ để biện minh cho quan điểm "cứu cánh thánh hóa" (hay "biện minh," theo cách nói quen thuộc) phương tiện

và càng không cho quan điểm tính bản thiện.)

3. Chúng ta cũng chẳng có lí do để tin rằng Big Bang là "biến cố nguyên thủy" được nói đến trong Sáng Thế Kí. Lí do duy nhất được đưa ra trong bài của tác giả NVK là Sáng Thế kí nói đến ánh sáng khi Thần tạo dựng Vũ trụ. Cứ tạm cho là ánh sáng của Sáng Thế kí có thể là ánh sáng của ("sự bùng nổ năng lượng trong") Big Bang, và cứ tạm cho là trong Sáng Thế kí còn những điểm giống khác, thì sự đồng nhất như thế cũng chẳng có mấy giá trị.

Trước hết, lí do là sự bỏ qua những khác biệt nhiều khi mang tính loại trừ giữa hai bên, nghĩa là cái này đúng thì cái kia phải sai. Dù đọc Sáng Thế kí theo các bản "dịch" thoát nhất thì đây cũng là chướng ngại. Và nếu đọc Sáng Thế kí *không* như một chuyện kể biểu tượng thì chúng ta, dù rộng rãi, cũng vẫn thấy Thần tạo ra Trật tự cho một Vũ trụ *sẵn có*.

Tâm lí "giống thấy khác không" này cũng thấy nơi xu hướng lọc lựa một vài điểm trong một giải thích khoa học và bỏ qua những điểm đối nghịch với niềm tin mà không thấy rằng, do cấu trúc luận lí của lí thuyết/giải thích khoa học, việc lọc lựa này thông thường biến sự thật thành một nửa sự thật. Điển hình là ý niệm rằng Big Bang là một biến cố khởi nguyên với nó mọi sự vật phát sinh thường được nói đến, nhưng hai điều thường bị bỏ qua là, (*a*) trong giải thích tiêu chuẩn Big Bang là một trời sụt năng lượng *không có* nguyên nhân, và (*b*) Big Bang như một biến cố khởi nguyên không phải là quan điểm duy nhất, vì còn có những giải thích không kém hợp lí, chẳng hạn Big Bang chỉ là một trong nhiều sự kiện xảy ra đây đó trong Vũ trụ (theo đó Vũ trụ như-chúng-ta-biết chỉ là một trong nhiều "vũ trụ con"), hoặc một lý thuyết theo đó Vũ trụ như-chúng-ta-biết thì có do sự hoại diệt của một vũ trụ trước đây và chứa đựng mầm mống cho một vũ trụ sẽ thành hình. (Lí thuyết sau, có thể hình dung với hình ảnh "vũ trụ luân hồi," tôi không thấy được đề cập "ngoài tháp ngà" mặc dù nó đã được "phổ thông hóa" trên tập san thiên văn học nổi tiếng *Sky & Telescope* vào khoảng cuối thập niên 80.)

Nói chung thì ý niệm về một Nguyên nhân Tối sơ, Ngoại tại không tương hợp với một giải thích *khoa học* về Big Bang. Có thể giải thích Big Bang theo nhiều xuất phát điểm khác nhau, nhưng các giải thích trung thành với thực nghiệm, có giá trị khoa học thì — như đã gợi ý ở trên — hoặc nói Big Bang không có nguyên nhân, hoặc phát sinh do các nguyên nhân và điều kiện nội tại. Như nhà vật lí David Bohm có lần đã nói, "Vũ trụ hình thành và tồn tại theo các qui luật bên trong chính nó." (Dựa theo một công trình mới xuất hiện vài tháng qua và được đánh giá như bước tiến mới của vũ trụ học, thì khẳng định trên của Bohm có thể sẽ thay thế quan điểm tiêu chuẩn, quan điểm "không nguyên nhân".)

Sự kiện vũ trụ học hiện không có một giải thích/lí thuyết duy nhất, và việc các giải thích này có những điểm tương phản nhau và tất cả đều ít nhiều có tính suy biện, là "vấn đề" đối với nhiều người và khiến người có niềm tin thần giáo dễ có xu hướng cho rằng họ có nhiều tự do trong việc liên hệ giải thích khoa học và niềm tin. Nhưng tôi nghĩ đây là sự hiểu lầm do ảnh hưởng của tinh thần tuyệt đối trong tông giáo.

Kinh nghiệm vật lí lượng tử, khoa học tự nhiên chính xác nhất, cho thấy rằng tình trạng đa nguyên hay "trăm hoa đua nở" sẽ luôn luôn có chứ không đơn giản vì vũ trụ học chưa có một nền tảng lí thuyết trong đó thuyết tương đối và vật lí lượng tử thật sự được kết hợp. Các giải thích vũ trụ học cũng không thể không có ít nhiều tính cách suy biện khi mà khoa học này làm việc với các đối tượng vượt quá sự xác minh và nghiệm giả trong phạm vi phòng thí nghiệm. Và mặc dù có tính suy biện nhưng không vì thế mà người ta có thể tùy tiện sửa đổi chúng hay thêm thắt vào những điều phù hợp với niềm tin của mình, vì "suy biện khoa học" dù nhiều khi đi rất xa nhưng không thể cắt đứt liên hệ với nền tảng thực nghiệm, khác hẳn một giải thích thần học hoặc có sắc thái thần học, một khi "vướng" vào các niềm tin siêu việt thì không thể đi đến tận cùng sự thuần lí.

Các giải thích vũ trụ học được giới chuyên gia chấp nhận do đó vẫn đáng tin, trên nguyên tắc. Vấn đề còn lại — như thẩm xét xem giải thích nào khả tín nhất, và lấy tiêu chuẩn nào để làm thế v.v. — là của triết gia; khoa học gia có thể làm khoa học, nhưng không chắc là biết rõ ABC triết học (điều chắc chắn là nhiều triết gia vẫn còn chưa thông ABC khoa học).

Việc bác bỏ niềm tin phổ thông về quan hệ giữa "Biến cố Nguyên thủy" và Big Bang ở trên không có nghĩa là xem thường nỗ lực liên hệ niềm tin tông giáo và hiểu biết khoa học của các thần học gia và khoa học gia có niềm tin. Trong nỗ lực như thế tôi chưa biết có ai

dám nói rằng hai sự việc nêu trên là một; như chúng ta đã thấy, nó quá ấu trĩ. Người ta chỉ cố gắng nói niềm tin tông giáo và hiểu biết khoa học không tương phản, loại trừ nhau. Trên các diễn đàn phổ thông, có lẽ nhất là diễn đàn phổ thông ở Mĩ, "Đất của Thần," thì tất nhiên là có nhiều người không chịu nỗi quan điểm dè dặt này, không biết, hoặc bất kể, là việc thiết lập một căn bản cho lí luận như thế tự nó đã không dễ.

Để có thể nói như thế, người thì cho rằng khoa học và thần học nói về hai lãnh vực khác nhau của thực tại, còn kẻ khác lại nói thực tại là một nhưng được hiểu qua hai ngôn ngữ khác nhau. Nhiều tác giả cho rằng các quan điểm như thế đưa đến những hệ luận không chịu được, chẳng hạn trường hợp thứ hai biến cả khoa học lẫn tông giáo trở thành một trò chơi ngôn ngữ, phương tiện mô tả, không liên hệ gì đến chính thực tại. Và họ thấy cần thiết phải đưa ra một khái niệm Thần khác hẳn truyền thống để có thể nói đến một quan hệ có ý nghĩa giữa Thần học và khoa học. Theo hướng này, được nhiều người chấp nhận nhất là ý niệm rằng, Thần không thể xa lìa, tách biệt với thế giới, mà *cũng* có cả trong lòng mọi sự mọi vật. Đó là một điểm quen thuộc trong khái niệm Thần của Ấn giáo và một số tín ngưỡng thổ dân.

Điều đáng nói là, mặc dù các khoa học gia chủ trương như thế có thể không biết, nhưng khái niệm Thần mà họ cho là không trái chống với hiểu biết khoa học lại có ít nhiều liên hệ với sự đối thoại với tư tưởng Phật giáo đại thừa, và biết đâu *thần học* đại thừa về Tàng thức, Phật tính, Chân như v.v... có thể giúp hoàn thiện khái niệm này, để nó tránh được các phê phán quen thuộc ("nếu thế thì Thần cũng có trong cả cái ác, cái xấu" v.v...) John Cobb, một trong các thần học gia kitô lỗi lạc của thế kỉ này, đã không nghĩ như thế khi ông nói, hiểu biết về Thực tại Tối hậu của Phật giáo đại thừa chẳng những ngang hàng với, mà ở nhiều điểm còn thích dụng hơn, hiểu biết Kitô giáo về một phương diện nơi Thần mà ông gọi là "Tối thượng Bản thể"/"*the ontological ultimate,*" nhưng ở phương diện đạo đức thì khái niệm Thần tây phương hơn hẳn. Tuy nhiên cái hiểu biết đại thừa về Thực tại Tối hậu mà ông biết đến là một diễn giải bị đánh giá là lệch lạc, của trường phái Kytoto (4). Đọc một công trình như của Như Hạnh về Tàng Thức (*Triết*, số 1), và theo như học giả này cũng ngụ ý, thì nhà khoa học có thể thấy rằng vấn đề đạo đức cho một khái niệm Thần trong dạng Thực tại Tối hậu v.v... không nhất thiết là không giải quyết được.

Nhưng theo đó thì việc tìm kiếm một liên hệ có căn bản giữa huyền thoại Sáng thế và hiểu biết khoa học về sự hình thành của Vũ trụ cùng sự hữu của cái ác của chúng ta sẽ đi đến một kết quả kì khôi. Chưa cần đụng đến những ý niệm phật giáo đặc thù để mong có thể hoàn thiện khái niệm Thần không tương phản khoa học và không có các vấn đề đạo

VÔ DANH

TIỄN ĐƯA

Tám giờ sáng nay Người lên phi cơ
Người mặc áo hoa như lần đầu gặp gỡ,
Hay áo hồng như chiều hôm qua?
Tôi tiễn Người để biết kẻ đi xa
Dù mang theo hồn người ở lại
Hay chính tôi, tôi vừa khởi hành
Vào trăm cõi nhớ nhung vô tận?
Có Người đi sao chiều không mưa?
Có Người đi sao chiều không nắng?
Rất lãng mạn sao tôi không buồn
Mà chỉ thấy mình nhiều đau đớn?
Sao Người không đi bằng xe đò
Cho bụi khói ướt giùm đôi mắt?
Sao Người không đi bằng sân ga
Có ánh đèn cho mắt tôi vàng úa?
Đời buồn tênh sao người không đi ngựa
Cho tôi nghe lóc cóc trên đường?
Có thật Người đã đi trong chiều nay
Hay tiễn đưa chỉ là ảo tưởng,
Hay chính tôi, tôi vừa khởi hành
Vào trăm cõi nhớ nhung vô tận?

đức, mà chỉ nói trong phạm vi của *panentheism* (tiếng Việt?) thì sự kì khôi đã bắt đầu, chẳng hạn ở điểm Thần không đơn giản là một nhân cách thần, và Vũ trụ như chúng ta biết không được nặn ra và ném xuống, mà có vì nó là một phần của Thần, vì Thần không giống mà cũng không khác với vạn hữu, vv.

Thế nên có lẽ càng tìm kiếm thì người ta càng đi thật xa quan niệm truyền thống về Thần và sự Sáng tạo. Chưa có sự kiện gì cho thấy là một phát triển như thế không có trong thế kỷ 21.

4. Trong bài này tôi đã không giới hạn mình trong việc góp ý với một người viết. Theo tinh thần này và để có sự nhất quán trong một bài viết bác bỏ quan niệm cái ác, tôi muốn có một đôi lời biện hộ cho việc đã nêu ra, nhắc đến một số chuyện có thể khiến một số người đọc, dù đó là người đọc *Thế Kỷ 21,* nghĩ tôi xúc phạm đến niềm tin. Vì không nghĩ được là chúng về lâu dài thật sự có lợi không, hay chỉ khiến thành kiến tông giáo thêm nặng nề, nên trong nhiều năm qua tôi vẫn có ý tránh né không đề cập đến những chuyện như thế (chứ không hẳn sợ chuyện bị dãn nhãn). Bây giờ thì tôi biết, việc đưa ra những kết quả nghiên cứu đối nghịch với tin tưởng tông giáo *cũng* có thể đem đến nhiều điểm lợi. Ở đây tôi chỉ nói đến hai điểm tương đối hiển nhiên.

Điểm thứ nhất là sự cần thiết phải biết đến những sự kiện giúp hiểu những chuyển động đang xảy ra trong đời sống tông giáo tây phương và có ảnh hưởng quyết định cho cái nhìn về tông giáo và hướng phát triển của tông giáo ở Tây phương trong thế kỉ tới. Sẽ thật đáng tiếc nếu nghĩ, ví dụ, người tây phương chỉ vì thừa mứa về vật chất nên thờ ơ với tông giáo, và điều này làm ra bao nhiêu tệ trạng đạo đức ở đây, hoặc quan trọng hơn, nếu mãi đồng nhất tông giáo với các chủ thuyết thần học nhất thời và cứ tiếp tục nhìn nhau qua các quan niệm đang bị dần dần thay thế ngay trên vùng đất sinh ra chúng, thay thế bởi các quan niệm gần gũi với nhiều điều mà người Việt do lí do này hay lí do khác không còn biết đến.

Liên quan đến điểm thứ hai, các tông giáo tây phương do gặp vấn đề với khoa học mà đã mất không ít tín đồ, nhưng mặt khác nhiều người tông giáo nhờ thế mà trở nên gần hơn với lí tưởng đạo đức trong niềm tin của mình — đó là cách chứng minh giá trị của niềm tin hữu hiệu nhất — và thần học một phần nhờ thế mà có nhiều tự do hơn và trở nên tinh vi như ngày nay. Tinh vi đến mức hàng tín đồ thông thường hầu như không hiểu rằng hàng học giả không lạc giáo gì cả dù những chủ thuyết, quan điểm của họ rõ ràng phủ nhận truyền thống. Nói cụ thể, và để liên hệ đến vấn đề sử tính của Kitô, chúng ta biết thái độ của người tín đồ thông thường ra sao đối với Nhóm Nghiên cứu Giêsu (The Jesus Seminar), nhưng đối với giới sử gia v.v... thì những kẻ bị lên án lạc giáo đó lại là những nhà biện giáo sáng giá của Kitô giáo trong thế kỉ 21: trong lập trường của họ không có sự tương phản giữa niềm tin vào Giêsu Kitô và việc chấp nhận rằng sử học không có gì để nói về ngài.

Một lập trường như thế, giống như một số quan điểm về thần học và khoa học mà tôi nêu ra ở trên (khoa học và thần học nói về hai lãnh vực khác nhau của thực tại v.v...), tất nhiên là có nhiều điều để phải bàn luận, nhưng ít nhất là chúng khiến kẻ không có niềm tin hiểu, vì sao khó mà đặt vấn đề giá trị đức tin bằng các kiến thức khoa học.●

Chú thích:

1. Điều này tôi đã ám chỉ trong tuyển tập *Đối thoại...* và bị chỉ trích nên xin ghi rõ: Earl Doherty đã thảo luận rất kĩ vấn đề này trong các công trình của ông, được đăng lại trên Internet, *The Jesus Puzzle: Was There no Historical Jesus?*

2. Trước đây độc giả NVT có vẻ đã gián tiếp phê phán tôi vì chuyện khoa học phổ thông và không phổ thông, nên ở đây xin nhấn mạnh: "khoa học phổ thông" nghĩa là khoa học giảng giải trong ngôn ngữ không kĩ thuật, ngay chuyên gia không cùng lãnh vực đọc cũng có thể thấy mệt chứ không phải khoa học thường thức hoặc những gì được dạy ở trung học.

3. Xem *Gentle Bridges: Conversations with the Dalai Lama on the Sciences of Mind,* New Science Library, Shambhala Publ., Boston 1992, do Jeremy W.Hayward và Francisco J. Varela. (Tác phẩm này ghi lại cuộc hội thảo suốt một tuần lễ (năm 1989?), giữa Dalai Lama và các nhà thông thái - hành giả Tây Tạng ở một phía và phía khác các chuyên gia hàng đầu trong lãnh vực thần kinh học, tâm lí học, điện toán v.v... Tiếc là tôi không tìm được nó khi viết Tâm não và Tâm! Tôi dò biết rằng nó có hai bản trong thư viện của phân khoa thần học (!), nhưng số người ghi danh chờ mượn quá nhiều, cả năm sau mới đến lượt tôi!!)

4. Lí luận của Cobb, và bối cảnh đối thoại Phật giáo - Kitô giáo được Malcom D. Ekel trình bày trong tuyển tập *The Christ and the Bodhisattva* (Donald S. Lopez & Steven C. Rockefeller eds., State Univ. of New York Press, Albany 1987), tr.43-62.

MỘNG HÁI SEN

NHUỆ HỒNG

Thu ăn măng trúc đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao

Đó là những thú vui tao nhã của Nguyễn Bỉnh Khiêm tự Bạch Vân Cư Sĩ. Gặp thời tao loạn mà lòng không dao động, ông coi đời là đám mây trắng lững lờ trôi trên nền trời xanh. Thấm nhuần tư tưởng Lão Trang, tâm hồn ông hòa đồng cùng vũ trụ, đồng điệu với thiên nhiên.

Xuân tắm hồ sen, hạ hái sen lại là thú vui của nhiều văn nhân thi sĩ.

Lý Bạch tự Thanh Liên (Sen Xanh) là khách lãng du "đọc nát vạn cuốn sách, đi hết vạn dặm đường." Trong bước phiêu linh, ông có dịp ghé lại Hàng Châu bơi thuyền Hồ Tây ngắm cô gái Việt hái sen:

Cô gái Da Khê đi hái hoa
Thấy khách quay thuyền cất tiếng ca
Mỉm cười chèo khuất vào sen nở
Núp bóng trong hồ chẳng dám ra

(Việt Nữ Từ: Khúc Hát Gái Việt. Dịch theo Chi Điền)

Cô gái Việt nổi tiếng đẹp, nhan sắc khuynh nước khuynh thành. Theo văn học sử, trong tứ đại mỹ nhân chỉ có Điêu Thuyền là người Hoa Bắc, còn ba người đẹp kia, Tây Thi, Hằng Nga và Dương Quý Phi, đều là gái Việt.

Gái Việt đẹp cả người lẫn nết, có cả dung nhan và ngôn hạnh. Trên hồ gặp khách hào hoa, cô mỉm miệng cười. Lòng vui nhẹ nhẹ, cô khẽ cất tiếng ca. Nhưng vẫn giữ ý tứ, không lả lơi vồn vã. Cô quay mũi thuyền chèo khuất vào đám hoa tươi, e lệ núp mình dưới hoa, thẹn thùng chẳng dám ra (1).

Cũng như Bạch Vân Cư Sĩ, Bạch Cư Dị lấy hiệu là Lạc Thiên, nghĩa là người biết vui với

thiên mệnh và sống với thiên nhiên. Thuở thiếu thời ông cư ngụ tại Hàng Châu gần Tây Hồ. Tới tuổi trung niên ông lại có dịp về miền Nam trong chức vụ Tư Mã Giang Châu và Thứ Sử Hàng Châu.

Cũng như Lý Bạch, ông có thú bơi thuyền Hồ Tây ngắm cô gái Việt hái hoa sen:

Lá ấu sóng vờn sen lay gió
Thuyền nhỏ băng qua vạn cánh hoa
Muốn nói mỉm cười khi gặp gỡ
Cúi đầu nhẹ rớt chiếc kim thoa

(Thái Liên Khúc: Khúc Hát Hoa Sen.
Dịch theo Chi Điền)

Cô gái hái sen trong Thái Liên Khúc cũng duyên dáng như cô gái Việt trong Việt Nữ Từ. Gặp nhà thi sĩ cô mỉm miệng cười. Nhưng chỉ cười mà không nói. Một cô vừa ca vừa chèo thuyền trốn mất. Cô kia e lệ cúi đầu làm rớt chiếc kim thoa xuống hồ.

Trước Bạch Cư Dị, Vương Xương Linh cũng đã viết Thái Liên Khúc, ca tụng thú vui tao nhã của các cô gái miền Nam ngày hè rủ nhau đi hái sen, vui đùa ca hát rồi về dưới trăng:

I
Lá sen mầu quần lụa
Má đỏ cánh sen tươi
Hồ đông nhìn không rõ
Nghe ca mới thấy người
II
Người đẹp Ngô Sở Việt
Hái sen ướt áo xanh
Đến có hoa đón tiếp
Về với bóng trăng thanh

(Thái Liên Khúc: Dịch theo Trần Trọng Kim)

Trong chuyến công du Bắc Hành, Nguyễn Du có dịp gặp nhiều cô gái Trung Hoa trên những con thuyền xuôi ngược trường giang. Ông ghi lại kỷ niệm này trong bài Thương Ngô Trúc Chi Từ. Có điều đáng nói là cô gái Thương Ngô trong Trúc Chi Từ không khả ái như cô gái Việt trong Việt Nữ Từ hay Thái Liên Khúc.

Gặp khách lạ trên sông, cô gái Thương Ngô không ngượng ngùng e thẹn, còn dạn dĩ cười đùa:

Gặp người lạ mặt không hề lánh
Hé răng hạt bầu cười chúng ta

Trong cuộc rước thuyền tưởng niệm Khuất Nguyên cô còn táo tợn, chen lấn:

Cô gái hoa vàng ham thích quá
Chen ra nhảy phắt lên mũi thuyền

(Thương Ngô Trúc Chi Từ.
Dịch theo Nguyễn Thạch Giang)

Nguyễn Du viết Trúc Chi Từ vào tiết lập thu. Ngày này tại quê hương, sen đã tàn và bông không còn thắm. Hồi tưởng lại một mùa hạ năm nào, ông mơ thấy mình có diễm phúc được cùng cô hàng xóm chèo thuyền hái sen tại Hồ Tây Thăng Long. Đây chỉ là một ước mơ hay một giấc mộng. Ngày đó ông viết năm khúc Mộng Hái Sen để tặng người ông yêu.

I
Xăn tròn quần cánh bướm,
Chèo thuyền con hái sen.
Long lanh hồ nhẩy nước,
Mặt hồ bóng người in.
II
Hái sen sen Hồ Tây,
Khoang thuyền hoa gương đầy.
Hoa dâng người kính đó,
Gương tặng người yêu đây. (2)
III
Sáng sớm đi hái sen,
Hẹn cùng cô hàng xóm.
Tới lúc nào không hay,
Nói cười hoa cách khóm.
IV
Yêu sen đều yêu hoa.
Cọng không người tương thức.
Trong cọng tơ chung tình,
Hoa lìa tơ chẳng dứt. (3)
V
Lá sen dờn dờn xanh,
Hoa sen mơn mởn xinh.
Hái sen đừng chạm ngó,
Năm sau hoa chẳng sinh.

(Mộng Đắc Thái Liên. Dịch theo Quách Tấn)

Cô hàng xóm nào đã có duyên với Nguyễn Du khiến nhà thi sĩ phải thầm mơ trộm nhớ? Có người bảo đó là Hồ Xuân Hương.

Trong cuốn Xuân Hương Nữ Sử Tập có bài thơ nôm "Nhớ Người Cũ" viết tặng Nguyễn Du nhắc đến 'mối tình ba năm' của hai người.

Hồ Xuân Hương nguyên quán tại Quỳnh Lưu nhưng sinh trưởng tại Thăng Long. Cha cô từ Nghệ An ra Bắc làm nghề dạy học. Cô ngụ tại phường Khán Xuân gần Hồ Tây.

Nguyễn Du cũng quê tại Châu Hoan (Hà Tĩnh) và cũng sinh ra và lớn lên tại Thăng Long. Cha là Nguyễn Nghiễm, tước Xuân Quận Công làm Tể Tướng triều Lê, nhà ở phường Bích Câu.

Như vậy Xuân Hương và Nguyễn Du vừa có

tình đồng lân (lối xóm), vừa có tình đồng hương. Hai người cùng có thiên tài về thi phú, đặc biệt là thơ nôm. Ngoài duyên văn tự, họ có quen nhau không và thương nhau không? Xuân Hương viết bài "Nhớ Người Cũ" để tặng Nguyễn Du. Thế thì Nguyễn Du làm năm khúc "Mộng Hái Sen" để tặng người yêu nào?

Thời niên thiếu Nguyễn Du về quê nội làng Tiên Điền theo đòi nghiên bút. Khi rãnh rỗi, ông thường qua làng Trường Lưu để hát ví (hay hát quan họ) với các cô gái dệt vải. Thác lời trai Phường Nón Tiên Điền, Nguyễn Du làm thơ tặng cô gái Phường Vải Trường Lưu:

Hồng Sơn cao ngất mấy trùng
Đò Cài mấy trượng thì lòng bấy nhiêu.

Năm 18 tuổi (1783) Nguyễn Du trở lại Thăng Long thi hương, đậu tam trường (tú tài). Rồi sống tại đây trong ba năm. Tới năm 21 tuổi (1786) ông mới cưới vợ và đi nhậm chức tại Thái Nguyên. Phải chăng ông đã quen Hồ Xuân Hương trong dịp này?

Nếu Nguyễn Du đã mơ được đi hái sen cùng cô hàng xóm, thì chúng ta cũng mộng tưởng cuộc gặp gỡ ban đầu của hai người.

Mộng rằng một buổi sáng mùa hè, cậu Tú Du chèo thuyền hái sen gặp cô xử nữ Xuân Hương. Hai người xướng họa văn thơ và hát khúc Hoan Châu Hành:

I
Anh ơi nhà ở nơi nao
Em đây nhà ở lối vào Khán Xuân
Dừng thuyền gạn hỏi phân vân
Hoan Châu có phải cùng dân một miền?

II
Nhà anh ở xóm Bích Câu
Lối đi về vẫn qua cầu bên kia
Hoan Châu ấy thực là quê
Xa quê từ nhỏ chưa hề biết nhau.

(Phỏng theo Trường Can Hành,
thơ Thôi Hạo, Trần Trọng Kim dịch)

Và từ đó hai người quen nhau. Đó là một giả thuyết.

Giả thuyết thứ hai là: Năm 37 tuổi (1802), Nguyễn Du được bổ nhiệm tri phủ Thường Tín (Hà Đông) gần kinh thành. Đến năm 1805, ông được triệu vào Huế, thăng Đông Các Đại Học Sĩ, tước Du Đức Hầu. Trong ba năm ở Thường Tín, ông có nhiều cơ hội về thăm Thăng Long.

Dầu là một sinh viên hay một quan chức, nếu có dịp gặp Hồ Xuân Hương chắc ông sẽ thương cảm người nữ sĩ tài hoa bạc phận này. Cũng như ông đã xót thương bao nhiêu cô gái hồng nhan bạc mệnh như nữ sĩ Tiểu Thanh (Tây Hồ), nghệ sĩ Long Thành (Thăng Long), ca nữ La Thành (Nghệ An), người đào hát của em trai (Nguyễn Ức), ca nhi Đạm Tiên (nàng tiên trong giới ca kỹ), và đặc biệt là Vương Thúy Kiều (người trinh nữ chốn thanh lâu). Ông còn thương xót tất cả những linh hồn khổ đau trong thập loại chúng sinh.

Đối với ông, Hồ Xuân Hương là người đồng cảnh, đồng hương và đồng lân, một cô hàng xóm.

Ở tuổi thanh xuân có người nào trong chúng ta không thầm yêu một cô hàng xóm?

Và sau đây là bài thơ nôm:

Nhớ Người Cũ
Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung,
Mượn ai tới đấy gởi cho cùng.
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn,
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không!
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập,
Phấn son càng tủi nỗi long đong.
Biết còn mấy chút sương đeo mái
Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chung?

(Theo Nguyễn Thạch Giang
- Nguyễn Du Toàn Tập)

Nguyễn Du có thể có duyên hay không có duyên với Hồ Xuân Hương. Chúng ta chưa biết rõ việc này. Dầu sao, thương cảm với tâm sự của Nguyễn Du và duyên phận của Hồ Xuân Hương, chúng ta vẫn mong hai người có dịp thương nhau lúc sinh thời và khóc nhau khi vĩnh quyết. Được như vậy, Nguyễn Du sẽ bớt phần cảm khái:

Ba trăm năm nữa người thiên hạ
Còn có ai người khóc Tố Như?

Chú Thích

1. *Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa* (Đoạn Trường Tân Thanh)

2. Nguyên văn: *Hoa dĩ tặng sở úy*: hoa để tặng người mình sợ (sợ Trời Phật). Hái hoa sen cúng Phật: *Hoa dâng người kính đó.*
Thực dĩ tặng sở liên: gương sen để tặng người mình yêu. Gương sen hình giống gương soi, để tặng người yêu trau dồi nhan sắc: *Gương tặng người yêu đây.*
Quách Tấn dịch ngược là: *Gương tặng người sợ đó*
Hoa tặng người yêu đây.

3. *Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng* (Đoạn Trường Tân Thanh)

NOAM CHOMSKY: BÁ CHỦ LÝ THUYẾT NGỮ PHÁP TỪ HƠN BỐN CHỤC NĂM QUA

ĐÀM TRUNG PHÁP

Năm nay vừa tròn bảy mươi tuổi, nhà lý thuyết ngữ pháp Noam Chomsky — với những kiến thức siêu phàm về về luận lý, triết, và toán học — là một trong những bộ óc có nhiều ảnh hưởng nhất trong thời đại chúng ta. Ông cũng là một trong số rất ít các khoa học gia mà công trình nghiên cứu được quần chúng quan tâm theo dõi.

Sau khi hoàn tất văn bằng tiến sĩ học tại Viện Đại Học Pennsylvania vào năm 1955, Chomsky bắt đầu dạy tại Viện Kỹ Thuật Massachusetts (MIT). Ông được thăng giáo sư thực thụ năm 1961, và năm 1976 được thăng "Giáo sư Học viện" (Institute Professor), tức là được gia nhập một hàng ngũ chọn lọc các đồng nghiệp mà đa số đã lãnh giải Nobel về các bộ môn khác nhau. Rất nhiều chuyên viên ngữ học thời danh khắp năm châu từng là học trò cũ của ông hoặc từng chịu ảnh hưởng sâu đậm của ông nên vẫn một lòng tiếp tục ngưỡng mộ và quảng bá những lý thuyết cũ cũng như mới của Chomsky.

Ngữ Pháp Biến Tạo

Sự đóng góp độc đáo nhất của Chomsky là đã đề xướng được một mô thức không ai sánh kịp để mở đường cho các khám phá ngoạn mục trong các môn khoa học tri thức (cognitive sciences). Mô thức riêng cho ngôn ngữ, thường được biết đến dưới danh hiệu "ngữ pháp biến tạo" (transformational/ generative grammar), được trình làng trong cuốn *Syntactic Structures* (1957), khi ông mới 29 tuổi. Cuốn sách nho nhỏ không quá 120 trang này, xuất bản tại Hòa Lan, đã đánh dấu một kỷ nguyên mới cho khoa ngữ học trong hậu bán thế kỷ 20, thách thức mọi ức thuyết trong các lãnh vực triết lý, tâm lý, và lịch sử trí thức. Chomsky đã làm thay đổi hướng đi của khoa ngữ pháp bằng cách không đoái hoài tới những công việc mô tả các câu nói thực sự (như các nhà ngữ học hồi đó thường làm), mà lại bắt đầu đặt những câu hỏi về bản chất của cái hệ thống sản xuất ra ngôn ngữ. Chompsky cho rằng lý thuyết về ngôn ngữ của trường phái "hành vi" (behaviorist), mà những đại diện lẫy lừng là Leonard Bloomfield và B.F. Skinner, quá hạn hẹp vì chỉ chú trọng đến việc mô tả những câu nói đã thực sự xảy ra và không cắt nghĩa được bản chất sáng tạo (creativity) của ngôn ngữ cá nhân. Theo Chomsky, một ngữ pháp phải có khả năng cắt nghĩa được cái bản chất sáng tạo quan yếu đó vì chính nhờ vào nó mà chúng ta có thể thốt ra và hiểu một con số vô định những câu nói hoàn toàn mới mẻ (novel utterances).

Một trong những xác quyết quan trọng nhất của ngữ pháp biến tạo là sự thừa nhận một "ngữ pháp đại đồng" (universal grammar), được phản ánh qua một số các đặc trưng hiện diện trong toàn thể ngôn ngữ nhân loại, có lẽ vì bản chất tương tự của bộ óc con người. Ngữ pháp biến tạo chủ trương làm sáng tỏ, qua những công thức có hình dạng toán học, tất cả những quy luật ngữ pháp có thể tạo sinh ra các "cấu thức nổi" (surface structures) tức là tất cả những gì chúng ta thực sự nói, nghe, đọc, và viết. Nó cũng giả định sự hiện hữu của các "cấu thức chìm" (deep structures) ở một mức độ trừu tượng hơn, nằm trong não bộ của

người nói, người nghe, người viết, hoặc người đọc để giúp chúng ta hiểu nghĩa các cấu thức nổi. Chẳng hạn câu nói "Kim Trọng và Thúy Kiều nhớ nhau" là một cấu thức nổi, gọn gàng hơn so với cấu thức chìm là "Kim Trọng nhớ Thúy Kiều và Thúy Kiều nhớ Kim Trọng." Và sau đây là một thí dụ về ý niệm biến tạo: câu "Kim Trọng được Thúy Kiều yêu" là một cấu thức nổi, biến tạo từ cấu thức chìm "Thúy Kiều yêu Kim Trọng" qua luật biến tạo thụ động cách. Luật này, nhanh như điện, đã hoán chuyển vị trí hai nhân vật, đẩy động từ xuống cuối câu, và thêm ngữ vị chức năng "được" vào giữa hai nhân vật! Một cấu thức chìm cũng có thể được diễn tả qua vài cấu thức nổi (nhờ vào các quy luật biến tạo khác nhau) mà ý nghĩa vẫn là một, chẳng hạn như ba câu sau đây: (1) "Kiều trao Kim của tin," (2) "Kiều trao của tin cho Kim", và (3) "Kim được Kiều trao của tin" đều có cùng một cấu thức chìm. Câu (2) có thể được coi như là gần gũi nhất với cấu thức chìm chung của cả ba. Tuy nhiên, hai cấu thức nổi rất tương tự nhau về hình thức nhưng lại có thể khác nhau rất nhiều về ý nghĩa vì chúng có hai cấu thức chìm khác biệt. Thí dụ hai câu: (4) "Người Việt dễ chiều chuộng" và (5) "Người Việt sẵn sàng chiều chuộng" giống hệt nhau về hình thức, nhưng về ý nghĩa thì trong câu (4) "Người Việt" là túc từ của "chiều chuộng" và trong câu (5) "Người Việt" lại là chủ từ của "chiều chuộng". Môn phái hành vi của Bloomfield và Skinner đã không thể nào giải thích được sự khác biệt về ý nghĩa này trong các câu có hình thức tương tự.

Chomsky đã từng nói"người nào ở tuổi 50 mà vẫn còn dạy những điều đã dạy khi 25 tuổi thì nên chọn nghề khác," và ông đã thực hành phương châm ấy một cách ngoạn mục. Từ khi cuốn *Syntactic Structures* ra đời năm 1957, Chomsky đã không ngừng cập nhật hóa lý thuyết của mình với nhiều ý niệm mới trong những cuốn sách về sau, nhất là trong các cuốn *Aspects of the Theory of Syntax* (1965), *Lectures on Government and Binding* (1981), và *Knowledge of Language* (1986).

Cơ Quan Ngôn Ngữ

Chomsky đã làm giới nghiên cứu tâm lý và ngữ học trên hoàn cầu (lúc ấy còn đang cho rằng trí não của trẻ thơ chỉ là một trang giấy trắng để lưu trữ kiến thức) sửng sốt với ý niệm mới mẻ rằng ngôn ngữ, cũng như đa số các năng khiếu khác của con người, tùy thuộc vào các cơ cấu trí não đã được an bài trong nhiễm thể. Theo ông, sự trở nên thành thạo tiếng mẹ đẻ một cách dễ dàng và nhanh chóng trong thời thơ ấu là một phần của sự trưởng thành cơ thể đã được thiên nhiên "thảo chương" từ trước. Cũng như di truyền tính đã ban cho mỗi hài nhi một trái tim và hai lá phổi càng ngày càng phát triển sau khi lọt lòng mẹ, di truyền tính cũng ban cho nó một "cơ quan ngôn ngữ" (language organ) vô cùng phức tạp. Những thăng trầm trong đà tiến hóa của loài người đã "uốn nắn" cái cơ quan ngôn ngữ ấy để sao cho nó chỉ có thể học được những ngôn ngữ nhất định nào đó ở trong một phạm vi tương đối nhỏ hẹp của các cấu trúc luận lý. Những ngôn ngữ khác không ở trong phạm vi ấy thì ngay cả các thần đồng cũng không tài nào học nổi! Qua những tác động với môi trường ngôn ngữ ngoài đời, cơ quan ngôn ngữ sẽ dần dần trở thành ngữ pháp (grammar) của tiếng nói ấy. Như vậy, nếu một cá nhân sinh trưởng ở Philadelphia, như trường hợp Chomsky, khối óc người ấy sẽ "ký hiệu hóa" (encode) kiến thức về phương ngữ Philadelphia của tiếng Mỹ. Nếu khối óc ấy sinh trưởng ở Sài Gòn thì nó sẽ ký hiệu hóa phương ngữ Sài Gòn của tiếng Việt.

Ngữ Pháp Đại Đồng

Chomsky không những đã khai sáng ra ngữ pháp biến tạo mà còn kêu gọi các nhà nghiên cứu lưu tâm đến những nét đại đồng của ngôn ngữ (language universals) Ông đề nghị họ hãy cố gắng tìm ra những yếu tố và những cơ cấu có thể hiện diện trong mọi ngôn ngữ, hoặc đa số ngôn ngữ. Và quan trọng hơn cả, họ phải xác định được những giới hạn, những "kiềm chế đại đồng" (universal constraints) mà trong đó ngôn ngữ loài người thực hiện chức năng. Những kiềm chế này, theo Chomsky, có tính cách di truyền, và con người rất có thể đã được cung cấp trong nhiễm thể một kiến thức căn bản về ngôn ngữ và cách hành sự của ngôn ngữ loài người. Chomsky mệnh danh cái "nòng cốt thừa hưởng" (inherited core) đó là "ngữ pháp đại đồng" (thường được viết hoa trong Anh ngữ là Universal Grammar, và viết tắt là UG). Ngữ pháp đại đồng cho rằng mỗi cá nhân đều biết một số "nguyên lý" (principles) áp dụng cho tất cả ngôn ngữ và một số "thông số" (parameters) có thể khác biệt từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia, nhưng chỉ trong những giới hạn nhất định. Theo lý thuyết này, học hỏi một ngôn ngữ có

nghĩa là áp dụng những nguyên lý của ngữ pháp đại đồng vào ngôn ngữ đó (chẳng hạn tiếng Anh hoặc tiếng Nhật), và khám phá ra giá trị của mỗi thông số. Một nguyên lý của ngữ pháp đại đồng là "sự phụ thuộc cấu trúc" (structure dependency). Điều này có nghĩa là, nếu muốn hiểu một ngôn ngữ, chúng ta phải dựa vào kiến thức của những tương quan cấu trúc (structural relationships) trong câu, thay vì chỉ nhìn vào câu đó như một chuỗi chữ nối tiếp nhau. Vậy thì sự hiểu ý của câu "Kiều và Vân nép dưới hoa" không phải là "Kiều/và/Vân/nép/dưới/hoa," mà là như sau:

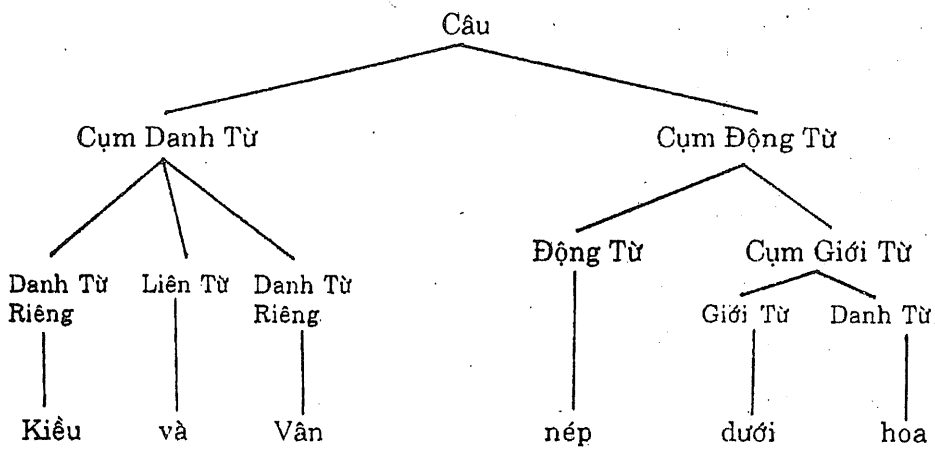

[Cấu trúc tiếng Việt trên đây cũng nằm trong cái "quy luật kết cấu cụm từ" (phrase-structure rule) khét tiếng trong cuốn Syntactic Strutures, đó là: S --> NP + VP. Trong quy luật này, S đọc là "sentence" (câu), mũi tên đọc là "consists of" hoặc "is rewritten as," NP đọc là "noun phrase" (cụm danh từ), và VP đọc là (verb pharse) (cụm động từ). Về chức năng thì NP ở đây đóng vai "subject" (chủ ngữ) và VP đóng vai "predicate" (vị ngữ). Trong thí dụ nêu trên cụm danh từ và cụm động từ "được viết lại" (rewritten as) là: cụm danh từ --> danh từ riêng + liên từ + danh từ riêng, và cụm động từ --> động từ + cụm giới từ, và sau cùng, cụm giới từ --> giới từ + danh từ].

Và một trong những thông số có thể thay đổi, trong những giới hạn nào đó tùy ngôn ngữ, là "thông số đầu" (head parameter), liên hệ đến vị trí của yếu tố "đầu" (head) tức là yếu tố chánh của mỗi cụm từ (phrase). Vì trong tiếng Anh, yếu tố đầu thường đứng đầu trong cụm từ, Chomsky mệnh danh tiếng Anh là một "head-initial language." Và tiếng Nhật, vì hoàn toàn trái ngược với tiếng Anh trong thông số này, được gọi là một "head-final language." Những thí dụ giản dị sau đây về các cụm từ Anh và Nhật sẽ làm sáng tỏ vấn đề (những "heads" đều được gạch dưới):

in Japan : Nihon ni

(I) am Japanese : (Watashi wa) nihonjin desu

Tương Lai Đi Về Đâu?

Chomsky trông đợi ngày các nhà nghiên cứu UC sẽ hoàn tất một bảng liệt kê các nguyên tử ngôn ngữ (linguistic atoms) cùng với những sự kết hợp của chúng để nhờ vào đó chúng ta có thể điểm mặt bất cứ một ngôn ngữ nào của nhân loại, tương tự như "bảng tuần hoàn" (periodic table) mà nhà bác học Dmitri Mendeleyev đã thực hiện cho các hóa chất vào năm 1869. Trong những năm gần đây, Chomsky cũng đã đề cập đến một vài ý niệm rất tân kỳ như "government," "binding," và "bounding" trong lý thuyết ngữ pháp.

Có thể một ngày nào đó, lý thuyết của Chomsky sẽ bị đào thải, do sự đồng thuận của các nhà ngữ học rằng lý thuyết ấy không còn phù hợp hoặc đã "đi trật đường rầy" trong việc mô tả ngôn ngữ nhân loại. Nhưng giả dụ ngay cả khi điều ấy xảy ra, nỗ lực siêu phàm hình thức hóa được những ý niệm của ông trong công việc phân tích ngôn ngữ đã giúp chúng ta hiểu rõ được những ý niệm đó. Và chỉ điều này thôi cũng đã đủ để cho chúng ta có thể kết luận được rằng "cuộc cách mạng Chomsky" đã thành công lớn rồi.●

(Giáo sư ĐÀM TRUNG PHÁP hiện dạy ngữ học cho Viện Đại Học Texas tại Dallas và điều khiển chương trình ngôn ngữ thế giới cho Khu Học Chánh Dallas).

"CHIA SẺ" VÀ "CHIA XẺ" CÓ ĐỒNG NGHĨA KHÔNG?

PHỤNG NGHI

Động từ "chia" có nghĩa chính là, "Làm ra thành từng phần, từ một chính thể" (1) hay nói một cách dễ hiểu là, "Phân ra thành nhiều phần" (2). Ngoài ra, động từ này còn có một vài nghĩa khác, trong đó có một định nghĩa: "Cùng chia hoặc cùng hưởng một phần cái buồn, cái vui của người khác, để tỏ sự thông cảm với nhau" (1). Chắc là không ai thắc mắc về ý nghĩa của từ "chia" trong "chia sẻ" và "chia xẻ."

Trong bài này, chúng ta thử phân tích xem, hai động từ "sẻ" và "xẻ" khác nhau như thế nào. Cho đến nay, vẫn có một vài người còn phân vân, không biết dùng từ nào cho chuẩn xác. Để tìm hiểu, chúng ta nhờ các từ điển giải thích.

*

I. Sẻ và chia sẻ

1. *Từ điển tiếng Việt,* Viện Ngôn Ngữ Học Việt Nam, Hà Nội, 1996.

- **Sẻ.** Chia bớt ra, lấy ra một phần (thường để cùng hưởng). *Sẻ bát nước ra làm hai. Sẻ thức ăn cho con. Nhường cơm sẻ áo. Sẻ bớt gánh nặng cho nhau.*

- **Chia sẻ.** Cùng chia với nhau để cùng hưởng hoặc cùng chịu. *Chia sẻ cho nhau từng bát cơm. Chia sẻ vui buồn. Chia sẻ một phần trách nhiệm.*

- **San** [Có hai nghĩa nhưng trong bài này chúng tôi chỉ chọn nghĩa liên hệ đến từ "sẻ." PN] (3) Chuyển bớt từ chỗ có nhiều sang chỗ chưa có hoặc có ít. *San bao gạo ra hai túi. San bèo sang ruộng khác. San đều.*

- **San sẻ.** Chia bớt cho nhau để cùng hưởng cùng chịu. Chia sẻ [Có nghĩa là, *San sẻ* đồng nghĩa với *Chia sẻ.* PN] *San sẻ cho nhau từ bát cơm manh áo. San sẻ gánh nặng. Vui buồn cùng nhau san sẻ.*

2. *Từ điển Tiếng Việt,* Phan Canh, Nxb Mũi Cà Mau, 1997

- **Sẻ.** [Có 3 nghĩa, ở đây xin chọn nghĩa liên hệ đến bài này. PN] Chia. *Chia cơm sẻ áo.*

3. Sách *Muốn viết đúng dấu hỏi dấu ngã,* PTS Võ Xuân Trang, Nxb Sở Giáo Dục và Đào tạo TP. HCM, 1992.

[Không có phần định nghĩa mà chỉ có thu thập một số từ như sau]

- **Sẻ:** *san sẻ, sẻ bát nước, sẻ cơm nhường áo, sẻ gánh nặng, chia sẻ.*

4. *Việt-Pháp-Anh từ điển,* Thanh Nghị, Nxb Khai Trí, Sàigòn, in lại 1982.

- **San sẻ.** Pháp, partager; Anh, to divide.

Nhận xét - Trong từ "chia sẻ" hai từ tố (cũng gọi là hình vị (4) "chia" và "sẻ" đều có cùng một nghĩa. Trong tiếng Việt, có một số từ cùng loại: *chợ búa, dơ bẩn, dư thừa, đau ốm, gầy ốm, hình ảnh, in ấn, mập béo, nhỏ bé, nông cạn, ô dù, thương yêu, to lớn...*

*

II. Xẻ và chia xẻ

1. *Từ điển Tiếng Việt,* Viện Ngôn Ngữ Học Việt Nam.

- **Xẻ.** 1. Cưa ra thành từng tấm mỏng theo chiều dọc. *Xẻ ván. Chia năm xẻ bảy.*

2. Chia cắt rời ra theo chiều dọc, không để liền. *Áo xẻ tà.*

3. Bổ (Phương ngữ). *Xẻ trái mít.*

4. Đào thành đường dài, thường cho thông, thoát. *Xẻ núi mở đường, xẻ rảnh thoát nước.*

Chia xẻ. Chia thành nhiều mảnh làm cho không còn nguyên một khối nữa. *Chia xẻ lực lượng.*

2. Từ điển Tiếng Việt, Phan Canh.

- **Xẻ.** 1. Bổ dọc. *Xẻ gỗ.*

2. Đào thành đường lớn. *Xẻ sông, Xẻ ngòi.*

- **Chia xẻ.** Nói chung sự chia, phân ra.

3. Sách *Muốn viết đúng dấu hỏi dấu ngã*, PTS Võ Xuân Trang

Xẻ. [Không có định nghĩa nhưng có thu thập như sau] *Mổ xẻ. Thợ xẻ. Xẻ gỗ. Chia xẻ.*

4. *Việt-Anh-Pháp từ điển,* Thanh Nghị.

- **Xẻ.** Pháp, Fendre, creuser, Anh, to split, to cleave, to hollow, to excavate.

Xẻ gỗ. Pháp, Fendre du bois; Anh To cleave wood.

Xẻ ngòi. Pháp, Creuser un canal; Anh, To dig a canal.

Nhận xét

Qua các dữ kiện nêu trên, ta thấy hai từ "chia sẻ" và "chia xẻ" chẳng những không đồng nghĩa mà còn có nghĩa khác nhau khá rõ rệt.

"Chia sẻ" nói về những việc san bớt hoặc chia với nhau những ý nghĩ, những khái niệm trừu tượng (như công việc, trách nhiệm, kinh nghiệm, nỗi niềm vui buồn...) hoặc các thực thể, sự vật tập hợp (collective) không đếm thành từng đơn vị được (như cơm, nước, thức ăn, manh áo...)

Trái lại trong từ "chia xẻ," "xẻ" không hoàn toàn đồng nghĩa với "chia". Và từ "chia xẻ" rất ít được sử dụng. Chúng tôi chỉ thấy một thí dụ dẫn chứng trong *Từ điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn Ngữ Học Việt Nam, Hà Nội: *Chia xẻ lực lượng.* Đồng thời, từ điển này cũng có thu thập từ "chia cắt" với định nghĩa như sau: "Làm ra thành nhiều đoạn, nhiều mảnh tách biệt nhau. *Chia cắt địch để tiêu diệt.* Như vậy rõ ràng là "chia xẻ" đồng nghĩa với "chia cắt."

Từ "xẻ" thường được dùng riêng rẽ trong những trường hợp rất cụ thể (concrete) như: *xẻ gỗ, xẻ ván, xẻ núi mở đường, xẻ sông ngòi, xẻ rảnh thoát nước, chia năm xẻ bảy, banh da xẻ thịt...*

Tóm lại, nói "chia xẻ công việc, trách nhiệm, kinh nghiệm, nỗi niềm vui buồn..." (tức là những khái niệm trừu tượng) e rằng không được chuẩn chính tả.

Để dễ dàng phân biệt "chia sẻ" với "chia xẻ," chúng tôi xin đề nghị hai "công thức": chia sẻ = san sẻ, và chia xẻ = chia cắt.●

CAO XUÂN TỨ

HUẾ 1997

qua đi rồi - còn một tứ xuân
vần thơ ai đã dệt nên vần
cho dù là Huế hay Hà Nội
vẫn nhớ nhau hoài một chữ tâm

PHƯỞNG XÍCH LÔ*

về đây cồn cát, dòng sông
hai mùa soi bóng - một vòng kỷ niên
về đây - xì xịch máy thuyền
đò đưa, áo tím là huyền thoại xưa
tôi về lau giọt nước mưa
ngấn trên bia mộ, buổi trưa thần sầu
tôi về lửng thửng qua cầu
em ơi, đồng khánh vèo đâu mất rồi?
em cười - răng cắn khóe môi
ông tây (áo gấm) đơ người trên ngai
tôi về - cơm hến, bia hơi
lao xao lối xóm: mi ơi, mô về?
về - con trăng bụi cặp kè
xó trời, góc biển - chẳng hề hẹn nhau
nằm nghe chuyện huế (tào lao)
một đêm trời đổ mưa sao trên đầu

* Phương Xích Lô: bút hiệu một nhà thơ ở Huế. Ông kiếm sống bằng nghề đạp xích lô.

Ghi chú:

1. *Từ điển tiếng Việt,* Viện Ngôn Ngữ Học Việt Nam, Hà Nội 1996.
2. *Từ điển Tiếng Việt,* Phan Canh, Nxb Mũi Cà Mau 1997.
3. Trong bài này, những đoạn bổ túc trong hai dấu ngoặc [...] do chúng tôi chú thích.
4. Thuật ngữ "hình vị" (Anh, morphem; Pháp, morphème) có nghĩa: một đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhứt có nghĩa: Từ "hình ảnh" có hai hình vị "hình" và "ảnh."

HỒ CHÍ MINH HOẠT ĐỘNG TẠI VIỄN ĐÔNG và CSVN XUẤT HIỆN

THƯỢNG-HUYỀN dịch

(Trích dịch từ sách Hồ Chí Minh Tại Trung Quốc, nguyên tác Hoa ngữ của Tưởng Vĩnh Kính, Đài-loan)

Từ nửa sau năm 1927 đến năm 1932, Hồ Chí Minh đã dành hầu hết thì giờ của ông cho vùng Đông Nam Á và Đông Nam bộ Trung-quốc; đặc biệt, từ đầu năm 1930 đến nửa đầu năm 1931, dưới sự chỉ huy của cộng sản quốc tế, tại Hương- cảng và Trung-quốc, một mặt ông chỉ đạo việc thành lập và các hoạt động của đảng Cộng Sản Việt Nam, mặt khác, ông đảm trách nhiệm vụ trọng yếu của cộng sản quốc tế về Viễn Đông. Cộng sản Việt-nam và những nhân vật chủ chốt của nó cũng chìm nổi giống như sự chìm nổi của "Lộ tuyến Lập Tam"[a]. Đó là thời kì cộng sản quốc tế bị mang họa nặng nề nhất tại Viễn Đông, mà cũng là thời kì mà Hồ cùng đảng cộng sản của ông gặp sự đả kích nghiêm trọng nhất tại Viễn Đông.

Ông Hồ rời Quảng-châu tháng 4.1927. Vào thời kì đó, thế lực của cách mạng dân quốc của Trung-quốc, dưới sự chỉ huy của Tổng tư lệnh quân đội cách mạng Tưởng Trung Chính, đã phát triển đến lưu vực Trường-giang, khống chế các thành phố lớn như Vũ-Hán, Nam-kinh và Thượng- hải. Cộng sản Trung-quốc cũng theo đà tiến triển của cách mạng dân quốc mà bành trướng thế lực. Dưới sự thao túng của Borodin (cộng sản Nga), cuối năm 1926, cộng sản Trung-quốc đã thiết lập chính quyền tại Vũ-Hán, tạo các cuộc bạo động của công-nông, mưu đồ xích hóa Trung-quốc và đập tan thế lực của Trung Quốc Quốc Dân Đảng. Nhân đó, Tưởng Trung Chính, người kế nhiệm Tôn Trung Sơn để lãnh đạo Trung Quốc Quốc Dân Đảng, ngày 12.4.1927, đã bắt đầu một cuộc vận động thanh lọc nội bộ để loại trừ các phần tử Trung-cộng nằm trong đảng. Các phần tử Trung-cộng ở các nơi như Thượng- hải, Nam-kinh, Quảng-châu v.v... liền mất chỗ nương tựa và nhờ vả. Chỉ còn có Vũ-Hán và khu vực Lưỡng-Hồ[b], là còn đang ở trong sự khống chế của Trung-cộng và các phần tử tả khuynh, cho nên ông Hồ đã phải rời Quảng-châu và lén đi Vũ-Hán để nương cậy vào Trung-cộng và Nga- cộng. Nhưng mạng số của chính quyền Vũ-Hán cũng không được bao lâu, tại vì những cuộc khủng bố và bạo hành của Trung-cộng đã dẫn tới những cuộc phản kháng của quân dân vùng Lưỡng-Hồ, kết quả, đến tháng 7 năm ấy, trong nội bộ cộng sản đã sinh ra chia rẽ, rồi tan rã. Hồ phải chạy theo Borodin về lại Mạc-tư-khoa. Trong mấy năm sau đó, Trung-cộng phải chuyển sang thế chui rúc các nơi để hoạt động bí mật; và ông Hồ cũng phải hành động tương tự.

Sau khi về đến Mạc-tư-khoa, ông Hồ được phái sang công tác ở Bá-linh. Đầu năm 1928, ông sang thủ đô Brussels của Bỉ tham dự đại hội của Liên Minh Phản Đế; rồi lại sang các nước Thụy- sĩ, Ý và Pháp.[1] Sau đó không lâu,

ông lại được phái sang hoạt động ở Vọng-các trong vùng Đông Nam Á; tại đấy, cục Nam-dương của cộng sản quốc tế đã được thiết lập, dưới sự điều khiển của một đảng viên cộng sản Pháp là Hilaire Noulens. Hồ trở thành là một nhân viên của cục này, và nhiệm vụ được giao phó là tổ chức số Việt kiều đang sống tại Xiêm-la.[2]

Thời bấy giờ, số Việt kiều sống tại Xiêm ước gần 20.000 người, phần đông cư trú tại các tỉnh miền Đông Bắc, gần biên giới Lào. Có số Việt kiều là di dân cũ; và có số là di dân mới. Đa số những người Việt gọi là "di dân cũ" là những thành phần đã từng ủng hộ hay hoạt động trong các phong trào Cần Vương, Duy Tân, hoặc Đông Du trước kia. Nhà cách mạng lão thành Phan Bội Châu cùng những nhân sĩ khác cũng đã từng đến đây để hoạt động với họ. Năm 1925, một số cán bộ của Đồng Chí Hội do Hồ phái sang, đã tổ chức tại đây Thân Ái Hội và Hợp Tác Hội. Mục đích của Thân Ái Hội là lấy lí do tương trợ để tổ chức Việt kiều và tuyên truyền chủ nghĩa ái quốc. Hợp Tác Hội thì nhắm vào các thanh niên mới vừa sang từ Việt-nam, tổ chức họ thành các đoàn sản xuất kinh tế, và huấn luyện họ thành những cán bộ nòng cốt để vận động cách mạng tại địa phương. Đó là các cơ sở nhằm phát triển Đồng Chí Hội. Từ 1926 về sau, các vùng đông đảo Việt kiều ở miền Đông Bắc Xiêm-la như Udon Thani, Sakon Nakhon, Nakhon Phanom v.v..., trước sau đều dần dần thành lập các Thân Ái Hội và Hợp Tác Hội. Đồng Chí Hội cũng thành lập tại đây ba chi bộ, do tổng hội tại Hương-cảng lãnh đạo. Mùa thu năm 1928, với cái tên giả là Đào Cửu, ông Hồ xuất hiện lần đầu tiên tại Trung bộ Xiêm-la; tại đây cũng đã có tổ chức của Hợp Tác Hội. Ở đó mười ngày, rồi ông tập hợp một số đồng chí cùng đi Udon Thani, kế đến là Sakon Nakhon, cùng các nơi có Việt kiều cư trú dọc theo hữu ngạn sông Cửu- long, từ Mukdahan đến Nong Khai. Khoảng tháng 6.1929, ông mới hoàn tất cuộc du hành gian khổ ở miền Đông Bắc Xiêm-la để đi Vọng-các.[3]

Ông Hồ hoạt động trong giới Việt kiều tại miền Đông Bắc Xiêm-la trong gần một năm. Theo hồi kí của một số người đã từng đi theo ông, ngoài việc tham gia sản xuất trong Hợp Tác Hội, ông còn giúp đỡ và chỉ đạo cho các cán bộ củng cố và phát triển các tổ chức Việt kiều, cùng sửa chữa nội dung các tờ báo tuyên truyền do họ xuất bản.[4] Ông cũng phát động Việt kiều lập vài trường học, khuyến khích cán bộ học tiếng Thái, tranh thủ tình hữu nghị nhân dân hai nước Xiêm-Việt, làm cho họ đồng tình với nhân dân Việt-nam trong việc đấu tranh chống Pháp. Ngoài việc tham gia sản xuất và học tập, ông còn phiên dịch các tài liệu *"Lịch Sử Tiến Hóa của Nhân Loại"* và *"Bước Đầu của Chủ Nghĩ Cộng Sản"*.[5]

Trong thời gian ông Hồ tiến hành các hoạt động trong giới Việt kiều ở Xiêm thì "ba đảng anh em" là Trung-cộng, Pháp-cộng và Nga-cộng lo thôi thúc cho một đảng Cộng Sản Việt Nam sớm ra đời. Đến nửa sau năm 1927, Việt-nam có ba đảng Cộng Sản riêng rẽ nối tiếp nhau xuất hiện. Ông Hồ liền rời Xiêm-la để sang Hương-cảng. Theo chỉ thị của cộng sản quốc tế, ông có nhiệm vụ phải tìm cách thống nhất các đảng Cộng Sản Việt Nam.

Từ năm 1927 trở về trước, giữa ông Hồ với Trung-cộng, Pháp-cộng và Nga-cộng, có mối quan hệ rất mật thiết; dù vậy, đối với cuộc vận động chủ nghĩa cộng sản tại Việt-nam, "ba đảng anh em" này đã không quan tâm mấy.[6] Mà chính như ông Hồ, ban đầu ông cũng không tin tưởng là có thể phát triển chủ nghĩa cộng sản tại Việt- nam. Tháng 5.1922, trong bài phát biểu trên báo *Nhân Đạo* ở Pháp về *"Vài Ý Kiến Đối Với Vấn Đề Thực Dân"*, ông từng nói rằng, từ xa xưa, dân chúng Đông-dương vốn đã không hiểu gì về đấu tranh giai cấp cũng như về lực lượng của giai cấp vô sản. Lí do rất đơn giản, là vì ở đó không có một cơ sở thương nghiệp hay công nghiệp đại qui mô nào, và cũng không có một tổ chức công nhân nào.[7] Năm 1925, sau khi đến Quảng-châu, ông đã để tâm nghiên cứu về các trước tác của Tôn Trung Sơn, và nhận rằng, chủ nghĩa tam dân của Tôn tiên sinh có thể thích hợp với Việt-nam — *chủ nghĩa dân tộc cũng tức là chủ nghĩa độc lập, dân quyền và dân sinh, đều nhằm mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân.* Lúc đó, ông vẫn không tin là Việt-nam có thể thực hiện chủ nghĩa cộng sản. Năm 1927, có lần ông đã nói rõ, không thể nào xây dựng một đảng cộng sản tại Việt-nam, vì không có ai hiểu được ý nghĩa của chủ nghĩa cộng sản, mà chỉ có thể thành lập một "đảng cách mạng chủ nghĩa xã hội dân tộc An-nam", rồi dần dà sẽ lãnh đạo cho các đảng viên tin tưởng vào chủ nghĩa Karl Marx.[8] Nhưng, vào thời kì đó, theo qui định của Mạc-tư-khoa, Trung-cộng cũng chỉ được ẩn núp dưới cờ của Quốc Dân Đảng để hoạt động; đến nỗi, sau

khi có sự chia rẽ của các phần tử tả khuynh trong Quốc Dân Đảng tại Vũ-Hán vào tháng 7.1927, Trung-cộng gây cuộc bạo động tại Nam-xương (tỉnh lị tỉnh Giang-tây) ngày 1 tháng 8, vẫn núp dưới cờ của "Quốc Dân Đảng Cách Mạng Ủy Viên Hội". Mãi đến tháng 11, khi chính phủ sô-viết được thành lập lần đầu tại Hải-lục-phong, Quảng- đông, cộng sản mới hoàn toàn cởi bỏ chiếc áo che ngoài là *chủ nghĩa dân tộc*. Còn Việt-cộng muốn bỏ cái danh nghĩa "Đồng Chí Hội" để cùng nắm tay với các "đảng anh em" cùng tiến trên con đường bạo động "sô-viết", thì cũng phải đến năm 1930 mới thực hiện được.

Vấn đề vận động chủ nghĩa cộng sản tại Việt-nam đã được Trung-cộng chính thức đưa ra trong đại hội đại biểu lần thứ sáu của Trung- cộng, cử hành tại Mạc-tư-khoa vào ngày 9.7.1928. Trong bản *"nghị quyết chính trị" — liên quan đến vấn đề liên lạc giữa các đảng cộng sản các nước* — của đại hội này, đã quyết định *"ủy thác cho đảng Cộng Sản Trung Quốc, trước các đoàn đại biểu của đại hội đại biểu cộng sản quốc tế kì 6 (sắp tới), hãy nêu lên vấn đề các "đảng anh em" đã không hết lòng tán trợ và tham gia cuộc vận động cách mạng Trung-quốc, đề nghị thảo luận thật nghiêm chỉnh."* Bản nghị quyết cũng nêu rõ: *"Những vấn đề có liên quan đến mối quan hệ giữa cuộc vận động công chức, công nhân An-nam và Pháp-quốc An Nam Cộng Sản Đảng; cũng như mối quan hệ giữa cuộc vận động công nhân Trung-quốc ở quần-đảo Nam-dương và đảng Cộng Sản Java ở quần-đảo Mã-lai..... đều phải được các đảng cộng sản của các nước này thảo luận để đưa ra biện pháp thực tế trong việc liên lạc với nhau."*[9] Do đó, trong đại hội đại biểu cộng sản quốc tế kì 6 vào tháng 8 năm đó, khi đại biểu Trung-cộng đưa ra vấn đề cần phải cố gắng duy trì cách mạng Việt-nam, đã phê bình cộng sản Pháp là quá hời hợt với cách mạng Việt-nam. Lời phát biểu của đại biểu Việt-nam trong đại hội này đã đặc biệt nêu rằng, *"Trung- quốc chính là ánh sáng bình minh của Việt-nam."*[10] Các vấn đề *"Cộng sản Pháp phải xúc tiến cuộc vận động ở các thuộc địa"* và *"Nhiệm vụ chủ yếu của các đại chi bộ"*, cũng được qui định tại đại hội.[11] Bởi vậy, từ sau kì đại hội này, cộng sản Pháp bắt đầu tích cực vận động cho chủ nghĩa cộng sản tại Việt-nam. Thủ lãnh cộng sản Pháp, ông Jacques Doriot, từng giúp đỡ cách mạng Trung-quốc tại Vũ-Hán tháng 4.1927,[12] đã viết bài đăng liên tục trên báo *Nhân Đạo*, phân tích sự tiến triển của tình hình Việt-nam, cùng đề ra những nhiệm vụ trước cách mạng Việt-nam, như là *"Thực hành cách mạng ruộng đất giống như Trung- quốc"*. Ông cũng nêu ra ý kiến là *các đảng viên cộng sản Việt-nam cần phải tăng cường đấu tranh chính trị và kinh tế của giai cấp công nhân, cũng như hãy lôi cuống giới nông dân tham gia vào cuộc đấu tranh này. Mục tiêu của cách mạng ruộng đất nhằm tịch thu tất cả ruộng đất của giới phú nông người Pháp và bản xứ; thực thi chế độ làm việc 8 giờ mỗi ngày; cấm chỉ dùng các phương pháp dã man để bóc lột lao công v.v...*[13]

Đảng Cộng Sản Việt Nam là do Đồng Chí Hội cải tên mà thành. Sự ra đời của nó có phải do sự hoạch định của các "đảng anh em" hay không, cho tới nay vẫn chưa có tư liệu trực tiếp nào để chứng minh; nhưng đường đi nước bước của nó từ sau ngày ra đời thì đúng là một bản sao của Trung-cộng. Bản thân ông Hồ khi hoạt động tại Viễn Đông, cũng lại cùng với các đảng cộng sản Trung-quốc, Pháp và Nga kết làm một thể "bất-khả-phân". Sau khi ông Hồ rời Quảng-châu (tháng 4.1927), Đồng Chí Hội được giao lại cho Hồ Tùng Mậu lãnh đạo, và trụ sở tổng bộ ở Quảng-châu được dời sang Hương-cảng, tiếp tục chỉ đạo các chi bộ hoạt động tại Việt-nam và Xiêm-la.[14] Hồ Tùng Mậu sau đó đã bị Trung Quốc Quốc Dân Đảng bắt, vai trò lãnh đạo lại được Lâm Đức Thụ thay thế. — *Nhắc lại, Lâm là người đã từng hợp mưu với Hồ Chí Minh bán cụ Phan Bội Châu cho Pháp năm 1925.* Lâm đã triệu tập đại hội đại biểu toàn quốc Đồng Chí Hội tại Hương-cảng từ ngày 1 đến 19.5.1929.[15] Có 17 đại biểu đã đến tham dự đại hội: 4 từ tổng hội, 2 từ Xiêm, số còn lại đều từ Việt-nam (cả Bắc, Trung và Nam-bộ).[16] Hội nghị vừa được khai mạc thì liền sinh ra xung đột trầm trọng. Nguyên vì, trước khi đại hội được cử hành, các

* Đừng bao giờ lập gia đình, nếu anh là người sợ hãi sự cô đơn.

Chekhov

* Đối với người lính, say mê chiến tranh là một đức tính. Đối với một ông tướng chỉ huy, đó là một cá tính nguy hiểm. Đối với một chính khách, đó lại là một tội ác.

Santayana

đại biểu đến từ Bắc-bộ Việt-nam, trong cơ cấu của Đồng Chí Hội đã có sẵn tổ chức của chi bộ đảng cộng sản, tự qui định cho họ có nhiệm vụ chuẩn bị thành lập đảng cộng sản Việt-nam.[17] Cho nên, khi đại hội khai diễn, 3 đại biểu Bắc-Việt liền đưa ra đề nghị thành lập đảng Cộng Sản Đông Dương. Đa số đại biểu của tổng bộ Đồng Chí Hội nhận thấy đề nghị của các đại biểu Bắc- Việt đi trái với ý chỉ của Hồ Chí Minh khi thành lập đảng "cách mạng xã hội chủ nghĩa dân tộc", cho nên đã bác bỏ việc đổi tên Đồng Chí Hội. Ba đại biểu Bắc-Việt không phục tùng ý kiến đa số, liền giận dữ đứng dậy rời khỏi đại hội và trở về Bắc-Việt.[18] Ngày 17.6 năm đó, họ tuyên bố thành lập đảng **Cộng Sản Đông Dương.** Họ đưa ra tuyên ngôn, xuất bản báo chí và tuyên truyền chính sách của họ. Thế là Đồng Chí Hội tại Bắc-Việt đã bị khai tử. Nhân đó, Đồng Chí Hội tại Nam-bộ cũng bị rúng động mạnh. Tổng bộ Đồng Chí Hội tại Hương-cảng ở trong tình thế bị động, bèn đem các tổ chức còn lại — chủ yếu là Nam-bộ — đổi thành đảng **Cộng Sản An Nam.** Ngoài ra, một bộ phận của đảng Tân Việt chịu ảnh hưởng chủ nghĩa Mác-Lê ở Trung và Nam-bộ, tháng 11 năm ấy cũng thành lập **Liên Minh Cộng Sản Tân Việt** tại Trung-bộ.[20]

Bởi vậy, trong năm 1929 đã có tới ba tổ chức cộng sản cùng xuất hiện tại Việt-nam, không thống thuộc nhau, mà mỗi tổ chức đều tự cho chỉ có mình mới là cách mạng chân chính. Họ bới móc, nói xấu nhau và cạnh tranh nhau để tranh đoạt quần chúng. Mỗi tổ chức đều tìm cách riêng để tranh thủ liên hệ với cộng sản quốc tế với hi vọng sẽ được cộng sản quốc tế thừa nhận.[21] Cộng sản quốc tế đã phê bình, trách cứ một cách nghiêm khắc. Những người lãnh đạo bất xứng ấy cũng nhận ra rằng, cứ như cái tình trạng chia rẽ chống đối nhau giữa các đảng như vậy thì hoàn toàn không thể hoạt động gì được.[22] Để tránh mối nguy hiểm do tình trạng chia rẽ và chủ nghĩa bè phái này gây nên, cộng sản quốc tế bèn giao cho Trần Phú, một sinh viên đang du học tại Nga, tống đạt một chỉ thị cho Hồ Chí Minh, yêu cầu giải quyết tình hình.[23] Tháng 10.1929, ông Hồ từ Vọng-các sang Hương- cảng, triệu tập cả ba phe chống đối nhau của Đồng Chí Hội, đưa ra một phương án mới nhằm thống nhất lại tổ chức. Ngày **3.2.1930**, trong lúc xem một trận đấu bóng tròn tại sân vận động lộ thiên Hương-cảng, phương án trên đã được các bên chấp thuận; theo đó, trước hết, hai đoàn cộng sản kia đều nhập vào Liên Minh Cộng Sản Tân Việt, và sau khi công việc hòa nhập này đã hoàn tất êm đẹp, bèn đặt tên mới cho tổ chức là **Đảng Cộng Sản Việt Nam.**[24] Rồi đến tháng 10 năm ấy, trong đại hội đại biểu kì 1 được cử hành tại Hương-cảng, tên đảng lại được đổi thành **Đảng Cộng Sản Đông Dương.**[25] Cơ sở tổng bộ được dời về quốc nội. Bí-thư đầu tiên của đảng là Trần Phú (bí danh là Lí Quí), người đã từng được huấn luyện tại Nga. Tháng 4.1931, Trần Phú bị nhà đương cuộc Pháp-Việt bắt tại Sài-gòn, và đã chết trong tù.[26] Lúc này, đảng ấy mới chính thức được gia nhập cộng sản quốc tế, mỗi tháng nhận được 5.000 francs (tương đương 1.250 Mĩ-kim) tiền trợ cấp.[27]

Sau khi đảng Cộng Sản Việt Nam được chính thức thành lập ngày 3.2.1930, ngày 18.2 ông Hồ cho phát ra bản *"Hiệu Triệu"* và *"Cương Lĩnh Giản Yếu"* mà ông đã soạn, dựa theo bản phương án dành cho các đảng cộng sản Đông Nam Á, đã được đề ra trong đại hội kì 6 của cộng sản quốc tế;[28] nó giống hệt như nghị quyết của đại hội kì 6 của Trung-cộng. Ví dụ, trong nghị quyết của đại hội kì 6 của Trung-cộng nói rằng, trong tình trạng Trung-quốc đang là một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến, thì cách mạng Trung-quốc là cuộc *"cách mạng dân chủ của giai cấp tư sản"*;[29] thì trong bản *"Cương Lĩnh Giản Yếu"* của Việt-cộng nói, đó là cuộc *"cách mạng dân quyền của giai cấp tư sản"*.[30] Trong bản *"Hiệu Triệu"*, ông Hồ đề ra *"mười khẩu hiệu"*, cũng rất giống với *"mười khẩu hiệu"* (hoặc *mười yêu cầu*) trong nghị quyết của đại hội kì 6 của Trung-cộng. Ví dụ, Trung-cộng nói: *"Lật đổ nền thống trị của chủ nghĩa đế quốc"*, thì ông Hồ cũng nói: *"Đả đảo chủ nghĩa đế quốc"*; Trung-cộng nói: *"Tịch thu tất cả xí nghiệp và ngân hàng của tư bản ngoại quốc"*, ông Hồ cũng nói: *"Tịch thu tất cả ngân hàng và xí nghiệp khác của chủ nghĩa đế quốc"*; Trung-cộng nói: *"Kiến lập hội nghị đại biểu công-nông-binh — chính phủ sô-viết"*, ông Hồ cũng nói: *"Thành lập chính phủ công-nông-binh"*; Trung-cộng nói: *"Thi hành chế độ làm việc 8 giờ"* và *"Tịch thu tất cả đất đai của giai cấp địa chủ, thực hành chính sách nông dân có đất cày"*, ông Hồ cũng nói: *"Thi hành chế độ làm việc 8 giờ"* và *"Tịch thu toàn bộ tài sản và ruộng vườn của giai cấp tư sản phản cách mạng Việt-nam và của chủ nghĩa đế quốc, chia sớt cho nông dân nghèo khổ"*; Trung-cộng nói: *"Thủ*

tiêu mọi loại thuế khắc nghiệt", ông Hồ cũng nói: *"Miễn cho dân nghèo các thứ thuế khắc nghiệt".*31

(Còn tiếp)

CHÚ THÍCH:

01. Fall, trang 94; J. Lacouture, tr. 51.
02. Hoàng Văn Chí, tr. 48.
03. Hồ Thơ, tr. 93-94, 106.
04. - nt -, tr. 108.
05. - nt - , tr. 98.
06. Charles B. McLane, tr. 107.
07. Tuyển Tập Hồ Chí Minh, q. 1, tr. 6.
08. Ellen J. Hammer, tr. 77.
09. Cộng Phỉ Quốc Họa Sử Liệu Vựng Biên, q.2, tr. 35 (Trung-hoa Dân-quốc Ngũ thập niên Văn hiến Ủy viên hội xuất bản, tháng 10 năm Dân-quốc 53).
10. Charles B. McLane, tr. 107.
11. Trịnh Học Giá, Đệ Tam Quốc Tế Hưng Vong Sử, tr. 147.
12. Tháng 4 năm 1927, Jacques Doriot đã cùng với thủ lãnh cộng sản Mĩ Earl Browder, tổ chức Đoàn Đại biểu Công nhân Quốc tế từ Quảng-châu đến Vũ-Hán để tuyên truyền chủ nghĩa phản đế quốc cho Trung-cộng.
13. Charles B. McLane, tr. 104.
14. Hoàng Văn Chí, tr. 46; J. Lacouture, tr. 51.
15. J. Lacouture, tr. 55.
16. Ellen J. Hammer, tr. 81.
17. Trường Chinh, tr. 8.
18. Ellen J. Hammer, tr. 81.
19. Trần Hoài Nam, Việt Nam Nhân Dân Đích Giải Phóng Đấu Tranh, trang 7, đảng Tân Việt được thành lập vào khoảng năm 1925. Theo Hồ Thơ, trang 158, các đảng viên trọng yếu có Đặng Cánh Tân (con của nhà cách mạng lão thành Đặng Thái Thân, năm 1928 từng theo ông Hồ đi các nơi tại Xiêm-la để tổ chức Việt kiều), Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Diêu v.v... Theo lời ghi lại của Võ Nguyên Giáp, mục đích của đảng này là "trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới".
20. Trần Hoài Nam, sđd, tr.54; Trường Chinh, tr. 8-9.
21. Trường Chinh, tr. 9.
22. Ellen J. Hammer, tr. 81.
23. Trường Chinh, tr. 9; Hồ Thơ, tr. 40-41.
24. J. Lacouture, tr. 57, "Nghị Quyết" của đại hội đại biểu toàn quốc đảng Lao Động Việt Nam kì 3 quyết định cho thành lập đảng Cộng Sản Đông Dương vào ngày 3.2.1930 (nguyên là ngày 6.1.1930).
25. Trần Hoài Nam, sđd, tr. 54; Ellen J. Hammer, tr. 82.
26. Charles B. McLane, tr. 154.
27. - nt -, tr. 112.
28. - nt -, tr. 67.
29. Trịnh Học Giá, sđd, tr. 162.
30. Trường Chinh, tr. 9.
31. Bản "Hiệu Triệu" của ông Hồ, xem Tuyển Tập Hồ Chí Minh, q. 1, tr. 226-227. "Mười khẩu hiệu" trong "nghị quyết" của đại hội kì 6 Trung-cộng, xem trong Cộng Phỉ Trọng Yếu Tư Liệu Vựng Biên Tục Biên, q. 2, tr. 37-38 (Tổ 6 Trung ương Trung Quốc Quốc Dân Đảng xuất bản tại Đài-bắc, tháng 11 năm Dân-quốc 42).

Sau:

HOA VẠN HẠT, CUỐI MÙA CÂU NAM AI THẤT LẠC

Đến:

MỘT MÌNH EM, ĐẾN GIỮA ĐỜI

...Ông viết vì sứ mệnh văn nghệ, vì sự đam mê nghiệp chướng, vì tính cách nhân chứng thời đại của nhà văn...

* THẢO TRƯỜNG

VĂN MỚI 1998

Đã có tại các tiệm sách.

HỒ MINH DŨNG

MỘT MÌNH EM, ĐẾN GIỮA ĐỜI

TIẾNG ĐÁ

NAM DAO

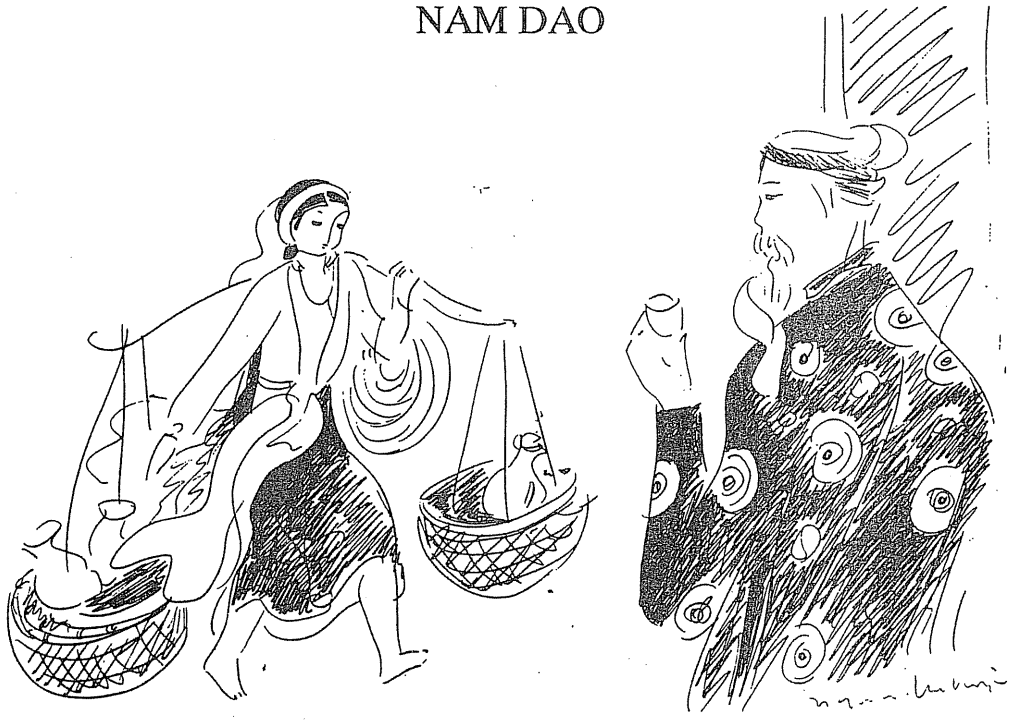

Gió từ phía Tây thổi về Nghệ An, ùa cơn nóng đến độ chó ngậm hơi không sủa, trâu bò uể oải nằm dài, rớt dãi chẩy trắng mép. Đến nửa đêm, gió mới mang lại một chút hơi lạnh của núi và tiếng xào xạc của rừng lá rạc vây bủa trại Bùi Phong. Căn nhà ba trái nằm yên ả dưới rặng chèm. Tiếng võng thỉnh thoảng kẽo kẹt nhịp cho tiếng quạt phành phạch phẩy gió. Loài chim gì bay ngang, quàng quạc kêu, làm vỡ bấy bề ngoài êm đềm một đêm nồm ngột ngạt. Lửa đóm lóe lên trong nhà, hắt qua khe liếp những vệt sáng đỏ đục. Tiếng rít thuốc lào sằng sặc, rồi tiếng chân sột soạt ra mở then cửa. Nguyễn Thiếp ra đứng, ngửa mặt nhìn trời. Ánh trăng chếch mầu xanh huyễn hoặc lùa trên những lùm cây chập chờn nhẩy múa.

Trước khi gia đình họ Nguyễn ở Nguyệt Ao lên lập trại cuối năm ngoái, khoảng đất bằng phẳng rộng độ hai mẫu ta đất này chỉ toàn là rạc. Lá rạc nhọn, sắc, tua tủa chĩa ra như lông nhím. Tiếng rằng Nguyễn là người sành thuật phong thủy, thiên hạ đồn đãi rằng chỏm Bùi Phong ở phía đông ngọn Lạp Đính trong rặng Thiên Nhận là nơi có mạch rồng. Để mả ở đó, con cháu đời sau sẽ phát đế phát vương. Thế là nghe đâu có vài kẻ cùng một lúc lên quan kiện, ai cũng đưa từ chứng rằng đó là đất của tổ tiên mình. Nhưng chuyện kiện cáo không đến nỗi nhì nhằng. Ở vào những năm cuối cùng đời chúa Trịnh Doanh, từ chứng có thể mua bằng tiền, giá thường chỉ bằng giá một đôi gà. Vả lại, miệt Hải Dương có giặc Nguyễn Hữu Cầu (1), và ngay tại hai trấn Thanh-Nghệ này, Nguyễn Diên mời được Hoàng tôn Lê Duy Mật (2) kéo cờ tôn phù vua Lê dấy binh chống chúa Trịnh. Trong cảnh loạn lạc, quan huyện La Sơn tìm cách khu sử cho thật gọn. Coi chỏm Bùi Phong là công thổ, quan để cho người đồng liêu họ Nguyễn vừa mới nhậm chức huấn đạo ở Anh Đô mua lại.

Thuở Hiến sát sứ Nguyễn Hành thụ bệnh

qua đời ở Thái Nguyên cách đây mười lăm năm, nỗi đau xót người chú đã nuôi mình ăn học khiến Nguyễn mắc chứng cuồng dĩ. Nhẩy xuống ruộng bùn huyện Kim Hoa nằm mê man ba ngày, Nguyễn may được người xã Do Nhân mang về nuôi cả tháng, sau mới tìm đường về được nhà. Ba ngày trước, tức là đúng vào ngày mùng tám tuần trăng thứ sáu, Nguyễn lại lên cơn động kinh. Đang phạt cỏ tranh bới đất trồng thêm chục gốc chè, Nguyễn bỗng ngã vật ra, chân tay co quắp, miệng méo xệch, người giật lên như đỉa phải vôi. Nguyễn muốn kêu nhưng cổ tắc lại, nước dãi đặc sệt phòi ra từng vũng sùi bọt trắng. Nguyễn ngửng mặt nhìn lên trời: mây đùn lên, bay vùn vụt, bỗng nhiên đổi mầu thành mây bẩy sắc, ráng tía ngày càng chói lọi đến lóa mắt. Trên cao, vô số khuôn mặt từ phương Nam bay lại, sà xuống, mặt người có, mặt ma mặt quỉ có, mặt Thánh mặt Phật cũng có, lúc thì nhe nanh nhe vuốt như chực cắn xé, lúc lại bi thương đại lượng nhỏ nước mắt từ bi. Đột nhiên, một vùng đất nổi lên cao, chung quanh là rừng núi, một đàn voi xông ra, dẫn đầu là một con voi trắng đầu như đầu rồng. Mấy chục con voi lồng lên trong cát bụi mịt mù rượt đuổi một đàn ngựa, con chạy về phương Nam, con giạt về phương Bắc. Tiếng cồng nổi lên nghe đinh tai nhức óc, lẫn vào đó là tiếng tù và, tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng kim khí chát chúa choạng vào nhau, rồi tiếng rên la, tiếng van vỉ, tiếng kêu khóc, tiếng chửi rủa. Nguyễn cố xoay người về phía trái, tì tay vào một mô cỏ vừa cào. Mặt trời rát bỏng xối xuống từng chậu lửa sánh sệt, làm cho đống cỏ tranh mới cắt cháy bùng lên. Cháy! cháy! cháy rừng! Nguyễn hả miệng hớp lấy chút không khí mỗi lúc một ngột ngạt, cố đến độ cổ họng bung ra thành tiếng "chạy! chạy đi!" rồi lịm đi trong lớp sóng lửa vỗ sôi lên giữa một cái vạc đầu đang từ từ nhận chìm cả nhân loại.

Khi Nguyễn mở mắt ra, trời đã tối mịt. Ánh đèn dầu hắt bóng Đặng thị lên vách mới trát còn ngan ngát mùi đất ẩm. Nguyễn thều thào gọi vợ. Đặng thị cúi xuống xốc cho Nguyễn ngồi lên, giọng nửa mừng nửa tủi:

"Mấy năm nay tưởng yên rồi, nay đột nhiên thầy nó lại ngã bệnh."

Nguyễn gượng cười.

"Thầy nói, thầy kêu, rồi lại khóc nữa."

"Nói gì?"

"Thầy bảo bây giờ là thời mạt pháp!"

"Còn kêu gì?"

Đặng thị im lặng một chặp, ngập ngừng:

"Thầy kêu nhiều lắm, khó nhớ hết được. Có lúc thầy vừa khóc vừa bảo đến thánh thần cũng hư huống chi là người..."

Đặng thị lắc đầu, kéo tấm chăn đơn đắp lên chân Nguyễn, nhỏ nhẹ:

"Thầy nó uống cho tôi bát thuốc này đã, uống cho hạ cơn xuống đêm nay."

Nguyễn từ tốn nâng bát thuốc do một người bạn nổi tiếng danh y bốc cho. Từng ngụm thuốc đắng chát trôi qua như đốt cổ họng, song vào đến bụng thì lại thành mát rượi. Nguyễn đặt bát thuốc lên cái ghế đẩu kê cạnh giường, nhớ lại ngày nào họ Lê bắt mạch cho mình trên chùa Hương Tích, nửa đùa nửa thật cười bảo "... chẳng biết Cuồng ẩn đó hay Lãn ông này sẽ tạo nghiệp để phải giây vào đám bụi bậm dưới kia." Nguyễn với tay lấy bình nước chè, nhưng mất thăng bằng, ngã chúi xuống chân giường, miệng thở hổn hển. Bóng đèn hắt bóng Đặng thị lên vách, hấp tấp đang xốc Nguyễn lên. Lúc sau, bấc đèn khêu nhỏ lại khiến cái bóng khổng lồ ngả dài ra rồi biến mất.

Từ hôm Nguyễn lên cơn động kinh, cứ chập choạng tối là Đặng thị bắt cả ba đứa con đi ngủ sớm. Hai đứa lớn biết nghe, nhưng Thúc Khải mới chập chững biết đi lâu lâu lại khóc đêm đòi mẹ. Bấy giờ đã canh hai, trăng lưỡi liềm đang ngả về phía tây rặng Thiên Nhận. Trại Bùi Phong mơ hồ lẫn vào giấc ngủ chập chờn trong đêm mùa hạ. Tiếng ếch nhái ven con suối cạnh nhà oang oác, phụ họa vào những âm thanh rỉ rả của đủ loại côn trùng than van cơn nóng bức hừng hực chưng bằng lửa địa ngục. Đặng thị thỉnh thoảng lại phe phẩy quạt cho Thúc Khải. Giường bên kia, tiếng trẻ ú ớ nói mê. Bước vào nhà, Nguyễn đặt mình xuống giường nằm im ngắm ánh trăng qua khe liếp, mông lung nghĩ ngợi. Đột nhiên con Vện buộc ở gốc cây đầu nhà tru lên sủa oăng oẳng. Tiếng chân người chạy như ma đuổi mỗi lúc một gần. Khi Đặng thị vừa khêu đèn lên thì tiếng gõ cửa đã dồn dập đánh thức cơn ngái ngủ đang chờ ập đến. Cửa vừa mở, tiếng nức nở vang lên:

"Nguyễn công, xin người..."

Đặng thị cúi vội xuống xốc nách người con gái đang quì lên, thảng thốt hỏi. Dưới ánh đèn, mặt người con gái nhợt nhạt, mái tóc dài màu đen huyền xổ tung ra trên hai vai bung toạc những vết rách như dao cứa. Khắp mảng áo trái, máu bầm hoen ố những đường kim

tuyến thêu dọc trên những chiếc áo chẽn của phụ nữ miền núi. Người con gái hai tay run rẩy đưa cho Nguyễn một quyển sách gáy da, rồi nhũn người khuỵu xuống, hai mắt nhắm nghiền lại. Đặng thị vừa lay vừa gọi nhưng vô ích.

*

Người con gái đó tên là Hà Khinh Vân, nhưng mọi người trên bản Mê Thượng đều gọi nàng là nàng Mây. Mây là con gái đầu lòng của Hà công, người trưởng tộc họ Hà đã đến sinh cơ lập nghiệp cách đây hơn hai trăm năm trên rặng Giăng Màn. Rặng này cũng có tên là Khai Trướng, chạy theo hướng Bắc-Nam, nằm về phía Tây rặng Thiên Nhận, chia ranh giới giữa châu Hoan và vương quốc Ai Lao. Hà tộc đông nhất bản, có lẽ là họ đầu đi khai phá Giăng Màn, và đã suốt tám đời làm *Chao* (3) cai quản bản. Trong gần ba trăm nóc gia, với số trên dưới năm trăm tráng đinh, ngoài họ Hà còn có họ Đinh, họ Lê, họ Nguyễn. Chính vợ Hà công là người họ Nguyễn, mới di cư đến Mê Thượng khoảng hai mươi năm nay. Nghe đâu vì có dính dáng họ hàng gì với Nguyễn Hữu Cầu đã dấy quân làm loạn, gia đình Nguyễn thị phải bỏ miệt Đồ Sơn chạy vào Đàng Trong để tránh tróc nã.

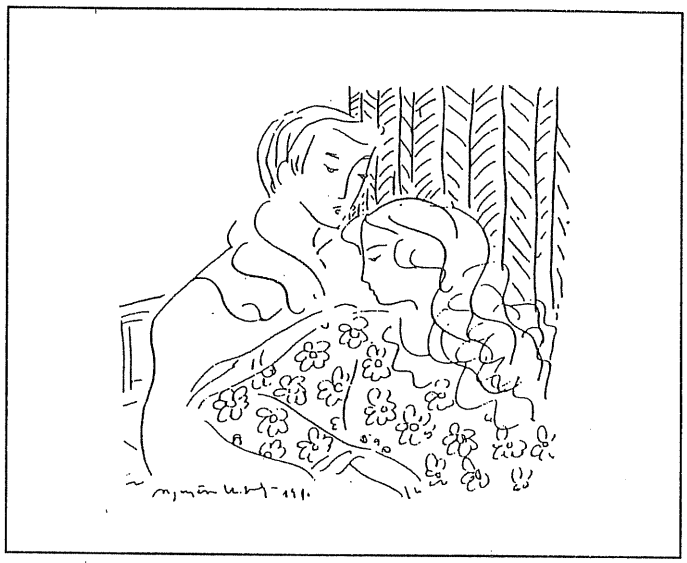

Tộc trưởng họ Hà không nhất thiết là dòng con trưởng mà phải là một người có công đầu. Để định công, cứ năm năm, họ Hà họp Tộc hội đông đủ mọi chi mọi ngành. Hạch thí gồm hai phần, thi võ và thi văn. Phần thi văn lại trọng về mặt binh thư, và đôi khi có hỏi cả thuật Pháp trị theo sách của Thương Ưởng và Hàn Phi. Không phải kỳ tộc hội nào cũng có người qua được hai phần hạch thí, cho nên đôi khi phải chờ đến mươi mười lăm năm mới được một người. Người này, được gọi là Tộc thứ, làm phụ tá cho tộc trưởng cho đến kỳ hạch thí sau. Nếu có thêm được người trúng hạch thì Tộc trưởng xuống nhường cho tộc thứ lên thay mình, còn người mới trúng hạch sẽ được đề làm Tộc thứ.

Trường hợp Hà công, húy là Trường, lên làm tộc trưởng là một sự kiện khá hãn hữu. Vào tiết lập đông năm Giáp Tí đời Cảnh Hưng thứ ba, bản Mê Thượng bị một con cọp cái khôn đến hóa tinh khuấy phá dữ dội. Nó đến rình vồ người làm mương làm rẫy, và có lần xông hẳn vào bản vật chết một con trâu rồi tha đi. Trai bản sợ, đi đâu phải đi thành toán năm ba người mà vẫn bị nó tấn công, có kẻ thương tích, có kẻ tử vong. Sau một năm nào là đặt bẫy, nào là đánh thuốc, nào là rình bắn tên có tẩm nọc độc, con cọp vẫn vô sự, lại trở nên ranh mãnh và táo tợn đến độ đến tận ven bản rình mò giữa ban ngày ban mặt. Người ở bản chịu thua, đành lập một cái miếu thờ thần Bạch Hổ, rồi cứ mỗi tháng đến nộp một con lợn nái. Hà công năm ấy mới hai mươi hai tuổi, tính tình xưa nay vốn lầm lì, đoạt nhiên hỏi "thần Bạch Hổ là hổ đực hay hổ cái?" Không ai trả lời, Hà công liền vác một túi tên, một cây cung dài hai thước, một thanh mã tấu và hai cuộn dây chão to bằng ba đầu ngón chân cái, lẳng lặng đi theo đám người khiêng lợn đến miếu thờ. Khi ai nấy đã ra về, Hà tự buộc mình vào cái chạc ba khá cao trên một cây cổ thụ mọc ngay cạnh miếu, làm một cái đầu thòng lọng to bằng cái nia, rồi cột vào gốc cây. Xong đâu đấy, Hà trèo lên cây, đở cơm nắm ra ăn, bình tĩnh như chẳng có gì. Hà chờ một đêm, sáng hôm sau con cọp đến lấy mồi như lệ thường, không có vẻ nghi ngại, cũng chẳng buồn gầm gừ khi nghe tiếng con lợn tế thần rú lên những tiếng eng éc não nùng vô vọng. Đợi đến lúc cọp vục đầu vào cổ con lợn đã bị xé tanh banh, Hà nấp trên cây ném sợi thòng lọng vào đầu con cọp. Ngạc nhiên, con cọp nhẩy lồng lên gầm. Nút

thòng lọng thắt lại khiến cọp nghẹt thở. Nó khôn ngoan nằm phục xuống, mắt lừ lừ, tai nghe ngóng, mũi khụt khịt tìm hơi kẻ thù. Hà dương cung bắn sáu phát tên, phát nào cũng trúng nhưng không vào chỗ nhược. Con cọp lại gầm lên, lết nhanh vào bụi cây, quay cổ lại cắn sợi dây chão. Hà lắp thêm tên, đợi cách bắn ngay vào chỗ giữa hai mắt cọp rồi bình tĩnh chờ. Nhưng đến quá một khắc vẫn không thấy động tĩnh gì, Hà nới dây, tụt xuống chạc cây dưới thì con cọp bỗng đâu nhẩy ào vào, làm Hà tối tăm mặt mũi rơi xuống đất. Con cọp không buông tha xông lại lấy chân tát Hà. Hà chĩa mũi mã tấu lùi ra sau. Con cọp nhẩy qua bên trái, rồi nhẩy qua bên phải, tránh lưỡi mã tấu. Vờn nhau đến lần thứ tư, bất chợt con cọp nhẩy thẳng vào Hà. Mũi mã tấu đâm xốc lên, nhưng con cọp vẫn còn sức đạp Hà ngã xuống, mồm há ra ngoạm vào chân trái Hà. Hà rút dao găm, tay phải kẹp đầu cọp, tay trái kéo một nhát vào cổ. Con cọp nhất định không chịu nhả mồi. Hà lại kéo ngược lại một nhát dao, rồi đau quá, ngất đi.

Khi tỉnh dậy thì trời đã xẩm tối, Hà cố đẩy đầu con cọp ra, nhưng không còn đủ sức. Hà định gọi, nhưng biết không có ai nghe được, lại thôi. Cơn khát làm rát cả cổ, nhưng ống nước mang theo văng đâu mất. Ống chân trái nát nhè trong mồm cọp làm Hà đau đến độ răng đánh vào nhau nghe lách cách như đánh mõ bản. Mờ sáng hôm sau, Hà lấy dao cắt rơi đầu con cọp, vộc miệng vào uống máu cho đỡ khát. Uống xong, Hà nôn thốc nôn tháo rồi lại ngất đi. Trưa ngày hôm đó, Hà tỉnh dậy, thấy ruồi nhặng đã bu đầy vào chỗ chân trái Hà còn dính trong mồm con cọp. Hà thét lên: "Trời ơi! trời có mắt không?" rồi lại mê đi một lần nữa. Hà nhìn thấy mình bay bổng về phương Đông, đậu trên đỉnh Thiên Nhận, chung quanh chập chùng những chỏm núi tròn mầu hồng tía nổi bật giữa cái nền xanh ngắt của giẫy Giăng Màn. Hà rút ống đinh-bia (4), kề môi thổi lên một khúc, rồi ồ ồ cất tiếng hát:

Trăm thứ hoa không bằng hoa con gái
Trăm thứ trái không bằng trái bông com
Trăm thứ hương không bằng hương con mái

Lúc ấy, Nguyễn thị tay dâng lên Hà chiếc cần uống rượu, mắt nhìn vào mắt Hà, bảo: "...hoa đây, hương đây."

Hà uống, thấy cổ mát lịm, từ từ mở mắt ra. Chung quanh Hà lố nhố những người. Ông lang mừng rỡ kêu: "Tỉnh rồi! phúc thật lớn!" Hà nhớ lại, hỏi cái chân trái mình nay ra sao. Ông lang lắc đầu. Hà đòi ăn một nồi cơm, và xin một vò rượu. Uống sạch vò rượu, Hà hỏi tìm thanh mã tấu của mình. Hà bật cười khành khạch, châm điếu rít thuốc, rồi thình lình xoay người hét lên một tiếng chặt vào khoảng thịt nhầy nhụa trên chân trái. Hà lại ngất đi một lần nữa. Ba hôm sau, Hà mời Nguyễn thị rồi kể lại giấc mơ của mình. Nguyễn thị không nói "...hoa đây, hương đây" nhưng bảo "...xin cứ cho người đến hỏi." Cuối năm đó, họ thành thân. Chú rể chống nạng và đã trở thành tộc trưởng họ Hà cách đấy đúng hai tháng.

*

Đặng thị đánh thức Nguyễn vào lúc nắng đã chớm vàng rừng cây trên núi Lạp Đính. Mây vẫn còn thiêm thiếp ngủ, tóc xòa những sợi tơ huyền óng ả chảy xuôi xuống triền thân mỏng mảnh uốn lượn những thác ghềnh mới được thiên nhiên mô phỏng. Nguyễn lẳng lặng đổ nước vào bình trà Lạc Thủy, rồi gắp những mảnh than hồng chèn quanh bình nước sôi bằng đồng mun do chính Hà công mang tặng ba năm về trước. Khi ấy, Hà và Nguyễn thị ghé về làng Nguyệt Ao, nằng nặc đòi gặp. Quà ra mắt là ba sấp vải, ba sâu tiền, mười cân trà và chiếc bình đồng mun. Nguyễn hỏi:

"Tôi làm được gì mà Hà công lại đãi thế này?"

Hà công khẩn khoản:

"Tôi đến đây xin tiên sinh dạy cho một câu mà thôi. Ngài dạy thế nào tùy ngài. Tôi học được gì, cũng tùy tôi. Còn dăm ba món quà này chỉ là ngoại vật, đáng gì mà ngài phải quan tâm."

Ngừng một lúc, Hà công tiếp:

"Thời buổi loạn lạc này, vua không ra vua, tôi chẳng ra tôi, thánh nhân phải sinh ra để cứu đời, nhưng sinh ở đâu?"

Nguyễn nhìn lên trời, thủng thẳng:

"Thánh nhân sinh từ trong lòng. Mong thánh nhân là rồi có thánh nhân."

Hà công gặng:

"Trên có trời, dưới có đất. Giữa đất và trời có người. Nhưng đâu phải ai ai cũng có cái thiên mệnh làm kẻ cứu đời. Liệu thánh nhân có sinh ra trong châu Hoan này không?"

Nguyễn ngẫm nghĩ một lúc rồi trả lời:

"Có, đủ lửa thì rồng sẽ cất cánh bay lên."

"Vùng nào đất nào đủ lửa?"

Nguyễn cười:

"Nơi nào đủ người hiền thì nơi đó sẽ đủ

lửa."

Nhìn ra dãy Giăng Màn nền xanh lam sừng sững phía sau, những chỏm núi thấp hơn của rặng Thiên Nhận nổi lên như những chiếc quạt bằng lụa mầu hồng tía giống hệt như trong tranh thủy mạc. Nguyễn đứng lên, ý muốn tiễn khách, xin hoàn tất cả tặng vật. Nằn nì mãi, Nguyễn đành nhận chiếc bình đồng mun với hai cân chè búp. Đưa khách ra cửa, Nguyễn còn nhớ cặp mắt tròn to của một con bé lay láy nhìn mình, miệng cười chúm chím.

Lần ấy, Mây mới đâu chín mười tuổi. Con bé vẻ hiền lành thuở xưa sao nay lại leo lên Bùi Phong, người bê bết máu? Đợi hết một tuần trà, nắng vừa lên đầu ngọn cây thì Mây vừa tỉnh dậy. Mây cầm tay Đặng thị để lên ngực mình, rồi cúi đầu, nước mắt chảy ra, không nói năng gì. Một lúc sau, Mây xin lên gặp Nguyễn. Nàng quì phục xuống đất, đôi bờ vai nhỏ nhắn run bắn lên như con giun đất bị xéo quằn, kêu thảm thiết:

"Nguyễn công ơi! Thế thì trời không cao, đất không sâu, còn có người, người có cứu lấy Mây này bé bỏng không?"

Đặng thị dỗ Mây dậy, lấy khăn lau nước mắt cho Mây, tay nhẹ nhàng vuốt những sợi tóc rối bời. Cắn môi ghìm cơn nức nở, Mây kể...

NGUYỄN CHÍ THIỆN

ĐÊM TRONG TÙ

Đêm trong tù dạy sớm
Nằm nghe mưa lốm đốm
Nằm nghe mưa sầu muộn
Như tưởng mây sầu giăng bốn phương.
Nhưng đêm dài Nam cực nào mà không hết?
Ngày sáng Bắc cực nào mà không tàn?
Chế độ này sẽ tận cùng bằng một chấm than!
Nên lòng vẫn vững vui
Dù tím dập tơi bời
Nhớ tới Paul Eluard với bài thơ Tự Do
Nhớ tới Baudelaire mà thèm sang đất Pháp
Nhớ tới Jean Paul Sartre với chủ nghĩa sinh tồn
Nhớ tới kinh thành Luân Đôn với nàng Công
chú a buồ n Nhớ tớ i Milton vớ i Thiê n đườ ng đã mất.
Ta nay trong ngục thất
Ta cũng mất Thiên đường.
Ngũ Tứ Tư, Ngũ Tử Tư
Tấm thân chìm nổi tới bao giờ!
Chúng giết anh em ta
Trong khu H, khu O
Những lò thiêu xác khổng lồ
Không có khói và không cần chất đốt.
Chúng giết anh em ta
Bằng chiều cao của núi
Bằng chiều sâu của thung lũng âm u
Bằng thông cáo của Nha Khí tượng
Cứ ấm bốn độ C là cho đi xà lim chết!

*

Dưới triền tây núi Giăng Màn là bản Mê Hạ, thuộc mường Luang. Trước khi họ Hà đến Mê Thượng hai trăm năm trước, chỉ có một bản Mê, gồm hơn trăm nóc nhà, chuyên sống bằng chăn nuôi và trồng trọt. Nước nguồn đổ về xuôi, xoáy vào đất, đục vào đá từ đời nào làm thành con sông Mê rộng độ ba mươi sải ngang, chẩy từ chân Giăng Màn qua mường Luang cho đến tận mường Rây. Có sông Mê, nước ê hề cho trâu bò, gà, lợn, nước ê hề cho rẫy Luang quanh năm vàng ngô, xanh lúa. Nhưng chỉ ba năm sau khi đã đuổi được người Táy ở Bản Thượng khỏi chỏm Vềnh, Hà tộc đã sai tráng đinh xếp đá xây đập Cheo Reo chặn nước. Vì thế con sông Mê nay ráo kiệt. Nó cạn trơ lòng, chỉ còn phơi những tảng đá trắng tựa nhau đổ dài ra trên hai mươi dặm, giống hệt như xác một con trăn chết khô để sót lại trên mặt đất một khúc xương sống ngoằn ngoèo trắng hếu.

Người Táy bảo với nhau: "Cái giống người gì mà ác thế, đi cắt *mó* (5), làm trâu chết, lợn chết, khoai chết, lúa chết, thế này thì người Táy cũng sẽ chết dần thôi..." rồi tìm cách phá đập. Hơn mười đời ông Trùm ông Chao, hơn

mười lần trai Táy xách mai, xách thuổng, xách dao chằm đến Cheo Reo. Họ bảo nhau: "Phải tìm mó *kíu* nước, nếu không thì không có giống gì sống được." Người trên bản Mê Thượng có súng bộc hỏa, lại canh giữ rất ngặt nghèo. Vì thế, cũng lại hơn mười phen họ phải khênh xác trai Táy về Mê Hạ. Duy có được một lần họ đánh bật đám tráng đinh Mê Thượng ra khỏi Cheo Reo. Họ thấy đập nước chia làm hai lớp, làm bằng những hòn đá tảng chồng lên nhau, hòn nọ dựa vào hòn kia, sức người không sao lay chuyển được. Vài bô lão còn sống kể rằng khi đó họ cho người Táy về mường lấy bộc lôi đến phá. Con trai Táy đào đường mương, dựa thế nấp vào, rồi dùng cung tên đẩy lùi những lần tiến công của con trai Kinh, cố giữ Cheo Reo được gần ba ngày ba đêm. Cuối cùng họ buộc được bộc lôi vào những gềnh đá đầu chĩa lên nhọn hoắt. Trai Kinh lúc đó đã tiến sát đến tuyến mương phòng thủ. Ông *Phìa* (6) hy sinh trai Táy, ra lệnh cho nổ bộc lôi. Bộc lôi nổ to đến rách toang màng nhĩ. Đám voi rừng hoảng hốt vừa đâm đầu chạy vừa hống lên những tiếng tru chéo. Da thịt tóc tai trai Táy lẫn với sạn đá bay bốc lên trời, rồi rơi xuống làm rừng núi đỏ lè lè như lưỡi một trăm con ma thò ra liếm cây liếm cỏ. Nhưng đập Cheo Reo vẫn cứ vô sự, nước chỉ rỉ rả chảy xuống, vô tình để mặc con sông Mê vẫn cứ mãi trơ lòng cạn kiệt như trước. Từ đó, người Táy tản ra xa, xuôi về đồng bằng, bỏ ý phá đập, và chỉ lúc ông trời ra cơn hạn hán mới lên đập xin nước vào những tháng giữa hạ, khi nước còn quí hơn cả vàng dát trên vòng cổ con gái Táy. Đời này sang đời nọ, không biết nghe từ đâu mà họ khảo nhau rằng khi nào tìm được mật kíp của bản Mê Thượng thì người Táy mới biết cách phá đập.

Mật kíp như thế nào, chỉ có ông Chao của bản Mê Thượng, nghĩa là những người tộc trưởng họ Hà từ hai trăm năm nay, mới biết tận mắt. Theo lệ, mật kíp được trao tận tay ông Chao. Ông Chao cất giấu mật kíp ở Hang Sau, một nơi không ai được được phép vào. Chỉ khi nào bản gặp những khó khăn đến độ cả bản đòi thì ông Chao mới được mở mật kíp tìm lời giải. Theo lời truyền tụng, mật kíp do chính ông hoàng Mười, một vị trong Bát Tiên, đã trao tận tay cho ông Chao sáng lập ra bản từ lúc tạo thiên lập địa. Chuyện thế gian đâu đó yên bài cho nên tất cả mọi việc từ cổ chí kim đã được tiên liệu trong quyển sách thánh này. Lần gần nhất phải mở sách là lần cách đây hơn năm mươi năm, hai họ Hà và Lê xích mích vì một câu chuyện không đáng gọi là lớn. Trâu một người họ Hà tên là Hà Chiến dẫm nát mương họ Lê, họ Lê sang bắt đền. Họ Hà cậy thế mạnh không lý đến chuyện trâu dẫm, lại xách me "... mương nhà nào, nhà nấy cứ giữ!" Lê Ân, tộc trưởng họ Lê, là một người nóng tính, lại giỏi nghề võ, đánh câu liêm rất tài tình. Ân giận căm gan, song chỉ cười nhạt, sập cửa bỏ về nhà. Dăm bữa nửa tháng sau, đàn trâu của Hà Chiến lại mon men đến mương họ Lê. Ân ngồi trong nhà quẳng câu liêm ra một lần đánh hai con trâu vỡ toạc đầu, hồng hộc kêu rồi chết. Chiến liền rủ một đám tráng đinh họ Hà đến vây nhà Ân liền hai ngày, bắn tên và định phóng hỏa đốt. Sáu đứa con trai của Ân, hai đứa bị thương nặng. Ân gào lên: "bớ Hà Tuyên, ai phân xử đây?" rồi phanh ngực, mắt đỏ ngầu, sừng sững xông ra, quát: "Có chết, ta sẽ kiện với diêm vương!" Tên bắn như mưa găm vào người Ân trông như nhím xù lông, song Ân vẫn không ngã, mắt trợn ngược lên, miệng ứa máu ra, chết đứng. Khi ông Chao bản là Hà Tuyên đến nơi thì cơ sự đã xảy ra mất rồi. Đám con họ Lê quì xuống xin mở mật kíp. Cả bản thấy truyện thương tâm, bất bình với Hà Chiến, nên đồng ý.

Đình của bản Mê Thượng xây trên hai sào đất vuông vắn trước cửa Hang Sau, nơi cất giấu mật kíp. Lối vào Hang Sau là một ngách nhỏ, có cắm bảng gỗ đỏ đục hai chữ "Cấm Nhập" Hà Tuyên vái trời, vái đất, rồi vái tượng Thần Bản, miệng lầm rầm đọc. Lách vào trong hang, sau khoảng một tuần trà, Tuyên ra sân đình cung kính nâng cái hộp bằng ngà trong có một quyển sách gáy da đã sờn. Hơn năm trăm người ngồi im lặng đợi. Tuyên quát: "Đánh cồng lên" rồi quì xuống. Tiếng cồng dội vào giãy núi Giăng Màn, vọng lại từng hồi, nghe như sấm động. Tuyên mở sách trên án thư, mắt chăm chú. Khi tiếng cồng vọng cuối cùng tắt đi như tìm về âm u xa hút, Tuyên đọc: "Ai là kẻ gây sự bạo hành giết người trong bản thì cả nhà phải bỏ bản mà đi về phía Tây, trái lời phải tội chết ba đời, ai muốn giết cũng được."

*

Năm ngoái, ngày Mây tròn mười bẩy, Mây rủ mấy đứa con gái đi tắm suối. Suối nằm ngay dưới đập Cheo Reo, nước xuôi xuống chỉ độ ba trăm thước là kiệt cạn. Buổi trưa nồng, gió ùa

về từng cơn nóng rát. Mây lõa thể nằm ngửa ra cho nước ào vào tóc, vào mặt, vào yếm. Con Hường giạng chân, váy sắn đến bẹn, đùi thon chắc nhô lên thụt xuống, vừa cười vừa té nước tung tóe bắn thành những hạt óng ánh kim cương nhẩy múa dưới nắng trưa trong suốt. Con Hằng cởi yếm, tay giả như che phần trên cơ thể nhưng vẫn để cặp vú căng nứt nhô ra như sừng trâu, vắt vẻo ngồi trên một hòn đá trắng nhô lên trên nền toàn sỏi hồng, miệng hát

Chiều chiều em dẫn mẹ qua đèo
Em đi bên nớ
Tình tình ơi, anh theo bên nào?
Chiều chiều dẫn mẹ đi theo
Tình, tình ơi
Nhớ ai em kiếm cuối đèo dấu chân
Tình, tình ơi
Nhớ ai em những khóc thầm
Hai hàng nước mắt đầm đầm như mưa
Nhớ ai ngơ ngẩn ngẩn ngơ
Nhớ ai, ai nhớ bây giờ nhớ ai...

Một tiếng sáo đinh-bia bỗng nhiên vẳng lên từ đâu đó, xa vắng, mênh mang. Mây nhổm dậy rỏng tai, ngước cặp mắt nâu thăm thẳm tròn trĩnh trên khuôn mặt trái soan rám hồng, môi hơi trề xuống, miệng mở hé như cười, chiếc răng nanh khênh khểnh lộ ra làm tăng cái vẻ nghịch ngợm của một cô gái vừa tuổi dậy thì. Tiếng sáo véo von lên cao hun hút như chạm vào giải mây trắng, xô nhẹ vào bầu trời trong vắt rồi vẳng lại như lời tỉ tê kể lể một chuyến đi không đến đích. Tiếng sáo có lúc lại ríu rít như đàn chim bất chợt gặp lại một mùa Xuân đã tưởng đánh mất, hót lên sự sống hồn nhiên mạnh mẽ tựa măng tre đục đá trồi lên. Tiếng sáo chợt thổn thức tựa như tiếng khóc tủi thân của đứa trẻ tứ cố vô thân bỗng dưng bắt gặp cảnh một mái nhà yên ấm. Tiếng sáo bỗng não nùng tiếng than của kẻ bất đắc chí ngại ngần soi gương nhìn mái tóc mình đang trắng xóa những đám lau già mỗi lúc một thưa đi. Tiếng sáo lúc sau đứt quãng tức tưởi một nỗi buồn không an ủi được, rồi nghẹn ngào uất ức tựa như lời trăn trối của đám tử tù trước khi lên đoạn đầu đài. Tiếng sáo trầm sâu xuống kể lể nguồn cơn với ngọn gió vô tình đã từ hàng tỉ năm nay chuyên trở vào hư vô vô số những niềm bất hạnh. Tiếng sáo cuối cùng cuống quít, loanh quanh như con chồn gặp bẫy, rồi hốt hoảng như đám nai tơ chạy tên đâm đầu vào bụi gai rạc.

Mây nằm xuống suối lắng nghe, cơ thể doãi ra như sắp tan biến trong không khí, để mặc nước mắt cứ ứa đầy mặt hòa tan vào dòng suối róc rách chảy. Mây ngạc nhiên không hiểu cớ sao mình khóc. Nhưng Mây cứ để mặc nước mắt đầm đìa chảy, mơ hồ cảm nhận như bắt gặp lại một cái gì thật thân thương đã chót đánh mất từ lâu lắm, có thể là trước cả khi Mây ra đời, không nhớ được nhưng vẫn cứ lờ mờ lúc ẩn lúc hiện. Những giọt nước mắt ấy, tuy vẫn mặn sót như muối, nhưng làm sao lại khiến lòng Mây cứ lơ lửng giống như giải mây trắng đang lênh đênh giữa trời xanh văn vắt.

Sau hôm ấy, trưa nào Mây cũng ra suối thẫn thờ đợi tiếng sáo đã vô tình im bặt. Ba tháng ròng, Mây lẩm nhẩm cầu xin: "Ông xanh ơi, cho Mây tiếng sáo kia nhé..." Lần nào Mây ra suối, Trần Trung cũng kín đáo đi theo. Từ dạo Trung bắt gặp Mây trần truồng ưỡn ngực hứng con nước đổ từ ghềnh cuối Cheo Reo xuống vũng Cắt đầu nguồn sông Mê, Trung ngày đêm thẫn thờ, không thấy Mây là ăn ngủ không được. Mây bây giờ như người mất hồn, chẳng nói chẳng rằng, chiều chiều ra ngồi trên tảng đá, mắt lạc vào hun hút một khoảng không đầy bấp bênh khó định. Trung hái một bó hoa rừng, lẳng lặng mang đến để cạnh chân Mây. Trung nhẹ nhàng: "Có chuyện gì thế hả Mây?" Mây cười buồn buồn, chỉ lắc đầu. Sáng hôm sau, Trung quay về chỗ tảng đá, thấy bó hoa vẫn ở đấy, chỉ héo đi trông tàn tạ thảm hại. Trung biết đã mất một cái gì thiêng liêng như chính cuộc sống của chính mình. Nước mắt dàn dụa chảy như suối tràn mùa nước lên, Trung bưng mặt ngồi cho đến hết đêm, mong gặp hổ báo cho rồi đời.

Cho đến một buổi tiếng sáo lại réo rắt đưa về Cheo Reo. Mây mừng đến run bắn người, mắt lại ướt lại những giọt nước mắt xưa. Mây lần theo gió đi tìm, nín lặng nép vào bụi rạc, mê mẩn đến độ gai đâm nát tay chảy máu mà không biết. Nhìn xuống chân chỏm Vềnh, Mây thấy thanh niên ấy nâng cây đinh-bia ngang miệng, mắt nửa nhắm nửa mở, hồn như lạc vào chốn không núi rừng, không cây cỏ, không cả đất, cả trời. Quấn chiếc rông màu xanh thẫm, thân trần cuồn cuộn những bắp thịt đồng mun, tóc dài hoe đỏ phần phật bay trong gió nồm, chàng có thật hay chỉ là ảo ảnh một cuộc đi về từ cái cõi lờ mờ giữa trần thế? Chàng ngưng thổi, tay vỗ nhẹ vào chiếc sáo bầu tròn, hát:

Gió thổi bụi na
Khăn đào của ai phơi sàn gió thổi

Gió thổi khăn rơi
Khăn rơi khăn rơi xuống mặt đường
Bạn tình ơi
Người đẹp của ai
Hoa trắng nơi vườn dưa
Hoa đỏ nơi vườn mía
Áo em tô dấu son
Thân em hồng màu rượu
Mặt em tươi sáng
Miệng em chúm chím hoa sen
Tóc em hoa đào chải gió
Tay em níu chĩu cành mai...

*

Mây ngày nào cũng ra đợi ở chỏm Vênh cho đến khi Đèo Kha lờ mờ linh tính thấy mình là một con thú đang bị rình săn. Một hôm, Mây nấp sau thân cây sim già, mắt ngóng, lòng thấm dần nỗi thất vọng và niềm đau xót lửng lơ, không thấy bóng dáng Kha đâu cả. Về chiều, chim bắt đầu nháo nhác bay, ánh tà dương lịm vào cây cỏ tô đậm cánh rừng vòng theo nỗi sầm của niềm nhớ đã chớm vô vọng. Chợt vai Mây có bàn tay nào nắm lấy, bóp mạnh như gọng kìm sắt, ghì xuống. Mây thất thần quay lại, mái tóc búi xổ tung ra thành thác đổ trào xuống, mắt hoảng hốt căng tròn như nai mắc bẫy. Bàn tay nới lỏng dần ra, Mây nhắm mắt, miệng hé ra, nhếch cười trong cơn mê, cảm thấy đôi môi ướt át áp vào má mình, mặt mình, rồi tai, rồi cổ, lần lần xuống vú, xuống bụng cho đến lúc nàng bật dậy, kéo vội chiếc rông quấn phần dưới cùng của thân thể không biết đã tụt ra từ lúc nào.

Sau này, Mây nũng nịu bảo với Đèo Kha rằng cuộc gặp chiều ấy là giải giây ông Trời buộc, đố ai cởi cho ra. Những lần hẹn hò nhau, Mây và Kha tìm nơi hoang dã, tránh cho xa dân bản, nhưng điều tiếng đã có chút xôn xao. Mây thỏ thẻ: "...biết đâu ta về ở với nhau rồi thì Mê Hạ và Mê Thượng sẽ lại là một bản Mê như những ngày xửa ngày xưa." Đèo Kha, mồ côi từ bé, về xin phép ông chú đã nuôi mình thành người. Đèo công ở bản Mê Hạ chần chừ. Cái mối oan nghiệt giữa Mê Thượng và Mê Hạ vẫn sừng sững ở Cheo Reo đó, chặn nước không cho lòng người thông được với nhau. Ông đoan chắc họ Hà ở Mê Thượng sẽ không bao giờ nhận kết nghĩa dâu gia với Mê Hạ. Đèo Kha giục Mây hỏi ý bố mẹ. Mây cũng sợ, nói liều: "...hay là Kha bắt em mang đi." Kha lắc đầu bảo: "nếu làm thế thì chắc chắn đinh Mê Thượng sẽ tìm đánh Mê Hạ," máu sẽ chảy ra thay cho nước sông Mê đã cạn sạch trong cái lòng sông từ nhiều năm ráo kiệt. Mây càng sợ, bóp bụng định tâm nói trước với mẹ. Nghe Mây nói xong, Nguyễn thị chỉ thở dài lắc đầu. Đợi thêm một tháng, Mây cắn răng, mặt nhợt nhạt, ấp úng thưa với cha. Vừa nói được hai câu, Hà công đập ngay chiếc tách trà đang uống xuống đất, bảo:

"Nó người Táy, đâu phải người mình..."

Thuận tay, ông tát Mây một cái trời giáng, tiếp:

"Mày là con tao thì tao chọn rể."

Hà phủi tay chống nạng đứng dậy. Từ đó, ông cấm Mây xuống suối, ra lệnh cho Trần Trung dẫn tráng đinh đi kiểm soát nghiêm mật đập Cheo Reo. Trần Trung lòng vẫn yêu Mây say đắm, sai người mai phục định giết Đèo Kha một lần, nhưng Kha thoát được. Về phía Mây, miệng ngậm tăm chẳng nói chẳng rằng, nàng không ăn không ngủ gần một tháng, thoi thóp nằm chờ chết. Nguyễn thị quì xuống chân Hà công, xin:

"Nghiệp con nó thế, cấm thì nó chết mất, sau lại báo oán vào mình, xin ông nghĩ lại."

Hà công vào nhìn con gái, lòng hận như chính mình bị tình phụ, ứa nước mắt đi ra, bảo:

"Làm thế nào thì làm, nhưng ta thách cưới một thớt voi, sáu trâu, sáu bò, vàng hai mươi lạng và hai trăm thước lụa Hà."

Được tin, Đèo Kha thừ người ra, bảo với Mây "...chẳng phải chỉ bản Mê Hạ, cho cả hết Mường Rây dưới kia gọp lại cũng chưa chắc đã có đủ bằng ấy đâu." Mây ôm lấy Đèo Kha, miệng cắn vào vai đến bật máu. Đèo Kha ứa nước mắt, lẳng lặng gỡ tay Mây rồi lủi thủi xuống dốc về Mê Hạ nói chuyện với chú. Ngay tối hôm ấy, Đèo công cho mời ông Chao, rồi bàn tính thế nào, cả hai người dẫn Đèo Kha lên gặp ông Phìa chủ quản khắp Mường. Sáu ngày sau, Đèo công xin đưa trước ba trâu, ba bò, và mười lạng vàng, cho Đèo Kha lên làm "côn hươu" (7) để thử rể, và hẹn sang năm sau sẽ nộp đủ lễ cưới Mây về Mê Hạ.

Ngày Đèo Kha lên Mê Thượng là ngày Mây hoàn toàn bình phục. Mây ôm chân bố, hôn tay. Hà công lạnh lùng bảo:

"Đủ lễ, cưới ngay, rồi mày cút đi đâu thì đi."

Đèo Kha làm đủ việc phục dịch trong nhà, đêm ngủ ở dưới *quản* (8), gần chuồng gia súc. Có chuyện gì Kha cũng chỉ hềnh hệch cười giả lả, nuốt mọi nhục nhã đớn đau vào bụng, lúc

nào cũng sẵn sàng làm vừa lòng mọi người trong khắp bản Mê Thượng. Trẻ con dậy Kha chọ chọe tiếng Kinh, cười ầm lên trêu chọc, mặc Kha cứ ngẩn người ra nhìn về phía Mây như cầu cứu. Chiều chiều, sau bữa cơm, Kha lại mang đinh-bia ra thổi. Tiếng sáo hay đến độ ít lâu sau cả bản đâm nghiện, vắng nó thế nào là cũng có người băn khoăn xáo xác đi tìm Kha. Một thời gian sau, hầu hết mọi người đều nhận Kha như người trong bản, trừ Hà công và dĩ nhiên là trừ Trần Trung, người đã phải lòng Mây từ lúc nàng mới mười lăm. Trung nghe không chịu nổi tiếng sáo, lên xin Hà công cho phép mình rời bản về xuôi. Hà công nhìn Trung đăm đăm rồi nói:

"Muốn có thì phải cướp. Có cướp được, ta cho cướp đấy. Việc gì phải vội đi. Mình mất người mất của chớ có phải kẻ cắp đâu."

Trung nghe hiểu, cám ơn Hà công.

Một hôm, Đèo Kha một mình đi lấy củi trong rừng ven chòm Vềnh. Đang chặt, Kha thấy rờn rợn, vội cúi mình xuống thì một mũi tên bay đến cắm ngay vào thân cây. Kha luồn ra sau cây, lặng lẽ trườn mình như trăn, tay nắm đốc dao. Trần Trung bắn hụt, chồm lên cầm kích thận trọng bước tới. Vừa đúng tầm, Đào Kha xông ra đâm một nhát. Dao đi lệch đường, toạc rách áo Trung. Trung vòng người đâm ngược ngọn kích lại, gầm gừ, rồi quét ngang kích vào chân Kha. Kha ngã xuống nhưng lại lủi ra sau thân cây, thuận tay chặt một cành ngang dùng làm gậy. Hai người quần nhau không biết bao lâu, nhưng mãi đến giờ cơm chiều vẫn không thấy ai về cả. Hà công cho tráng đinh đi tìm thì thấy Kha bị đâm một kích vào đùi không đứng dậy được. Gần đó, Trung nằm đầu dập nát, máu tươi còn loang đỏ trên đám cỏ xanh bị đạp nhầu. Khi chôn Trung xong, Mây đặt một vòng hoa lên mồ, nước mắt ứa ra, khấn: "...sống khôn, chết thiêng, hãy về nơi cực lạc, xin đừng vì tình kia mà đeo đuổi."

Tuy vết thương chưa lành hẳn, Đèo Kha lấy cớ giỗ ông xin về dưới Mê Hạ. Đèo công nghe Kha kể chuyện xung đột với Trần Trung, thở dài rồi ôm cổ cháu miệng thầm thì. Kha chăm chú nghe, cứ lắc đầu quầy quậy. Ông nghiêm sắc mặt, tu một hơi rượu cần, thở ra rồi gằn giọng:

"Thế thì mày đừng đi nữa..."

Đến lần thứ ba, Kha ôm lấy chân Đèo công, rơi nước mắt thì thào thế nào mà mặt mũi Đèo công rạng rỡ hẳn lên. Ông vội vã tìm gặp ngay ông Chao bản Mê Hạ, rồi cho người chạy xuôi báo cho ông Phìa của Mường Rây. Hai ngày sau, ông gọi Đèo Kha ra, nhỏ nhẹ bảo:

"Thớt voi có rồi, bây giờ chỉ đợi người đi dưới Kinh mua lụa về là đủ."

Hôm sau, Đèo Kha lên đường về Mê Thượng.

(Còn tiếp)

Chú Thích

1. Nổi loạn chiếm Đồ Sơn năm 1742, thường lấy của nhà giầu ra phân phát cho người nghèo, chống với chúa Trịnh được gần mười năm.
2. Là tôn thất nhà Lê, nổi loạn chống Trịnh Doanh ở Thăng Long, thất bại phải chạy ra Thanh Hóa năm 1738.
3. Chỉ người đứng đầu một làng.
4. Một loại sáo ngang của người Thái trắng.
5. Tiếng chỉ nguồn nước.
6. Người chỉ huy một địa phương.
7. Theo tục lệ người Thái, chàng rể phải đến nhà gái làm những công việc phục dịch trong một thời gian trước khi được cưới cô dâu.
8. Chân nhà sàn, nơi dành cho gia đình làm việc phục dịch ở trong nhà.

BLUE SKY TRAVEL, INC.

9061 Bolsa Ave. Suite #201.
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895-5411 / 895-6153
Fax: (714) 891-7491

CHÚNG TÔI LO TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ VỀ DU LỊCH
Giá đặc biệt cho quý vị cao niên

*** Tour Honolulu**
*** Tour Las Vegas**

VÉ VÀ BOARDING PASS ĐI VIỆT NAM VÀ CÁC NƠI ĐỀU IN NGAY TẠI VĂN PHÒNG

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

ĐI THĂM BẠN, TRỜI MƯA

HỒ NHƯ

Mưa bắt đầu nặng hạt khi tôi rời SV. Quá SV mười dặm, mưa mịt mù trời đất. Hai cái gạt nước quạt không kịp mưa từ trời đổ xuống và mưa từ đất bắn lên. Những chiếc xe đằng trước trở thành những khối bụi nước trắng đục. Tôi căng mắt nhìn chung quanh, ghì chặt tay lái, miệng lẩm bẩm một lời cầu nguyện chính tôi cũng không rõ như thế nào. Trong tiếng mưa rào rào đập vào chiếc xe, tôi thấy mình hình dung ra con đường dài sáu bảy tiếng lái xe sắp đến. Đoạn đường đèo quanh co hay có sương mù. Đoạn đường phẳng tắp hay có gió giật. Thêm con dốc dài lê thê có nhấn lút ga xe tôi cũng chỉ bò dưới 60 dặm/giờ. Nếu trời cứ mưa như thế này...

Một chiếc xe vừa qua mặt xe tôi, hất văng cả vũng nước lên mặt kiếng. Xe tôi chừng như chao đi, hay tôi, với phản xạ, vừa nghiêng người tránh làn nước. Mặt kính xe trắng bệch như ti vi mất hình trong vòng hai giây. Tôi ghì chặt tay lái hơn, nghĩ đến Thịnh, đến đôi mày nhíu lại của anh khi tôi không chịu đi máy bay. Mưa bão như vậy, anh nói, hơi sẵng giọng. Tôi bướng bỉnh lắc đầu. Em không muốn bị trễ máy bay. Em sẽ lái được. Đây không phải lần đầu tiên em lái trong mưa, qua khoảng cách dài như thế. Và trời sẽ không mưa suốt quãng đường. Thịnh thở dài, ra phòng khách ôm bé Thảo vào lòng. Anh ngầm ý rằng tôi không nghĩ đến chồng con đấy. Thịnh chưa bao giờ hiểu được tình thân của tôi và Minh. Anh không hiểu tại sao trước ngày cưới tôi Minh phải bắt cóc tôi vài ngày riêng cho mình. Cũng như bây giờ anh không hiểu tại sao tôi phải có mặt bên cạnh Minh lúc nó vào bệnh viện mổ. Tôi đoán có lẽ vì tôi không tâm sự với anh nhiều. Có lẽ giữa tôi và Thịnh, bàn tính lo toan việc gầy dựng, chăm sóc gia đình đã chiếm hết những câu chuyện giữa tôi và anh, những mẩu thời gian hiếm hoi trong thời khoá biểu bận rộn của đôi vợ chồng cùng đi làm nhiều giờ hơn bình thường. Trước khi cưới, chúng tôi lại bận rộn tìm hiểu, xem xét, đo lường tính nết, quan điểm của nhau xem có lấy nhau được không. Tóm lại, Thịnh và tôi không có thì giờ tâm sự vụn vặt về những năm dài chúng tôi sống trước khi gặp nhau nhờ mối mai. Ở tuổi tôi, và tuổi Thịnh hồi ấy, hôn nhân đến gọn ghẽ nhanh chóng hơn chuyện điều đình giá chiếc xe mới. Con cái đến nhanh hơn nữa, thay đổi hết thời khoá biểu của bố mẹ. Có bé Thảo ở giữa, Thịnh và tôi thực sự ra vẻ đôi vợ chồng hạnh phúc.

Đến khúc rẽ vào con đường đèo, mưa nhẹ lại, đủ cho tôi thấy rõ tấm bảng chỉ đường. Đông và Tây, nhầm một ngã rẽ tôi có thể mất nửa giờ hoặc một giờ. Tôi muốn có mặt ở OC trước khi trời tối hẳn. Mong rằng Minh sẽ không la lối: ai bảo mày đến ? Mong rằng Minh sẽ không sợ hãi quá. Tôi đang sợ lạnh tay lạnh chân đây, làm sao giữ mặt tỉnh mà an ủi nó? Minh chưa bao giờ cần đến sự an ủi, nâng đỡ nào của tôi. Những lúc đau khổ nhất, nó bậm môi, mắt đỏ lên, người như hoá đá. Nhưng dĩ nhiên chưa bao giờ Minh bệnh nặng như lần này. Chúng tôi không còn trẻ, nhưng chưa kịp nghĩ đến cái chết của chính mình. Đột nhiên, Minh nghĩ đến di chúc và những sắp xếp "hậu sự." Tôi nghe nó kể lể trong điện thoại, mắt nhìn bé Thảo, chợt thèm cái tỉnh táo, tự do của nó. Tôi biết có bé Thảo tôi càng phải lo về những chuyện "hậu sự," nhưng cũng

vì có bé Thảo, tôi không muốn, không dám nghĩ đến "hậu sự." Như thể chỉ nghĩ đến không thôi sẽ mang đến một sự xui xẻo nào đó. Tôi giục Thịnh đi làm giấy tờ di chúc, rồi cầm cây viết ký vài chữ nguệch ngoạc, lòng mơ hồ một lời cầu nguyện. Từ ngày có con tôi nghĩ đến đạo giáo, e sợ thánh thần nhiều hơn xưa.

Bảy tiếng lái xe, chịu hết mưa nắng của con đường, tôi đến nhà Minh, mệt nhoài. Nó đi làm chưa về, chỉ có bố mẹ ở nhà. Mẹ Minh e ngại hỏi mãi "ai đấy" trước khi mở cửa cho tôi vào. Bà còn nhanh nhẹn, chứ ông cụ đã chậm chạp, ngay đôi mắt sắc lẻm cũng mờ đi nhiều. Hai người có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi, nhưng mừng rỡ, tôi đoán thế. Người anh trai của Minh ở xa, không về được. Có tôi, ít ra hai người yên tâm hơn. Tôi tỏ ý lạ sao Minh còn đi làm hôm nay, mẹ nó vội đỡ lời rằng Minh muốn lo cho xong công việc trước khi nghỉ. Tôi chắc Minh ngại chuyện tiền bạc đấy thôi. Nó vẫn còn làm lương giờ, ba cọc ba đồng đúng nghĩa.

Gần bảy giờ rưỡi, Minh về đến. Nó ngỡ ngàng nhìn tôi, rồi hỏi thăm qua loa bé Thảo và Thịnh. Tôi tránh cái nhìn dò hỏi trong mắt nó, không biết là: mày không tin tao đi mổ một mình được, hay là: bỏ chồng con mà đi giữa lúc mưa gió, không thấy tội lỗi hay sao? Câu nào tôi cũng không muốn trả lời. Tôi vờ giúp mẹ Minh dọn bàn ăn cơm, tránh mắt Minh lần nữa khi tôi nói thứ Hai tôi mới về. Lần này, bố mẹ Minh nhìn nhau, vẻ áy náy. Tôi đùa lâu lâu mới có một lần trốn cái ách "giữa đàng mang vào cổ." Minh cười, nhưng mẹ Minh thoáng buồn. Tôi nao lòng nghĩ đến vẻ buồn buồn chịu đựng của mẹ tôi những năm tôi còn độc thân. Gái không chồng như phản gỗ long đanh, người xưa đã dọa như thế. Từ ngày có Thịnh, tôi thấy mình cột chặt vào một bến bờ. Cảm giác vướng bận, mắc kẹt đó lại có sự an tâm trong ấy, có lạ không chứ? Tôi nói với Minh, nó nhìn tôi là lạ. Cái nhìn của con chim trời không muốn giam mình trong chiếc lồng son. Cho dù hôn nhân có thật là chiếc lồng son.

*

Mười một giờ, bãi đậu xe ở bệnh viện đã chật cứng. Tôi vòng xe hai lần mới tìm được chỗ đậu, trước mũi hai chiếc xe khác. Tôi dành mang cho Minh chiếc xách tay có quần áo, truyện đọc, bàn chải đánh răng. Dù đoán chắc Minh sẽ không dùng đến những thứ này, tôi để mặc kệ Minh sắp xếp. Miễn sao Minh yên lòng hơn.

Tôi ghét bệnh viện. Ghét dáng vẻ, không khí, mùi bệnh viện. Ngay cả lúc đi sanh bé Thảo, tôi vẫn ghét những màu sắc nhàm chán của bệnh viện. Mọi người nói sinh nở là phép lạ kỳ diệu người đàn bà có đặc ân làm được. Tôi sẵn sàng bỏ qua cái phần kỳ diệu của sinh nở. Với tôi, có được một đứa trẻ để gọi là con, để yêu thương và chăm sóc, đó là sự kỳ diệu người đàn bà mong muốn đến mức sẵn sàng đặt mình vào nỗi chênh vênh giữa sống và chết. Hoặc ít ra cuộc hành trình khó khăn đó mang một ý nghĩa nhất định. Không như Minh ngày hôm nay, cũng cắt thịt mổ da, cũng sẹo trên người mà không vì một lý do cao cả nào. Đêm qua, trước khi ngủ Minh nói khẽ với tôi rằng bệnh của Minh phụ nữ độc thân dễ bị hơn. Mày có chồng là phải đấy, nó nói. Tôi mỉm cười trong bóng tối, nghĩ thầm Minh hình như biết rằng cứ mỗi chặng đường, tôi lại cần ít lời biện giải, những chứng minh xác nhận rằng quyết định buông mình vào hôn nhân là đúng. Thực ra, tôi là người đàn bà hạnh phúc đấy chứ?

Phần chính của thủ tục nhập viện là chờ người ta soạn giấy tờ, in ra khoảng mười bản khác nhau. Ai bảo Mỹ không hành chánh rắc rối? Chỉ tưởng tượng ra số nhân viên cần thiết để làm việc với số lượng giấy tờ đó cũng đủ hiểu tại sao ngành y tế và bảo hiểm sức khoẻ của Mỹ vừa rườm rà vừa đắt tiền. Dĩ nhiên tôi không có gì để vội vã. Tôi sợ phút Minh nằm trên giường được đẩy vào phòng mổ, sợ khoảng thời gian chờ đợi sau đó. Tuy đã mang đủ sách báo, tôi vẫn chưa biết mình sẽ làm gì cho đến lúc ông bác sĩ xong việc. Liếc nhìn Minh, tôi thấy Minh lặng lờ, không lộ cảm xúc nào. Sau phần thủ tục, người ta dẫn chúng tôi đến phòng Minh sẽ nằm lại, ít nhất một đêm sau khi mổ. Căn phòng chia ba phần, đã có một người đàn bà Mễ nằm gần cửa sổ. Minh thay áo bệnh viện, mặt như xanh hơn cùng với màu áo. Tôi nhìn khoảng lưng trần của Minh, có nốt ruồi ngay sống lưng. Người ta nói nốt ruồi nơi sống lưng là sao nhỉ, tôi tự hỏi. Trước sự run sợ, có phải người ta hay tìm đến những điều siêu nhiên, hay cũng có thể một chút trấn an từ uy quyền nào vắng mặt. Minh nằm dài trên giường, hai tay chắp trên bụng. Bàn tay búp măng, xinh xắn, da căng ưng ửng hồng hào, bàn tay tôi hay len lén nhìn đến say mê.

Bàn tay Minh không những chỉ đẹp, còn khéo léo. Lúc còn trung học, thường bài tập môn nữ công gia chánh của tôi đều do Minh làm giùm. Tôi còn nhớ chiếc mũ trẻ con trắng nuột thêu hoa tím, đẹp đến mức suýt làm bà giáo nghi ngờ, hay chiếc lồng đèn tôi làm cháy, Minh dán giấy bóng kiếng, vẽ lại còn đẹp hơn lúc mới mua.

Chúng tôi nói chuyện vẩn vơ trong lúc chờ đợi. Minh kể cho tôi nghe những cuốn phim mới xem, còn tôi kể về bé Thảo. Lâu rồi, Thịnh và tôi không đi ăn tối, xem phim, trừ những phim trẻ em cho Thảo. Những câu chuyện của tôi vòng quanh suốt chiều dài chiều ngang căn nhà Thịnh và tôi mua năm ngoái, tới lui một chồng một con. Chuyện của Minh là những thứ tôi bỏ lại trong một thế giới khác, những cái tên đàn ông lộn xộn và những ngày không cần có thời khoá biểu. Minh bảo đã dặn mẹ nếu chàng nào gọi đến thì chỉ cần nói Minh đi đâu vắng, nếu không sợ thăm hỏi, quà cáp, hoa hoè. Mệt. Tôi nhìn Minh, trêu Minh ghét cả hoa hay sao. Minh ngước mặt lên, giấu ánh mắt lên trần phòng, rồi nói tuỳ hoa của ai chứ. Đôi môi Minh hơi trề ra, không giống hẳn cái bĩu môi, cũng không hẳn có vẻ mếu. Tôi không kịp gạn thêm, vì người y tá đã trở lại để đưa Minh vào phòng chuẩn bị. Căn phòng lăng xăng y tá đi qua lại, người bệnh nằm nhoài trên giường đẩy, và thân nhân đông cứng bên giường, như tôi. Cạnh giường Minh là một ông hình như Việt Nam, với một người đàn bà có thể là vợ ngồi cạnh. Bà ta nhìn chúng tôi, tò mò, nhìn Minh ít mà nhìn tôi nhiều hơn. Có lẽ vì bà và tôi cùng cảnh ngộ, hay có lẽ mặt tôi còn xanh hơn, sợ hãi hơn mặt Minh. Một bà y tá nối đường gân trên bàn tay Minh vào bịch nước biển treo phía trên. Bà ta tế nhị giấu mũi kim dài và to khỏi đôi mắt chăm chăm của tôi, dịu dàng hỏi Minh vài câu trong lúc tìm đường gân trên tay nó. Khi bà ta rời khỏi, một anh chàng trông như Mễ ghé qua, ồn ào, năng nổ, hớn hở như thể anh ta trông đợi chuyện chụp thuốc mê cho Minh đã lâu ngày. Khi anh ta rời khỏi, tôi thu mình sâu hơn vào chiếc ghế đang ngồi, không còn biết nói gì, thầm mong có thể chạy trốn cái cảnh người ta đẩy Minh vào phòng mổ. Tôi sợ mình sẽ khóc lóc ngớ ngẩn như con nít, sẽ làm Minh bực mình. Nhìn quanh màu trắng xam xám lạnh lẽo của trần và tường phòng, màu xanh nhờn nhợt của y phục nhân viên bệnh viện trong ánh đèn neon, tôi chợt ước ao được có người nào ngồi cạnh cầm tay. Hơi ấm của những ngón tay chắc chắn và mạnh mẽ chắc chắn sẽ giúp tôi nguôi lo lắng. Tôi nghĩ đến Thịnh, nghĩ đến tôi sẽ cảm thấy an ủi như thế nào để nhìn thấy anh lúc này bên cạnh tôi. Rồi tôi chợt nhớ giữa tôi và Thịnh không có những lúc âu yếm như thế. Dù anh có ở đây, anh cũng sẽ không cầm tay, không ôm vai, không hôn tóc tôi như tôi tưởng tượng. Anh sẽ ở đó, lặng lẽ và sẵn sàng cho những nhu cầu thực tế, không khác bao nhiêu lúc anh chăm sóc tôi sau lần sanh bé Thảo. Tôi ngoảnh mặt đi khỏi chiếc ghế trống bên cạnh, nhìn lên khuôn mặt Minh và hàng mi khép hờ. Tôi đang nghĩ cái gì vậy? Tôi tự thương mình không có ai vỗ về, còn Minh thì sao? Ai sẽ cầm tay Minh, hôn tóc Minh ? Thân nhau từng ấy năm, tôi chưa bao giờ cầm tay, quàng vai nó. Chúng tôi lớn lên trong tập tục đáng ghét nơi người ta chỉ chạm vào nhau những lúc thật cần thiết, và âu yếm nhau dưới bất kỳ hình thức nào giữa chốn công cộng là khiếm nhã. Cũng may người ta dành ngoại lệ cho trẻ con, nếu không chắc chúng sẽ lớn lên khô cằn như những cành cây mùa đông trên con đường trước cổng bệnh viện. Trên giường, Minh vẫn nằm yên, nhỏ bé và bình thản. Tôi đứng dậy, đi qua lại hai bước, ngồi xuống. Minh vẫn yên lặng, như lạc vào một cõi không gian nào khác. Có lẽ Minh không cần ai nắm tay, an ủi. Không, chắc Minh cần, vì có trái tim người phụ nữ nào cứng cỏi như thế. Nhưng Minh đủ mạnh để từ chối những gì Minh không muốn. Minh vẫn đi qua những thử thách cuộc đời một mình, trong khi tôi đã đầu hàng từ rất lâu những áp lực của lề thói xã hội và những "quy luật tự nhiên" của cuộc sống. Tôi níu lấy người đàn ông tự nguyện hỏi cưới mình như chiếc phao qua mưa gió, vì sự yếu đuối trong tôi sợ hình ảnh cái "phản gỗ long đanh" trôi giạt trong vùng nước lũ. Minh và tôi đều không tìm

được vòng hào quang của một tình yêu vĩnh hằng, nhưng tôi đã băng qua chiếc cầu gỗ vững chắc tuy không đáng nhớ, và Minh còn nằm đó, mơ đến một hạnh ngộ, hoặc cắn răng chấp nhận rằng vòng hào quang sẽ không đến với mình.

Người bác sĩ xuất hiện, xem lại hồ sơ, ra dấu cho nhân viên bệnh viện chuẩn bị. Ông nói vài câu trấn an thường lệ với Minh, rồi bảo tôi ông sẽ ra phòng đợi bên ngoài gặp tôi sau cuộc giải phẫu. Tôi tìm ánh mắt Minh,

nhưng không thấy. Cảm giác tội lỗi mơ hồ dấy lên trong lòng tôi. Dù tôi, hay bao nhiêu người nữa vây quanh chiếc giường này, Minh cũng vẫn phải một mình đối diện với ca mổ. Tôi cầm bàn tay ông bác sĩ chìa ra, nói cám ơn. Bước ra ngoài hai lớp cửa dẫn ra hành lang sau đó, tôi quay nhìn qua ô kính nhỏ. Từ những ngày vô tư thuở trung học, đã có bao nhiêu lớp cửa ở giữa tôi và Minh. Cánh cửa không gian, cánh cửa nghề nghiệp, cánh cửa hôn nhân. Đến bao giờ tôi sẽ đứng trước một cánh cửa tôi không mở được? Có bao giờ tôi sẽ không còn muốn mở cánh cửa tìm đến với Minh? Những viễn mộng ngày nào đã khoá chặt trong một góc tâm linh và cuộc đời. Có bao giờ Minh cũng sẽ xa xôi như thế? Những ngón tay tôi lạnh cóng siết vào nhau trong túi áo. Nếu lỡ cuộc giải phẫu có gì bất trắc, hoặc không hoàn toàn thành công?

*

Bố Minh đứng chờ trước cửa nhà để nói cho mẹ Minh và tôi biết Minh đang làm giấy tờ xuất viện. Tôi định lùi xe ra để trở lại bệnh viện ngay, nhưng mẹ Minh giữ tay tôi, nói giấy tờ chắc còn lâu, mình vào ăn lót dạ chút xíu cháu ạ. Chiều ý bà, tôi đậu xe vào sân, rồi nhận ra không phải bà muốn ăn, mà lo tôi đói bụng. Hai ngày Minh nằm bệnh viện, hình như tôi cũng phờ phạc đi.

Cuộc giải phẫu kéo dài đến làm tôi sốt ruột. Đáng lẽ một giờ, nó thành hơn hai giờ. Lúc những ý nghĩ u ám bắt đầu mọc rễ trong óc tôi, vị bác sĩ xuất hiện. Cuộc giải phẫu thành công mỹ mãn, tôi có thể vào gặp Minh. Nó đang ngủ, hay mê man cũng thế, khuôn mặt xanh xao vẫn bình thản. Sáng hôm sau, tôi đưa bố mẹ Minh vào bệnh viện. Tuy điều lệ bệnh viện chỉ cho hai người thăm, ba người chúng tôi không gặp trở ngại nào. Đứng quanh giường Minh, chúng tôi dè dặt hỏi thăm Minh, giọng dịu nhẹ như sợ làm nó giật mình. Thật ra, Minh còn rất yếu, ngầy ngật cả ngày, lại thêm bị phản ứng thuốc mê và thuốc giảm đau có morphine. Chiếc kim to vẫn còn nối cánh tay Minh vào bịch nước biển, mỗi lần nó cần xuống giường phải lê mọi thứ lỉnh kỉnh theo mình. Trong vòng một giờ đồng hồ chúng tôi ở đó, Minh xuống giường hai lần, bịch nước biển chệch đi hai lần, tiếng beep báo động nhỏ đều vang lên hai lần, cô y tá trực phải vào chỉnh lại mọi thứ hai lần. Ba người, sáu chân sáu tay mà thừa thãi vô ích quá đỗi. Sáng hôm nay, trở lại bệnh viện cùng mẹ Minh, tôi hơi hoảng khi thấy Minh cau có, bực bội hơn nhiều. Bịch nước biển đã biến mất, ông bác sĩ đã đến xem xét và bảo Minh có thể về hôm nay, nhưng ông ta không để lại giấy tờ nào, nên bệnh viện không thể tiến hành thủ tục xuất viện. Cô y tá nói đã gọi ông bác sĩ lẫn người cộng tác của ông, và người cộng tác bảo họ sẽ đến. Sẽ đến tức là lúc nào? Minh hỏi. Tuy giọng Minh hơi gay gắt, cô y tá vẫn mỉm cười giải thích bác sĩ không bao giờ hẹn giờ giấc nhất định. Minh đứng ngồi không yên, nằm thì chán ngấy đi rồi, mà xuống giường đi lại thì mệt, vả lại chiếc áo bệnh viện hở đằng sau chắc chắn làm Minh thêm khó chịu. Mẹ Minh và tôi nhìn nhau, thử trấn an Minh, thử nói chuyện cho Minh khuây khoả, nhưng không khí vẫn ngột ngạt nặng nề. Chờ một giờ, không thấy người bác sĩ cộng tác đến, mẹ Minh bảo tôi về nhà ăn trưa. Trên đường về, tôi nói với mẹ Minh trong thời gian sắp tới chắc bác sẽ cực nhiều, không những chăm sóc cho Minh mau hồi phục, mà còn phải nhịn nó mỗi khi nó lên cơn chướng. Ở nhà mãi nó sẽ chồn chân, bứt rứt, quạu quọ. Nhưng bác ạ, tôi vội vã thêm, nó

DUNG NHAM

SỐNG VÀ CHẾT

Tặng Nguyễn Xuân Hoàng

Hạt giống chết cho chồi non xanh lá
Lá lìa cành cho lộc nhú đầu Xuân
Nước cạn rồi nên sương khói mong manh
Và mây trắng trôi trời xanh bát ngát
Hoa đẹp kia cứ hoài phơi nhan sắc
Sao có chùm quả ngọt ấp vành môi?
Nước sống ư khi còn trôi sông suối?
Nước chết ư khi là H_2O?

Chuyển hóa trở về Đạo hết bạn ơi
Còn sống mãi có bao giờ chết được!

quạu quọ được là có lại sức rồi, phải không bác? Mẹ Minh liếc nhìn tôi, nụ cười bàng bạc qua những nếp nhăn hai khoé miệng. Tôi biết câu nói của mình là thừa. Người mẹ nuôi con từ nhỏ đến lớn, cần gì lời nhắc nhở ấy. Có lẽ tôi chỉ muốn cho mẹ Minh biết tôi hiểu rất rõ những chăm sóc lo toan của bà, hôm nay, ngày mai, cho đến khi nào Minh khoẻ lại, ngay cả những ngày sau đó. Làm sao đo được hết những âu lo của người mẹ với con cái, từ phần xác đến phần hồn ?

Về nhà, Minh vui vẻ hẳn lên. Tôi đi mua cho nó vài món lặt vặt, thuốc men cũng như những thứ tôi nghĩ nó có thể cần dùng, để mai này tôi về lại SV, hai ông bà cụ đỡ mất công. Minh hỏi có anh chàng nào gọi lại không? Mẹ Minh nói không. Tôi nhìn nó chờ phản ứng, không thấy gì ngoài những lọn tóc hất qua vai. Đêm cuối cùng của tôi ở nhà nó, chúng tôi lại ngủ cùng phòng. Mệt nhoài, nhưng nhẹ nhõm, tôi nằm nghe tiếng thở đều của Minh trước khi chìm vào giấc ngủ.

*

Mười một giờ sáng tôi rời khỏi nhà Minh. Bố mẹ nó ra tận xe, tíu tít cám ơn tôi mãi. Tôi cầm gói xôi mẹ Minh gói cho tôi ăn dọc đường, nói đùa: hai bác làm cháu phát ngượng. Minh đứng ở bậc cửa, người như bé hơn trong chiếc áo ngủ rộng thùng thình. Từ đây cho đến lúc Minh khoẻ hẳn, chắc tôi không còn có dịp thăm nom nó nữa. Mẹ Minh nói thế mà đúng: cháu đến chơi được phút nào quý phút ấy. Mai, mốt nữa, biết rằng chúng tôi còn có thể bên nhau trong những lần mưa bão khác?

Lại mưa. Lại gió. Những đoạn đường vòng vèo lên xuống mù trắng cơn bão vừa đến. Lần này, không còn lo âu, không còn xao xuyến trong lòng, tôi chỉ còn phải chú tâm vào con đường trước mặt, nôn nao trở về nhà. Bé Thảo mấy đêm rồi nhõng nhẽo, đòi vào ngủ chung với bố. Thịnh không còn biết phải mua món ăn gì để đủ bổ dưỡng cho con. Không có em, anh bối rối lắm, anh nói. Tôi đoán đó là cách anh muốn cho tôi biết anh nhớ và cần tôi. Lòng tôi rung lên, rất nhẹ, như những cảm xúc thoang thoáng đôi lần hiếm hoi đến giữa anh và tôi.

Tôi về nhà lúc năm giờ. Thịnh và bé Thảo chưa về. Tôi thay vội bộ quần áo, nằm dài trên giường. Kiệt sức, nhưng tôi lại không buồn ngủ. Những căng thẳng của những ngày vừa qua còn như chất cà phê váng vất làm trái tim tôi khắc khoải, hay căn nhà vắng lặng làm tôi chợt nghĩ đến chính mình, sau những lớp cửa khác nhau của bổn phận và lớp sơn của cuộc sống gọi là bình thường? Sáu giờ, Thịnh mang bé Thảo về. Anh đứng cách xa tôi vài bước, nhìn bé Thảo chồm người ngã vào tay tôi. Không có nụ hôn trên má hay hơi thở trong tóc, chỉ có nụ cười yên ả, như khuôn mặt bình thản của Minh trước lúc vào phòng mổ. Trong tay tôi, bé Thảo chúi mặt vào má tôi, hét lên vui sướng. Trái tim tôi, co quắp trong u ám những ngày qua, duỗi mình như cái vươn vai sau giấc ngủ. Ghì bé Thảo vào lòng, tôi nghĩ đến những bình minh và đêm tối khác nhau của tôi, của Minh, đến những sự lựa chọn tôi không còn có thể hối tiếc. Ngoài kia, đêm vừa xuống. Tôi đưa mắt nhìn Thịnh qua bóng tối mập mờ, biết rằng anh ở đó, trong cánh cửa của đời sống tôi, không nồng nàn hay rực rỡ, nhưng ấm áp và dịu dàng như ánh đèn anh sẽ bật lên, đuổi bóng tối ra ngoài căn nhà tôi nhận làm tổ ấm.●

3/98

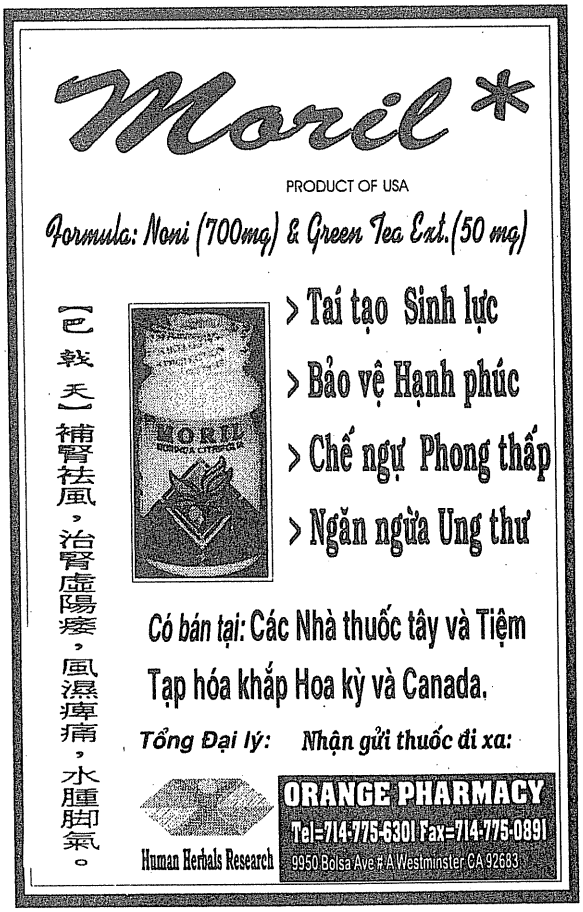

NHÂN TÍNH CHO SỰ CHẾT?

TIỂU HUYỀN

Nhân đọc bài "Trả lại nhân tính cho sự chết" của tác giả BS Nguyễn Tiến Cảnh trong báo THẾ KỶ 21 số 109, tháng 5/98, tôi xin góp chút ý kiến riêng như sau:

Chúng tôi rất thích cái nhìn phân tích của tác giả về vấn đề tác phong của người thầy thuốc đối với bệnh nhân đau nặng. Ông có những nhận xét rất tỉ mỉ và minh bạch về tính cách "y học hóa tử thần" cùng những khuyết điểm của nền y khoa ngày nay đối với cái chết. Câu chuyện của bà M. yêu cầu"hãy để cho tôi sống" quả thật khêu gợi lòng trắc ẩn nơi người đọc. Nhưng đọc câu chuyện vắn tắt bác sĩ Cảnh kể lại, tôi lại hiểu rằng vấn đề của bà M. cũng như của nhiều bậc phụ mẫu trọng tuổi khác, chính là vấn đề tại xứ Bắc Mỹ này, con cháu không có thì giờ trông nom họ khi họ đau ốm quá lâu. Câu chuyện bà M không phải là chuyện bệnh nhân cần ai chăm sóc lúc lâm chung mà là chuyện người bệnh mắc chứng nan y không chữa được phải đối diện với vấn đề rất phức tạp của câu hỏi "nên sống bao lâu, sống với tình trạng thế nào," để cho thích hợp với hoàn cảnh gia đình. Chắc rất ít người muốn thấy mình làm cho con cháu bị kiệt sức thêm vì hàng ngày chúng đã quá bận rộn với việc sở, việc trường, nhưng bản năng ham sống khiến họ rất đau lòng trước hoàn cảnh khó nghĩ này. Tôi được biết một số các cụ khi bắt đầu đau yếu, đã chọn giải pháp về Việt Nam, mướn y tá và người tới chăm sóc tại nhà, vừa đỡ tốn kém mà đời sống con cháu lại không bị xáo trộn nhiều.

Chúng tôi cũng rất đồng ý với BS Cảnh, là tác phong của vị y sĩ điều trị có ảnh hưởng lớn lao tới người bệnh. Nhưng hiện nay, vì vấn đề ngân sách chữa trị bệnh nhân bị các hãng bảo hiểm giới hạn tối đa (để kiếm lời), nên nhà thương cũng như bác sĩ nhiều lúc phải bó tay dù biết chắc người bệnh có thể vẫn tiếp tục sống một thời gian dài hoặc có khi họ khỏe mạnh trở lại nếu được dưỡng bệnh đúng mức. Âu cũng là vấn đề "duyên nghiệp" của mỗi người.

Nhưng tôi không đồng ý với tác giả ở điểm ông cho rằng *"sự hiện diện của thầy thuốc bên cạnh bệnh nhân lúc họ hấp hối hiển nhiên là những an ủi, vỗ về, là bảo đảm chắc chắn cho những giá trị tuyệt hảo thâm sâu cùng kín của người bệnh, và là người bạn chí thân đáng tin cậy nhất có khả năng đưa dẫn người bệnh về cõi chết một cách an bình..."* Có lẽ bác sĩ Cảnh đã quá lạc quan khi tin rằng các thầy thuốc đa số đều là những "Lương Y như từ mẫu." Ông

cũng đã trông đợi ở lòng bi mẫn của họ quá nhiều, lại quá tin tưởng vào khả năng toàn diện của các bác sĩ, biết chăm sóc bệnh nhân kể cả phần tâm linh khi họ sắp lìa đời! Trong thực tế, có lẽ người bệnh chỉ tin cậy vào bác sĩ nhiều nhất là khi được báo tin bệnh không nặng lắm! Nhưng khi bị bác sĩ báo tin xấu: bệnh không thể hết hoặc sẽ chết sau một thời gian vài tháng, vài năm (như đa số các trường hợp ung thư), thì bệnh nhân nào còn thấy vị đó là "người bạn chí thân, đáng tin cậy" được nữa? Trường hợp này, bệnh nhân có lẽ vừa ghét vừa sợ và không muốn tin gì vào người thấy thuốc thì đúng hơn. Một người bạn của chúng tôi khi bị bác sĩ cho biết anh chỉ sống được nửa tháng nữa vì bệnh cancer đã trầm trọng, anh liền dứt khoát bỏ ngay bệnh viện về nhà. Với nhiều nhân duyên tốt (hay là vì số mạng chưa tận?), anh đã sống khỏe mạnh, làm việc rất hăng hái, thêm... tám năm rồi mới chịu thua tử thần. Bác sĩ chữa trị anh biên vào hồ sơ: "khỏi nhờ thiền tập!" Suốt tám năm đó, anh cho biết đã "sợ bác sĩ và bệnh viện quá rồi!" nên không chịu đi khám thường xuyên nữa, và anh chỉ vào nhà thương khi bệnh tái phát tới lúc đau đớn không thể chịu nổi! Chúng tôi không tin anh chỉ thiền tập mà khỏi bệnh vì chuyện gì cũng có cả trăm ngàn lý do.

Bác sĩ Cảnh còn cho là sự hiện diện của vị thầy thuốc cũng giống như của một linh mục, là điều mà chúng tôi thấy không ổn. Trước hết, Y khoa hiện đại ngày càng chuyên biệt, mỗi bác sĩ chỉ được huấn luyện về chuyên khoa của mình, chỉ có một số ít có kiến thức về các khoa học tâm linh. Hơn thế nữa, muốn tìm hiểu người bệnh để có thể giúp họ về vấn đề này, các nhà hướng dẫn tinh thần cũng cần có thì giờ trò chuyện cùng người bệnh và gia đình khá nhiều, để tùy cơ ứng biến. Bác sĩ làm sao có giờ rảnh và khả năng để làm những công việc này nếu họ không chuyên biệt về tâm lý?

Tuy nhiên, ngay tại Hoa Kỳ ngày nay, có những vị y sĩ rất quan tâm tới cái Chết của bệnh nhân, giống như lòng trắc ẩn của bác sĩ Cảnh. Tỷ dụ như nữ bác sĩ Elisabeth Kubler Ross đã viết rất nhiều sách để giúp các bệnh nhân đỡ sợ hãi, đối diện với cái chết một cách an bình hơn. Tỷ phú George Soros (người Mỹ gốc Hung Gia Lợi) đã nhờ đọc sách của bà và áp dụng cho mẹ, thấy bà cụ qua đời một cách êm ả, sung sướng. Ông đã phát từ tâm, tặng 20 triệu Mỹ kim cho các dự án lo cho bệnh nhân khi lìa đời.

Trong cuốn *Graceful Exit* (Lối ra dễ chịu) do Sushila Blackman sưu tập, có trích lời của bác sĩ Jack Weissman, cho là ngày nay người ta chỉ sợ không biết sẽ chết như thế nào chứ không sợ cái chết nữa. "Khi nghĩ tới Chết, chúng ta thường quan tâm nhiều tới chuyện làm sao để tránh đau đớn, khổ tâm, mà không thật sự trực diện hay tìm hiểu ý nghĩa của sự Chết." Tác giả Blackman đưa ra những mẫu người biết cách chết một cách dễ chịu, nhẹ nhàng và nhiều khi rất đẹp của một số đạo sư Đông Phương.

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

CỔNG TRỜI CẮN TỶ

KIỀU DUY VĨNH

Tôi sở dĩ sống đến hôm nay là vì tôi không phải là người Thiên Chúa Giáo. Nếu tôi mà đeo Thánh giá ở ngực và biết câu Kinh thì tôi phải chết đã lâu rồi, từ những năm 60 của thế kỷ này, khi còn đi tù đầy ở Cổng Trời kia.

Ngày ấy tuy qua mà như còn đấy...

(Chí Thiện)

Chúng tôi được tập trung ở Hỏa Lò Hà Nội từ khắp mọi miền đất Bắc, từ vĩ tuyến 17 trở ra: Vĩnh Linh, Quảng Bình, Nghệ Tĩnh, Thanh Hóa, Mỏ Chén, Bất Bạt, Sơn La, Yên Bái, Lao Kay.

Tay xích còng số 8, hai người một.

Hàng đầu: Cha Vinh (địa phận Hà Nội) người bị kết án có 18 tháng tù thôi thế mà hóa ra án tử hình. Cha Quế, địa phận Xã Đoài, Nghệ An. Thứ đến là Nguyễn Hữu Đang, người cầm đầu Nhân Văn Giai Phẩm. Tu sĩ Đỗ Bá Lung, tu sĩ xứ Ngọc Đồng Hưng Yên (nay là Hải Hưng), khét tiếng chống Cộng Sản (1). Tiếp sau đó là một lũ tù dây, đầu trần trán khỉ, hôi hám rách rưới, chống bướng, cứng đầu cứng cổ không chịu sự cải tạo của Đảng và Chính phủ, bọn "dám bẻ que chống trời..."

Chúng tôi lên xe đi. Súng ống bao quanh. Đi đâu?

Không ai ai biết cả. Cả những người cầm súng, cũng không biết. Có lẽ chỉ có một người biết. Người đó xách cặp đen đựng danh sách tù nhân, mặt mũi tử tế, ăn mặc dân sự chỉnh tề, đi trên chiếc commăng ca dẫn đường.

Chỉ biết là chúng tôi đi lên hướng Bắc. Ngày đó đường xá đầy ổ gà ổ voi, xe đi chậm. Mãi trưa chúng tôi mới tới Vĩnh Yên. Nghỉ lại ăn cơm trưa.

Tôi ngồi gần Nguyễn Hữu Đang, thấy người xách cặp đen đi qua để "kiểm tù" nói năng lễ độ tử tế, nhẹ nhàng.

"Anh Đang, anh có khỏe không?"

"Vâng, tôi khỏe"

Hai người nhìn nhau thông cảm

"Anh có yêu cầu điều gì không?"

"Không. Cám ơn."

Người đó lặng lẽ đi tiếp.

Chúng tôi lại tiếp tục đi lên phía Bắc. Đến Đoan Hùng. Lúc đó chưa có cầu. Chúng tôi phải xuống xe chờ phà. Để tránh sự chú ý: họ lùa chúng tôi vào sâu trong ngõ cạnh đường, ở đó có một trường học. Có lẽ cấp hai. Các em học sinh và các thầy cô giáo tò mò ra xem lũ tù đầy. Họ chỉ trỏ xì xào, hỏi han.

Nguyễn Hữu Đang hỏi:

"Các cháu có biết nhân vật lịch sử Cao Bá Quát không?"

Qua phà chúng tôi đến Tuyên Quang ngủ lại trại giam Tuyên Quang. Lệnh: Không được cởi xích tay. Qua một đêm không thể nào mà ngủ được. Thằng muốn đi ỉa đi đái, phải đánh thức thằng tù đang ngủ dậy.

5 giờ dậy đi tiếp.

Kiểm số tù lần cuối vẫn là ông xách cái cặp đen tử tế. Ông ta tỏ vẻ rất biệt đãi đối với anh Đang, làm tôi nghĩ đến chuyện "Chữ người tử tù" của Nguyễn Tuân trong *Vang Bóng Một Thời."*

Đến Hà Giang, sau khi ăn cơm trưa, chúng tôi đi tiếp vào một con đường mới mở, hẹp và cheo leo. Mọi người nhìn nhau:

"Đi mô?"

Mấy ông Nghệ Tĩnh hỏi nhau.

"Có lẽ sang Tầu."

Anh Đang bảo: "Lên Cổng Trời Cắn Tỷ."

Xe đi chậm vì đường quá xấu. Thế rồi cũng qua được hết, qua đèo Quyết Tiến như là đi máy bay, qua rừng, qua suối, qua mây, và rồi màn đêm buông xuống, chúng tôi đi trong đêm. Tôi vốn là một sĩ quan rất giỏi về Topo,

cố định hướng xem mình đi về đâu, hướng nào và đã đi bao xa, nhưng lúc đó cũng chịu. Độ 2 giờ sáng đến một địa điểm đèn đuốc sáng choang.

Lệnh xuống xe.

Chúng tôi bị lùa vào một khu rừng, và vào một cái nhà có tường dầy 0.80 mét bằng đất nện, cửa lim, trong nền nhà mọc đầy cây nghệ, lá xách om mượt mà. Cửa khóa lại. Không có đèn đóm gì. Tay hai người vẫn bị xích lại với nhau. Mỗi nhà nhận độ 20 người. Sờ soạng sắp xếp và ngủ tiếp.

Sáng hôm sau, cửa mở, đem toàn bộ đồ dùng ra sân. Khám xét. Lục lọi. Tất cả cái gì bằng kim loại, thánh giá, tràng hạt, kể cả cái thìa nhôm cũng bị tịch thu lấy đi.

Xong, đọc tên phân loại.

Khu O. Khu H. Khu A. Khu B. Khu C. Khi đi và lúc đọc tên tôi nhẩm: có 72 người. Phần lớn là già, đứng tuổi và 99 phần trăm là Thiên Chúa Giáo.

Cha Vinh, cha Quế được gọi đi trước, đi về khu O. Nguyễn Hữu Đang vào khu C. Tôi và tu sĩ Đỗ Bá Lung vào khu A. Khu A có hai nhà. Nhà tôi ở có: - Đinh Hiền Lương, tu sĩ dòng tu ép xác Châu Sơn, Ninh Bình, Đức cha Lê Hữu Từ trước khi làm Giám mục Phát Diệm đã tu ở đó. - Nguyễn Trung Chính, tức Nhẩm, tu sĩ xứ Trung Đồng, Thái Bình. Nguyễn Văn Khánh Sơn, giáo dân đeo kính cận người Nghệ Tĩnh. - Cố Hoàng: giáo dân Đức Thọ, Hà Tĩnh, có hai người sinh đôi là Song, Toàn để phân biệt với - Tu sĩ Hoàng cũng Nghệ An. - Lưu Nam phụ trách thanh niên Công Giáo địa phận Xã Đoài. - Tu sĩ Bình, địa phận Thái Bình. - Tu sĩ Đỗ Bá Lung xứ Ngọc Đồng, Hưng Yên. - Trần Văn Liệu, giáo dân làm nghề đồ tể ở Cầu Giát, Quỳnh Lưu. V.v...

Nhà rất rộng, có 2 sạp nằm đối đầu nhau. Chúng tôi là tù chính trị nên đều hết sức tử tế nhường nhịn nhau, ai nằm đâu thì nằm không hề tranh dành cãi cọ.

Xếp đồ đạc xong, đã đến giờ làm việc thiêng liêng, ai nấy đều cầu kinh và làm dấu thánh.

Riêng tôi, có mỗi một mình tôi, không biết cầu, không thuộc kinh bổn gì ráo trọi nên tôi bèn nghĩ tới cái trò Yoga mà tôi đã đọc ở đâu đó. Những năm của thập kỷ 60 người ta ít biết và ít nói về cái trò đó. Tôi ngồi thở và sau đó Trần Văn Liệu hỏi tôi "Được mấy cân hơi rồi."

Ngày đầu tiên ở Cổng Trời Cấn Tỷ chấm hết ở đó.

Sang ngày thứ hai, mọi người dậy sớm. Cứ ngồi mà nhìn nhau. Không có nước để đánh răng rửa mặt. Tám giờ, chín giờ rồi mười giờ. Vẫn im ắng như không. Các đấng bậc tu sĩ lại cầu kinh. Tôi lại luyện yoga.

Hai cái thùng đựng phân và nước tiểu bằng gỗ đều đầy cả. Nước đái tràn cả ra ngoài.

Mãi đến 11 giờ, có tiếng gọi: "Lấy cơm."

Có hai tên tù hình sự ở trại ngoài khênh cơm đến để ở cửa rồi chạy biến. Cấm được nhìn, được hỏi, được tiếp xúc trao đổi cái gì. Bọn kiên giam, biệt giam là cực kỳ nguy hiểm, chúng giết người không gớm tay, bọn ăn gan uống máu đồng bào.

Nhưng thật sự, nhìn kỹ thì: - Đinh Hiền Lương dòng tu ép xác Châu Sơn xanh lướt như một cái bóng. Các tu sĩ đều vậy cả. - Cố Hoàng thì chỉ có hát là cao giọng thôi, chứ đi đứng thì lẩy bẩy. - Khánh Sơn thì mù dở. Nếu ăn gan uống máu đồng bào được thì may ra có tôi và Trần Văn Liệu. Nhưng sau những năm tháng tù đầy ở dưới đồng bằng, bị đói, bị khát bị quần cho đến tơi người bản thân tôi, nắm tay không chặt thì còn làm gì được nữa. Đã rất nhiều lần tôi thử sức, nắm thật chặt để nắm tay mình trở thành quả đấm, nhưng không bao giờ thành, bàn tay tôi không bao giờ có thể nắm chặt lại để thành nắm đấm cả. Thực trạng là như vậy đấy. Nhưng chắc là có lệnh nghiêm mật, giám thị, quản giáo và lính coi tù họ đối xử với chúng tôi cực kỳ tàn bạo và hà khắc.

Điều cuối cùng họ phải thi hành nghiêm chỉnh là làm cách nào giết hết được chúng tôi. Và họ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đó: 72 người còn lại độ chừng 11 người. Tôi dám nói con số đó chính xác đến 99%.

Năm đó là năm 1961. Chúng giết anh em ta ở khu O, khu H, và khu A. Những lò thiêu xác (khổng lồ hay nhỏ nhoi?) không có khói và không cần chất đốt.

Chúng giết anh em ta
Bằng chiều cao của núi
Bằng chiều sâu của đất
Bằng thông cáo của nha khí tượng.

Cứ âm O độ là gọi đi xà lim. Xà lim là một cái quan tài bằng đất đầy một mét, cùm răng cá sấu cắn chân không bao giờ được mở, và bỏ đói cho đến chết. Tiếng gọi của thần chết đột ngột, bất thần, không lý do và khỏi cần giải thích. Lưu Nam, chuẩn bị đi. Khánh Sơn

chuẩn bị đi. Đinh Hiền Lương, chuẩn bị đi. Cứ thế lần lượt ra đi và không ai trở lại.

Những năm tháng ấy, tôi ngửi thấy cái chết gần gũi quá. Lần đầu tiên trong đời, qua những năm chinh chiến, qua những cuộc hành quân chiến dịch, tôi đi trong cảnh máu chảy đầu rơi, chân tay vung vãi, khói lửa mù trời, tiếng đại bác bắn dồn dập, mặt đất rung chuyển, máy bay rít sát trên đầu, tiếng xích sắt của xe tăng nghiến sàn sạt sát sườn, cả khi người vệ sĩ của tôi chạy cạnh tôi trong chiến đấu, bị nguyên một băng tiểu liên quét trúng, ngã trong cánh tay tôi, người đầy máu thều thào: "Em chết, trung úy ạ..." cả những lúc ấy tôi vẫn chưa cảm thấy mùi Thần Chết.

Nhưng ở đây, Cổng Trời Cắn Tỷ, những năm 60, tôi ngửi thấy và cảm thấy nó rất gần. Lặng lẽ, lặng lẽ nó tiến đến. Không thể nào cản nổi. Một cặp lỗ hổng vô cảm của đôi mắt, một tiếng gọi tên, vài cái lưỡi lê chĩa vào... Thế là ra đi, thế là chết.

Một người ra khỏi cửa, những người còn lại nhìn nhau chờ đợi. Không ai nói với ai điều gì. Chúng tôi ăn cơm hai bữa một ngày, chín giờ sáng và ba giờ chiều. Ăn xong ngồi nhìn nhau. Chờ.

Các đấng bậc tu sĩ rất ít nói, nhất là Đinh Hiền Lương, dòng tu ép xác Châu Sơn. Trông Đinh Hiền Lương tôi nhớ đến Đức Giám Mục Lê Hữu Từ địa phận Phát Diệm: khô, gầy, mặt đầy nếp nhăn khắc khổ. Tuy còn trẻ hơn nhưng tu sĩ Lương cũng gần giống vậy, chỉ có nước da trắng xanh hơn vì ở xà lim suốt. Tuy ông mặc áo tù, nhưng trước mắt tôi vẫn cứ hiện lên hình ảnh của Giám mục Lê Hữu Từ, người ngồi đó lặng lẽ ôn tồn nhẹ nhàng để đi đến cái chết.

Ở với ông lâu, nhưng tôi chưa được nghe một câu chuyện nào do ông kể, vì ông chỉ nói mỗi ngày có vài tiếng thật cần thiết để tồn tại. Còn thì im lặng suốt. Cái im ắng của ông, tỏa ra chung quanh, đè xuống mọi người.

Trong cái nhà mồ đó, có tôi và Trần Văn Liệu (Cầu Giát Nghệ An) vốn ăn to nói lớn thế mà lúc ông làm việc thiêng liêng, tôi, nhất là Liệu đến phải khép nép, và im lặng. Đúng là một cái nhà mồ. Những người ở trong cái nhà mồ ấy chết gần hết, chỉ còn lại tôi, và hình như Liệu nữa.

Nhà tù của chúng tôi không có tên, hoặc là có thì đây: 65HE Bộ Công An, hay Công trường 75A Hà Nội. Những người Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình đi thăm, hỏi Công an địa phương, họ cho cái địa chỉ đó. Có người ngây thơ nghĩ rằng, người thân của mình được ra làm Công trường ở Hà Nội. Họ ùa đi tìm và không bao giờ thấy cả.

Vậy nó ở đâu?

Ở thị xã Hà Giang đi lên, qua đèo Quyết Tiến đến Cổng Trời là gần biên giới Việt Trung chỗ có thể chưa được phân định rõ ràng, có thể là đất Tầu có thể là đất ta, một thung lũng không có tên, không có dân, chỉ có tù và người coi tù. Mặt đất đầy nghẹ. Rừng nghẹ. Tù lấy lá nghẹ mọc trong gầm giường ăn thay rau chống đói. Không biết mình ở đâu? Không định được tọa độ trên bản đồ. Hàng rào cao kín mít, con chim không bay qua, con chuột to chui không lọt.

Sang đến năm 1963, thì tù phá đá ở ngay trong sân trại xây tường bao quanh. Tường cao như tường Hỏa Lò Hà Nội. Có dây kẽm gai, có điện truyền vào dây kẽm gai. Nghĩa là cực kỳ kiên cố. Không ai có thể trốn thoát được. Không một ai cả. Chế độ kiểm soát tù nhân cực kỳ nghiêm mật. Không một mảnh giấy lọt vào. Không một cái gì có thể gạch hoặc viết được ra chữ tồn tại trong tù. Không báo chí, thư từ. Tù nhân cấm không được viết thư và nhận thư. Nói khó ai tin: Cuộc chiến tranh với Mỹ xảy ra năm 1964 ở miền Bắc không một ai trong nhà tù biết cả. Chỉ thấy có một hiện

tượng là những bức tường rào bao quanh được ngụy trang và các mái nhà được che phủ. Thế thôi. Không ai đoán ra được cái gì. Mãi cho đến năm 1967, tôi được đưa về trại Phú Sơn Thái Nguyên. Trên đường đi từ Hà Giang về tôi gặp quân Tầu nhập Việt trùng trùng điệp điệp kéo đi. Lúc ấy tôi mới biết là có chiến tranh.

Cực giỏi. Những người CS cực giỏi trong quản lý nhà tù, cũng như trong cái trò bưng tai, bịt mắt quần chúng nhân dân.

Một bức màn sắt đúng nghĩa.

*

Đây là nhà tù, chứ không phải là nhà thờ. Vậy cấm cầu kinh, cấm lần tràng hạt, cấm làm dấu thánh. Cấm được ngồi trong đêm; vì không ai nằm mà cầu kinh cả.

Vậy nên cửa sổ nhà tù lúc nào cũng phải mở, mây bay vào qua cửa sổ mang cái lạnh chết người vào theo.

Cái màn cho tù, là một cái quan tài bằng vải. Quy định màn chỉ được cao 40cm để nếu tù có ngồi ban đêm cầu kinh thì nhô cái đầu lên, lính canh đi tuần có thể kiểm soát được, quản giáo đi tuần có thể nhìn thấy. Vậy cái màn dài 1m8 và cao 40cm, thì đúng là một cái quan tài bằng vải sô liệm người sống rồi còn gì.

Cứ từng bước một, Ban giám thị trại thi hành chính sách diệt tôn giáo, cụ thể là diệt Thiên Chúa giáo. Vì ở Cổng Trời tôi chưa hề gặp một nhà sư hoặc một Phật tử nào. Chỉ gặp các linh mục và các tu sĩ Thiên Chúa Giáo mà thôi. Có lẽ ở miền Bắc Việt Nam thời ấy không còn đạo Phật đúng nghĩa của nó. Trong cái nhà mồ đó, có một tôi là người là không theo đạo Thiên Chúa, nhưng tôi không phải là Phật tử. Tôi không thờ Phật, không tin vào Niết Bàn và Thích Ca Mâu Ni tuy tôi rất thích câu kệ:

Nhạn liệng từng không
Bóng in mặt nước
Nhạn không có lòng ghi dấu
Nước không có ý lưu hình

Với tôi, tất cả sư mô ở Bắc Kỳ đều là sư hổ mang, học trường Đại Học Tôn Giáo, tu theo nghĩa vụ, như nghĩa vụ quân sự, hết ba năm ra khỏi chùa về nhà lấy vợ đẻ con. Thế cả.

Và tôi cũng nghĩ sai về các tu sĩ Thiên Chúa Giáo như thế. Nhưng tôi đã thật sự gặp các vị thánh tử vì đạo. Các vị thánh tử vì đạo bằng xương bằng thịt sống cạnh tôi nhiều năm, mà tôi vẫn coi thường, nhưng cái chết của họ đã làm tôi phải nghĩ khác đi. Tôi vốn xa lạ với các tên Phêrô, Phaolô và Mađơlen. Nhưng cái tên Đỗ Bá Lung thì cho đến hết đời tôi không thể nào quên được. Tu sĩ Đỗ Bá Lung người lù khù nhưng tử tế, hiền lành, củ mỉ như một nông dân chân chính của đồng bằng Bắc Bộ. Chả là ông tu ở xứ đạo Ngọc Đồng, Hưng Yên mà. Ông chưa được phong linh mục cũng như ông Diệu ở Thụy Phương Hà Nội, ông Chính (Nhẩm) ở Trung Đông Thái Bình. Ông chả kể về ông mấy khi.

Trong cái nhà mồ đó chỉ có thầy Chính là có kể cho tôi nghe đôi điều về quê hương Thái Thụy của người, và về xứ đạo ven biển Trung Đông mà thôi. Thêm nữa có nhà trí thức xứ Nghệ Khánh Sơn với đôi kính cận dầy cộm, ra cái điều học nhiều biết rộng, thiên kinh vạn quyển, cổ kim, Âu Á, hay nói với tôi về Phúc Âm, về Thánh Thomas d'Aquin. Tôi nghe ù ù cạc cạc như vịt nghe sấm. Tôi vốn không có đức tin và vốn coi thường cái học vấn hẹp hòi của các vị đó thường giới hạn đến hết sân Nhà Thờ, nên tôi chỉ nghe chơi cho qua ngày đoạn tháng, cho qua cái thời gian dài dằng dặc khốn nạn ở trong cái nhà mồ mà thôi.

Tôi ít lưu tâm đến vấn đề tôn giáo. Cũng như tu sĩ Đinh Hiền Lương, tu sĩ Lung cứ lững thững đi lại, chậm rãi, lặng lẽ tới lui, ông có nhiều lời hơn bậc tu ép xác dòng Châu Sơn một chút, nghĩa là đôi lúc ông có nói với tôi về Phố Nối và con đường 39 về xứ Ngọc Đồng nơi ông tu.

Vùng của ông, tôi có hành quân qua nên cũng có đôi chút kỷ niệm, vả lại trời cũng phú cho tôi một trí nhớ tốt, cho đến tận bây giờ, sau gần 50 năm trôi qua, mà tôi vẫn nhớ rõ tên; tên chữ cũng như tên nôm của các làng vùng đó như: Duyên Trang Duyên tục là Tuộc, Lác; Hải An là Hối; Phù Lưu là Đọ (ngã ba Đọ); Đống Năm là Đông Các; Thượng Tầm là Tìm; Cổ Hội là Gọ (cầu Gọ); Cầu Sắt là Nha Xuyên... Cho nên tôi và ông thỉnh thoảng có ôn lại các địa danh Lực Điền, Trương Xá, Kim Động, dốc Lã, rồi đến nhãn Hưng Yên, thang cuốn Phố Hiến, dưa hấu Đình Cao, Phù Cừ và cả về việc chỉ huy sở của khu chiến chiếm Chủng viện Hưng Yên.

Về ông tôi biết hời hợt thế thôi. Nhưng có một điều ông như thế mà bị đầy lên đây vào khu 2A này thì chắc ở trong còn tiềm ẩn một điều gì sâu sắc lắm, cao đạo lắm, quyết liệt lắm mà tôi chưa hiểu nổi đấy thôi.

Như trên tôi đã nói: những người ở trong nhà mồ cứ lần lượt bị gọi đi. Luôn luôn lặng lẽ và đột ngột. Nhưng thời gian xảy ra câu chuyện này hơi có sự thay đổi:

Người giám thị cũ của trại giam tên là Nhân chuyển về làm Cục phó Cục quản lý trại giam vì thành tích xuất sắc của mình, thay vào đó là giám thị Nguyễn Quang Sáng, trẻ hơn, người Nam Hà. Nói qua một chút về giám thị Nhân. Trước khi lên đây, giám thị Nhân coi trại Yên Bái, trại này cũng vào hạn khá đặc biệt, khi chưa có Cổng Trời. Năm 1954, trại này nhốt tướng De Castries người chỉ huy Điện Biên Phủ. Sau đó là những địa chủ cường hào đại gian đại ác có nợ máu, những tên phản động nguy hiểm từ trong Nam ra, từ khu Tư lên, tập trung ở đó, rồi sau đó chọn lọc đem lên Cổng Trời.

Giám thị Nhân người Nghệ An, trông gầy (tôi có được gọi lên gặp hai lần) và khô, mặt tai tái lạnh lùng, đúng típ người coi trại giam, rét cắt ruột vẫn đi đôi dép lốp cao su, mà ngón chân út của bàn chân cáu ghét nứt nẻ bao giờ cũng thò ra ngoài quai kẹp lấy nó để đi cho chắc. Rất đúng tác phong quần chúng xuất thân từ nông dân lao động:

Những bàn chân từ than bụi lầy bùn.

Đã bước dưới mặt trời cách mạng...

Những bàn chân đã vùng dậy đập đầu

Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp

(Tố Hữu)

Đúng thế, những bàn chân ấy đã dẫm lên xác không biết bao nhiêu người ở các trại giam khác và bây giờ đây lại tiếp tục làm nhiệm vụ của nó: dẫm lên xác những kẻ ở nhà mồ Cổng Trời này.

Có điều giám thị Nhân dẫm lên xác một cách nhẹ nhàng và im ắng. Còn giám thị mới Nguyễn Quang Sáng thì dẫm lên xác ầm ĩ hơn, trang trọng hơn, bài bản hơn. Âu cũng là cách làm khác nhau của họ. Đổi mới mà.

HỒ THANH NGẠN

GỌI BÒ VỀ

Vang tiếng gọi rừng ôm tiếng gọi
Lửng thửng đàn bò lồng lộng chiều hôm
Áo vá vai, túi đeo, chiếc giày há miệng
Ồ ê bò về...
Bò về...
Vang vòng vọng.

Ngọn gió rừng
Kìa, tàng cây cao lay động
Bước chân khua
Lá khô vỡ bâng khuâng,
Bẵng quên mình giữa cây rừng, cải tạo.

Kia dòng suối
Sao không còn nghe tiếng róc rách
Có cá không?
Phải chi đây bình yên nước chảy
Tảng đá mòn và bờ rêu lau lách.

Lòng thần tiên
Vẩn vơ lòng
Gai rừng sờn áo rách,
Cảm thương ai, ai biết.
Này gốc cây,
Này lối mòn,
Từng dấu chân sạch
Người bước đi chẳng lưu vết gì đâu.

Ồ ê bò về...
Văng vẳng mãi chốn rừng sâu
Nhớ bức ngưu đồ có kẻ tìm trâu.
Rừng cải tạo
Ta và bò cùng bước.

Hôm ấy, rét làm đông nước. Ở mái nhà nước đóng thành băng. Sáng ra, nhìn qua cửa sổ ra sân trại, khói bốc nghi ngút trên mặt đất. Như mọi ngày, chúng tôi tiến hành mọi việc như thường lệ. Với chúng tôi: Stalin chết, Malenkốp chết, John Kennedy bị bắn, Ngô Đình Diệm chết, Kroutchov bị hạ bệ, chả có gì quan trọng cả.

Giám thị Nhân đã từng tuyên bố vào mặt chúng tôi:

"Cái sống chết của các anh ở trong tay chúng tôi. Đừng có mơ tưởng hão huyền gì.

Cho dù có động trời, động đất xảy ra, thì trước khi chuyện đó đến với các anh, nó phải tới cái trại đặc biệt này. Nghe cho rõ mà nhớ lấy. Trước khi mọi điều viễn vông, viễn tưởng mà các anh mong đợi xảy ra, thì các anh đã không còn ở cõi đời này nữa, các anh đã là những cái xác chết rồi."

Chúng tôi nghe và cũng hiểu đúng như vậy. Cho nên, động đất, chiến tranh ai chết. Mặc. Chúng tôi cứ lặng lẽ, lặng lẽ tồn tại. Chỉ tồn tại thôi chứ không phải là sống. Làm một sinh vật trên trái đất này ai chả tham sống sợ chết. Tôi phải nói lại ngay, ấy là nói với riêng tôi thôi, chứ còn các vị thánh tử vì đạo thì điều ấy hình như không đúng đâu.

Cố Hoàng đôi lúc cao giọng:

Ở nơi lưu đầy
Dù gươm chém hay đầu rơi
Lòng vàng đá không hề phai
Dù gươm chém hay đầu rơi...

(Cha Vinh) Các đấng bậc ấy chả sợ, chả phàn nàn điều gì. Chả bù với tôi, luôn miệng kêu: "Chao ôi đói quá! Chao ôi rét quá! Chao ôi khổ quá! Chao ôi..." Được cái tôi chỉ kêu lên thế thôi, cho nó thoát ra ngoài một chút thế rồi thôi, chả mong gì uất khí làm cho đầu trắng xóa như thái tử Đan ở nước Tầu xưa kia, vì tôi cũng đã biết:

Gémir, crier, pleuer
est également lache

Và tôi nghiến răng lại để không bao giờ làm kẻ hèn nhát. Dù không được mười phần như các đấng bậc quanh tôi, tôi cũng cố đạt mức trung bình.

Buổi sáng hôm ấy, chín giờ, mọi người chúng tôi ăn cơm xong, ngồi chơi, nhìn nhau, thì cửa mở. Một tiểu đội lính lưỡi lê tuốt trần súng ống chỉnh tề. Đủ mặt bá quan của Khu A2. Quản giáo Trực, giáo dục, Phó giám thị phụ trách khu. Tất cả đều đội mũ bình thiên, lễ phục chỉnh chu. Cuối cùng, giám thị mới xuất hiện. Còn trẻ, nhanh nhẹn mặt mũi sáng sủa, ăn nói lưu loát, sang sảng, dứt khoát, có âm sắc Nam Hà (có điều cho mãi đến tận bây giờ tôi vẫn chưa hiểu nổi, là tại sao trong chuỗi ngôn từ chính quy, nhân danh pháp luật mà giám thị mới lại xen vào đó một số từ mà người ta chỉ dùng để nói láo với nhau mà thôi).

Bài nói như sau:

"Hôm nay, tôi Nguyễn Quang Sáng. Chánh giám thị mới của trại, thông báo để các anh rõ.

Trại Cổng Trời, Công Trường 25A Hà Nội này là một trại đặc biệt. Trại đã sàng lọc cẩn thận lũ các anh, bọn đầu trâu trán khỉ, bọn phản động chống phá cách mạng một cách điên cuồng, ở các trại dưới các anh không chịu cải tạo, lại còn ra sức truyền đạo và kích động người khác. Chúng tôi đây, chúng tôi cũng được chọn lọc, những phần tử ưu tú nhất, dầy dạn nhất, kinh nghiệm nhất để lên đây trừng trị, trấn áp lũ các anh. Tôi thay mặt cho Ban giám thị báo cho các anh biết:

Ban giám thị trại Cổng Trời trực tiếp được Bộ Chính Trị và Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội trao cho quyền hành đặc biệt: Trừng trị thẳng tay những kẻ nào còn dám chống lại Đảng và Nhà nước. Cụ thể, tôi nhấn mạnh, là tôi sẽ cho đi ngủ với dun (nguyên văn) những kẻ nào không chịu cải tạo và cố tình chống đối lại.

Hôm nay tôi xuống đây để hỏi: Anh Đỗ Bá Lung."

Im lặng.

"Tôi hỏi: anh Đỗ Bá Lung có nghe thấy không?"

Có tiếng đáp nhỏ nhẹ: "Có tôi."

"Đứng dậy. Tôi bảo anh đứng dậy."

Vì buồng giam chật, không có chỗ cho chúng tôi đứng, nên chúng tôi đều ngồi xổm hoặc xếp chân vòng tròn trên giường chỗ gần cửa ra vào. Chỉ có giám thị, quản giáo là có chỗ đứng ngay cửa mà thôi. Tu sĩ Đỗ Bá Lung từ từ đứng dậy.

Trời rét âm bốn độ, nên trong lúc ngồi nghe chúng tôi ai nấy đều quàng chăn cho khỏi rét.

"Bỏ chăn ra."

Tu sĩ Lung tuột chăn khỏi vai cho rơi xuống chân mình.

"Anh Đỗ Bá Lung, hôm nay, sau khi đọc hồ sơ của anh, cùng các nhận xét của các ban giám thị các trại dưới, và được các ông quản giáo báo cáo lại, thấy rằng: Anh là một tên phản cách mạng cực kỳ nguy hiểm, đã đội lốt thầy tu mê hoặc các giáo dân ở các xứ đạo, kích động họ để họ chống lại Đảng và Chính phủ.

"Đến khi bị bắt vào tù, ở các trại dưới cũng như ở đây, anh vô cùng ngoan cố khăng khăng không chịu cải tạo, từ chối mọi sự giáo dục của Ban giám thị và các ông quản giáo. Tôi nói lại một lần nữa cho anh Đỗ Bá Lung và các anh nghe cho rõ. Kẻ nào còn dám chống lại tôi sẽ cho đi ngủ với dun.

"Anh Lung, trước đây lúc nào anh cũng vỗ ngực tuyên bố trước giáo dân và các ban giám

thị ở các trại dưới là anh thề không đội trời chung với Cộng sản. [Chính xác thì Tu sĩ Lung nói: Tôi không bao giờ có thể sống chung với Cộng Sản vô thần được].Bây giờ trước mặt tôi anh có còn dám trắng trợn thách thức như thế nữa không?"

Im lặng trên toàn bộ nhà mồ. Tôi ngồi im một xó, khép kín cái chăn, sụp cái mũ bịt tai lại, tránh mọi cặp mắt.

Giám thị Sáng cao giọng hất hàm:

"Tôi hỏi anh Lung, anh trả lời cho tôi biết. Thế nào?"

Những phút giây này Thần Chết đã có mặt. Người ta thường viết như thế này về những người Cộng sản trước khi chết: *Vào những phút giây này người Cộng Sản kiên cường bao giờ cũng đứng dậy hô to: "Đảng Cộng Sản muôn năm. Hồ chủ tịch muôn năm." Phút giây thiêng anh đứng dậy ba lần và hô ba lần hô dõng dạc như thế.*

Tôi chờ. Tôi chờ. Và thấy tu sĩ Đỗ Bá Lung ngẩng đầu:

"Tôi có nói như thế và bây giờ tôi vẫn nói như thế."

Tiếng quát bật ra giận dữ:

"Lôi nó đi."

Không để ai phải lôi kéo cả.

Tu sĩ Lung từ từ bước ra khỏi giường. Đi ra cửa.

Hàng lưỡi lê dãn ra. Quản giáo, giám thị dãn ra để cho tu sĩ đi. Đến gần cửa tu sĩ quay lại, móc túi lấy gói thuốc lào, mấy đồng bạc "âm phủ" trao lại cho người ngồi gần. Vì tôi nằm cạnh tu sĩ, nên tu sĩ quay lại phía tôi: "Anh Vĩnh, tôi còn mấy viên thuốc cảm, và cái gối để ở đầu giường, lấy mà dùng."

Và hướng vào tất cả mọi người trong nhà mồ, tu sĩ nói nhỏ nhẹ:

"Thôi chào các bác, các anh ở lại. Tôi đi."

Và tu sĩ đi. Cửa sập lại.

Chúng tôi im lặng ngồi nhìn nhau không ai nói với ai một lời. Thần Chết đến và đã đi. Lần này ầm ĩ hơn, có nghi lễ hơn, có bài bản hơn những lần trước.

*

Gần ba tháng sau, Nguyễn Hữu Đang, "tên cầm đầu bọn Nhân Văn Giai Phẩm" đến gần cửa sổ khu tôi ở. Anh là người độc nhất ở đây được đưa cơm vào xà lim, được đi lại tự do trong bốn bức tường, anh là người được ăn no, đủ muối mắm, thậm chí được mua cả thịt trâu và được hái hoa rừng cài vào cửa sổ. Có lần anh cầm một bó hoa nghệ và bảo tôi: Này Vĩnh, cậu ngửi mà xem có đúng mùi nước hoa *Bain de Champagne* không.

Tôi vốn không ưa cái mùi ung ủng của thứ nước hoa thượng hảo hạng đó. Nhưng anh Nguyễn Hữu Đang thì anh rất thích cái mùi nước hoa Bain de Champagne đó. Lại có lần qua cửa sổ vào buổi sáng sớm, anh đúi cho tôi một cái bánh sắn to có nhân thịt trâu.

Chao ôi là chao ôi.

Thỉnh thoảng lúc vắng quản giáo và lính canh anh đứng cạnh cửa sổ nói với tôi dăm ba câu chuyện tào lao. Anh được thả lỏng, được ưu đãi có lẽ do cái người cắp cái cặp đen hôm đưa đoàn tù lên. Anh bảo với tôi rằng ông ta tên là Vệ, hình như làm Cục Phó Cục Quản Lý trại giam. Hồi xưa trước năm 1945, khi anh làm Tổng thư ký Hội Truyền bá Quốc ngữ với cụ Nguyễn Văn Tố, anh có làm ơn cho ông ta một điều gì đó. Đến giờ ông ta tử tế đáp lễ lại. Chắc là thế.

Anh luôn bảo, anh không có tội gì cả. Nếu có — theo anh — thì đó chỉ là một sự hiểu lầm về thời gian và không gian trong triết học mà thôi. Anh nói ấm ớ lửng lờ và khó hiểu như vậy.

Ba tháng sau, lúc đưa cơm xà lim xong anh đáo qua cửa sổ tôi và bảo:

"Này, cái lão Lung ấy mà. Vẫn chưa chết. Sống dai thế. Không có chăn, không có quần áo ấm để chống rét cơ thể mọc đầy lông cậu ạ. Chỉ còn đôi mắt là vẫn sáng vẫn sống thôi."

Nhưng mà sống mãi làm sao cho được nỗi với chế độ hà khắc giết người đó. Tu sĩ Lung phải chết. Người ta đóng các cửa sổ lại để không ai nhìn thấy chiếc chiếu gói xác khênh đi qua. Mỗi lần chôn, có hai tù hình sự ở trại ngoài vào, đem theo một chiếc chiếu, đòn khiêng và dây thừng. Thường hay chôn vào buổi chiều tà. Chôn xong họ được bồi dưỡng một cân đường, hai cân gạo nếp. Cha Quế và Cha Vinh chết, thì đâu như phần chôn còn được thêm một cân lòng trâu.

Thế là với chúng tôi, tu sĩ Đỗ Bá Lung xứ Ngọc Đông Hưng Yên không bao giờ về nữa. Người đã chết, và coi như mọi chuyện đã hết. Nhưng câu chuyện lại chưa chấm dứt ở đây ở lúc đem tu sĩ Lung đi chôn. Câu chuyện còn có thêm một khổ dôi nữa, một cái đuôi nữa để mà kể lại, để mà biết thêm.

(Muốn biết chuyện thế nào, xin xem hồi sau sẽ rõ).

Nay xin kính cẩn.●

MỒ HÔI PHA CÁT

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

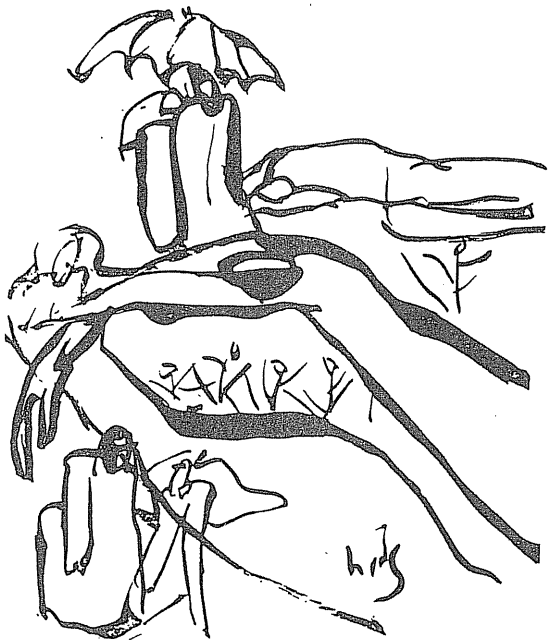

Sáng tháng Bảy. Mới sáu giờ mười lăm phút mà nắng nóng ran, xóa tan hơi lạnh ven sa mạc hồi hôm còn đọng lại. Gió từ ngoài khơi Địa Trung Hải thổi vào lồng lộng. Ấy vậy vẫn không giảm nổi sức nóng của mặt trời mỗi lúc một tăng. Trên bến cảng Brega, công nhân đã tề tựu đông đủ, chờ thủy thủ trên chiếc Elsa xoay cần trục, tháo mốc những countainers, thì họ sẽ bắt tay vào việc cất hàng.

Hồi tàu mới ghé, có một nhân viên Đại Hàn, lên phòng việc của thuyền trưởng lo thủ tục nhận hàng. Xong, ông xuống từng dưới, thấy tôi ngồi uống cà phê trong phòng ăn, ông chào làm quen. Còn sớm chưa đến giờ tôi làm việc, nên tôi có thời gian rảnh rót cà phê ra mời. Trong lúc trò chuyện. Ông kể tôi nghe, công ty Dong Ah <165ông Á của Nam Hàn, qua Libya thực hiện một chương trình vĩ đại, khoang lấy nước ngọt từ phía Nam chuyển qua sa mạc, vô các thành phố miền Bắc Libya cho dân chúng xài. Ngoài ra họ còn đặt ống lòn đưới lòng đất theo hình xương cá, chuyền vô những vùng khô, nước được bôm vào tưới cho ướt đất để nhà nông dễ bề trồng trọt. Dự án lớn, kéo dài hơn chục năm, vì vậy Đông Á cần rất nhiều công nhân. Họ nhận người từ những quốc gia có mức sống thấp như: Phi Luật Tân, Thái Lan, Bangladesh, Việt Nam. Đám công nhân nầy dưới quyền chỉ huy của những người Nam Hàn.

Nghe có người Việt, tôi bèn ra boong, đứng ngó lên đám công nhân tạp chủng. Tôi có thể phân biệt người Bangladesh nước da màu nâu tựa Ấn Độ, nhưng tôi không phân biệt được

người Thái, phần đông gốc Hoa và người Phi Luật Tân, vì họ hao hao giống người Việt bình thường. Tuy vậy tôi có thể nhận ra một vài người ốm, mặt xương, da đen nám, má hóp, có vài anh răng hô, nếu tôi không lầm, đây là những người Bắc Việt. Như để xác nhận, một người đờn ông độ tứ tuần tới trước mặt tôi cười, hỏi:

"You you Vietnames?"

Tôi khôi hài nói bằng tiếng Việt:

"Hỏi vậy cũng hỏi, muốn hỏi bằng tiếng Mỹ thì phải hỏi như vầy: 'Are you Vietnamese?' Nhưng tiếng Mỹ tui nói rất tồi, nói tiếng Việt đi cho chắc ăn, cha nội."

Ngập ngừng một lát, anh ta hỏi bằng tiếng Việt:

"Anh người Việt Nam à?"

"Dĩ nhiên, chánh hiệu con rồng vàng."

Anh móc thuốc ra mời. Tuy bỏ thuốc đã lâu nhưng tôi cũng rút một điếu gắn lên môi hút xã giao. Có lẽ anh ta ngượng trước những câu dí dỏm của tôi, nên rít hết mấy hơi thuốc, phà khói phì phèo, mà vẫn chưa tìm ra câu nói. Thấy vậy tôi mới hỏi:

"Các anh mần gì ở đây?"

"Bọn nầy bốc hàng cho công ty Đông Á."

Có ba người nữa thấy anh nọ bắt được chuyện bèn men tới. Tôi chợt nhớ nhớ ra, nãy giờ gặp đồng hương mà cứ dí da dí dỏm quên đi phép xã giao thông thường. Tôi bèn chìa tay ra bắt từng người và tự giới thiệu tên mình. Các anh ấy cũng lần lượt giới thiệu tên họ là Ngà, Bi, Hải, Cường.

Qua màn giới thiệu, tôi hỏi:

"Mấy anh ở đâu?"

Anh hồi nãy, tên Bi, chỉ tay lên cái container để trên góc kè đá, nói:

"Tụi tôi ở trên cái công-ten-nơ kia."

Tôi nhìn theo tay Bi, thấy trên bãi cát có để cái công ten nơ màu trắng, tôi hỏi:

"Bấy nhiêu người mà ăn ở trong cái công-ten bây lớn sao?"

"Không, tụi tôi ở tạm để làm việc, chiều về trại ngủ."

"Trại ở đâu vậy?"

"Ở cách đây hai chục cây số."

"Gần thành phố Benghazi hông?"

Ngà chen vào:

"Được gần phố thì ngon rồi, trên sa mạc đấy."

Lúc đó, tên xếp người Nam Hàn đi tới đi lui trên kè đá, miệng ngậm tu hít, thổi rét rét... Các anh lật đật từ giã tôi để ra boong làm việc. Tôi cũng trở vô phòng bếp, bật lửa lò, bắt đầu công việc của một hỏa đầu quân.

Tên xếp người Nam Hàn, xuống tàu xin bữa ăn sáng. Ăn xong chưa chịu đi, còn đứng la cà trước cửa phòng bếp. Trong lúc tôi đương dọn rửa, thấy trên cổ hắn có đeo cái tu hít, tôi mới nói:

"Ông mần việc bến cảng chớ có phải thể tháo gia đâu mà đeo tu hít."

Như bắt được chuyện, ông cười nói:

"Mầy coi, công nhân của Đông Á có nhiều quốc tịch khác nhau, ngôn ngữ bất đồng, lại thêm bến cảng ồn ào, vì vậy tao dùng tu hít để điều khiển, chớ la hét bằng miệng suốt ngày tao sẽ bị tắt tiếng liền."

À, đây là mánh khóe nhà nghề. Tôi chỉ tay lên tráng, nói:

"Ông thông minh lắm."

Nghe tôi bốc, ông hỉnh cái mũi xẹp, chớp chớp đôi mắt lươn, ra chiều hãnh diện, cười tươi, hỏi:

"Mầy là người Việt?"

"Dĩ nhiên."

"Nam hay Bắc."

"Nam."

"Tao biết rồi, mầy là thuyền nhân?"

"Tôi làm nghề tàu buôn gần hai chục năm rồi."

Nghe tôi dí dỏm, ông tưởng tôi không hiểu nghĩa chử boat-people, ông bèn giải thích:

"Không, tao nói mầy tị nạn bằng tàu sau khi Cộng sản vô miền Nam kia."

"Dậy rồi sao?"

"Trong đám công nhân, có toán Việt Nam."

"Tui biết."

Ông nhún vai, bỉm môi ra vẻ coi thường:

"Nhưng người Bắc Việt không à... Việt Cộng!"

Ông nhấn mạnh hai chử Việt Cộng rồi phá lên cười khăng khắc như đắc ý lắm. Tôi bỏ chiếc dĩa cuối cùng vô máy rửa, đóng nắp lại, bấm nút cho máy chạy, đứng thẳng người nhìn ông. Hổng lẻ vì một bữa ăn sáng, mà ông định nói xấu người khác để lấy lòng tôi chăng? Hay là lý do thầm kín nào? Tôi và ông chưa hề quen biết, chỉ có hoàn cảnh hơi giống nhau nhờ may mắn được sống trên thế giới tự do, hưởng trọn những gì mình tạo ra. Nhưng nghĩ cho cùng, thì có khác gì các anh em ở đây. Từ tên có bằng cấp cao cho đến anh công nhân khuân vác, ai hổng vì miếng cơm manh áo gia đình, chịu cảnh xa vợ, xa con tới cái xứ sa mạc khô cằn, ngày nóng như lửa đổ lên đầu, đêm

xuống lạnh thấu xương. Suốt gần mười chín năm chung chạ với người ngoại quốc, tôi hổng lạ gì ba cái vụ kỳ thị chủng tộc. Cho nên khi nghe ông bắt đầu câu chuyện, ít nhiều tôi cũng đoán được ông ta muốn nói gì rồi. Tuy không mấy khó chịu, nhưng tôi thấy câu chuyện cần nên chấm dứt. Tôi hất mặt, nói một câu:

"Hi! That's not your business!"

Bị tôi chặn họng, ông bèn lẽn bỏ lên. Từ đó trở đi, ăn sáng xong, ông cám ơn rất lễ phép, rồi ra boong làm việc, chớ không cà khịa kiếm chuyện tán dóc với tôi nữa.

Mười giờ sáng Ngà đi qua đi lại trước cửa sổ, mặt cứ ngó láo liên vô phòng ăn của thủy thủ đoàn. Thấy vậy tôi mới đi ra chào.

Tôi hỏi:

"Nghỉ việc rồi hả?"

"Vâng, bọn em nghỉ giải 'nao.'"

"Giải lao với gì vậy?"

Ngà chỉ tay lên kè đá, nói:

"Với nước 'nã' đấy anh."

Bây giờ tôi mới để ý, trong bọn chỉ có Ngà nói chữ l thành chữ n, những anh em còn lại nói giọng Bắc nhưng nghe dễ hiểu. Tôi ngó lên bến, các anh công nhân tụ quanh cái thùng, múc nước chuyền nhau từng người trong một cái ca, các anh vừa uống vừa trò chuyện vui vẻ. Thấy vậy tôi mới vô lấy cho Ngà một lon nước ngọt, anh hỏi xin thêm ba lon. Từ đó trở đi, tới giờ nghỉ Ngà không lên bờ, đã vậy còn rủ thêm Bi, Cường, Hải ở lại tàu chờ tôi cho nước hộp để giải 'nao.'

Bi và Cường đã ngoài bốn mươi tuổi, Ngà và Hải tuổi vừa mười chín, bốn người mần việc trước boong tàu, nên tôi tiếp xúc, nói chuyện được nhiều hơn các anh em làm trên bến. Có lần vui miệng tôi hỏi anh Cường với anh Bi:

"Hồi trước hai anh có vượt Trường Sơn làm anh hùng sanh Bắc tử Nam hông vậy?"

"Có."

Hình như hai anh không muốn nhắc lại chuyện xưa, nên trả lời cộc lốc rồi lảng sang chuyện khác.

Mặt trời đứng bóng, tôi men lên cái container có gắn máy điều hòa không khí, dành cho toán công nhân Việt Nam nghỉ trưa. Vừa bước vô tới cửa, tôi thấy anh em nằm ngủ la liệt. Tôi bèn day trở ra. Chợt một anh thấy tôi, lật đật ngồi dậy kêu, làm cả đội giựt mình thức giấc. Mắt nhắm mắt mở, các anh xít lại dồn chỗ, mời tôi ngồi. Thấy các anh thiệt tình, tôi cũng không ngần ngại bước vô, ngồi phệt xuống, vựa lưng vô vách, vả lả hỏi:

"Mấy anh cơm nước chưa mà ngủ ngon quá dậy?"

"Xong rồi anh."

Một anh nói thêm:

"Nhưng ăn cơm cá bậy bạ thôi chớ chả có mẹ gì."

"Mần việc cạnh sa mạc, gió tung cát bụi đầy đầu đầy cổ, vì vậy các công nhân người nào cũng trùm miếng vải trắng từ đầu phủ xuống khỏi vai, nếu không bụi cát dính vô người trộn lẫn mồ hôi, lâu ngày ăn lở da chớ hổng phải chơi đâu. Khi nghỉ ngơi anh em tháo nón tháo khăn xuống. Nhưng tôi để ý một em nhỏ, trạc mười bảy mười tám tuổi, ngồi trong góc, nếu không có những vết cắt, cạo gió còn bầm trên tráng, trên cổ, thì da vẻ trắng trẻo, bô trai như công tử bột. Có lẽ em từ Việt Nam mới qua nên chưa đậm nét phong sương. Thấy mặt xanh như tàu lá, vẫn để trùm nguyên khăn, nón, tôi biết ngay em bị bịnh.

Tôi hỏi:

"Em tên gì?"

"Dũng."

"Bịnh sao không ở trại nghỉ ngơi?"

Dũng cười buồn không đáp. Ngà trả lời thay:

"Nghỉ bị trừ tiền đấy anh."

"Bộ mấy anh hổng có bảo hiểm sức khỏe sao?"

"Không anh, nhưng khi mình bệnh có bác sĩ chữa cho."

Tôi day qua Dũng, hỏi:

"Sao em hổng xin đi bác sĩ?"

"Em đi hôm qua rồi."

"Bộ bác sĩ cắt, cạo gió cho em đó hả?"

Cả đám cười rộ. Ngà tiếp:

"Đâu phải anh, nó chỉ cho vài viên thuốc uống, rồi thôi, đêm qua thấy Dũng sốt quá, anh em mới cạo gió đấy chứ."

"Người ta bịnh mà hổng cho nghỉ rủi đương mần việc chết rồi sao?"

Giọng Bi mỉa mai:

"Thì gia đình được lảnh vài trăm đô."

"Mạng người giá có vài trăm đô!"

Cường nói:

"Còn đỡ hơn trong nước, làm việc cho đến chết chẳng có mẹ gì."

Tôi lảng sang câu chuyện:

"Còn chuyện giải trí trong trại của anh em, và đời sống tinh thần có thoải mái không?"

Hình như các anh còn phân vân câu tôi vừa hỏi nên tất cả im lặng. Lát sau, một anh nói:

"Ngoài cái vi-đê-ô ra chẳng có mẹ gì hết."

"Còn chứ - Bi cay cú - tối buồn khó ngủ, cả bọn sụt sặc lẫn nhau cho đỡ buồn."

Đúng là giọng của chiến sĩ vượt Trường Sơn. Mặt bên phải anh Bi có một vết thẹo, nếu tôi đoán không lầm, vết thẹo do chiến tranh gây ra, may nhờ bộ râu quai nón che bớt phần nào, nếu không nhìn anh tưởng đến một tay dao búa, chớ hổng phải dân lương thiện. Trong lời nói của anh có hơi cay cú, nhưng nhờ có tánh thành thật, nghĩ sao nói vậy mà tôi có cảm tình với anh ngay lúc đầu. Tôi day qua hỏi chuyện anh:

"Anh mần ở đây bao lâu rồi?"

"Gần ba năm."

"Chị nhà vẫn liên lạc thường xuyên hả anh?"

"Vâng anh."

"Anh được mấy cháu?"

"Ba, hai giai, một gái."

"Mỗi tháng anh vẫn chuyển tiền về điều đặng?"

"Không anh, mỗi năm tụi Đông Á chỉ ứng trước ba chục đô, còn bao nhiêu nó giữ lại, khi xong công tra mình về nó đưa nốt."

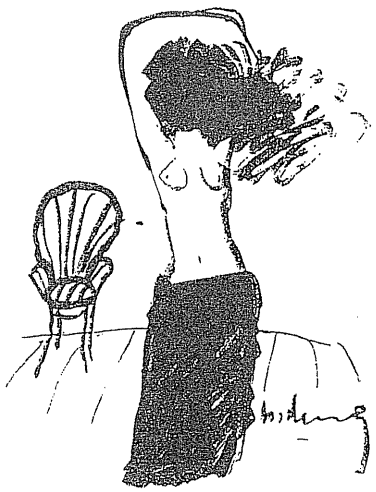

"Tụi Đông Á trả thẳng cho anh hay qua trung gian nhà nước."

"Phải qua trung gian chứ."

"Như vậy rồi chị và mấy cháu ở nhà sống ra sao?"

"Vợ tôi dạy học."

"Lương giáo viên thời buổi nầy sống sao nổi?"

"Thì tự bán buôn thêm kiếm sống."

Tôi ái ngại thấy mình tò mò hơi quá xa trọng câu chuyện gia đình của anh. Tôi bèn khôi hài để trớ sang chuyện khác:

"Ba năm qua xứ sa mạc phơi 'cu' khô queo, khi về nhà bà xã muốn xài dám phải ngâm nước quá."

Cả đám cười rộ, anh cũng cười, nói:

"Địt mẹ, bỏ cả hai lạng vàng mới đi được, tưởng ngon, ngờ đâu qua đây chơi với lạc đà."

"Ủa! Mình đi mần công mà cũng phải đóng thuế nhiều như vậy sao?"

Anh Bi ừ hử như chưa tìm ra câu trả lời. Anh Cường bèn chen vô:

"Không phải đóng thuế đâu anh, đây là tiền trà nước lo giấy tờ."

"Giấy tờ gì mà mất cả hai cây vàng?"

"Thì người nầy vài vé, người kia vài vé khi đi được mất cả chục vé."

Tôi thắc mắc:

"Vé là cái gì vậy?"

"À, mỗi vé là một trăm đô đấy anh."

"Xin lỗi tui có hơi tò mò."

"Không sao, anh cứ hỏi tự nhiên."

"Mỗi tháng lương các anh được bao nhiêu?"

"Từ một trăm năm chục đô đến hai trăm hai chục, ăn ở, áo quần họ bao."

"Công nhân nước khác cũng vậy sao?"

"Không anh, người mình họ trả lương thấp hơn Phi Luật Tân và tụi Thái."

"Ngộ vậy," tôi nói, "hai cây vàng, qua đây mần cả năm mới lấy lại vốn."

"Thì vậy."

Tiếng xoay cần trục, tiếng động của các xe chở hàng đã trở lại ồn ào. Tên xếp lùn tịt đi tới đi lui ngoài sân, miệng ngậm tu hít thổi rét rét... Anh em lật đật đứng dậy đội khăn, đội nón. Tôi cũng phủi đít quần đứng lên từ giã các anh bước ra ngoài. Dưới nắng chang chang, gió lồng lộng, những chiếc xe dỡ hàng như mấy con kiến càng bằng sắt khổng lồ, gắp từng kiện hàng lớn tổ chảng tha sắp ngay ngắn trên một sân rộng. Bụi cát bay ngợp trời. Mấy tên xếp người Triều Tiên tụ lại một nơi, kẻ đứng, người ngồi trong căn chòi bóng mát. Miệng quát tháo, tay chỉ trỏ đám công nhân, trông giống như những viên tướng chỉ huy đứng phía sau ra lịnh xua quân xông trận.

*

Buổi trưa nọ, Ngà ngoắc tôi ra boong, dẫn

tới góc khuất bên hông tàu, mắt ngó láo liên, không thấy người dòm ngó, anh lận ngực áo móc ra một xấp báo giơ cho tôi. Thì ra, chuyến trước tôi hỏi các anh có báo chí Việt Nam cho tôi xin đọc ké với. Hôm nay Ngà đem xuống mà mặt mày lấm lét như tên ăn trộm. Cầm sấp báo trên tay, lòng ray rứt. Tôi ráng gượng cười, nói:

"Cám ơn Ngà, nhưng mà nè, báo chí chớ bạch phiến, hay đồ lậu gì đâu mà em sợ dữ dậy."

"Nhưng phải cẩn thận chứ anh, tụi 'Ni Bi' kì lắm, mình sơ ý nó thấy được 'nàm' khó dễ phiền phức."

Thiệt ra thì xứ Libya nầy cũng kỳ cục. Trước khi tàu ghé bến, sách báo phim ảnh có tánh cách khiêu dâm và bia, rượu phải đem để vô một phòng, chờ quan thuế xuống, sau khi kiểm xong, họ khoá phòng lại bằng cọng kẽm có bấm nút chì. Trong thời gian đậu lại xứ nầy, ai coi phim con heo, uống bia rượu họ bắt được sẽ bị phạt ba ngàn mỹ kim. Nhưng những nhân viên cao cấp, thường xuống tàu hỏi xin thuốc thơm và rượu mạnh. Mỗi chuyến về Âu Châu trở qua thuyền trưởng chuẩn bị sẵn trong phòng rượu mạnh, thuốc thơm dành đút lót cho các 'quan.' Nếu không thì các ngài sẽ cho đệ tử xuống tàu lục lọi, moi móc tùm lum...

Thấy tôi và Ngà đứng nói chuyện, Cường cũng men đi lại đứng cạnh bên. Đợi chúng tôi nói hết câu Cường hỏi:

"Trên tàu có thịt lợn không anh?"

"Có chớ."

"Hơn cả năm rồi tôi chưa thấy miếng thịt lợn."

"Phải rồi, xứ nầy đạo Hồi mà."

Ngà chen vô, nói:

"Bọn họ thờ 'nợn' đấy."

Tên xếp chạy lúp thúp, tới lui trên kè đá, vừa thổi tu hít vừa quát tháo om xòm, thấy cách đối với công nhân xử có hơi kỳ cục. Tôi mới hỏi:

"Tên xếp nó sai khiến công nhân như vậy sao?"

Ngà vọt miệng nói:

"Vậy mà nhằm gì, đôi khi nó còn đánh nữa đấy."

"Như vậy hai người đứng đây một hồi bị la lối cho coi."

"Không sao, tụi em tới giờ giải 'nao' đấy anh."

Tôi chợt nhớ ra:

"Anh Bi và Ngà chờ tui một lát."

Cầm xấp báo đi vô để trong phòng, xuống lấy hai lon nước ngọt ra cho. Nhận hai lon nước, hai anh đi tới chỗ khuất người, mới mở ra uống. Tôi ngước mặt nhìn lên bầu trời cao xanh thăm thẳm, nắng cứ gay gắt đổ xuống đầu những công nhân khuân vác. Trên đọt những ống khói của nhà máy lọc dầu, lửa phun lên cả chục thước, khói đen cuồn cuộn mịt cả vùng trời. Như vậy cũng đủ biết không gian nơi đây chẳng sạch sẽ gì.

*

Buổi sáng, tên xếp ăn điểm tâm xong, hắn đi lại đứng trước cửa phòng bếp, mặt nghiêm nghị ra vẻ quan trọng, kêu tôi:

"Xếp."

Tôi day ra, hỏi:

"Chuyện gì?"

"Xếp đừng đem đồ cho mấy người Việt Nam của xếp nữa."

"Sao vậy?"

Ông giơ chéo hai tay ra dấu bị trói:

"Tụi Libya bắt được bỏ tù đó."

Tôi hỏi:

"Sao ông xuống tàu ăn uống hà rầm mà hổng ai bắt ông bỏ tù hết?"

"Vì tao là xếp, tao cao hơn tụi nó."

Tôi định nói xốc ông một câu cho bỏ cái thói tự cao tự đại. Nhưng chợt nhớ ra, trong những ngày qua lại miệt nầy, tôi thấy nhiều vụ xảy ra trên các nước đạo Hồi, không khác gì những quốc gia Cộng Sản. Cảnh sát rắc rối dàn trời, chuyện bé xé to để làm tiền. Mặc dù chánh quyền nơi đây không ưa Mỹ, nhưng những người tới từ các quốc gia tư bản, mỗi khi bị phạt, họ bắt phải trả bằng đô la xanh. Biết đâu ông xếp 'củ sâm' nầy có lòng tốt nhắc nhở tôi. Còn tôi vì một chút thành kiến mà nghĩ xấu về ông, nên ông nói gì tôi nghe cũng hổng lọt. Rủi ro đụng chuyện rắc rối! Vừa mắc cỡ vừa ái ngại, day ngang cười làm thân với ông. Tôi đổi giọng khôi hài:

"Ông đâu có cao?"

Ông cãi lại:

"Tao cao."

Tôi bước lại đứng cạnh bên, giơ tay lên càm gạt xéo qua đo, đầu ông ta vừa ngang càm tôi. Tôi nói:

"Ông thấp hơn tôi cả tất."

Vỡ lẽ ra ông cười sằng sặc. Tôi lại mở tủ lạnh rót cho ông một ly nước và cám ơn ông đã nhắc nhở tôi một chuyện khá nguy hiểm.

Hôm về Âu Châu, tôi mua một mớ bánh

kẹo, và gom góp một mớ áo quần định bụng chuyến nầy qua tặng các bạn. Nhưng sau khi nghe tên xếp lưu ý, tôi đâm e ngại. Có lòng tốt trên những quốc gia kỳ khôi như vầy, nếu không bị phạt, thì cũng đi tù, vì vậy nên tôi bỏ ý định làm việc thiện.

Buổi chiều không ráng đỏ. Mặt trời tròn như chiếc mâm bạc, không ánh hào quang tỏa chiếu, không ray rắc nóng, nằm ngoan ngoãn sau một lớp màn trắng đục phía trời Tây. Tiếng động cơ của các xe tải đã ngưng bặt. Những chiếc xe cẩu hồi trưa có người điều khiển chạy tới chạy lui móc cái nầy, gắp cái kia, bây giờ nằm trên bến lạnh lùng như khối sắt vô dụng. Sau một ngày đổ mồ hôi lên cát, công nhân đứng tụm năm tụm ba trên bến cảng tán gẫu. Một anh người Tàu gốc Thái, đô con có bộ ngực lực sĩ, da ăn nắng xạm đen, ở trần, áo vắt lên chiếc vai trần bóng lưỡng. Đi tới trước mặt tôi, cười vui vẻ. Đột nhiên anh cất tiếng, nói:

"Ở đây không có lồn!"

Cả đám đực rựa ở trong sa mạc lâu ngày, vắng bóng đàn bà, thèm khát đến đỗi có dịp mở miệng ra văng tục một cách trơn tru. Có lẽ anh ta tập nói tiếng Việt chỉ một câu duy nhứt, nên phát âm rất rõ ràng. Vì vậy khi nghe tôi hỏi:

"Anh nói tiếng Việt được hả?"

Thì anh ta nhún vai lắc đầu rồi bỏ lên bến. Lúc đó Hải cũng vừa tới, đứng bên tôi. Tôi day qua Hải, nói:

"Vậy là xong một ngày bán rẻ mồ hôi."

"Vâng."

Hải vừa cười méo mó, vừa móc thuốc mời tôi, nó hỏi:

"Tàu anh sang Ý à?"

"Ừa, nhưng sẽ trở qua Tripoli vào tuần tới."

"Tripoli là nước nào anh?"

Trời đất! Làm việc hàng năm trêm xứ Libya mà không biết Tripoli ở đâu.

Tôi cười thông cảm, rồi giải thích:

"Tripoli là thủ đô của Li-Bi."

"Thế à."

Ngập ngừng một lát Hải hỏi:

"Nước Ý văn minh không anh?"

"Văn minh là gì ? Câu nầy anh nghe đài phát thanh Hà Nội rêu rao hàng ngày, chớ ở ngoài nầy tui hổng nghe nói."

Không hiểu sao chiều nay lòng tôi bỗng dưng khó chịu, nên thốt ra lời khó nghe như vậy, làm cho Hải lúng túng, nên nó ngập ngừng một chút rồi nói:

"Em muốn biết bên Ý giàu không đấy."

"Như vậy thì nước Ý 'văn minh' hơn Việt Nam mình nhiều."

"Nước mình còn nói làm chi nữa."

Phì phà mấy hơi thuốc, Hải tiếp:

NGUYỄN VĂN THỌ

LỖI HẸN

(Tặng Thế thân yêu)

Chẳng phải là lỗi hẹn
Gió đang cuốn trôi đi
Cành - lá phải phân ly
Con thuyền đau dứt bến.

Chẳng phải là lỗi hẹn
Giữa bão giông tơi bời
Thuyền nặng đang đè sóng
Lá mỏng ngoài trùng khơi

Tôi, một đời lỡ hẹn
Nói ngàn lời xin lỗi
Nói, tôi không có tội
Và, xin người hiểu tôi...
Thuyền mãi yêu Bờ
Lá già yêu Cội
Ức triệu năm trôi...
Ơi đời

12/1996 - 2/1997

"Bọn em muốn theo tàu qua Ý, nhưng không biết qua đó người ta có nhận mình không?"

Thì ra nãy giờ Hải hỏi rào, bây giờ mới vô đề chánh. Gần hai chục năm sống đời hồ hải, tôi đã chứng kiến nhiều vụ trốn theo tàu, nhưng mười lần may ra thoát được một. Đó là thời điểm cách đây hơn chục năm, chớ bây giờ thì khó lắm. Tôi lơ lãng ngó lên bến thấy Ngà, Bi, Cường đứng trên kè đá nhìn xuống, trông mặt người nào cũng có vẻ khẩn trương. Lòng bâng khuâng không biết phải làm sao, vì câu chuyện đột ngột quá.

Tôi nói:

"Hải à, chuyện nầy phiêu quá nên anh hổng dám ý kiến với em đâu."

"Không sao, anh cứ nói, bọn em muốn nhờ anh đấy."

Tôi lắc đầu:

"Cá nhân anh, bất quá chỉ giúp anh em cơm ngày ba bữa trong chuyến đi, nhưng tuyến của chiếc Elsa nầy, sang Ý rồi trở về Tripoli không đầy một tuần lễ. Người ta sẽ bắt em trả lại, vì trên tàu nầy ai cũng biết tụi em là người của Đông Á."

"Thế anh có cách nào giúp bọn em không?"

Tôi nhìn gương mặt đen xạm vì nắng, gió sa mạc, đôi mắt em sáng đầy nghị lực và giọng nói cương quyết. Không nỡ làm ngơ, cuối cùng tôi cũng đưa ý kiến:

"Nếu em muốn đi thì phải biết phân biệt cờ của những quốc gia trên thế giới."

Tôi chỉ tay qua chiếc tàu đậu cạnh bên, tiếp:

"Hải coi kìa, đó là tàu Panama, cờ sau lái là cờ quốc tịch, còn cờ trên ngọn cột hàng hải phía trước là của Libya, tức là cờ của quốc gia tàu đến. Khi đọc được cờ rồi còn phải dò hỏi tàu đó chạy tuyến nào, tốt hơn hết nên chọn những chiếc chạy không tuyến nhứt định..."

Hải chận:

"Thế, là thế nào anh?"

"Nghĩa là, tàu ghé đây một lần rồi không biết chừng nào mới trở lại nữa. Nhưng phải là tàu của những nước tự do."

"Họ có liệng mình xuống biển không anh?"

"Đúng luật thì không, nhưng cũng nên cẩn thận. Trước đêm muốn trốn thì phải chuẩn bị hộp quẹt và nước. Hộp quẹt phòng khi xuống khoan người ta đóng hầm lại, lỡ bị kẹt không lối ra thì xé áo quần đốt gây khói để người trên tàu biết mà vở nắp hầm cho lên, còn nước phải đủ uống hơn một ngày. Muốn chui lên phải chờ tàu chạy ít ra cũng hai mươi bốn giờ đồng hồ, nhưng phải đợi ban ngày ban mặt, có đông đủ thủy thủ đoàn mới chui ra, như vậy có người muốn làm ẩu cũng không làm được gì mình hết."

Tôi hỏi để kích động tinh thần:

"Hải dám hông?"

Giọng em cả quyết,nói:

"Dám chứ anh, bọn em tính trốn từ lâu rồi."

"Vậy thì về bàn lại với anh em, nhưng còn chuyện nầy nữa."

"Chuyện gì anh?"

"Khi xuống tàu cứ liệng bỏ hết giấy tờ, ai hỏi tới cứ lập đi lập lại là mình xin định cư bất cứ quốc gia tự do nào trên thế giới. Tạm thời lờ cái quốc tịch Việt Nam của mình đi là có nhiều hy vọng."

Đôi mắt Hải sáng lên, em nói:

"Cám ơn anh, để em về bàn tính với anh em. À mấy giờ tàu anh chạy?"

"Có lẽ một vài giờ nữa."

Lúc đó một chiếc xe bus chở công nhân từ ngoài tung cát bụi mịt mùng chạy vô cảng. Hải bắt tay tôi chào tạm biệt, rồi vội vàng đi nhanh lên bến.

Tiếng tu hít tập hợp người đã ngưng bặt từ lâu. Vậy mà Công nhân của Đông Á vẫn còn đứng lơ là chưa chịu lên hết trên xe. Nhìn họ mệt mỏi, uể oải dưới cảnh chiều tà. Bỗng nhiên lòng tôi ray rứt xót xa nhớ lại hình ảnh hơn hai mươi năm về trước. Sao mà 'nó' giống y chang cảnh những người bị bắt tập trung cải tạo!●

Địa Trung Hải 26.7.1997

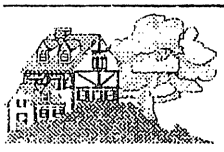
DALAT
LANDSCAPING
Design & Mainenance
Lic. # 699783
P.O. Box 2054 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr. PHƯƠNG
(714) 418-1928

VỀ TẤM AO XƯA QUY NHƠN, BÌNH ĐỊNH

BÙI DƯƠNG CHI

Trước năm 1975, tôi có nhiều dịp đi thăm tỉnh Bình Định và nghỉ qua đêm tại thị xã Quy Nhơn. Mới đầu là do các công tác liên quan tới ngành Khuyến Nông và Dinh Điền. Sau đó tôi dạy trung học ở Buôn Ma Thuột nên đến hè có khi phải đi coi thi Tú Tài ở Quy Nhơn. Khuyến Nông Dinh Điền thì tôi chỉ còn nhớ rõ những lần ngồi xổm đấu lý quốc gia, cộng sản với các phụ nữ bán dừa và thuốc lá lẻ. Giám thị Tú Tài thì tôi ngại nhất là phải coi phòng thí sinh tự do và quân nhân. Nghiêm chỉnh giữ kỷ luật, đôi khi bị nhục mạ. Có thầy còn bị hành hung.

Từ năm 1992, tôi hướng dẫn năm đoàn sinh viên, đa số là Mỹ, sang Việt Nam học tiếng nói, chữ viết, văn hóa và lịch sử theo Chương Trình Học Kỳ Hải Ngoại của một trường đại học ở bang Vermont. Trong thời gian du khảo, trên đường xuyên Việt, thầy trò lần nào cũng ghé lại Quy Nhơn. Phần vì để viếng đất Tây Sơn, quê hương anh hùng Nguyễn Huệ. Phần vì từ Nha Trang chạy ra hay từ Hội An đổ vào, vừa đi vừa ngắm cảnh thăm làng, tới thị xã này thì trời đã tối. Tài xế bảo chở người nước ngoài, không dám chạy đêm. Lỡ bị trấn lột, xin đểu (chặn xe cướp của) là vợ con lãnh đủ.

Bình Định, đặc biệt vùng Tam Quan, vẫn ngợp bóng dừa với nhiều làng mạc đã bớt phần nào khô khan, sơ sác. Các nơi có đồng ruộng, khi không bị bão lụt, thì nay đã thấy xanh tươi, mát mắt gần như quanh năm vì ngoài hai vụ lúa, dân quê còn trồng màu. Quốc lộ, tỉnh lộ, hương lộ, trừ đường lên Pleiku, nhiều chỗ bị xuống cấp (hư hỏng) nặng. Đại để là cầu hư, cống sụp, ổ gà, ổ trâu. Lâu lâu được những quãng dài bằng phẳng thì thỉnh thoảng lại bị rợn sóng, mu rùa. Đã thế không ít tài xế vẫn giữ thói mạnh ai nấy chạy. Lớn ép bé. Lì thắng luật. Khiếp nhất là lối lái bạt mạng theo kiểu "đổ thì kéo, méo thì gò" để giành khách dọc đường. Trong khi đó, người đi bộ, trâu, bò, chó, heo, gà mẹ gà con, thì lại cứ nhẩn nha qua đường. Sinh viên thường nói rõn là không lái xe nhưng vẫn phải bậm môi đạp thắng liên hồi.

Trong phạm vi tỉnh, hai bên Quốc Lộ, đi qua các thị trấn nhỏ tôi thấy một số nhà có gắn cột ăng-ten TV. Bưu điện cấp huyện đã có trang bị cung ứng dịch vụ viễn thông quốc tế. Gần đây một vài cơ sở hành chính còn có thêm máy vi tính. Ghé lại ăn hàng, uống nước thì hầu như chỗ nào cũng mở nhạc Tây, nhạc Ta ầm ĩ. Nhạc Tây phần lớn là các bài hát tiếng Anh. Sinh viên bảo là của những năm 60, 70. Nhạc Ta gồm ca kim lẫn cổ. Cổ nhạc tôi không biết gì. Tân nhạc thì ngoài những sáng tác mới, tôi còn được nghe các bài của thời kháng chiến chống Pháp và một số bản phổ biến ở miền Nam trước 75. Mới hồi đầu tháng 3/98, tôi đi đường bộ từ Hòn Gai (nay gọi là thành phố Hạ Long) lên thị trấn cửa khẩu Móng Cái. Dọc đường, tôi được nghe một số bản quen tai như "Saigon đẹp lắm, Saigon ơi, Saigon ơi...," "Ngày anh hai mươi, em mới sinh ra đời...," "Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình..." Tài xế, người miền Nam, nói người lớn bây giờ vẫn chịu các bài thời trước, nay gọi là "nhạc xanh" và "nhạc vàng." Còn thanh niên thì nhiều đứa chỉ thích đàn đúm ngồi quán, "nghe cái nhạc quỷ gì mà nó thổi kèn đánh trống điếc cả con ráy." Cô hàng cà phê bảo, "Có thế mới là nhạc tiền tiến chứ

lị."

Làng mạc quanh thị xã Quy Nhơn, quanh các thị trấn hoặc nằm gần quốc lộ đã có thêm cột đèn, giây điện và nhà gạch. Những xã ở xa hơn, thấy nói ít được như vậy. Hộ nào khá giả thì câu điện của nhà ven đường. Thảo nào thỉnh thoảng tôi lại thấy vài hàng giây nhỏ máng móc lơ lửng trên những cột tre, trồng ngả nghiêng theo các bờ ruộng. Nghe nói các vùng sâu, sinh sống còn nhiều khó khăn hơn nữa. Hỏi thăm thì mấy người nơm cá, bán rong bảo có khi kiếm chưa được ba nghìn (khoảng 25 cents) một ngày. Tôi cho là họ thật tình vì một thanh niên ở miệt Tiền Giang trù phú trả lời là làm mướn từ sáng đến tối mới được năm ngàn. Một cô giáo huyện ở tỉnh Lào Kai than thở lương tháng có 180 nghìn (15 đô) nên chật vật lắm. Một cậu quê ở Kỳ An, Hà Tĩnh, lặn lội vào tận Nha Trang làm phụ thợ hồ, phân trần là lúc có việc, làm cả ngày, tiền công tính ra có hơn nửa đô thì lấy gì mà gửi về nhà.

Được cái rất mừng là trong năm lần thăm tỉnh Bình Định, ngay trên các đường làng, tôi đã thấy học trò có giầy giép, áo quần lành lặn. Trời mưa, đa số trẻ mặc áo choàng ny-lông xanh. Ở các thị trấn, nhiều em lớn đi xe đạp. Riêng ở thị xã, tôi thấy có vài em chạy xe gắn máy. Ngoài những cơ sở giáo dục phổ thông, các nơi thị tứ đều có trung tâm dạy nghề, dậy ngoại ngữ và vi tính. Những chỗ này thường mở cửa cả buổi tối và suốt ngày Chủ Nhật. Thấy cảnh ham học thì phấn khởi nhưng xét tổng thể cả nước, tôi nghe nói ngành giáo dục còn lắm chuyện phải lo. Lo nhất là trẻ nghèo bỏ trường. Chúng hầu hết là con cháu của thành phần nông dân và lao động đường phố. Lo tiếp là việc thiếu nhiều thầy cô ở các vùng hải đảo và làng xã xa xôi. Báo đăng vài lý do chính. Hoặc vì bây giờ nhiều gia đình ngoài tiền học còn phải đóng thêm các khoản lệ phí linh tinh. Hoặc vì cha mẹ cần người phụ giúp kiếm tiền, đỡ đần tay chân hay làm việc đồng áng. Về phía thầy cô, phóng viên điều tra cho biết thu nhập của nhà giáo nói chung còn thua cả giới thợ thuyền và giới buôn thúng bán mẹt ở các tỉnh thị.

Những tình cảnh khó khăn đại loại như trên, theo người am tường về các vấn đề xã hội hiện nay, còn là một trong những nguyên nhân chính khiến một số thiếu phụ, thiếu nữ và cả một ít thiếu nam, đủ mọi thành phần, hoặc vì gia đình quá nghèo khổ, hoặc bị dụ dỗ ép buộc, hoặc ham "ăn trắng mặc trơn," bị đẩy vào cái nghề đáp ứng nhu cầu mua dâm của một số phái nam trong và ngoài nước. Các biện pháp chế tài thấy bảo vẫn chưa có hiệu quả. Việc mua bán này, từ kín đáo trá hình đến ngang nhiên lộ liễu, nghe nói phổ biến ở nhiều nơi. Đầu tháng 12 năm ngoái, vợ chồng tôi ghé qua đêm ở Thái Nguyên. Trong khi nhà tôi đợi ngoài xe, cô thiếu nữ đưa tôi đi xem phòng lả lơi thì thầm: "Chị ấy ngủ rồi, anh xuống với em nhé."

Nhưng nghĩ lại thì buồn cười nhất là vụ thầy trò lọt ổ ở Quy Nhơn vào ngày Chủ Nhật mồng 1 tháng 11 năm 1992.

Lần đó, từ Nha Trang ra, sinh viên thấy bãi Đại Lãnh, cát mịn trắng xóa sau mấy hàng phi lao đẹp quá, xin cho dừng xe chụp hình rồi chạy ào xuống biển vui đùa. Đến Tuy An thuộc tỉnh Phú Yên, mấy đứa nữ lại lấy cớ phải xuống "tưới hoa" để kề cà rong chơi trong những đồi mía xanh ngát bên bờ biển Đông.

Tới Quy Nhơn, trời đã tối. Trong lúc sinh viên ăn uống, tôi và tài xế đi kiếm chỗ ở. Nhà khách đầu tiên hết phòng. Nhà khách thứ hai, rất lớn, 4 tầng, giá phòng đôi khép kín (có chỗ tắm rửa vệ sinh riêng) là một trăm nghìn. Tôi chọn phòng ở lầu 3 và 4 cho đỡ ồn. Tối đó, chả biết ngủ được bao lâu thì tài xế đánh thức bảo có sinh viên muốn gặp. Một nam sinh có tính ít xít ra nhiều, liến thoắng kêu rằng "Sex Workers" (sinh viên nói dùng chữ Prostitute là kỳ thị) chốc chốc lại gõ cửa, ngủ không được. Tôi nửa tin nửa ngờ bảo khuya rồi, ráng chịu một đêm, mai đi chỗ khác. Nằm chưa yên chỗ, lại có tiếng gọi. Tôi ra mở cửa. Hai nghiên cứu sinh Nhật Bản cúi rạp, xin lỗi. Một cậu thưa rằng: "Người ta theo vào phòng nói chuyện rồi mân mê chúng tôi." Tôi gắt:"Sao không đuổi đi?" Trả lời:"Toàn là đàn ông." Tôi hoảng hồn, mặc vội quần áo đi ra hành lang. Đeo kính nhìn cho rõ thì thấy tầng nào cũng có nam không thanh, nữ không tú, dập dình đi lại như thể đang chờ phòng, đợi khách. Tôi nhờ hai cậu Nhật Bản bảo sinh viên mang hết hành lý, tập họp ở lề đường trước cổng. Tài xế đã tỉnh ngủ, đi lo xe cộ. Tôi xuống phòng khách lấy lại hộ chiếu và giấy giới thiệu đoàn đi tham quan. Cậu lễ tân (tiếp khách) tay lật lật sổ, ậm à nói sẵng:"Yêu cầu anh thanh toán tiền phòng." Tôi bảo cháu mời lãnh đạo (cấp trên) đến đây làm việc (bàn chuyện) với chú. Nhà khách gì mà làm ăn kỳ cục vậy. Cậu ta ấp úng: "Chú thông cảm" và trả lại giấy tờ.

Ngoài cổng, hai thanh niên mặt mày sừng sỏ lừ lừ nhìn thầy trò túm tụm lên xe. Tài xế bảo may là đoàn Tây, chứ bỏ đi không trả tiền như vậy thì thầy bà sư sãi tụi nó cũng không để yên đâu. Sinh viên nhao nhao, đứa thì càu nhàu mất ngủ, đứa thì nham nhở xin ở lại nghiên "kíu," đứa lại dọa cuối khóa không được toàn điểm A sẽ mách bố mẹ.

May sao đến đường Nguyễn Huệ thì tài xế tìm được khách sạn có phép cho người nước ngoài tạm trú. Chị lễ tân nói ở đây bảo đảm chứ bây giờ nhiều chỗ phức tạp lắm. Chắc bên Mỹ không lộn xộn như vậy. Tôi bảo ở nhiều nơi như Oa Sinh Tơn, Nữu Ước, San Francisco thiếu gì nam nữ ăn mặc hở hang quái đản, ngang nhiên đứng đường đón khách mua dâm. Sinh viên đâu có ngây thơ nhưng dân Mỹ hay kiện cáo nên tôi phải lo xa. Kiểm điểm giấy tờ và bố trí (xếp đặt) phòng xong, chị lễ tân ân cần dặn dò mai thầy nhớ đưa đoàn lên Tây Sơn xem Bảo Tàng Quang Trung cho các em thấy cái hay, cái đẹp của nước mình.

Tây Sơn cách Quy Nhơn hơn 30 cây số. Từ thị xã theo QL.1A, hướng ra Bắc, tới cầu Bà Di (Ri), quẹo trái là vào QL.19. Đi khoảng 10 cây là tới chỗ rẽ vào chợ huyện. Đoạn Quốc Lộ này đường tốt. Cảnh đẹp nhất là dãy Trường Sơn mịt mờ ở phía Tây. Đường vào Tây Sơn có trải đá nhưng qua chợ huyện, tới sông Hà Giao, xe lớn phải gửi lại vì đường hẹp cầu yếu. Sang sông, đi qua mấy xóm đất cát bạc màu, ruộng vườn thưa thớt là tới khu di tích và tưởng niệm.

Từ cổng bảo vệ tới hào nước có trồng sen, tôi thấy tượng vua Quang Trung mặc giáp chỉ gươm đứng trên đài cao xây giữa sân trước của nhà Bảo Tàng. Sân lớn hơn bãi đá bóng, lát gạch, chung quanh có trồng nhiều cây hoa sứ, cánh trắng, lòng vàng. Bảo Tàng, mái ngói, kiến trúc theo kiểu nhà ba gian, trông hài hòa, đẹp mắt. Bên trong phòng chính, trần cao đến bẩy, tám thước có mô hình vùng Tây Sơn và mấy hàng ghế dài để khách ngồi xem trình diễn võ Bình Định, nhạc nhã và trống trận. Hai gian bên ăn thông với phần sau của phòng chính có để nhiều di vật như đồ gốm, đồ dùng đương thời, trang phục, gươm giáo, súng ống, sớ trình, v.v... Tôi thấy độc đáo và hấp dẫn hơn cả là cờ lệnh và hình tượng của nữ tướng Bùi Thị Xuân.

Bên phải nhà Bảo Tàng có ngôi đền một gian vừa phải. Bàn thờ, đèn nến, bài vị được bầy biện trang nhã. Ngoài sân có cái giếng. Bia đá ghi đây là chỗ các quan tướng tụ họp uống nước và bàn quốc sự. Mé trái sân, có một cây me rất lớn, cành lá xum xuê. Bác giữ đền bảo các cụ kể lại là cổ thụ này có từ hồi ba ngài dấy binh khởi nghĩa.

Thắp nén hương tưởng niệm xong, thầy trò kéo nhau vào nhà Bảo Tàng xem gái trai Bình Định xử dụng binh khí, đánh roi, đi quyền. Phần trình diễn nào cũng có nhạc nhã đệm theo. Sinh viên và khách tham quan chụp hình, đèn chớp liên tục. Đặc biệt nhất là màn một chị lớn tuổi đánh giàn trống trận Tây Sơn gồm cả chục cái lớn nhỏ, xếp theo hình cánh cung. Phần đệm hai bản Công Đồn và Khải Hoàn, tuy điệu nghệ chưa sánh được với các tay trống dân gian ở mấy nước lân bang, nhưng lòng tôi nghe lại thấy hào hùng và rúng động hơn nhiều. Điều khiển và dẫn giải chương trình do một thanh nữ phụ trách. Cô này nói năng linh hoạt, rõ ràng nên tôi phiên dịch đâu ra đấy. Sinh viên và khách tham quan không những cổ võ nhiệt tình mà còn rất tán thưởng phụ nữ thôn quê đang dần dần xóa bỏ tập tục quanh quẩn xó nhà, trọng nam khinh nữ.

Rời khu tưởng niệm, sinh viên tản mát đi thăm xóm làng để viết bài thực tập điền dã (field work). Cả nước, đến đâu cũng vậy, dân chúng rất thân tình và hồ khởi khi thấy học trò nước ngoài bập bẹ nói tiếng nước ta. Mấy cháu gốc Việt thì bận rộn tíu tít, chỗ nhờ thông dịch, chỗ đòi kể chuyện bên Tây.

Qua cầu ra về, nhìn giòng Hà Giao lặng lờ chảy xuống biển Đông, tôi bỗng cảm nhận được ý câu, không nhớ đọc trong sách nào, nói rằng sau cái hào hùng của chiến sử là bao nỗi bất hạnh của từng lớp thứ dân.

Hai trăm năm trước, vẫn bến nước này, chắc có nhiều bác nông phu bỏ trâu bỏ ruộng để một tay thì cắp hỏa mai, một tay cắp giáo quan sai xuống thuyền, thùng thùng trống đánh ngũ liên, bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.

3/98

* Trong khi uống mừng sức khỏe người khác thì chúng ta lại đang làm hại cho sức khỏe của mình.

Jerome

QUẬN CAM

Buổi nói chuyện của Mỹ Dung, tác giả Ngàn Giọt Lệ Rơi

Trong dịp ghé lại miền Nam California, Mỹ Dung tác giả cuốn sách "A Thousand Tears Falling" (Ngàn Giọt Lệ Rơi) đã gặp gỡ một số văn nghệ sĩ và thân hữu tại phòng hội VAALA do Nhóm Diễn Đàn Nhân Văn và Hội Văn Học nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức vào chiều Chủ Nhật ngày Mồng 3 tháng Năm năm 1998.

Bằng một ngôn từ giản dị, chân thật, bà Mỹ Dung không nhận mình là nhà văn mà chỉ là người kể chuyện. Bà kể lại câu chuyện của gia đình bà mà bà cho rằng cũng đã xẩy ra cho biết bao nhiêu gia đình Việt nam từ Nam chí Bắc. Lúc đầu bà chỉ có ý muốn viết kể lại chuyện gia đình, để cho con cháu của bà sau này biết chuyện gia đình đã xẩy ra như thế nào trong cuộc chiến vừa qua. Sau ba năm làm việc, bà đưa cho một người bạn xem và người này đã khuyên bà nên xuất bản. Do đó mới có cuốn "A Thousand Tears Falling."

Bà Mỹ Dung tại Tòa soạn Thế Kỷ 21

Bà nói thân phụ của bà đã đi theo kháng chiến từ năm 1945, năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Thân mẫu bà cùng các con ở lại miền nam, bà đã được ông ngoại và gia đình dạy cho biết thế nào là tình yêu quê hương, tình đồng bào và những tấm gương yêu nước. Cũng thời gian này bà đã ý thức được chánh nghĩa Quốc Gia cũng như ý đồ của Cộng Sản muốn xâm chiếm miền Nam, những tấm gương anh dũng của chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã tạo nên lòng yêu nước nơi bà.

Bà Mỹ Dung tâm sự rằng mục đích của buổi nói chuyện hôm nay của bà là xin mọi người đóng góp những hiểu biết, những kinh nghiệm sống của chính mình, của gia đình, bạn bè để nhắc nhở các thế hệ sau về cái chính nghĩa trong cuộc chiến đấu mà những người Quốc gia đã trải qua.

Cuốn *A Thousand Tears Falling* chính là hồi ký bà Mỹ Dung viết bằng tiếng Anh, dày trên 400 trang (xuất bản ở Georgia năm 1995 do nhà LongStreet Press), thuật lại chuyện gia đình bà với những xung đột giữa vợ chồng, cha con trước vấn đề Quốc Gia, Cộng Sản và vấn đề chiến tranh. Thân phụ của bà là một cán bộ cao cấp trong đảng Cộng Sản Việt Nam, đã làm đến chức Đại Sứ CSVN tại Liên Xô, trong khi vợ con thì ở lại miền Nam. Câu chuyện Ngàn Giọt Lệ Rơi hiện đang được bà viết lại bằng tiếng Việt, hy vọng sẽ ra mắt Cộng Đồng Việt Nam trong một này gần đây.

QUẬN CAM

Lưu Văn Vịnh ra mắt thơ và nói chuyện Địa Lý

Chiều Chủ Nhật 3 tháng Năm 1998, dược sĩ Lưu Văn Vịnh đã từ miền Bắc Cali xuống Little Saigon để ra mắt tập thơ mới in *Lửa Đốt Hư Vô*, và nói chuyện về đề tài "Từ địa lý đến địa chính Việt Nam." Buổi ra mắt và nói chuyện được tổ chức tại phòng hội của nha sĩ Phạm Đình Tuân trên đường Bolsa, Westminster.

Nhà thơ Thái Anh Duy làm công việc giới thiệu tập thơ, phân tích con người và cảm hứng thi ca của tác giả, một con người đam mê và lãng mạn, để cảm xúc đi ngược dĩ vãng đến ngàn năm, đi từ cõi Âm tới cõi Trần, lên thẳng cõi Tiên, và rồi lại về chỗ ẩn náu thường trực là ánh mắt giai nhân, phổ ra thành lời thơ mạnh mẽ cuồng nhiệt. Nhưng diễn giả lại không tìm thấy trong tập thơ này điều mình

trông đợi, là tình tự dân tộc, vì ông biết nhà thơ rất nặng lòng với những huyền thoại Tiên Rồng, động Đình Hồ, núi Tản, sông Đà...

Nhưng tình tự ấy, Lưu Văn Vịnh lại phát biểu một chỗ khác, trong bài nói chuyện về địa lý của ông. Rõ ràng ông nghiên cứu khoa địa lý vì ông vô cùng yêu thương đất nước Việt Nam của ông, ông tìm trong khoa này những hy vọng, những sức mạnh mà đất đai sông núi có thể đem lại cho dân tộc, cũng như lý giải những khổ đau mà dân tộc đã phải gánh chịu. Ông trình bày đặc tính Trung Đạo Khí của phong thủy châu thổ (các sông) Mã, Hồng, Đà ở Bắc Việt, Uy Dũng Khí của địa lý vùng Hồng Lĩnh Trường Sơn, Tâm Đạo Khí của phong thủy đại địa Cửu Long; về phong thủy và việc mở nước dựng đô; điểm qua các nhà phong thủy Việt Nam từ thời tự chủ đến nay, kể cả Cao Biền và Hoàng Phúc từ bên Tàu sang. Tất cả nghiên cứu của ông để đi đến kết luận: đất Việt Nam có long mạch của một đại địa, nhưng có một khuyết điểm là hình thể nước gầy quá. Nếu có hình thể phình to thêm về phía tây đến con sông Cửu Long và Biển Hồ thì sẽ là rất lý tưởng cho một quốc gia, dưới con mắt của khoa Địa Lý.

PARIS

Ra mắt thi tập "Đỉnh Mây Qua" của Trần Thiện Hiệp

Tại thính đường thư viện Institut de l'Asie du Sud-Est thuộc quận Năm Paris, các thân hữu của nhà thơ Trần Thiện Hiệp (từ Mỹ sang) đã tổ chức một buổi ra mắt tập thơ "Đỉnh Mây Qua" của ông vào chiều ngày Chủ nhật 12-4-1998. Trong số người tham dự, giới cầm bút có nhà văn Hồ Trường An, nhà văn Trần Cẩn Trọng, các nhà thơ Đỗ Bình, Hoàng Minh Tâm, Huyền Mi, Thụy Khanh, Bích Xuân v.v..., đặc biệt có sự tham dự của cựu Trung tướng Trần Văn Trung, và các hội viên của Hội Liên Trường. Nhà văn Hồ Trường An, nữ giáo sư Nguyễn Thị Hoàng và tiến sĩ Vĩnh Đào đã nhận xét về tác phẩm và thi pháp của nhà thơ. Về tài làm thơ của Trần Thiện Hiệp, Hồ Trường An đã nói: *"Trần Thiện Hiệp ngoáy bút ra thơ, thở ra thơ, ho ra thơ và ngáp cũng ra thơ. Vì sao? Vì thơ thấm nhuần từng sớ tim anh, từng tế bào trong màn óc anh, thấm nhuần vào từng hồng huyết cầu luân lưu trong huyết quản anh..."*

Buổi ra mắt thơ kết thúc bằng một chương trình văn nghệ thơ nhạc phong phú được các nghệ sĩ ở Paris như các nghệ sĩ tại Paris như Bích Xuân, Bảo Hồ, Thúy Hằng... thực hiện, với sự đóng góp giọng ngâm cũng như giọng hát của Lệ Hiền, tức bà Trần Thiện Hiệp từ Mỹ sang. (theo Đào Huy Đán)

QUẬN CAM

Golden West College đã bắt đầu dạy nhạc Việt Nam

Phân khoa Piano của Golden West College đã chính thức dạy nhạc Việt Nam do nhà soạn nhạc Lê Văn Khoa viết cho Piano. Phản ứng chung trước việc giới thiệu nhạc Việt Nam vào học trình được xem là thuận lợi. Giáo sư thích vì nhạc viết rõ ràng dễ hiểu, dễ dạy, có phần đàn phụ của giáo sư, làm cho những bài nhạc đơn sơ lớp sơ cấp trở nên phong phú hấp dẫn. Sinh viên thích vì nét nhạc mới lạ, tình tứ và quyến rũ, nhất là được viết vừa trình độ họ đang học. Từ nay những bài sinh viên phải đàn xong để được điểm cuối niên khóa, có nhạc Việt Nam.

Trong những ngày cuối niên học này, sinh viên đang ráo riết tập đàn dưới sự hướng dẫn của tiến sĩ Deborah Rosen. Lớp Sơ cấp II đang tập bài "Làng Tôi" của Chung Quân do Lê Văn Khoa viết cho Piano. Lớp Trung cấp say mê theo nét nhạc bản "Remembrance" của Lê Văn Khoa.

Tập nhạc piano Việt Nam do nhạc sĩ Lê Văn Khoa soạn cho các lớp Sơ cấp I, Sơ cấp II, Trung cấp I, Trung cấp II đã hoàn tất. Các giáo sư muốn khai triển thêm, đã đề nghị nhạc sĩ Lê Văn Khoa viết nhạc cho trình độ cao hơn.

Golden West College đã dẫn đầu trong việc dùng nhạc Việt vào học trình của trường. Đối với nền nhạc Việt Nam, đây là bước tiến quan trọng: một trường Đại học Hoa Kỳ đã chính thức có sách giáo khoa về nhạc Việt, và người không phải là người Việt Nam bắt đầu làm quen với nhạc Việt qua đường học vấn.

QUẬN CAM

Hội Bonsai Việt triển lãm cây cảnh

Ngày 18 tháng Tư 1998, tại hội quán Lạc Hồng, Garden Grove, đã khai mạc cuộc triển lãm cây cảnh của hội Bonsai Việt. Bonsai là nghệ thuật trồng cây cảnh thu nhỏ. Hội Bonsai Việt hoạt động đã chín năm, đây là lần đầu tiên Hội quyết định thực hiện một cuộc triển lãm các công trình của hội viên, để giới thiệu nghệ thuật Bonsai Việt Nam với người Việt và

các cộng đồng bạn.

Theo ông Cao Thu Chủ tịch hội, người Việt Nam đã có truyền thống chơi cây cảnh từ xưa. Khắp các địa phương trong nước, người dân Việt uốn nắn cây cảnh theo ý nguyện, sở thích riêng, nhưng tựu trung người Việt chơi cây cảnh thường có khuynh hướng gửi gắm tâm tư, ước nguyện của mình vào cây cảnh. Với vốn liếng nghệ thuật ấy, người Việt đã đến với môn Bonsai, đã học hỏi các nghệ nhân danh tiếng của các quốc gia bạn như Nhật Bản, Trung Quốc, và môn này ngày càng phát triển mạnh.

Ngoài phần trưng bày hơn 50 tác phẩm cây cảnh Bonsai, ban tổ chức còn thực hiện bốn buổi biểu diễn phương thức cắt tỉa, uốn nắn, tạo hình một số cây tùng Cali trong hai ngày 18 và 19-4-1998.

QUẬN CAM

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền nói về "Bình minh của nền tân nhạc Việt Nam"

Một số thân hữu và văn nghệ sĩ đã đến phòng hội của VAALA để nghe nhạc sĩ Nguyễn Hiền nói chuyện về sinh hoạt âm nhạc Việt Nam vào thời kỳ phôi thai. Buổi này do Hội VAALA và nhóm Diễn Đàn Nhân Văn tổ chức vào chiều Chủ Nhật 10 tháng Năm 1998.

Nhà văn Phạm Quốc Bảo đại diện ban tổ chức giới thiệu nhạc sĩ Nguyễn Hiền như là một nhạc sĩ đã hiện diện từ thời bình minh của nền âm nhạc Việt Nam khoảng giữa thập niên 1930 cho đến trước thời kháng chiến 1945.

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền với trí nhớ rất tinh tường và phong phú đã kể lại chi tiết các thể loại liên quan đến âm nhạc từ sáng tác, trình diễn cho đến điều khiển. Nhạc sĩ Nguyễn Hiền kể lại vào thời của ông đi vào nghiên cứu âm nhạc thì có nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát cũng làm việc này từ trước. Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát là một nhạc sĩ có công ghi lại những bài hát cổ Việt Nam như hát Á Đào bằng ký âm pháp.

Thuở bình minh của âm nhạc Việt Nam, theo nhạc sĩ Nguyễn Hiền, có thể lấy một cái dấu mốc vào khoảng giữa thập niên 1930. Trước thời điểm đó Việt Nam chỉ có hát dân gian theo các điệu Lưu Thủy, Hành Vân, Bình Bán, Cò Lả... Rồi thì bắt đầu có những bài hát gọi là cải cách, theo nhạc Pháp. Đến năm 1935 mới thấy xuất hiện lần đầu tiên những bản nhạc Việt Nam do nhạc sĩ Việt Nam sáng tác như bản Có Ai Sang Đò của nhạc sĩ Thẩm Oánh, bản Tâm Hồn Anh Tìm Em của nhạc sĩ Dương Thiệu Tước, Mùa Thu Trên Đảo Kinh Châu của nhạc sĩ Lê Thương, rồi đến Biệt Ly của Dzoãn Mẫn...

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền

Đến đầu thập niên 1940 thì nhạc sĩ Hoàng Qúy đã đưa ra một loại nhạc dành cho hướng đạo như các bản Tiếng Chim Gọi Đàn, Bóng Cờ Lau... rồi những năm kế tiếp là những bản như Bạch Đằng Giang, Gò Đống Đa, Kinh Cầu Nguyện, sửa soạn cho loại nhạc kháng chiến nở rộ kể từ 1945 trở đi.

Đáp lại một câu hỏi của một khán giả tham dự về những người trình diễn nổi tiếng vào thời kỳ bình minh của nền âm nhạc Việt Nam, nhạc sĩ Nguyễn Hiền đã nhắc lại những danh ca như Kim Tiêu có giọng hát tuyệt vời đã mất tích từ sau 1945, ca sĩ kiêm nhạc sĩ Bùi Công Kỳ, có giọng Tenor nổi tiếng và cũng là một nghệ sĩ hát rong trước thời của Phạm Duy một ít lâu. Nữ ca sĩ Thương Huyền, Mai Khanh...

Về nhạc sĩ trình diễn vào thời này đã thấy xuất hiện nhạc sĩ Đỗ Thế Phiệt, cự phách về vĩ cầm, Lương Ngọc Châu, vĩ cầm, Tạ Phước Cello, Đặng Văn Vinh, vĩ cầm, Nguyễn Văn Hiếu, dương cầm, Vũ Anh Thường, dương cầm, Nguyễn Đình Phúc, cello và cũng là tác giả bản nhạc nổi tiếng Cô Lái Đò.

Tại Sài Gòn thì có ban nhạc Lê Văn An, ban nhạc Charles Thu tức Võ Đức Thu đã nổi tiếng trong cũng thời gian này. (Anh Thành)●

PHẠM XUÂN ĐÀI

Hành Trình Nhật Ký

ký sự du lịch của **Phạm Quỳnh**, Ý Việt xuất bản, 564 trang, giá US$18.00. Liên lạc: Ý Việt, 45 Ave. Général Leclerc, 91330 Yerres, France.

Phạm Quỳnh đã viết các du ký *Mười Ngày Ở Huế, Một Tháng Ở Nam Kỳ* và *Pháp Du Hành Trình Nhật Ký* đăng trên tạp chí Nam Phong từ năm 1918 đến năm 1922, nay được gia đình tập hợp lại in chung trong một cuốn lấy tên *Hành Trình Nhật Ký*.

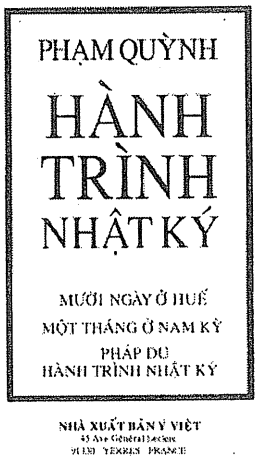

Có thể nói Phạm Quỳnh là người viết ký sự hay nhất Việt Nam từ xưa đến giờ. Ông có đủ điều kiện để đạt danh vị ấy: kiến thức rất rộng, có văn tài, quan sát tinh tế, cảm thụ bén nhạy, và lại có lòng ham muốn tìm hiểu, học hỏi. Đã tám mươi năm qua, bây giờ đọc lại các du ký của ông vẫn thấy thâm trầm thú vị. Mặc dù một số từ Hán Việt ông dùng thời ấy nay không thường dùng nữa, và văn cách so với nay thì hơi xưa xưa, nhưng tác phẩm ông vẫn rất gần với thời nay. Đọc ông ta cảm thấy trong văn ông có một nội lực thâm hậu không phai nhạt với thời gian, vì ông lấy ý tứ thâm sâu phong phú chứ không phải sự hoa mỹ làm chính.

Ông có tài tả cảnh tả người linh động không cần nhiều lời, nhưng những đoạn nghị luận của ông mới thật tuyệt hay. Ông không biện thuyết dài dòng, những điều ông viết ra đều đã được nghiền ngẫm phối hợp rất kỹ hai yếu tố lý thuyết và thực tế nên bao giờ cũng dễ hiểu và đầy thuyết phục. Văn ông cũng chứa đựng ý chí và tâm sự của ông, đó là lòng yêu nước, lúc nào ông cũng lo nghĩ đến tương lai của dân tộc. Những chuyện khiến ông lo nghĩ hồi đó, làm sao cho dân tộc được tiến bộ, lạ thay, vẫn không xa với những vấn đề bức thiết của Việt Nam hôm nay.

Trong thời gian ở Pháp năm 1922, ông đã được mời diễn thuyết tại nhiều nơi ở Paris, trong đó có Hàn Lâm Viện Pháp. Nơi đâu ông cũng cố đưa ra những nét đẹp cổ truyền của văn hóa Việt Nam, hoặc những nhu cầu cấp thiết cho tương lai dân Việt. Hãy đọc một đoạn trong *Pháp Du* để thấy tấm lòng cùng cái khó khăn trong vai trò sứ giả vừa chính trị vừa văn hóa của ông: *"Hôm nay ở nhà trọ, viết nốt bài diễn thuyết cho trường Thuộc địa. Bài này nghĩ đã mấy tuần nay, thảo cũng được khá rồi. Muốn nói rõ về cái tình cảnh nước Nam ta về đường tinh thần thế nào. Đề là "Sự tiến hóa của dân An Nam từ khi đặt Bảo hộ Pháp." Trị cái đề này cho cứng và cho ổn cũng khó thật; khó là muốn cho vừa cứng mà vừa ổn. Nếu ổn quá thì thành ra nịnh, mà nịnh thì mình không mặt mũi nào; mà nếu cứng quá tất sẵng, mà sẵng cũng không xong. Thật là một sự khổ tâm. Phải xoay làm sao cho êm thấm mà không hại đến cái chí bình sinh của mình. Khó, khó quá!...*

Trong chuyến thăm Huế năm 1918 dự lễ tế Nam Giao, ông đã viết một ký sự về diễn tiến và ý nghĩa của lễ ấy. Bài báo ấy ngày nay thành một tài liệu rất quý để hậu sinh biết được một sinh hoạt tinh thần của đất nước. Nhưng không ngờ chính ông và cái đàn Nam Giao đều là nạn nhân của cộng sản: chúng đã giết ông năm 1945 và phá đàn Nam Giao sau 1975. Đàn Nam Giao, một kiến trúc cổ quý giá vào bậc nhất của nước ta còn lại nguyên vẹn sau chiến tranh. Và Phạm Quỳnh, nhà văn hóa lớn của Việt Nam, mà ngày nay đọc lại tác phẩm của ông, chúng ta không ai có thể nghi ngờ tấm lòng yêu nước và những đóng góp của ông cho đất nước.

Đá Mục

truyện của **Thảo Trường**, Đồng Tháp xuất bản, Văn Nghệ phát hành, 152 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Đồng Tháp, P.O. Box 2054-J45, Westminster, CA 92683, USA.

Phần truyện *Đá Mục* chiếm 113 trang, phần còn lại của cuốn sách là bài phỏng vấn của Nguyễn Mạnh Trinh với tác giả, đã đăng trên báo *Văn* hồi cuối năm 1996. Với số trang ấy thì *Đá Mục* là một *truyện vừa*, không ngắn không dài.

Câu chuyện của một nhân vật được tác giả gọi là "ông lão," đang sống tại Hoa Kỳ với gia đình — vợ, con, cháu nội — , được kể với một giọng đặc biệt trầm tĩnh, các hình ảnh hoặc biến cố chợt biến chợt hiện từ thời hiện tại về thời quá khứ, hoặc đang từ Hoa Kỳ chuyển sang một nơi nào đấy của Việt Nam. Đó là các đặc điểm của người già: sự từng trải khiến người ta nhìn sự việc tỉnh táo, thấy mọi chuyện, dù một thời có thể sôi nổi gay cấn, rốt cục chẳng có gì đáng ồn ào. Và màn ảnh ý thức của người già vẫn thường hay xuất hiện bất chợt các hình ảnh của quá khứ.

Thay vào sự ồn ào của tuổi trẻ, tuổi già có sự thâm trầm, và đó là điều sung sướng thú vị nhất cho người đọc *Đá Mục*. Ông lão hiền hậu, kể chuyện nay, nhớ chuyện xưa, lúc nào cũng pha một chút dí dỏm trên cái nền từng trải khôn ngoan, lượt bỏ hết những hoa lá cành thừa thãi để chỉ còn những gì rõ nét, vừa làm cho câu chuyện gọn, rõ, vừa làm nổi lên nghệ thuật viết văn cô đọng. Trong cái cô đọng của việc, của ý và của lời, hình như đã thấp thoáng cả sự minh triết được chiết xuất từ các nghiền ngẫm về sự đời. Một người bạn của tác giả đã nhận xét về tác phẩm của ông hôm nay: *"Ngày xưa anh sản xuất rượu bia, ngày nay anh nấu rượu mạnh."*

Sợ Lửa và Hồ Thùy Dương
(Truyện Cổ Tích tập I)

tập truyện của **Doãn Quốc Sỹ**, Văn Hóa xuất bản 1998, 293 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Văn Hóa, 2606 Main St # 112, Houston, TX 77002, USA. Tel: (713) 528-2606.

Cuốn *Sợ Lửa* của Doãn Quốc Sỹ xuất bản lần đầu vào năm 1956 tại Sài Gòn, và cuốn *Hồ Thùy Dương*, năm 1960. Nay trong chương trình in lại "Doãn Quốc Sỹ Toàn Tập" do nhà xuất bản Văn Hóa ở Houston đảm nhiệm, tất cả tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ sẽ lần lượt được tái bản trong ba năm cuối của thế kỷ này. Truyện *Cổ Tích tập I* này ra đời đầu tiên với *Sợ Lửa* và *Hồ Thùy Dương* gộp chung thành một quyển.

Sách gồm 12 truyện, bảy từ *Sợ Lửa* và năm từ *Hồ Thùy Dương*, không kể một Lời Đề Từ của Nguyễn Sỹ Tế và một bài thơ của Thanh Tâm Tuyền để thay Lời Bạt. Như tính chất chung của truyện cổ tích cổ điển, "truyện cổ tích" của Doãn Quốc Sỹ ẩn những lời khuyên về đạo đức. Nhưng đây không chỉ là loại đạo đức đơn sơ nặng tính thực dụng theo kiểu "ở hiền gặp lành," mà đi sâu đi xa hơn về trạng thái tĩnh lặng và trong suốt của tâm thức như lý tưởng về Đạo của Đông phương. Đó là đạo đức tột cùng, đích thực. Nhưng người tinh ý sẽ nhận thấy tính cách ngụ ngôn của các truyện cổ tích ấy nữa: đó là sự báo động các nguy cơ của chủ nghĩa cộng sản đang và sẽ gây cho con người và xã hội. Nếu *Trại Loài Vật* của O. Well kể chuyện các loài thú để mô tả một cách châm biếm xã hội cộng sản, thì những truyện như *Hồ Thùy Dương* hay *Con Thuyền Ma* dùng những hình ảnh lãng mạn của cổ tích, với một giọng kể êm đềm nhân hậu, để cảnh giác tính cách man trá, nguy hiểm của chủ nghĩa duy vật độc tài rời xa nhân tính. Xuất hiện ngay từ đầu cuộc chiến chống sự xâm lăng của Cộng sản vào miền Nam như một tiên tri (*Con sói đã khiến lũ trẻ quay cuồng theo lũ bộ hạ của nó để lũ trẻ không kịp nhận ra cha mẹ*), truyện cổ tích của Doãn Quốc Sỹ luôn luôn mở cái cửa nhân ái như một lối thoát cho tất cả mọi bế tắc con người đã gây ra cho mình (*Tự nguyện từ nay ngài chân thành chỉ biết tuân theo lời dạy của lương tri để cởi mở hết mọi giây oan khiên*).

Cổ tích của Doãn Quốc Sỹ là cổ tích để đọc chứ không phải để kể. Truyện kể quyến rũ bởi tình tiết, truyện Doãn Quốc Sỹ là truyện văn học, các tinh tế của chữ nghĩa, vốn không thể diễn bằng lời nói, sẽ tác dụng rất lớn đối với người thưởng thức cổ tích.

Quan Điểm Về Ăn Chay Của Đạo Phật

biên khảo của *Tâm Diệu*, Hoa Sen xuất bản, 174 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Hoa Sen, 1124 E. Davis Way, Placentia, CA 92870, USA.

Không riêng người theo đạo Phật, ngày nay

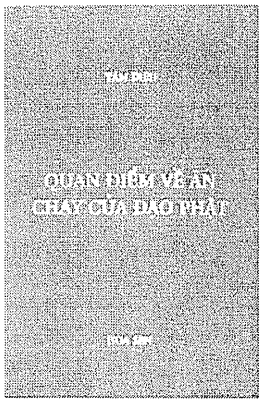

người Tây phương ăn chay cũng rất đông. Họ ăn chay trước hết vì sức khỏe, vì càng ngày khoa học càng nhìn ra sự liên quan mật thiết giữa việc ăn thịt với các chứng bịnh lan tràn như bịnh tim, tai biến mạch máu não, ung thư..., chưa kể các chứng truyền nhiễm gây ra bởi rất nhiều chất độc hại còn đọng lại trong các giống thịt chăn nuôi công nghệ như vi khuẩn, ký sinh trùng, các cặn bã của thuốc thú y, các chất hóa học,.. Nền chăn nuôi công nghệ cũng đang có tác động rất xấu đến môi trường sống của con người, và đã dùng quá nhiều sản phẩm nông nghiệp và các tài nguyên khác để phục vụ cho nó.

Tác giả đã đưa ra tình hình hiện tại như thế để dẫn nhập vào quan niệm ăn chay của Phật giáo: mỗi cá thể chúng sinh đều đồng có Phật tánh, đều có khả năng giác ngộ thành Phật, do đó có đặc tính bình đẳng, người Phật tử không những không sát hại chúng sinh, mà còn phải tôn trọng và bảo vệ. Hủy hoại đời sống của các loài hữu tình chúng sinh khác để nuôi mạng sống của mình là trái với lòng từ bi, trái với đạo lý con người và luật thiên nhiên vũ trụ.

Có vẻ các nguyên tác ấy ngày càng bị con người phá vỡ trầm trọng, và cả trái đất đang nhận lãnh hậu quả. Cuốn sách này là một lời kêu gọi mọi người nên ăn chay, một công việc rất có ích cho bản thân mỗi người, cho môi sinh, và cho tương lai con cháu.

Tự Học Trình Bày Trang Web

biên khảo của **Vũ Quốc Dũng**, VNI xuất bản, 588 trang, giá US$49.95. Liên lạc: VNI, 15103 Moran St. Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 891-7656.

Cách đây hơn 30 năm, nhà khoa học điện toán Ted Nelson đã có một giấc mơ trong một bài viết có tựa đề "Những giấc mơ của máy điện toán" (Computer dreams): thế giới rồi đây sẽ có những chiếc máy điện toán có cái nhìn và suy nghĩ như con người, và cũng sẽ có một loại "siêu văn bản," trong đó có thể gồm có chữ, hình ảnh hay âm thanh, và có thể tham chiếu rộng với các văn bản khác. Khái niệm "siêu văn bản" này đã được một kỹ sư người Anh bắt tay thực hiện bằng điện toán năm 1980, và 10 năm sau, ông cùng với ông Robert Cailiau đưa ra đề án thiết lập World Wide Web (Mạng lưới thông tin toàn cầu), biến giấc mơ năm 1965 của Ted Nelson thành sự thật. Thoạt đầu WWW chỉ để cho các nhà khoa học tra cứu, trao đổi tài liệu, sau trở thành thịnh hành, và vào năm 1995 thì phổ biến rộng rãi trên toàn thế giới.

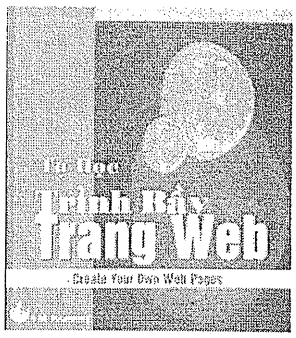

Ngày nay WWW đã trở thành phương tiện cho mỗi người để có thể diễn đạt tư tưởng của mình đến hàng triệu người trên toàn cầu. Các công ty, hãng xưởng, chính phủ cũng nhanh chóng vận dụng phương tiện truyền thông rẻ tiền nhưng nhanh chóng và có tầm vóc rộng lớn này. Chỉ với một chiếc máy điện toán, một cái điện thoại và một số kiến thức "tạo trang Web," mỗi người đều có thể tự trang bị cho mình phương tiện để quảng bá tư tưởng, tìm việc làm, quảng cáo sản phẩm hay dịch vụ của mình, tham khảo ý kiến của người khác, mua và bán hàng...

Cuốn sách khá đồ sộ *Tự Học Trình Bày Trang Web* này là để giúp cho độc giả đọc tiếng Việt "một số kiến thức 'tạo trang Web'" như đã nói ở trên. Tác giả Vũ Quốc Dũng là một chuyên viên điện toán đã tốt nghiệp Cao học ngành Điện Toán tại Đại Học California State University, Fullerton (CSFU), đã hoạt động nhiều năm trong ngành điện toán, hiện ông đang làm việc cho quận Los Angeles, giữ chức vụ System Analyst, chịu trách nhiệm thiết kế các chương trình điện toán ứng dụng. Gần đây ông đã xuất bản cuốn *Cẩm Nang Lên Lưới Internet*, giúp ích rất nhiều người tự tìm hiểu để đi vào ngành truyền thông mới mẻ này.

Khí Công, Phương Pháp Dưỡng Sinh Và Trường Thọ

biên khảo của hai bác sĩ **Trần Huỳnh Huệ** và **Nguyễn Xuân Hùng**, tác giả xuất bản, 153 trang, giá US$13.00. Liên lạc: Dr Trần Huỳnh Huệ, 3, rue du Coteau, 92370, Chaville, France. Tel: 01 39 50 49 13. Nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành tại Mỹ, Tel: (714) 527-5761.

Cùng ở trong Hội Nghiên Cứu Đông Y ARMA, Paris, hai bác sĩ Trần Huỳnh Huệ và Nguyễn Xuân Hùng đã xuất bản sách này hai lần tại Pháp vào năm 1995 và 1997. Đây là lần đầu tiên sách được in tại Mỹ.

Theo các tác giả, "sinh khí" cũng giống như cái bình điện xe hơi. Nếu bình hết điện thì dù máy móc còn mới, xe cũng không thể chạy được. Khí chính là động cơ của sự sống, khi khí bị hao tổn thì các chức năng của cơ thể sẽ bị đình trệ, xáo trộn, rồi các thương tích bắt đầu xuất hiện, dẫn đến tê liệt, và cuối cùng dẫn đến cái chết. Muốn khí cường tráng thì phải tập *khí công*. Đó là một môn tập đã có từ lâu đời ở Trung Quốc, mà ngày nay các nước phương Tây bắt đầu áp dụng vì những lợi ích của nó. Trong sách này, các tác giả trình bày một cách cô đọng, giản dị những cơ sở lý thuyết của khí công học, sau đó là phần thực hành, hướng dẫn cụ thể vừa bằng giảng giải, vừa bằng hình ảnh để người đọc có thể tập khí công trong đời sống hàng ngày.

Tác dụng của khí công trên cơ thể thật là rộng lớn, từ cơ thể lành mạnh đến cơ thể bệnh tật, từ tuổi trẻ đến tuổi già. Trên cơ thể lành mạnh, khí công có khả năng tăng cường khí lượng của các tạng phủ, bồi bổ sinh lực. Đối với người bệnh, khí công có khả năng trị liệu rất mạnh, từ những bệnh thông thường đến những bệnh ngặt nghèo. Các tác giả hy vọng cuốn sách sẽ đem lại cho người đọc những tinh hoa của kiến thức Á Đông, một phương pháp tập luyện đơn giản mà hợp với thiên nhiên, có khả năng mang lại sức khỏe, niềm vui về thể xác và tinh thần cho mỗi người. *Nhờ sự luyện tập này, con người thoát ra khỏi những biến động dữ dội và phức tạp của đời sống hiện đại, được trở về với cuộc sống hồn nhiên của trẻ thơ, tìm được tuổi trẻ và sức mạnh, thoải mái và hạnh phúc...*

Sài Gòn, Em Vẫn Còn Đây

CD ca khúc của Trần Chí Phúc. Tác giả tự thực hiện, Kim Lợi Productions đại diện phát hành. Liên lạc: Trần Chí Phúc, điện thoại (408) 223-1864, USA.

Mười ca khúc của Trần Chí Phúc được thực hiện trong một CD để chào mừng sinh nhật Saigon 300 tuổi. Những giọng ca quen thuộc: Như Mai, Quỳnh Hương, Mỹ Huyền, Anh Dũng, Johnny Dũng và chính tác giả cất tiếng hát những bài hát được viết trong một quãng dài thời gian gần 20 năm. Trăn trở, yêu thương, tiếc nuối và cả hy vọng về một vùng đất quê hương là Sài Gòn, đã quấn quít, đeo đẳng Trần Chí Phúc bao năm tháng không rời. Sài Gòn trở thành một phần đời sống của riêng chàng nhạc sĩ vốn sinh ra tại vùng Tháp Nhạn, Sông Cầu ấy. Bảy trên mười ca khúc, trong CD *Sài Gòn Em Vẫn Còn Đây,* nhắc nhớ Sài Gòn. Từ Sàigòn Em Ở Đó (1980) đến Sàigòn Em Vẫn Còn Đây (1998), ca từ có thay đổi, nhưng hồn thanh âm vẫn mang mang nỗi nhớ nguyên sơ. Với Trần Chí Phúc, Sài Gòn có hình hài, có linh hồn, có sự sống. Như, Mai Hân thủ thỉ: *...Anh yêu Em nên yêu Sàigòn, cám ơn thành phố đã cho Anh gặp Em...vẫn mơ một ngày thành phố hồi sinh với tên Sài Gòn yêu dấu... (Ngô Mạnh Thu)*

Ý Nhạc Chiều

CD 10 ca khúc do Mỹ Thúy hát và tự sản xuất, phát hành tháng Tư năm 1998. Liên lạc: Mỹ Thúy, điện thoại (714) 895-9670 USA.

CD ca nhạc đầu tiên của Mỹ Thúy thực hiện hát một mình tại hải ngoại. Mười ca khúc của các nhạc sĩ Phạm Duy, Nguyễn Hiền, Tuấn Khanh, Thanh Tùng... được Mỹ Thúy hát với tất cả niềm say mê và cảm xúc. Người nữ xướng ngôn viên khả ái với giọng phát âm chuẩn mực của đài truyền hình Sài Gòn trước 1975, cô ca sĩ học trò trong các sinh hoạt phong trào thanh niên cuối thập niên 1960 là Mỹ Thúy, vẫn còn nguyên dáng nét xưa cho dù thời gian thay đổi. Ý Nhạc Chiều, Trở Về Mái Nhà Xưa, Nỗi Niềm, Dư Âm, Xóm Đêm... được cách điệu, làm mới bằng hòa âm, phối nhạc, đã nâng cao cảm xúc diễn âm của Mỹ Thúy. Nghe CD *Ý Nhạc Chiều* để tìm về một thuở thanh xuân, một miền kỷ niệm, với hình ảnh người xưa, với thời gian tưởng quên vừa được đánh thức. (Ngô Mạnh Thu)●

Xin tìm nghe dĩa nhạc dân ca Việt Nam

Hò Khoan Lệ Thủy

Qua cầu gió bay * Lý ngựa ô * Cây trúc xinh * Hò khoan Lệ Thủy * Lý chiều chiều * Cò lả * Lý bằng răng * Hoa thơm bướm lượn * Ru con * Lý thiên thai * Duyên phận phải chiều * Chặt gỗ đóng thuyền

với

NGUYỄN THÀNH VÂN

và

QUỲNH GIAO, THU TÂM, BÍCH LIÊN, LINH SƠN, NGỌC SƯƠNG, THANH HẰNG & BAN THIẾU NHI NGÀN KHƠI

hòa âm

MARK KNOX

Thâu thanh tại
San Francisco, Orange County và Philadelphia

Có kèm theo một tập sách 8 trang với phần dẫn giải và lời bài hát, bằng hai thứ tiếng Việt và Anh

Có bán tại các tiệm sách và băng nhạc

LIÊN LẠC: **14265 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92843 . Tel: 714-531-2773**
42 Castro Street #6, San Francisco, CA 94114 . Tel: 415-621-3215
Email: vann@cgl.ucsf.edu
Web: http://www.vannguyen-music.com

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethehs, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949
(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* GIẢI PHẪU
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI (Endoscopie plastic surgery)
  - Sữa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* TIA LASER:
  - Xóa nếp nhăn trên mắt
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* HÚT MỠ:
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* Cấy tóc.
* Chích Mỡ
* Chữa trị các hình thức Silicone.
* Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

CHUYÊN MÔN:

* Facial
* Lột da mặt
* Dầu thơm Pháp
* Dưỡng Da
* Xâm Thẩm Mỹ
* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Trang điểm cô dâu, dạ hội
* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.
* Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

Bp: (714) 218-6262

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

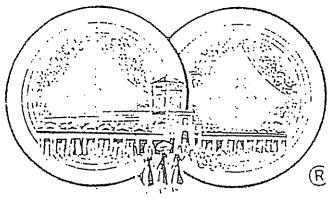

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

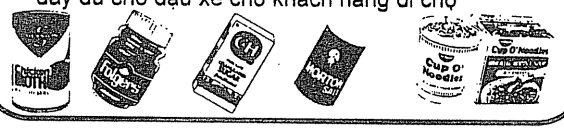

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME
ATM

California Lotto
LOTTO
California Lotto
DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

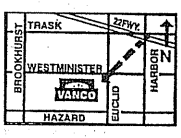

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999
MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Bolsa Medical Center

Bolsa Medical Group

Thuộc nhóm Y Tế AMVI Medical Group

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-2091
Fax: (714) 531-7926

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- **Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.**
- **Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê và bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.**

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già...
* **Chuyên Trị:** Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe
Chương trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2 PM - 3 PM trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

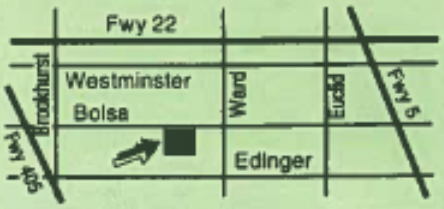

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM
Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet.

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim